

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**ĐẶNG THỊ LAN**

**DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ QUAN HỌ CHO SINH VIÊN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC  
KHÓA: 1 (2015 - 2018)**

**Hà Nội, 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**ĐẶNG THỊ LAN**

**DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ QUAN HỌ CHO SINH VIÊN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC  
Mã số: 9140111**

**Người hướng dẫn khoa học: PSG. TS Nguyễn Thị Tố Mai**

**Hà Nội, 2020**



## **LỜI CAM ĐOAN**

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tác giả. Các kết quả nghiên cứu và những kết luận trong luận án này là trung thực, không sao chép từ bất kì một nguồn nào và dưới bất kì hình thức nào. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được thực hiện trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo đúng quy định.

**Tác giả luận án**

**Đặng Thị Lan**

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ được viết tắt
1	ĐC	Đối chứng
2	ĐHSP	Đại học sư phạm
3	GS	Giáo sư
4	GV	Giảng viên
5	NCS	Nghiên cứu sinh
6	Nxb	Nhà xuất bản
7	PGS	Phó giáo sư
8	PPDH	Phương pháp dạy học
9	SV	Sinh viên
10	TN	Thực nghiệm
11	TS	Tiến sĩ
12	TSKH	Tiến sĩ Khoa học

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA DẠY HỌC HÁT CHÈO, HÁT QUAN HỌ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC.....	7
1.1. Tổng quan nghiên cứu về Chèo và Quan họ.....	7
1.1.1. Nghiên cứu về Chèo.....	7
1.1.2. Nghiên cứu về Quan họ.....	13
1.1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu về Chèo và Quan họ.....	18
1.1.4. Hướng nghiên cứu và cơ sở lý thuyết.....	20
1.2. Cơ sở lý luận của dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc.....	23
1.2.1. Khái niệm, thuật ngữ.....	23
1.2.2. Cơ sở lý luận của dạy học hát Chèo và hát Quan họ.....	32
1.2.3. Đặc điểm âm nhạc, lời ca của Chèo.....	37
1.2.4. Đặc điểm âm nhạc, lời ca của Quan họ.....	47
Tiểu kết.....	54
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ.....	55
2.1. Kỹ thuật cơ bản của hát Chèo và hát Quan họ.....	55
2.1.1. Khẩu hình.....	55
2.1.2. Vị trí âm thanh.....	57
2.1.3. Hơi thở.....	59
2.1.4. Phát âm - nhả chữ.....	61
2.1.5. Luyện chữ.....	64
2.1.6. Xử lý thanh điệu.....	67
2.2. Kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo và hát Quan họ.....	69
2.2.1. Kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo.....	69
2.2.2. Kỹ thuật đặc trưng của hát Quan họ.....	78
2.3. Tương đồng, khác biệt về kỹ thuật hát của Chèo và Quan họ.....	86
Tiểu kết.....	91
Chương 3: THỰC TRẠNG DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW.....	92
3.1. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW.....	92
3.1.1. Một số nét chung.....	92
3.1.2. Đội ngũ cán bộ giảng viên Khoa Thanh nhạc.....	93
3.2. Môn Dân ca trong đào tạo hệ Đại học sư phạm Âm nhạc.....	94
3.3. Đặc điểm hát dân ca của sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc.....	96

3.3.1. Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi .....	96
3.3.2. Khả năng âm nhạc, hát Chèo và hát Quan họ .....	99
3.4. Thực trạng dạy học hát Chèo và hát Quan họ .....	103
3.4.1. Chương trình môn Dân ca .....	103
3.4.2. Sử dụng tài liệu, giáo trình.....	106
3.4.3. Tình hình dạy của giảng viên .....	107
3.4.4. Tình hình học của sinh viên .....	115
Tiểu kết.....	120
<b>Chương 4: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ</b>	
<b>CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC .....</b>	<b>121</b>
4.1. Định hướng và nguyên tắc đề xuất.....	121
4.1.1. Định hướng đề xuất.....	121
4.1.2. Nguyên tắc đề xuất.....	122
4.2. Phương pháp rèn luyện kĩ năng hát Chèo và hát Quan họ .....	123
4.2.1. Khẩu hình, hơi thở và vị trí âm thanh .....	123
4.2.2. Phát âm - nhả chữ, luyện chữ và xử lí thanh điệu.....	129
4.2.3. Rèn luyện kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo .....	132
4.2.4. Rèn luyện kĩ thuật hát đặc trưng của Quan họ .....	139
4.3. Đổi mới phương pháp dạy học hát Chèo và hát Quan họ .....	145
4.3.1. Kết hợp dạy truyền khẩu với dạy trên bản nhạc kí âm .....	146
4.3.2. Sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực.....	147
4.3.3. Kết hợp kiến thức lí thuyết trong thực hành rèn luyện kĩ năng .....	150
4.3.4. Luyện kĩ năng nghe bằng các hình thức đa dạng .....	151
4.3.5. Thiết lập và sử dụng quy trình dạy học mới trong rèn luyện kĩ năng hát .....	152
4.3.6. Phát huy năng lực tự học và sáng tạo của sinh viên thông qua biểu diễn Chèo, Quan họ trong hoạt động ngoại khóa.....	155
4.3.7. Đổi mới phương pháp đánh giá.....	158
4.4. Thực nghiệm sư phạm.....	161
4.4.1. Mục đích, đối tượng thực nghiệm.....	161
4.4.2. Nội dung, thời gian và chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm.....	162
4.4.3. Tiến hành thực nghiệm sư phạm .....	164
4.4.4. Đánh giá kết quả và kết luận sư phạm sau thực nghiệm.....	166
Tiểu kết.....	170
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>171</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ.....</b>	<b>174</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>175</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>184</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng so sánh sự tương đồng, khác biệt về kỹ thuật hát Chèo với hát Quan họ .....	86
Bảng 3.1: Kết quả khảo sát về khả năng hát Chèo và hát Quan họ .....	102
Bảng 3.2: Kết quả xin ý kiến các chuyên gia về việc sử dụng PPDH hát dân ca (n=30) .....	112
Bảng 3.3: Kết quả điều tra năng lực hát Chèo và hát Quan họ của sinh viên (n=225) .....	118
Bảng 4.1: Phân bậc kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ .....	154
Bảng 4.2: So sánh dạy học hát Chèo, hát Quan họ theo lối dạy cũ và phương pháp do luận án đề xuất .....	160
Bảng 4.3: Tiêu chí đánh giá kỹ năng hát .....	164
Bảng 4.4: Kết quả kiểm tra, đánh giá trước thực nghiệm của hai đối tượng TN và ĐC (n=37) .....	165
Bảng 4.5: Kết quả kiểm tra, đánh giá sau thực nghiệm của nhóm TN và ĐC (n=37) .....	167
Bảng 4.6: So sánh kết quả học hát của hai nhóm trước và sau thực nghiệm .....	168

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 4.1: Kết quả kiểm tra, đánh giá trước thực nghiệm của hai nhóm .....	165
Biểu đồ 4.2: Kết quả kiểm tra, đánh giá sau thực nghiệm của hai nhóm.....	168
Biểu đồ 4.3: So sánh kết quả học hát của hai nhóm thực nghiệm sư phạm.....	169

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Chèo và Quan họ là hai thể loại đặc sắc của âm nhạc cổ truyền Việt Nam, kết tinh truyền thống văn hóa của vùng châu thổ sông Hồng, không chỉ mang những nét đặc trưng về vẻ đẹp của nội dung lời thơ, của giai điệu, mà đặc trưng cả trong lối diễn xướng, trong kỹ thuật hát của người dân nơi đây. Chính cái nét đặc trưng về kỹ thuật hát đã góp phần làm nổi bật lên chất ý nhị, tinh tế của vùng Kinh Bắc trong Quan họ, giúp chúng ta cảm nhận rõ sự thâm thúy, sâu sắc của người dân Bắc Bộ trong Chèo.

Kỹ thuật hát Chèo và Quan họ có nhiều điểm giống nhau. Cả Chèo và Quan họ đều sử dụng cách hát nảy hạt, nhấn ngắt và hát dứt tiếng, ngân rung giọng tạo rền, làm cho câu hát có độ liền hơi, liền giọng... Tuy vậy, ở mỗi một thể loại mức độ xử lý kỹ thuật có phần khác nhau về phát âm, nhả chữ, khẩu hình, vị trí tạo nên âm thanh có âm sắc riêng không giống với thể loại dân ca khác.

Trong xu thế phát triển, hội nhập mạnh mẽ của đất nước hiện nay, việc bảo tồn, phát huy những giá trị của kho tàng âm nhạc cổ truyền Việt Nam nói chung và Chèo, Quan họ nói riêng, đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết cần được giải quyết. Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra nguy cơ như thương mại hóa, tân nhạc hóa... đang làm mai một các giá trị nghệ thuật cổ truyền Việt Nam. Điều này đặt ra cần có những giải pháp nhằm gìn giữ giá trị của nghệ thuật Chèo và Quan họ, cũng như các thể loại âm nhạc cổ truyền khác. Một trong những giải pháp quan trọng là tập trung cho công tác truyền dạy ở các cấp cơ sở với mọi lứa tuổi, đặc biệt là những trường đào tạo giáo viên dạy âm nhạc ở bậc phổ thông và các cơ sở đào tạo diễn viên hát Chèo, hát Quan họ.

Hiện nay ở nước ta, qua khảo cứu tài liệu cho thấy, những công trình nghiên cứu trên phương diện văn hóa học, âm nhạc học như nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển, tên gọi, đặc điểm âm nhạc, thơ ca... của Chèo và Quan họ đã được luận bàn nhiều. Riêng những công trình nghiên cứu chuyên sâu về đặc trưng trong kỹ thuật hát và PPDH hát Chèo, Quan họ cho đến nay vẫn còn là mảng trống, chỉ có một số ít công trình đề cập về cách hát, song cũng chỉ dừng lại ở mức độ giải nghĩa một số đặc trưng hát, mà chưa mang tính hệ thống để chỉ ra kỹ thuật hát đặc trưng của hai

thể loại âm nhạc cổ truyền này. Thiết nghĩ, sự nghiên cứu còn khiêm tốn về những đặc trưng trong kỹ thuật hát Quan họ, Chèo, đặc biệt về phần PPDH, tạo nên những khó khăn nhất định cho các nhà nghiên cứu, người dạy và người học hát dân ca.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW là cơ sở đào tạo SV chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc cho các trường phổ thông trên cả nước. Khi ra trường, SV không chỉ biết dạy môn Âm nhạc, mà có thể còn tham gia biểu diễn, dàn dựng chương trình ngoại khóa, tổ chức hoặc làm giám khảo các cuộc thi hát nói chung và dân ca nói riêng. Trong chương trình đào tạo ngành ĐHSP Âm nhạc có môn Dân ca, trong đó có nội dung dạy học hát Chèo và Quan họ. Việc nắm vững cách hát đặc trưng của Chèo như: *luyến, láy, ngân rung giọng, liền hơi bất lảng, nhấn, ngắt...* và hát Quan họ như: *vang - rền - nền - nảy* là không dễ dàng, đòi hỏi phải có quá trình rèn luyện một cách cẩn thận, tỉ mỉ. Đây là yếu tố cơ bản giúp SV được tiếp cận với cách hát trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Từ đó, SV biết cách thể hiện bản chất của nghệ thuật Chèo và Quan họ, tạo sự chủ động trong học tập và biểu diễn. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của việc dạy học hát dân ca nói chung, dạy học hát Chèo và Quan họ nói riêng ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Là GV trực tiếp giảng dạy môn Dân ca cho SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, NCS nhận thấy, SV thường yêu thích được hát Quan họ, Chèo, một phần vì hai thể loại này có giai điệu hay và cách hát độc đáo, một phần do tính ứng dụng thực tiễn của Chèo và Quan họ luôn là lựa chọn hàng đầu của SV trong chương trình học môn Dân ca, môn Thanh nhạc, cũng như các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường. Dạy học hát dân ca, trong đó có Chèo và Quan họ ở trường những năm qua đã, đang đi vào ổn định và ngày càng hoàn thiện, đổi mới về mọi mặt. Tuy nhiên, NCS đã nhận thấy một số khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình dạy học và kết quả học tập chưa đạt được như mong muốn.

NCS được sinh ra và lớn lên trên quê hương Quan họ, trong gia đình có bốn đời làm nghệ thuật Chèo nên đã được gia đình truyền dạy nhiều lần điệu Chèo cổ từ khi còn nhỏ, bản thân đã có những am hiểu nhất định về Chèo và Quan họ; có khả năng hát và nhận diện, xác định kỹ thuật hát. NCS đã được học hát Quan họ ở Trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật Bắc Ninh, có một thời gian đi biểu diễn



cùng Đoàn dân ca Quan họ. Bên cạnh đó, NCS đã nghiên cứu về Quan họ từ khóa luận tốt nghiệp Đại học và luận văn Thạc sĩ.

Từ thực tiễn dạy học hát dân ca, từ vai trò vị trí của Chèo và Quan họ trong nền âm nhạc truyền thống Việt Nam, với những thuận lợi của bản thân và truyền thống gia đình, với mong muốn được nghiên cứu nghệ thuật Chèo, tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về Quan họ để từ đó có thể góp phần nâng cao chất lượng dạy học hát dân ca cho SV Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi lựa chọn: *Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học Sư phạm Âm nhạc* làm đề tài Luận án Tiến sĩ ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm sáng tỏ phương diện lí luận và thực tiễn, nhận diện các nguyên tắc cơ bản kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ, Luận án hướng tới mục đích đề xuất các PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học hát Chèo và hát Quan họ tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu tổng quan về dạy học hát Chèo và hát Quan họ; giải thích một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đề tài; tìm hiểu cơ sở lí thuyết về dạy học hát dân ca nói chung và dạy học hát Chèo, hát Quan họ nói riêng.

- Tìm hiểu một số đặc điểm của Chèo, Quan họ như: âm nhạc, lời ca, đặc điểm kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ.

- Khảo sát thực trạng dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

- Đề xuất các PPDH hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Các phương pháp dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về địa điểm nghiên cứu: Luận án nghiên cứu thực trạng dạy học hát Chèo, hát Quan họ và tổ chức thực nghiệm các phương pháp được đề xuất cho đối tượng SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

- Quy mô nghiên cứu:

Sở dĩ chúng tôi lựa chọn dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc bởi xét về đặc điểm vùng miền thì cả hai thể loại đều sản sinh ra ở vùng châu thổ sông Hồng. SV hệ ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW chủ yếu tập trung nhiều ở khu vực Bắc bộ. Đây là điểm thuận lợi giúp SV có thể phát âm nhả chữ phù hợp với đặc điểm vùng miền và cũng giúp SV ứng dụng biểu diễn Chèo và Quan họ trong các hoạt động nội và ngoại khoá.

Những làn điệu Chèo và Quan họ được sử dụng trong luận án là các làn điệu có lời cổ. Chèo là nghệ thuật sân khấu với hệ thống nhân vật khá đa dạng, đi kèm theo đó có thể có những cách hát và kỹ thuật hát khác nhau, chẳng hạn như: nhân vật hề thường ứng dụng cách hát nhấn, ngắt nhiều hơn so với nhân vật chín, còn các nhân vật chín thường hát rung giọng, liền hơi nhiều hơn so với nhân vật mụ và hề. Song, các nhân vật trong Chèo vẫn có những kỹ thuật hát chung như liền hơi, nhấn, ngắt, rung giọng...; tùy tính chất âm nhạc của từng bài bản cụ thể, từng tình huống kịch mà nhân vật áp dụng kỹ thuật phù hợp và có thể khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu về cách hát Chèo và hát Quan họ, Luận án đi sâu vào những kỹ thuật chung nhất, mà không bàn riêng về kỹ thuật hát của từng dạng nhân vật.

- Thời gian nghiên cứu: Dự kiến từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2018.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp**

Những phương pháp này được sử dụng để phân tích, tổng hợp các tài liệu nghiên cứu lí luận và các tư liệu thực tế về những đặc trưng trong lối hát, kỹ thuật hát *Quan họ*, *Chèo*, *Ca trù*, *Xẩm*, *Thanh nhạc cổ điển thính phòng*... Từ đó, thống kê, phân tích, tổng hợp lại những đặc trưng trong kỹ thuật hát và đề ra phương pháp rèn luyện kỹ năng cho SV.

### **4.2. Phương pháp so sánh**

Phương pháp này một mặt là để so sánh Quan họ và Chèo với nhau và với một số thể loại dân ca khác, cũng như là với lối hát mới...; một mặt khác là để so sánh PPDH... trong các phần nghiên cứu cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn cũng như nghiên cứu các PPDH kỹ thuật hát Quan họ và hát Chèo.

### ***4.3. Phương pháp điều tra, khảo sát, điền dã***

Sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát là nhằm để khắc họa, miêu tả đúng đắn tình hình thực tế dạy học dân ca nói chung và dạy các làn điệu Chèo, Quan họ nói riêng bằng cách dự giờ, trao đổi, trưng cầu ý kiến các GV trực tiếp tham gia dạy môn Dân ca. Đồng thời, cũng để hiểu được rõ hơn khả năng hát dân ca của SV ĐHSP Âm nhạc, xác định rõ hơn mục tiêu trong xây dựng nội dung, đổi mới về PPDH hát Chèo và hát Quan họ phù hợp với thực tế dạy học hát ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Luận án sử dụng phương pháp điền dã, gặp gỡ các nghệ nhân Quan họ, Chèo để tìm hiểu về lối hát cổ và ghi âm một số bài bản nhằm giúp cho tư liệu của luận án mang tính thực tiễn hơn.

### ***4.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm, thống kê toán học***

Đây là phương pháp dùng để kiểm chứng tính khoa học, tính khả thi của các đề xuất trong luận án. Mục đích là nhằm thông qua thực nghiệm để xác định tính hiệu quả của các phương pháp rèn luyện kỹ thuật, đổi mới phương pháp học hát, nâng cao khả năng biểu diễn ở hệ ĐHSP Âm nhạc.

Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý kết quả khảo sát và thực nghiệm sư phạm. Qua đó, có thể kiểm định, đánh giá sự khác biệt trong kết quả dạy học hát Chèo, hát Quan họ của nhóm thực nghiệm và đối chứng.

### ***4.5. Phương pháp liên ngành***

Chúng tôi chú trọng phương pháp nghiên cứu liên ngành để tiếp cận vấn đề trên phương diện văn hóa như phong tục tập quán, lễ nghi..., giúp tìm hiểu những đặc trưng diễn xướng khác biệt của Quan họ, Chèo so với các thể loại ca hát khác. Bởi lẽ, nghệ thuật hát dân ca là một thành tố văn hóa dân gian, có liên quan tới nhiều ngành văn hóa nghệ thuật khác như Âm nhạc học, Văn hóa học, Nghệ thuật học, Dân tộc học, Giáo dục học... Vì vậy, cần thiết phải sử dụng phương pháp liên ngành để tìm hiểu, đối chiếu, so sánh, hỗ trợ quá trình nghiên cứu cho luận án được sáng tỏ hơn.

## **5. Quan điểm tiếp cận**

Luận án sử dụng cách tiếp cận hệ thống, tiếp cận lịch sử - logic, thực tiễn. Cụ thể là tiếp cận dưới góc độ nghiên cứu sư phạm âm nhạc, lý luận âm nhạc và được dựa trên quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## 6. Những đóng góp mới của Luận án

Về lí luận: Luận án góp phần làm sáng tỏ cơ sở lí luận của dạy học hát *Chèo* và *Quan họ* ở các phương diện về PPDH hát và đặc trưng kĩ thuật hát còn gây nhiều tranh luận: cách phát âm – nhả chữ, luyện chữ, xử lí thanh điệu, khẩu hình, vị trí, hơi thở trong hát *Chèo* và *Quan họ*; đặc trưng kĩ thuật hát của *Quan họ*: *vang, rền, nền, nảy* và đặc trưng kĩ thuật hát của *Chèo*: *rung giọng, nảy hạt, liền hơi, nhẩn, ngắt*.

Về thực tiễn: Đề tài làm rõ thực trạng dạy học hát *Chèo* và *Quan họ* cho SV ĐHSP Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW và đóng góp những đề xuất về PPDH hát *Chèo*, hát *Quan họ* cho SV ĐHSP Âm nhạc.

Đề tài của chúng tôi có tính ứng dụng về mặt lí luận và thực tiễn trong dạy học hát *Chèo*, hát *Quan họ* ở hệ ĐHSP Âm nhạc. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo trong dạy học hát ở những thể loại dân ca khác và cho các nghiên cứu khoa học cùng hướng.

## 7. Giả thuyết khoa học

Phương pháp dạy học hát *Chèo* và hát *Quan họ* cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc sẽ tạo ra sự thay đổi tích cực, hiệu quả nếu nghiên cứu sâu cơ sở lí luận về dạy học hát *Chèo* và hát *Quan họ*; tìm hiểu sâu thêm đặc điểm âm nhạc; nhận diện tỏ tường hơn kĩ thuật hát của *Chèo* và *Quan họ*; đánh giá được thực trạng dạy học hát dân ca; xây dựng nội dung và đổi mới PPDH hát *Chèo* và *Quan họ* thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong dạy học hát *Chèo* và hát *Quan họ* cho SV ĐHSP Âm nhạc.

## 8. Cấu trúc của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lí luận của dạy học hát *Chèo*, hát *Quan họ* cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc

Chương 2: Đặc điểm kĩ thuật hát *Chèo* và hát *Quan họ*

Chương 3: Thực trạng dạy học hát *Chèo* và hát *Quan họ* cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

Chương 4: Phương pháp dạy học hát *Chèo* và hát *Quan họ* cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc

## Chương 1

### TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA DẠY HỌC HÁT CHÈO, HÁT QUAN HỌ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC

#### 1.1. Tổng quan nghiên cứu về Chèo và Quan họ

##### 1.1.1. Nghiên cứu về Chèo

Từ lâu, nghệ thuật Chèo đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu, trong đó có nhiều hội thảo khoa học, hàng trăm bài viết và công trình khoa học. Quá trình sưu tầm tư liệu cho thấy, các nghiên cứu về Chèo có số lượng khá lớn. Luận án chỉ lựa chọn xem xét những công trình nghiên cứu tiêu biểu, đại diện cho những giai đoạn nghiên cứu khác nhau.

##### 1.1.1.1. Những công trình nghiên cứu về nguồn gốc, lời ca, âm nhạc Chèo

Về nguồn gốc, âm nhạc của Chèo, đầu tiên phải kể đến những công trình của nhà nghiên cứu Hoàng Kiều. Ông đã bỏ ra nhiều năm sưu tầm, kí âm, tìm hiểu về nguồn gốc, nhận diện những nét đặc trưng trong làn điệu, cấu trúc bài bản, âm nhạc Chèo và ông đã cho xuất bản nhiều công trình có giá trị. Năm 1964, ông cùng với tác giả Trần Việt Ngữ cho xuất bản cuốn *Tìm hiểu sân khấu chèo* [87]. Công trình này bàn về nguồn gốc, bước chuyển biến, nội dung, kịch bản, hệ thống làn điệu trong Chèo. Tuy vậy, nội dung cuốn sách chủ yếu mang tính chất khảo tả, giới thiệu, không đi vào đặc điểm âm nhạc và kĩ thuật hát của Chèo.

Sau công trình nghiên cứu chung với Trần Việt Ngữ, năm 1974, tác giả Hoàng Kiều cho xuất bản cuốn *Sử dụng làn điệu Chèo* [50]. Nội dung của công trình này bàn về cách phổ thơ, sử dụng ca từ trong dân ca để lồng vào các làn điệu gọi là lồng điệu. Mỗi làn điệu được tác giả phân tích về âm nhạc, ca từ và vận dụng cách lồng điệu trong Chèo.

Đề cập đến những công trình nghiên cứu tiếp theo của Hoàng Kiều phải kể tới cuốn *Tìm hiểu các làn điệu Chèo cổ* xuất bản năm 2003 [52]. Đây là công trình tập hợp nhiều vấn đề về âm nhạc Chèo cổ được ông nghiên cứu trong nhiều năm. Cuốn sách được chia làm 2 phần: Phần 1 nghiên cứu một số vấn đề cơ bản trong hát Chèo, phần 2 giới thiệu về nghệ thuật Chèo. Tác giả đã giới thiệu về nghệ thuật Chèo như nguồn gốc, xuất xứ của Chèo, tìm hiểu 170 làn điệu Chèo cổ với phần khảo dị để phân tích các hệ thống làn điệu Chèo. Mỗi bản ghi đều có đầy đủ thông

tin nghệ nhân tham gia hát. Đây là việc làm có ý nghĩa, bởi cùng với thời gian, các làn điệu Chèo cổ tuy đã được ghi âm, chuyển thành văn bản dưới dạng ghi nhạc nhưng qua thực tiễn biểu diễn của diễn viên, của từng địa phương đã ít nhiều lại thay đổi. Cuốn sách là nguồn tư liệu có nhiều đóng góp về lí luận và thực tiễn.

Năm 2007, nhà nghiên cứu Hoàng Kiều cùng với tác giả Hà Hoa xuất bản cuốn *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc* [53]. Có thể nói, đây là công trình đầy tâm huyết và công phu trong sưu tầm, kí âm giọng hát của các nghệ nhân dân gian. Công trình đã phân tích rất đầy đủ về nội dung, hình thức, chức năng và tính chất của từng làn điệu Chèo. Trong công trình nghiên cứu của mình, hai tác giả Hoàng Kiều – Hà Hoa đã chia làn điệu thành 8 hệ thống: Hệ thống *hát Sấp, Hề, Vãn, Vía - Ngâm, Ả Đào, hơi Huế, Đường trường* và các làn điệu *ca lẻ*. Đây là nguồn tư liệu quan trọng, cần thiết, giúp chúng tôi làm điểm tựa trong nghiên cứu và tuyển chọn những làn điệu phù hợp để đưa vào chương trình giảng dạy cho SV ĐHSP Âm nhạc.

Cùng với tác giả Hoàng Kiều, nhà nghiên cứu Trần Việt Ngữ cũng có nhiều đóng góp trong nghiên cứu về âm nhạc Chèo. Sau công trình nghiên cứu chung cùng với Hoàng Kiều năm 1964, Trần Việt Ngữ đã cho xuất bản nhiều công trình, trong đó có cuốn *Vấn đề nhạc Chèo*, (1969) thuộc tư liệu của Viện Sân khấu [88]. Đây là công trình chuyên khảo đề cập đến các khía cạnh của nghệ thuật Chèo. Bằng sự khảo tả, tác giả Trần Việt Ngữ giới thiệu hệ thống làn điệu, dàn nhạc Chèo. Bên cạnh đó, ông đã chỉ ra quy luật phát triển của nhạc Chèo, vừa tiếp thu phong cách và âm hưởng truyền thống, vừa sáng tạo thêm cái mới phù hợp với sự phát triển âm nhạc Chèo hiện đại. Năm 1996, tác giả Trần Việt Ngữ cho xuất bản công trình *Về nghệ thuật Chèo* [89]. Cuốn sách chia thành 3 phần: phần 1 bàn về nguồn gốc và quá trình hình thành, chuyển hóa và phát triển của nghệ thuật Chèo; phần 2 tìm hiểu từ chiếu diễn ba mặt ngoài trời bước vào sân khấu; phần 3 về nghệ thuật Chèo cổ, xây dựng Chèo mới. Công trình nghiên cứu của Trần Việt Ngữ là tài liệu quý giúp chúng tôi tìm hiểu về đặc điểm âm nhạc Chèo cổ.

Trong những công trình cứu về Chèo, phải kể đến những đóng góp của Bùi Đức Hạnh với công trình nghiên cứu: *Tìm hiểu âm nhạc sân khấu*, xuất bản năm 2004 [26]. Công trình này được viết thành nhiều chương. Những vấn đề nêu ra

trong 6 chương đầu đã được bàn luận trong một số công trình trước về nguồn gốc, âm nhạc, lời ca, kịch bản Chèo... Bùi Đức Hạnh còn viết cuốn *150 làn điệu Chèo cổ*, được xuất bản năm 2006 [27]. Ở công trình này, tác giả đi sâu vào phân tích đặc điểm thanh nhạc và kí âm các làn điệu Chèo. Có thể nói, đây là công trình có giá trị thiết thực cả về mặt lí luận và thực tiễn. Nội dung cuốn sách được chia thành 2 phần: Phần 1 trình bày những luận điểm mang tính lí luận, trong đó chủ yếu bàn về kĩ thuật hát Chèo. Phần 2 là hệ thống bài bản của 150 làn điệu Chèo theo các lối nói, vìa, ngâm vịnh... Đây cũng là nguồn tư liệu quý giúp chúng tôi có cơ sở luận bàn về đặc điểm âm nhạc và cách hát Chèo, cũng như để lựa chọn một số làn điệu Chèo đưa vào giảng dạy ở hệ ĐHSP Âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Ngoài những nghiên cứu kể trên, còn có một số công trình khác như: *Âm nhạc sân khấu Chèo nửa cuối thế kỷ XX* (2001) của tác giả Nguyễn Thị Thanh Phương [94]; *Đến với nhạc Chèo* (2006) của tác giả Đôn Truyền [123]; *Nhạc chèo* (2011) của tác giả Trần Vinh [130]; *Khái luận về Chèo* (1999) của tác giả Trần Bảng [6]; *Lịch sử nghệ thuật Chèo* (2005) của tác giả Hà Văn Cầu [15]; *Đường trường phải chiều* (1993) của tác giả Trần Đình Ngôn [86] ... Nhìn chung, các công trình giới thiệu khá chi tiết về nguồn gốc, âm nhạc, làn điệu Chèo. Trong cuốn *Đường trường phải chiều*, tác giả Trần Đình Ngôn đã khẳng định: “Nhiều làn điệu được sáng tác từ nguồn âm hưởng dân ca nhưng đã sân khấu hóa kiểu Chèo một cách tinh tế đến mức khó nhận ra chất liệu của chúng là một làn điệu dân ca cụ thể nào. Khá nhiều làn điệu, dấu ấn làn điệu dân ca gốc vẫn còn nguyên từ lời ca đến giai điệu” [86; 122]. Đây là nhận định quan trọng, phần nào giúp chúng tôi khẳng định về lời ca của Chèo có nguồn gốc từ dân ca.

#### 1.1.1.2. Những công trình nghiên cứu về cách hát và dạy hát Chèo

##### \* Cách hát Chèo

Đề cập đến cách hát Chèo phải kể đến những đóng góp của hai tác giả Bùi Đức Hạnh và Hoàng Kiều. Tác giả Bùi Đức Hạnh đã đi sâu luận bàn về đặc điểm ca hát và cách hát của Chèo trong một số công trình, tiêu biểu là *Ca hát trong Chèo*, xuất bản năm 1964 [25] và *150 làn điệu Chèo cổ* mà chúng tôi đã nêu ở trên. Có thể nói, hai công trình này đã đề cập đến vị trí, chức năng ca hát sân khấu và đặc điểm

và cách hát Chèo. Đây là những vấn đề rất quý giá cho đề tài của chúng tôi bởi những công trình viết về cách hát Chèo không có nhiều.

Ngoài những nghiên cứu về âm nhạc trong Chèo, tác giả Hoàng Kiều còn nghiên cứu về vấn đề thanh điệu trong hát dân ca. Năm 2001, ông cho xuất bản cuốn *Thanh điệu tiếng Việt và Âm nhạc cổ truyền* [51]. Cuốn sách bàn về thanh điệu và những ảnh hưởng của thanh điệu trong âm nhạc cổ truyền, trong đó có hát dân ca. Chúng tôi cho rằng, tác giả Hoàng Kiều đã có nhiều nhận định xác đáng, khi chỉ ra những đặc điểm về thanh điệu trong tiếng Việt, từ đó đưa ra dẫn chứng làm sáng tỏ mối quan hệ mật thiết của 6 thanh điệu, sự ảnh hưởng và chi phối của chúng tới cách hát dân ca. Có thể nói, đây là tư liệu quan trọng, là cơ sở gợi mở để tiếp cận làm rõ vấn đề về thanh điệu và cách xử lý trong hát Chèo cũng như Quan họ.

Không chỉ bàn về âm nhạc trong Chèo, tác giả Hoàng Kiều còn luận bàn đôi nét về cách hát trong cuốn *Tìm hiểu các làn điệu Chèo cổ* [52]. Như ở trên đã nêu, cuốn sách chia làm 2 phần. Đặc điểm của cách hát trong Chèo được tác giả phân tích ở phần 1, trong đó ông đã đưa ra những đặc điểm cơ bản các giọng hát của nữ và nam, cách phát âm - nhả chữ, rung giọng, tròn vành - rõ chữ... Có thể nói, công trình có giá trị cả trên phương diện lí luận cũng như thực tiễn, là nguồn tư liệu, là cơ sở gợi mở để chúng tôi nhận diện về lối hát Chèo cổ được nghiên cứu trong luận án.

Vấn đề biểu diễn trong Chèo được đề cập đến đến trong công trình *Kỹ thuật biểu diễn Chèo*, (1992) của Trần Bảng [5]. Cuốn sách miêu tả chi tiết cách biểu diễn của các nhân vật cụ thể trong hát Chèo. Đây là nguồn tư liệu giúp nhận diện một số động tác biểu diễn cơ bản trong Chèo.

#### \* *Cách dạy hát Chèo*

Bàn về lĩnh vực giảng dạy hát Chèo, đáng chú ý nhất là công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Tuyết, GV trực tiếp dạy hát Chèo tại trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội với cuốn *Giáo trình hát Chèo* (2000) [121]. Trong giáo trình này, tác giả đã đưa ra một số yêu cầu về kỹ thuật hát, phân tích nội dung các làn điệu Chèo. Tuy vậy, tác giả lại không giải thích các khái niệm và thuật ngữ về đặc trưng kỹ thuật hát, phương pháp rèn luyện kỹ năng cho người học, mà chỉ bàn về nội dung, tính chất, cách thể hiện các điệu Chèo cổ. Mặc dù vậy, đây là cuốn sách có giá



trị trong giảng dạy, là cơ sở giúp chúng tôi tìm hiểu sâu hơn về những đặc trưng trong kỹ thuật và cách rèn luyện kỹ năng hát Chèo cho SV.

Bên cạnh *Giáo trình hát Chèo* của Nguyễn Thị Tuyết, kinh nghiệm biểu diễn cũng được đúc kết trong cuốn *Giáo trình diễn Chèo*, xuất bản năm 2006 [91] của tác giả Trần Thị Ngọc, GV dạy biểu diễn ở trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội. Sở dĩ chúng tôi bàn đến cuốn giáo trình dạy biểu diễn này bởi Chèo thuộc thể loại sân khấu, khi hát Chèo, người hát phải biết kết hợp các động tác biểu diễn phù hợp với làn điệu, tính chất của bài hát.

Ngoài hai giáo trình về dạy hát và biểu diễn Chèo, còn có những luận văn, luận án nghiên cứu về hát Chèo. Đáng chú ý trong những luận án nghiên cứu về Chèo có luận án Tiến sĩ Văn hóa học *Nghệ thuật Chèo trong đời sống văn hóa* (2008) của tác giả Hà Thị Hoa. Công trình không chỉ nghiên cứu chuyên sâu về âm nhạc dân gian, đặc biệt là Chèo, mà còn bàn về cách dạy hát Chèo rất đáng quan tâm: "Truyền thống cha ông ta chủ yếu dạy bằng phương pháp truyền nghề. Người thầy truyền cho người học “cái hồn”, cái “chất liệu”, cái “bản sắc”, cụ thể là cái “chất chèo”. Đặc biệt là phát huy tính sáng tạo của từng người học, một hình thức đào tạo mà hiện nay Bộ Giáo dục và Đào tạo rất khuyến khích phương pháp này, một phương pháp mới, lấy học sinh làm trung tâm [28; 151]. Chúng tôi đồng tình với quan điểm của tác giả Hà Thị Hoa về truyền dạy hát Chèo. Dạy hát Chèo cũng như dân ca cần lấy phương pháp truyền khẩu làm trọng, kết hợp với các phương pháp sư phạm âm nhạc truyền thống, hiện đại, đồng thời cần phát huy tính sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm dưới sự hướng dẫn của GV.

Nghệ thuật diễn xướng Chèo còn được đề cập đến trong Luận án tiến sĩ Văn hóa học *Diễn xướng âm nhạc trong Chèo giai đoạn 1951 đến 2013 - truyền thống và biến đổi*, của tác giả Nguyễn Thị Thanh Phương (2015). Nội dung của luận án tìm hiểu về nghệ thuật diễn xướng Chèo xưa và nay, về thực trạng những biến đổi diễn xướng âm nhạc của Chèo đương đại với những đặc điểm như: không gian, âm nhạc, ca hát, biểu diễn, thực trạng về đào tạo diễn viên, nhạc công... giai đoạn 1951 - 2013. Về phương pháp dạy hát, tác giả viết: “Dạy truyền nghề như truyền khẩu, truyền ngón là một trong những đặc thù của các trường chuyên nghiệp. Người dạy hát, đàn phải có khả năng minh họa các kỹ thuật như nhấn nhá, luyến, láy, rung, vỗ... Thầy

không chỉ ngồi nghe mà còn nắn từng nốt, từng chữ cho đến khi đạt yêu cầu và cho SV nghe thêm băng, đĩa hình” [95; 124].

Trong ý kiến trên, tác giả cho rằng, phương pháp truyền dạy hát Chèo vẫn dựa trên lối dạy truyền khẩu là chính. Tuy vậy, luận án đề cập đến phương pháp truyền khẩu kết hợp với phương pháp sử dụng phương tiện dạy học như băng đĩa hình, đĩa tiếng... Đây xem như sự đổi mới trong cách dạy hát Chèo so với lối truyền thống xưa.

Những năm gần đây, một số Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc đã tập trung tìm hiểu những vấn đề về truyền dạy dân ca cho những nhóm đối tượng người học cụ thể, với nhiều góc tiếp cận khác nhau. Hướng nghiên cứu chủ yếu là đưa ra một số giải pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy hát dân ca như: *Đưa một số làn điệu Chèo cổ vào chương trình giảng dạy tại trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Nam Định* (2013) của tác giả Nguyễn Thị Thúy [110]; *Đưa hát Chèo vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm âm nhạc - công tác đội, trường Cao đẳng Hải Dương* (2014) của tác giả Lục Vĩnh Hưng [41]; *Hát Chèo ở xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội* (2014) của tác giả Phạm Thu Thủy [111]; Nhìn chung, các luận văn nêu trên thường gồm 2 phần: Phần 1 bàn về cơ sở lí luận và thực tiễn; phần 2 đưa ra các giải pháp cụ thể cho đề tài. Những giải pháp được các tác giả đề cập như: Lựa chọn làn điệu đưa vào giảng dạy, tăng số lượng thời gian dạy hát dân ca ở các môn học khác như xướng âm, thanh nhạc, gõ gõ các nghệ nhân, xây dựng giáo án, cải tiến phương pháp dạy, đưa dân ca vào các hoạt động ngoại khóa... Về cơ bản, hướng nghiên cứu như trên đã phần nào hỗ trợ phát triển dân ca sâu rộng ở các cấp học, tăng thời gian học hát dân ca ở cả nội và ngoại khóa, cải thiện cách thức truyền dạy. Tuy vậy, các luận văn ít đề cập đến cách hát và biện pháp luyện tập kĩ năng hát Chèo cho người học. Trong đó, truyền dạy hát dân ca không chỉ cần làm sáng tỏ những đặc trưng cơ bản của cách hát trên phương diện lí luận và xác định kĩ thuật hát đặc trưng của từng thể loại, mà cần đưa ra những biện pháp rèn luyện kĩ năng cụ thể cho người học.

Trong những luận văn thạc sĩ nghiên cứu về Chèo phải kể đến tác giả Trần Trung Thành khi bàn về *Truyền dạy hát Chèo tại câu lạc bộ thiếu nhi làng Khuốc* năm 2017 [108]. Luận văn gồm 3 chương: Chương 1, cơ sở lí luận về nghệ thuật Chèo; Chương 2, Thực trạng truyền dạy và Chương 3, tác giả đề xuất các biện pháp

truyền dạy hát Chèo. Luận văn đi sâu bàn về những đặc điểm nghệ thuật Chèo như âm nhạc, thơ ca, cách hát và phương thức truyền dạy hát Chèo cho thiếu nhi. Chúng tôi cho rằng, luận văn là một trong những tài liệu tham khảo thiết thực, bổ ích cho những người nghiên cứu về truyền dạy hát Chèo.

### **1.1.2. Nghiên cứu về Quan họ**

#### **1.1.2.1. Những công trình nghiên cứu về nguồn gốc, lời ca, âm nhạc Quan họ**

Nghiên cứu về nguồn gốc, đặc điểm âm nhạc của Quan họ là vấn đề đã được nhiều tác giả luận bàn. Trong đó phải kể đến các nhà nghiên cứu như: Hồng Thao, Đặng Văn Lung, Trần Linh Quý, Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc, Nguyễn Trọng Ánh...

Trước hết phải kể đến công trình *Dân ca quan họ Bắc Ninh được*, (1962) của nhóm tác giả Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc [96]. Đây là công trình đầu tiên được ấn hành, phổ biến rộng rãi ở nước ta và có quy mô lớn với nội dung tương đối phong phú về dân ca Quan họ: giới thiệu quê hương, tục lệ sinh hoạt Quan họ, các giọng và lề lối hát, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển, giá trị nội dung và nghệ thuật của dân ca Quan họ... Có thể nói, cuốn sách là công trình có giá trị về mặt lịch sử, là tiền đề, cơ sở để tham khảo, định hướng cho các nghiên cứu về Quan họ sau này.

Tiếp đến là những công trình như: *Quan họ - Nguồn gốc và quá trình phát triển dân ca Quan họ* (1978) của các tác giả Hồng Thao, Đặng Văn Lung, Trần Linh Quý [63]; *Tìm hiểu dân ca Quan họ* (2011) của hai tác giả Trần Linh Quý - Hồng Thao [125]. Ngoài những công trình nghiên cứu cùng nhóm tác giả, Hồng Thao còn xuất bản độc lập một số công trình như: *Dân ca Quan họ* [100], và *300 bài hát Quan họ* [101]. Trong cuốn *300 bài Quan họ*, tác giả Hồng Thao đã đưa ra 300 bài Quan họ với 174 điệu khác nhau và hơn 100 dị bản chọn lọc, do chính nhạc sĩ sưu tầm, kí âm và biên soạn với đủ 3 giọng: Lề lối, Giọng Vặt (hay còn gọi là Giọng lẻ) và Giọng Giã bạn. Trong tuyển tập này, nhạc sĩ Hồng Thao còn tiến hành xác định, phân loại một số các dị bản làn điệu. Có thể thấy rằng, đây là công trình có nhiều đóng góp trong việc sưu tầm và bảo tồn kho tàng dân ca Quan họ, lưu giữ nhiều làn điệu cổ có giá trị, là cơ sở cho những nhà nghiên cứu tiếp sau về Quan họ

trong việc rút ngắn thời gian đi sưu tầm, điền dã, là tư liệu quý, cung cấp cho luận án của chúng tôi một số bản kí âm được phân chia theo hệ thống lề lối, giọng điệu.

Bên cạnh những công trình được xuất bản thành sách, nhạc sĩ Hồng Thao còn đăng tải một số bài trên nhiều Tạp chí. Đáng lưu ý là những bài như: *Bàn về giai điệu và thang âm điệu thức Quan họ*, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật năm 1982 (trong tuyển tập *Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - lí luận - phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỉ XX*); *Quan họ - tên gọi và nguồn gốc*, bài đăng trên *Tạp chí Văn nghệ Hà Bắc* (số 2) năm 1990, trong tuyển tập *Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - lí luận - phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỉ XX* (tập II) do Viện Âm nhạc xuất bản. [79].

Với những công trình nghiên cứu kể trên, còn có một số bài viết về Quan họ đáng chú ý. Năm 1972, Ty Văn hóa Hà Bắc đã cho xuất bản cuốn *Một số vấn đề về dân ca Quan họ* [76]. Đây là tập hợp các tham luận của các nhà nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực như Văn học, Dân tộc học, Âm nhạc, Sân khấu... đọc tại 4 hội nghị chuyên đề về Quan họ vào những năm 1965, 1967, 1969 và 1971. Nội dung của các tham luận phản ánh khái quát về nguồn gốc tên gọi, âm nhạc, những vấn đề bảo tồn và phát huy dân ca Quan họ.

Nghiên cứu chuyên sâu về âm nhạc Quan họ, cùng với nhạc sĩ Hồng Thao, phải kể đến đóng góp của tác giả Nguyễn Trọng Ánh - người đã bỏ ra nhiều năm tìm hiểu, nghiên cứu âm nhạc Quan họ. Tác giả đã nghiên cứu về âm nhạc Quan họ từ khi viết Khóa luận, Luận văn tốt nghiệp lí luận âm nhạc cho đến Luận án Tiến sĩ. Năm 2000, ông đã cho xuất bản công trình *Âm nhạc Quan họ*, Nxb Viện Âm nhạc [2]. Công trình chuyên khảo về lĩnh vực âm nhạc Quan họ của ông gồm 5 chương: Chương 1 bàn về hệ thống các làn điệu, chương 2 đi vào hình thức cấu trúc của bài bản trong dân ca Quan họ, chương 3 nghiên cứu về điệu thức, chương 4 bàn về giai điệu và chương 5 bàn về mối quan hệ giữa âm nhạc và thơ văn. Có thể nói, đây là công trình nghiên cứu công phu, là tài liệu tham khảo có giá trị cho những người tìm hiểu về âm nhạc Quan họ.

Năm 2005, tác giả Nguyễn Trọng Ánh bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ với đề tài *Những giá trị của Nghệ thuật Âm nhạc trong hát Quan họ* [3]. Luận án được

chia thành 4 chương, ở mỗi chương tác giả phân tích chi tiết về lề lối phong tục tập quán, những đặc trưng về cấu trúc, giai điệu, lời ca... trong hát Quan họ. Có thể thấy, đây là công trình nghiên cứu khá đầy đủ và chi tiết về đặc điểm âm nhạc Quan họ, là nguồn tư liệu quý giúp chúng tôi tìm hiểu sâu thêm về những đặc điểm âm nhạc Quan họ.

Mối quan hệ giữa lời ca và âm nhạc, lề lối, phong tục tập quán của Quan họ được tác giả Lê Danh Khiêm đề cập trong bài: *Những đặc trưng ngôn ngữ lời ca Quan họ* trong cuốn *Một số vấn đề văn hóa Quan họ* xuất bản năm 2000 [48]. Tác giả là người chuyên nghiên cứu, biên soạn về văn hóa Quan họ, viết giáo trình, giảng dạy lí thuyết về Quan họ cho Sở văn hoá, Trung tâm Văn hóa tỉnh và trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bắc Ninh. Bài viết giới thiệu về những đặc trưng ngôn ngữ cũng như cái hay, cái đẹp của lời ca Quan họ dưới góc nhìn của một nhà ngôn ngữ học.

Năm 2001, Trung tâm Văn hóa Quan họ Bắc Ninh cho xuất bản công trình *Dân ca Quan họ: lời ca và bình giải* [114]. Công trình này là tập hợp các bài viết về đặc điểm lời ca và bình giải ý nghĩa của ca từ trong hát Quan họ. Những phát hiện tinh tế về lời ca Quan họ là nguồn tư liệu tham khảo quý giá đối với chúng tôi đề bàn về lời ca, tiếng đệm trong hát Quan họ.

#### 1.1.2.2. Những công trình nghiên cứu về cách hát và dạy hát Quan họ

##### \* Cách hát Quan họ

Đầu tiên phải kể đến công trình của tác giả Phạm Trọng Toàn với luận án Tiến sĩ về Văn hóa học năm 2005: *Tương đồng, khác biệt giữa Hát Xoan, Hát Ghẹo Phú Thọ và Quan họ Bắc Ninh* [105]. Có thể nói, đây là công trình nghiên cứu công phu, có ý nghĩa lí luận và thực tiễn. Chúng tôi tâm đắc với những nhận định của tác giả về kĩ năng hát Quan họ. Những kiến giải về 4 đặc trưng hát *vang - rền - nền - nảy* của tác giả là cơ sở giúp chúng tôi nhận diện, làm sáng tỏ sâu thêm kĩ thuật hát Quan họ, đồng thời có thể so sánh với cách hát Chèo và một số thể loại dân ca khác.

Tìm hiểu về những đặc trưng trong cách hát Quan họ, năm 2006 Trung tâm UNESCO Văn hóa Quan họ xuất bản cuốn *Lối chơi Quan họ* [115]. Đây là công trình tổng hợp nhiều bài viết của các tác giả bàn về quá trình hình thành, những quy ước, ý tưởng, nghề chơi của Quan họ trong hát Quan họ cổ. Đáng quan tâm là bài viết “Nghệ

thuật ngân nẩy hạt trong Quan họ Bắc Ninh” của Nguyễn Mạnh Thắng. Tác giả của bài viết cho rằng: “Do cấu tạo của từ ngữ, có nhiều từ mà cuối từ là phụ âm nên không thuận lợi cho việc thoát hơi ngân qua khẩu hình, nhiều khi hát phải đóng khẩu hình... Do vậy, khi hát những từ ấy phải ngân ở cổ họng lên mũi thành các âm ngân nẩy hạt” [115; 77]. Về quan điểm này, chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với tác giả. Bởi lẽ, hát nẩy hạt ngân rung ở giai đoạn mở chữ và kết thúc ở đóng chữ, không ngân rung từ cổ lên mũi, hay nói cách khác, Quan họ không hát giọng mũi.

Trong *Lối chơi Quan họ*, tác giả Nguyễn Uyển có bài *Bàn về cách hát Quan họ gốc*. Bài viết có giải nghĩa đặc trưng hát vang - rền - nền - nẩy. Theo ý kiến của chúng tôi, quan điểm của tác giả cho rằng đặc trưng vang - nền là yếu tố “trời cho” và “mang tính di truyền”, còn rền - nẩy là do “luyện tập” không có tính thiết phục, còn nhiều điểm phải bàn thêm [115; 79]. Vấn đề này sẽ được chúng tôi đi sâu luận bàn trong phần tìm hiểu về đặc trưng kỹ thuật hát Quan họ.

Trong cuốn *Tìm hiểu dân ca Quan họ* đã nêu ở trên, các tác giả đi sâu bàn về nguồn gốc, âm nhạc Quan họ và ở chương cuối có đề cập ở mức độ nhất định đến cách hát Quan họ. Về cách hát nẩy hạt, hai tác giả Trần Linh Quý và Hồng Thao cho rằng do phải thường xuyên xử lý hiện tượng tắc họng của những âm tiết mang các thanh ngã, nặng, hiện tượng âm tắc của những âm tiết có phụ âm cuối và đường nét uốn lượn của các thanh điệu: “khi hát ngân dài các âm tiết tiếng Việt thường không giữ được sự ngân rung đều ở một độ cao nữa, có lẽ vì thế đã xuất hiện lối ngân *nhả hột* hay *nẩy hạt*, lối ngân bằng âm tiết phụ và những nhấn nhá, luyến láy [125; 214]. Chúng tôi đồng tình với tác giả khi cho rằng *khi ngân nhả hột* cao độ được rung lên đều đều liên tục một chuỗi âm thanh. Tiếp cận quan điểm này, chúng tôi sẽ tìm hiểu sâu thêm và làm sáng rõ hơn hát *nẩy hạt*, ngân rung tạo *rền* của Quan họ và Chèo.

Bàn về những đặc trưng của cách hát truyền thống trong cuốn *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát* [56], tác giả Trần Ngọc Lan đã đề đưa ra quan điểm mới về đặc trưng của cấu âm tiếng Việt liên quan đến nói và hát, chi phối phát âm - nhả chữ của hát cổ truyền. Tiếp cận quan điểm này, chúng tôi có cơ sở giúp nhận diện cách phát âm nhả chữ trong hát dân ca nói chung và hát Quan họ, Chèo nói riêng. Tiếc rằng, tác giả không đi sâu nghiên cứu về cách hát cổ truyền, mà chỉ dừng lại ở một

số đặc trưng về phát âm - nhả chữ trong hát cổ, nhằm đưa ra giải pháp, ứng dụng và bài tập nâng cao chất lượng hát tiếng Việt.

Nhìn chung, mỗi cách lí giải đều có điểm hợp lí. Thiết nghĩ, những luận điểm về đặc trưng hát Quan họ của các tác giả là cơ sở, nền tảng cho luận án của chúng tôi tiếp tục tìm hiểu sâu hơn, đưa ra một số khái niệm về đặc trưng âm thanh trong hát Quan họ, đồng thời phát hiện kĩ thuật hát đặc trưng để đề ra phương pháp rèn luyện kĩ năng hát cho SV.

#### \* *Cách dạy hát Quan họ*

Qua tìm hiểu những công trình đã công bố, chúng tôi thấy, những tài liệu về dạy hát Quan họ có số lượng khiêm tốn. Đáng kể nhất là công trình nghiên cứu của nhạc sĩ Hồng Thao và Trần Linh Quý *Tìm hiểu dân ca Quan họ Bắc Ninh*, xuất bản năm 1997 [124]. Cuốn sách được trình bày dưới hình thức giáo trình, là nguồn tư liệu quan trọng trong giảng dạy hát Quan họ. Trong cuốn sách, các tác giả có bàn về cách nảy hạt và hơi thở khi hát. Tiếc rằng, tác giả mới đề cập kĩ thuật hát nảy hạt, còn 3 đặc trưng vang - rền - nền và khẩu hình, vị trí âm thanh thì lại chưa thấy đề cập đến.

Dạy hát dân ca nói chung và dạy hát Quan họ nói riêng còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và đã được luận bàn trong cuốn *Không gian văn hóa Quan họ Bắc Ninh: bảo tồn và phát huy* (2006). Một trong những kiến giải về truyền dạy, bảo tồn Quan họ, được thể hiện trong bài viết của tác giả Trịnh Hoài Thu *Quan họ Bắc Ninh trong đời sống xã hội đương đại*. Trong bài viết, tác giả đã đề cập đến Quan họ Bắc Ninh trong đời sống xã hội và Quan họ Bắc Ninh trong bối cảnh âm nhạc Việt Nam đương đại. Tác giả đi sâu luận bàn về công tác giáo dục - đào tạo hát Quan họ, chỉ ra những vấn đề thiết thực trong dạy hát dân ca ở trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Bắc Ninh, cũng như các trường có đào tạo ngành âm nhạc: “Qua thực tế làm công tác âm nhạc, chúng tôi thấy thường là khi dạy hát dân ca nói chung, hát Quan họ nói riêng, các thầy cô giáo mới chỉ dạy học sinh, SV hát đúng nhạc, chưa cung cấp những nghệ thuật thể hiện, cách trình diễn...” [81; 696 - 697]. Với nhận định và giải pháp về dạy hát Quan họ cũng như dạy dân ca, tác giả Trịnh Hoài Thu đã chỉ rõ về thực trạng dạy và đề ra một số giải pháp dạy hát dân ca hiện nay.

Về dạy hát dân ca, đáng chú ý phải nói tới đề án *Hỗ trợ đưa dân ca vào trường Trung học cơ sở*, (2009) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường ĐHSP Nghệ

thuật TW là đơn vị thực hiện, tác giả Phạm Lê Hòa làm chủ nhiệm đề án [30]. Trong đề án đã giới thiệu khái quát về kho tàng dân ca Việt Nam. Mỗi một vùng miền, các tác giả đã giới thiệu những loại hình dân ca tiêu biểu, đồng thời phân tích đặc điểm âm nhạc, lời ca, lựa chọn những làn điệu tiêu biểu của thể loại để giới thiệu dân ca Việt Nam vào trường Trung học cơ sở. Có thể nói, đây là công trình nghiên cứu công phu, tư liệu quý cho những nhà nghiên cứu, giảng dạy và người học hát dân ca.

Trong giảng dạy Quan họ còn phải kể đến bộ *Giáo trình hát dân ca Quan họ Bắc Ninh*, năm 2011 [117]. Đây là công trình có ý nghĩa thiết thực trong dạy hát Quan họ ở trường Văn hoá Nghệ thuật Bắc Ninh và các cơ sở đào tạo khác. Tuy vậy, tập 1 bàn sâu phần lí thuyết về dân ca Quan họ, 7 tập còn lại chỉ là phần ca từ các bài hát cổ, không trình bày về nội dung, kĩ thuật hát, cách luyện tập.

Là GV dạy môn Dân ca tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, bản thân người viết luận án rất tâm huyết nghiên cứu về những đặc trưng phong cách diễn xướng, về kĩ thuật hát và PPDH hát dân ca. Người viết đã nghiên cứu Quan họ từ khóa luận Đại học tới luận văn Thạc sĩ và nay là luận án Tiến sĩ. Khóa luận tốt nghiệp đại học với đề tài *Phương pháp thể hiện bài dân ca Quan họ dùng cho sinh viên hệ Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc tại Bắc Ninh* (2007); luận văn Thạc sĩ nghiên cứu về *Dạy hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương* (2014) [55]. Luận văn Thạc sĩ đi sâu nghiên cứu về kĩ thuật hát và xây dựng nội dung dạy học, đổi mới về PPDH hát Quan họ. Việc nghiên cứu Quan họ có một quá trình dài như vậy giúp cho người viết luận án có những đúc kết và trải nghiệm sâu hơn, kĩ hơn để thực hiện luận án.

### **1.1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu về Chèo và Quan họ**

#### **1.1.3.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được**

Qua quá trình tìm hiểu, phân tích những vấn đề đã được nghiên cứu trong các tài liệu có nội dung liên quan đến hát Chèo, Quan họ, đánh giá về những thành quả đạt được, chúng tôi thấy: những tài liệu được triển khai tổng thuật có khá nhiều nghiên cứu về tên gọi, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển, lời ca, âm nhạc, không gian, thời gian, lễ lối diễn xướng, kịch bản, phương cách bảo tồn... Quan họ



và Chèo. Những vấn đề này đã được tìm hiểu, nghiên cứu khá toàn diện và đã đạt được những kết quả nhất định.

#### *1.1.3.2. Một số vấn đề còn chưa thống nhất và chưa được nghiên cứu*

##### *\* Những vấn đề chưa thống nhất*

Tên gọi, nguồn gốc của Chèo và Quan họ là vấn đề được quan tâm tìm hiểu, tập trung ý kiến đưa ra của nhiều nhà nghiên cứu dựa trên các cứ liệu và các quan điểm lập luận, lí giải khác nhau, đã có nhiều quan điểm lí giải về vấn đề này. Cho đến thời điểm hiện tại, lí giải về tên gọi, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển của Chèo và Quan họ chưa được thống nhất, có nhiều vấn đề còn đang tranh luận giữa các tác giả và chưa có lời giải đáp thỏa đáng.

Về kĩ thuật hát Chèo, cho tới nay có một vài quan điểm chưa thống nhất khi bàn về cách hát Chèo như khẩu hình, khoảng vang âm thanh. Những kĩ thuật đặc trưng của Chèo về cơ bản đã có một số quan điểm đồng nhất, tuy vậy, các nhận định vẫn còn mang tính chủ quan, chưa đưa ra định nghĩa, giải thích về những đặc trưng này một cách cụ thể. Về kĩ thuật hát Quan họ, khái niệm vang, rền, nảy đã có một số tác giả luận bàn, tuy vậy, những đặc trưng này vẫn chưa giải nghĩa từng kĩ thuật cụ thể. Riêng đặc trưng nèn, cho đến nay vẫn còn nhiều quan điểm không thống nhất.

Về PPDH hát Chèo và Quan họ đến nay có một vài quan điểm nhận định về tính hiệu quả của phương pháp truyền khẩu, một số khác lại cho rằng, cần có một số phương pháp khác hỗ trợ... và như vậy, vấn đề này vẫn chưa có lời giải đáp thỏa đáng, chưa có công trình nào bàn sâu về vấn đề này.

Mặc dù vậy, có thể nói, những công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước là những đóng góp quý báu, tạo nền tảng để tìm hiểu về nguồn gốc, tên gọi, kĩ thuật hát và phương pháp dạy hát Quan họ và Chèo. Tiếp thu có chọn lọc những luận điểm, ý kiến của các nhà nghiên cứu đi trước có liên quan đến các vấn đề được nghiên cứu trong đề tài này, chúng tôi sẽ tiếp tục làm sáng tỏ hơn các luận chứng trên cơ sở bảo đảm tính khoa học và tính khách quan.

##### *\* Một số vấn đề còn chưa được nghiên cứu*

Qua tìm hiểu có thể thấy, Quan họ, Chèo được nghiên cứu trên nhiều phương diện, song chúng tôi chưa tìm thấy công trình nghiên cứu chuyên sâu nào bàn riêng

về kĩ thuật hát, về PPDH hát Chèo và Quan họ, mà chỉ có một số tài liệu đề cập sơ qua những tiêu chí, yêu cầu về kĩ thuật hát và cách truyền dạy dân ca trên cơ sở cách dạy truyền khẩu. Điều này ít nhiều có ảnh hưởng và chi phối nhất định đến chất lượng, hiệu quả dạy học hát Chèo, Quan họ cũng như các thể loại dân ca khác. Đây là những khó khăn nhất định cho người dạy và người học hát dân ca trong các trường đào tạo mang tính chuyên nghiệp.

Bởi vậy, những vấn đề về dạy học hát Chèo, hát Quan họ vẫn đang còn là mảng trống và cần được nghiên cứu thấu đáo.

#### ***1.1.4. Hướng nghiên cứu và cơ sở lí thuyết***

##### ***1.1.4.1. Hướng nghiên cứu***

Như ở phần tổng quan đã nêu, nghiên cứu về dạy học hát Chèo, hát Quan họ vẫn còn là mảng trống, với nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ, tuy có một vài công trình đề cập, song chỉ rất sơ sài và quan điểm cũng chưa thống nhất. Vì thế, luận án sẽ đi sâu vào nghiên cứu dạy học hát Chèo và hát Quan họ, cụ thể là tập trung nhận diện đặc trưng kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ để từ đó đề xuất biện pháp, PPDH hát Chèo, hát Quan họ.

Về nhận diện đặc trưng kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ, luận án sẽ nghiên cứu trên các phương diện: khẩu hình, khoảng vang của âm thanh, vận dụng hơi thở, những cách hát đặc trưng. Trong Chèo là những kĩ thuật như: *nhấn, ngắt, rung giọng, liền hơi, luyến, láy...* Trong Quan họ là những kĩ thuật: *vang, rền, nền, nảy...*

Để làm rõ thêm cho vấn đề nhận diện đặc trưng kĩ thuật hát, luận án sẽ nghiên cứu đặc điểm âm nhạc của Chèo và Quan họ bởi lẽ đặc điểm âm nhạc liên quan mật thiết đến kĩ thuật hát.

Về đề xuất các biện pháp, PPDH hát Chèo và hát Quan họ, chúng tôi gắn kết với đối tượng cụ thể là SV ĐHSP Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Để làm rõ hơn cho vấn đề này, luận án dành một phần nghiên cứu thực trạng dạy học hát Chèo và Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Như vậy, luận án với đề tài: *Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học Sư phạm Âm nhạc* là công trình nghiên cứu đầu tiên theo hướng chúng tôi trình bày ở trên.

#### 1.1.4.2. Cơ sở lí thuyết của hướng nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa vào một số hệ thống lí luận chủ yếu, bao gồm: Cơ sở lí thuyết về âm nhạc học; Cơ sở lí thuyết về âm nhạc dân tộc Việt Nam; Các lí thuyết về dạy học và PPDH âm nhạc.

##### \* Lí thuyết về âm nhạc học:

Luận án sử dụng các kiến thức về âm nhạc học đã được tổng kết thành lí thuyết để tìm hiểu đặc điểm âm nhạc, kĩ thuật hát của Chèo, Quan họ, từ đó chỉ ra mức độ chi phối của âm nhạc tới kĩ thuật hát trong Chèo và Quan họ; chẳng hạn như các công trình về lí thuyết âm nhạc của V.A. Va-ki'ra-mê-ép (Vũ Tự Lân dịch), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản* của Phạm Tú Hương; về phân tích tác phẩm như *Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* của Nguyễn Thị Nhung, *Phân tích tác phẩm âm nhạc* cho hệ ĐHSP Âm nhạc của Phạm Lê Hòa; về thanh nhạc học như *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc* của Nguyễn Trung Kiên, *Phương pháp dạy Thanh nhạc* của Hồ Mộ La, *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát* của Trần Ngọc Lan...

##### \* Lí thuyết về âm nhạc dân tộc Việt Nam:

Luận án sử dụng các đúc kết lí thuyết về âm nhạc dân tộc Việt Nam trên các phương diện về điệu thức, cấu trúc, giai điệu... của các công trình đã được công bố, chẳng hạn như: *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam* của Nguyễn Thụy Loan, *Tìm hiểu âm nhạc cổ truyền* của Tô Ngọc Thanh - Hồng Thao; *Dân ca Quan họ* của Hồng Thao; *Âm nhạc Quan họ* của Nguyễn Trọng Ánh; *Sử dụng làn điệu Chèo, Thanh điệu tiếng Việt và âm nhạc cổ truyền* của Hoàng Kiều; *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc* của Hoàng Kiều và Hà Hoa; *Ca hát trong Chèo* của Bùi Đức Hạnh...

Ở Việt Nam, những công trình nghiên cứu của các tác giả như Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Thụy Loan, Vũ Nhật Thăng, Hoàng Kiều, Bùi Đức Hạnh, Hồng Thao, Phạm Lê Hòa, Lê Văn Toàn, Nguyễn Trọng Ánh, Phạm Trọng Toàn, Hà Thị Hoa... đã có nhiều đóng góp trong nghiên cứu âm nhạc dân tộc Việt Nam. Những tài liệu trình UNESCO về Quan họ, Ca trù, Hát Vắn, Nhã nhạc cung đình, Công chiêng Tây Nguyên, Hát Xoan... đều mang đậm chất dân tộc nhạc học. Những công trình của các thế hệ đi trước là cơ sở để luận án của chúng tôi

nguyên cứu các vấn đề liên quan đến âm nhạc truyền thống Việt Nam nói chung và Chèo, Quan họ nói riêng.

*\* Lí thuyết về dạy học, PPDH âm nhạc và dạy học hát dân ca:*

Luận án sử dụng những khái niệm liên quan đến lí luận dạy học và PPDH (truyền thống và hiện đại) đã được các nhà sư phạm ở trong và ngoài nước nghiên cứu về bản chất của dạy học, quá trình, nguyên tắc và PPDH như: Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2011), *Lí luận dạy học hiện đại, một số vấn đề về đổi mới PPDH*, Đại học Postdam, CHLB Đức. Postdam - Hà Nội; Trần Bá Hoàn (2003), *Lí luận cơ bản về dạy và học tích cực, tài liệu bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội. Lưu Xuân Mới (2000), *Lí luận dạy học Đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. Nguyễn Cảnh Toàn (1997), *Quá trình dạy và tự học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội. Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội; Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - lí luận - biện pháp - kĩ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội; Thái Duy Tuyên (2008), *PPDH truyền thống và đổi mới*, Nxb giáo dục, Hà Nội; Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2018 (tái bản).

Về PPDH âm nhạc, luận án sử dụng lí thuyết đã được đúc kết để phân tích, so sánh và ứng dụng các PPDH âm nhạc từ truyền thống như: phương pháp hướng dẫn thực hành luyện tập, trình bày tác phẩm, kiểm tra đánh giá... và các phương pháp hiện đại như: dạy học theo nhóm, tổ, dạy học nêu vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin... trong dạy học hát dân ca. Luận án dựa vào một số công trình về PPDH âm nhạc tiêu biểu như: *PPDH Âm nhạc (giáo trình dùng cho các trường Cao đẳng Sư phạm đào tạo giáo viên Trung học cơ sở)* của Hoàng Long - Hoàng Lân; *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc, PPDH âm nhạc* của Ngô Thị Nam...

Trong dân gian, dân ca được truyền dạy theo lối truyền khẩu. Lối dạy này có những ưu điểm và nhược điểm nhất định. Từ thực tiễn dạy hát dân ca, dựa trên cơ sở về lí luận dạy học âm nhạc, truyền dạy trong dân gian sẽ định hướng phương pháp dạy hát dân ca ở hệ ĐHSP Âm nhạc phù hợp với điều kiện, mục tiêu, yêu cầu đào tạo và khả năng hát dân ca của SV.

## 1.2. Cơ sở lí luận của dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc

Trong phần này, xin được đưa ra khái niệm, giải thích thuật ngữ, một số vấn đề lí luận về dạy học hát Chèo, hát Quan họ ở bậc Đại học và tìm hiểu về đặc điểm âm nhạc, lời ca của Chèo, Quan họ để làm nổi bật được cơ sở lí luận của đề tài.

### 1.2.1. Khái niệm, thuật ngữ

#### 1.2.1.1. Cổ truyền và đương đại

Theo *Từ điển tiếng Việt* (2008) có giải nghĩa như sau: “Cổ truyền là từ xưa truyền lại, vốn có từ xưa” [83; 264]. Như vậy, có thể hiểu cổ truyền là những gì mà con người có được từ thời xưa (so với đương đại). Song, khái niệm như trên không chỉ ra mốc chính xác về thời gian mà có thể tùy theo tiến trình lịch sử của một quốc gia, dân tộc... nào đó.

Trên website của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, trang Văn hóa học, trong bài *Văn hóa cổ truyền, văn hóa truyền thống và truyền thống văn hóa* của tác giả Nguyễn Xuân Kính đã so sánh cổ truyền với hiện đại và chỉ rõ mốc của văn hóa cổ truyền Việt Nam: “*cổ truyền* là tính từ chỉ những gì ra đời và lưu truyền từ Cách mạng tháng Tám (1945) trở về trước, *hiện đại* là tính từ chỉ những gì ra đời và lưu hành sau Cách mạng tháng Tám (1945)” [135]. Qua việc so sánh giữa cổ truyền và hiện đại, chúng tôi đồng ý kiến với tác giả Nguyễn Xuân Kính đã nêu cụ thể thời điểm những gì được coi là cổ truyền của văn hóa Việt Nam phải là từ trước năm 1945.

Lí giải về hai chữ đương đại trong *Từ điển tiếng Việt* (2008) có giải nghĩa như sau: “đương đại thuộc về thời đại hiện nay” [83; 451]. Như vậy, về khái niệm đương đại theo nghĩa nội hàm được chúng tôi hiểu là bàn về thời đại ngày nay/hiện nay.

Trong luận án lí giải về cổ truyền và đương đại/đương truyền có vai trò quan trọng giúp xác định đặc trưng, sự giống, khác nhau trong kĩ thuật hát Quan họ và Chèo ở lối hát cổ và cách hát đương đại, bởi cách hát cổ và hát mới có sự khác nhau. Chẳng hạn, so sánh cách hát Chèo, Quan họ theo lối cổ với kĩ thuật hiện nay cho thấy, hát Chèo, Quan họ đương đại có phần trau chuốt hơn lối cổ, đặc biệt là các động tác biểu diễn, diễn xuất được cách điệu phù hợp với không gian và hình thức diễn xướng hiện đại.

### 1.2.1.2. Âm nhạc cổ truyền Việt Nam

Về khái niệm âm nhạc cổ truyền, tác giả Nguyễn Thụy Loan bàn trong cuốn *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam* (2006) như sau: “Cổ truyền là tổng thể những di sản âm nhạc đã hình thành và phát triển trong quá khứ ở nước ta - kể từ thời phong kiến trở về trước, còn được lưu truyền cho tới nay mà chưa bị ảnh hưởng của âm nhạc phương Tây” [58;17]. Khái niệm về âm nhạc cổ truyền của tác giả Nguyễn Thụy Loan cũng có điểm trùng với tác giả Nguyễn Xuân Kính về thời điểm từ thời phong kiến trở về trước (năm 1945). Tuy nhiên, không nên hiểu ngược lại là tất cả những gì thuộc thời điểm trước năm 1945 thì là âm nhạc cổ truyền bởi theo đó, những thể loại âm nhạc ảnh hưởng phương Tây có trước 1945 như Tân nhạc có phải là âm nhạc cổ truyền không? Vấn đề này, tác giả Nguyễn Thụy Loan đã chỉ ra một điểm (có thể coi là mâu chốt) để xác định: âm nhạc cổ truyền là chưa bị ảnh hưởng phương Tây.

Thực ra, khái niệm âm nhạc cổ truyền được nêu ra chủ yếu để so sánh với Tân nhạc là những thể loại âm nhạc có ảnh hưởng âm nhạc phương Tây rõ nét. Cách hiểu âm nhạc cổ truyền chưa bị ảnh hưởng âm nhạc phương Tây không nên tuyệt đối hóa mà chỉ tương đối mà thôi, bởi người phương Tây đã vào Việt Nam trước thế kỷ XX và có thể không phải lúc đó âm nhạc Việt Nam mới bị ảnh hưởng của phương Tây mà rất có thể đã phần nào chịu ảnh hưởng từ trước đó, có điều không rõ nét mà thôi.

Như vậy, có thể hiểu, âm nhạc cổ truyền Việt Nam là những di sản âm nhạc được hình thành trong quá khứ, từ thời phong kiến (năm 1945) trở về trước, chưa bị ảnh hưởng âm nhạc phương Tây và được truyền lại đến ngày nay.

### 1.2.1.3. Âm nhạc truyền thống

*Từ điển tiếng Việt* (1988) có đưa định nghĩa truyền thống là “cách suy nghĩ, cư xử hành động thừa hưởng của thế hệ trước” [97; 668]. Căn cứ vào định nghĩa này, có thể hiểu truyền thống là thế hệ sau có sự tiếp nhận những thành quả của thế hệ trước.

Trong các bài giảng về âm nhạc dân tộc tại Nhạc viện Hà Nội (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam), GS.TSKH Tô Ngọc Thanh cho rằng: truyền thống là những giá trị luôn được tiếp biến từ thế hệ này sang thế hệ khác và không bị đứt đoạn. Như vậy, trong khái niệm về truyền thống này không chỉ có sự tiếp

nhận mà còn có sự biến đổi, được liên tục truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách tiếp nối không đứt đoạn.

Bàn về âm nhạc truyền thống, tác giả Nguyễn Thụy Loan viết:

Âm nhạc truyền thống bao gồm tất cả những di sản âm nhạc cổ từ xưa còn truyền lại tới nay và cả những thành quả âm nhạc mới được sáng tạo ngay trong thời kỳ cận hiện đại khi âm nhạc phương Tây đã tạo nên những tác động sâu sắc tới nền âm nhạc Việt Nam song những thành quả âm nhạc ấy vẫn bám sát những nguyên tắc và phương thức cổ truyền mà không bị ảnh hưởng của âm nhạc phương Tây [58;17].

Khái niệm này đã cho thấy rõ âm nhạc truyền thống Việt Nam bao gồm cả âm nhạc cổ truyền từ 1945 trở về trước và cả những thành quả âm nhạc sau 1945 đến nay, nhưng không bị ảnh hưởng âm nhạc phương Tây. Chúng tôi cơ bản đồng ý với khái niệm trên, song chưa hoàn toàn nhất quán với quan điểm “không bị ảnh hưởng âm nhạc phương Tây”, bởi những bài bản mới sáng tác cho nhạc cụ dân tộc có tiếp thu lối cấu trúc phương Tây vẫn được coi là âm nhạc truyền thống hay Quan họ được hát theo lối mới về kỹ thuật và có phần đậm theo kiểu phương Tây thì vẫn là âm nhạc truyền thống. Trong cuốn *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*, tác giả Nguyễn Thị Mỹ Liêm có quan điểm:

Trong âm nhạc truyền thống có thể có những thể loại âm nhạc không được sinh ra từ nền văn hóa của tộc người, là một “du nhập văn hóa” nhưng trong quá trình tồn tại, phát triển, thể loại âm nhạc đó đã chuyển hóa, gắn bó với nền văn hóa chung và trở thành một thành tố của nền văn hóa với đặc trưng của truyền thống văn hóa đó. Thể loại âm nhạc đó cũng được xem là một thể loại của nền âm nhạc truyền thống [57; 9].

Quan điểm trên của Nguyễn Thị Mỹ Liêm có điểm hợp lí, bởi âm nhạc truyền thống và cả cổ truyền Việt Nam cũng có những thể loại ảnh hưởng của âm nhạc Trung Hoa, điều cốt lõi là đã trở thành một thành tố của nền văn hóa với đặc trưng của truyền thống văn hóa Việt Nam hay nói cách khác là trở thành bản sắc, “hồn cốt” văn hóa Việt Nam.

Từ những khái niệm của nhiều tác giả về truyền thống và âm nhạc truyền thống, chúng tôi cho rằng: *âm nhạc truyền thống Việt Nam bao gồm tất cả những*

*di sản âm nhạc cổ từ xưa còn truyền lại tới nay và cả những thành quả âm nhạc mới được sáng tạo sau này nhưng vẫn bám sát những nguyên tắc và phương thức cổ truyền.*

#### *1.2.1.4. Dân ca*

Khái niệm về dân ca ở một số nước trên thế giới hiện nay được lí giải khác nhau, tuy vậy, về nghĩa nội hàm có phần tương đồng. Chẳng hạn, “người Đức gọi “dân ca là volkslied” (tạm dịch là bài ca của nhân dân), người Pháp gọi dân ca là chanson populaire (bài ca phổ cập trong quần chúng), người Anh gọi dân ca là folk song (bài ca mang tính dân tộc)” [138].

Ở Việt Nam, nhạc sĩ Phạm Phúc Minh trong cuốn *Tìm hiểu dân ca Việt Nam* có trình bày cụ thể hơn về khái niệm dân ca: “là những bài hát cổ truyền do nhân dân sáng tác, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác và được nhân dân ca hát theo phong tục tập quán của từng địa phương, từng dân tộc” [70; 11].

Như vậy, có thể định nghĩa: *Dân ca là những bài hát do nhân dân sáng tác (không rõ tác giả), lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác theo phương thức truyền miệng và diễn xướng theo đặc trưng vùng miền, mang đậm tính dân tộc.* Do đặc tính truyền miệng, mỗi người tham gia diễn xướng lại có cách ứng tác khác nhau nên dân ca có tính dị bản (nhiều bài bản không hoàn toàn giống nhau).

#### *1.2.1.5. Dạy học*

*Từ điển văn hóa giáo dục Việt Nam* do Vũ Ngọc Khánh chủ biên (2003), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, định nghĩa: “Dạy học là quá trình truyền thụ kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo của thầy giáo cho học sinh” [45; 84]. Tuy nhiên, định nghĩa này mới cho thấy một mặt trong quá trình dạy học, đó là vai trò của người dạy. Hoạt động dạy học bao gồm hai mặt của một quá trình, đó là dạy và học, hai mặt của quá trình này luôn đi kèm biện chứng với nhau, bao gồm hoạt động điều khiển có mục đích, định hướng của thầy đối với học trò, giúp cho người học có được hệ thống tri thức kĩ năng, kĩ xảo để phát triển năng lực tư duy, năng lực hành động.

Trong *Dạy học hiện đại - lí luận - biện pháp - kĩ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tác giả Đặng Thành Hưng (2002) viết: “Bản chất của dạy học chính là gây ảnh hưởng có chủ định đến hành vi học tập và quá trình học tập của người khác, tạo ra môi trường và những điều kiện để người học duy trì việc học, cải thiện hiệu



quả, chất lượng học tập, kiểm soát quá trình học tập của mình” [40; 35]. Ở định nghĩa này, ta thấy rõ hơn hai chủ thể của hoạt động dạy học là thầy và trò với tư cách là hai chủ thể: người dạy và người học, hoạt động dạy - học cùng phối hợp đồng thời và cùng hướng tới giải quyết, hoàn thành từng mục đích rõ ràng.

Như vậy có thể hiểu: *Dạy học là một quá trình tương tác giữa thầy và trò, gồm toàn bộ các thao tác có tổ chức và có định hướng của người thầy, giúp hình thành ở người học những kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực tư duy, năng lực hành động và phẩm chất cá nhân, từ đó người học biết chiếm lĩnh các giá trị văn hóa, khoa học... mà nhân loại đã đạt được và trên cơ sở đó, có khả năng giải quyết được các vấn đề đặt ra trong cuộc sống của mỗi người học, góp phần cho sự phát triển của xã hội.*

#### 1.2.1.6. Dạy học hát dân ca

Dạy học hát dân ca bao gồm quá trình dạy và học hát, liên quan tới những vấn đề mang tính đặc thù của môn dân ca. Qua các khái niệm về dân ca, dạy học, chúng ta có thể hiểu *dạy học hát dân ca là quá trình gồm toàn bộ các thao tác có tổ chức và có định hướng của người dạy để hình thành ở người học kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo... hát dân ca; qua đó, người học có khả năng thực hành, khả năng tư duy về hát dân ca, hình thành phẩm chất, năng lực chiếm lĩnh những giá trị của dân ca Việt Nam.*

#### 1.2.1.7. Phương pháp

*Từ điển tiếng Việt* (2008) định nghĩa thuật ngữ phương pháp theo hai cách: “1/ cách thức nghiên cứu, nhìn nhận các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội như phương pháp so sánh thực nghiệm... 2/ là hệ thống các cách thức sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó như phương pháp học tập, PPDH, làm việc có phương pháp...” [83; 983].

Trong sách *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học* của Phó Đức Hòa có viết: “Phương pháp là cách thức, là con đường của tổ hợp các hoạt động nhằm thực hiện mục đích đề ra. Khái niệm phương pháp nhằm chỉ ra *cách tiếp cận vấn đề*” [29; 30].

Như vậy, *phương pháp có thể được hiểu là hệ thống các cách thức sử dụng được sắp xếp theo trật tự nhất định để thực hiện mục đích đề ra.*

#### 1.2.1.8. Phương pháp dạy học hát dân ca

Từ những cách giải nghĩa về các thuật ngữ “phương pháp”, “dạy học” và “dạy học hát dân ca”, có thể lí giải: *PPDH hát dân ca là một hệ thống những hành động có mục đích của người dạy nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành rèn luyện kĩ năng hát dân ca để người học có được các kiến thức như: cách phát âm - nhả chữ, khẩu hình, khoảng vang của âm thanh, vận dụng hơi thở và những kĩ thuật đặc trưng ở mỗi một thể loại dân ca..., từ đó người học thể hiện được bài hát dân ca, đạt được mục tiêu dạy học.*

#### 1.2.1.9. Phương pháp dạy học phát triển năng lực

Hiện nay, Bộ Giáo dục-Đào tạo đang triển khai mô hình dạy học theo phát triển năng lực trong chương trình đổi mới giáo dục phổ thông từ sau năm 2018. Đây là mô hình giáo dục nhằm hướng tới phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Để thực hiện dạy học phát triển năng lực, cần thiết phải có sự thay đổi về chương trình dạy học, nội dung dạy học, tổ chức dạy học và PPDH.

*PPDH phát triển năng lực là phương pháp lấy học sinh, SV làm trung tâm, giúp học sinh, SV chủ động chiếm lĩnh kiến thức, phát huy khả năng tự học, từ đó hình thành các năng lực cần thiết. PPDH phát triển năng lực sử dụng các PPDH hiện đại, dạy học tích cực như dạy học kiến tạo, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tự phát hiện, dạy học theo nhóm, dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm...*

Luận án sử dụng thuật ngữ PPDH phát triển năng lực khi nghiên cứu áp dụng các PPDH hát dân ca nhằm phát triển ở SV năng lực chủ động, sáng tạo.

#### 1.2.1.10. Làn điệu và hệ thống làn điệu

- *Làn điệu*: là cách gọi phổ biến trong âm nhạc truyền thống Việt Nam. Về hai chữ làn điệu đã có nhiều cách giải nghĩa, tuy vậy, cho tới nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Tác giả Nguyễn Thụy Loan giải nghĩa về làn điệu như sau:

Cách gọi truyền thống của người Việt để chỉ loại cấu trúc giai điệu bán ổn định, trong đó có những “phần cứng” (không thay đổi) và những “phần mềm” (có thể thay đổi). Phần cứng giúp cho người nghe nhận diện được giai điệu thuộc làn điệu nào, còn phần mềm với những thay đổi đa dạng khiến cho những dị bản của cùng một giai điệu rất khác nhau, thậm chí có khi khó nhận ra, nhất là với những người được đào tạo theo kiểu âm nhạc phương Tây chưa quen với âm nhạc cổ truyền [58; 248].

Có thể thấy, khái niệm này chỉ ra một yếu tố cơ bản của làn điệu là trong giai điệu của những bài bản cùng làn điệu có “phần cứng” không thay đổi hay nói cách khác là giống nhau, còn phần mềm có sự thay đổi nghĩa là khác nhau.

Đồng quan điểm với tác giả Nguyễn Thụy Loan, chúng tôi cho rằng *làn điệu để chỉ những bài bản có tên và lời ca (với bài hát) khác nhau nhưng giai điệu có những nét tương đồng giống nhau*. Ví dụ như làn điệu *Trống quân, Hát Ví, Hát Giặm*, các làn điệu *Còn, Dọc, Xá* trong Châu Văn... có nhiều bài bản khác nhau nhưng hát lên vẫn có nét giống nhau mà ta hay gọi sự giống nhau đó là lòng bản, còn các bài bản khác nhau chính là những dị bản. Chèo có nhiều làn điệu được xếp thành các hệ thống như *Sấp, Hề, Đường trường, Vãn*... Quan họ cũng có rất nhiều làn điệu.

- *Hệ thống làn điệu*: Khi bàn về làn điệu cần thiết quan tâm tới thuật ngữ *hệ thống làn điệu*. Hệ thống làn điệu khác với làn điệu, đó là những làn điệu hoặc bài bản được xếp thành một hệ thống theo những đặc điểm chung nào đó, nói cách khác là các bài bản cùng loại: cùng một làn điệu hoặc giống nhau về tính chất, cùng về một nội dung hay cùng nhau thực hiện ở một chặng hát... Chèo và Quan họ có nhiều hệ thống làn điệu, trong cuốn *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc* của Hoàng Kiều - Hà Hoa có đưa yêu cầu về *hệ thống làn điệu* của Chèo như sau:

- Làn điệu đó phải có cùng một tên điệu (hay tên bài).
- Cấu trúc nhạc và thơ có sự tương đồng
- Nội dung biểu hiện có tình cảm tương đồng (vui hay buồn v.v.)
- Trong làn điệu tối thiểu phải có một câu nhạc giống nhau
- Có tiếng đệm, lưu không, xuyên tâm, ngân đuôi có tiết tấu tương đồng
- Phải có từ ba làn điệu có một hoặc hai trong năm yêu cầu trên [53; 6].

Yêu cầu về hệ thống làn điệu của Chèo do hai tác giả Hoàng Kiều và Hà Hoa đưa ra đã cho thấy rất rõ sự khác biệt của *làn điệu* với *hệ thống làn điệu*. Hệ thống làn điệu bao hàm cả làn điệu ở trong đó. Chúng tôi đồng quan điểm trên và thấy rằng, các hệ thống làn điệu trong Chèo gồm những bài cùng làn điệu (tối thiểu phải có một câu nhạc giống nhau) và có cả những bài bản không cùng làn điệu (giai điệu không có nét giống nhau) nhưng giống nhau về tính chất (buồn thảm hoặc hài hước...), giống nhau vì cùng nội dung hay cùng để cho một nhân vật thể hiện (như hệ thống hát các làn điệu như *Hề môi bằng vàng, Hề môi cu sứt, Hề môi sư cụ*... là

cho nhân vật Hề) cũng được xếp vào một hệ thống làn điệu. Tương tự như vậy, Quan họ có 3 hệ thống làn điệu (giọng Lê lối, giọng Vặt hay còn gọi là giọng lẻ và Giã bạn) có điểm chung giống nhau là được sắp xếp theo các chặng hát (chặng mở đầu, chặng giữa và chặng cuối canh hát).

#### 1.2.1.11. Thang âm

Thang âm là sự sắp xếp các âm theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc từ cao xuống thấp. Thang âm của một bài bản có mối liên quan đến điệu thức, người ta thường dùng thang âm để biểu thị điệu thức của bài bản, ta hay gặp các cụm từ như “thang âm của điệu thức Bắc”, “điệu thức có thang âm là...”. Vì thang âm trong một bài bản có mối liên quan đến điệu thức, dùng thang âm để biểu thị điệu thức của bài bản nên yếu tố sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc ngược lại chưa đủ để nói lên bài bản đó ở điệu thức nào.

Như vậy, khái niệm *thang âm của một bài bản* bên cạnh yếu tố thứ tự sắp xếp của các âm thì còn một yếu tố nữa, đó là thang âm được bắt đầu từ âm nào, từ âm khởi đầu sẽ ra cấu tạo của thang âm trong bài bản.

Luận án của chúng tôi sử dụng thuật ngữ *thang âm* để chỉ thang âm của một bài bản và được xét trong mối quan hệ với điệu thức để làm công cụ phân tích điệu thức các bài Chèo và Quan họ.

Căn cứ vào những diễn giải ở trên, chúng tôi nêu khái niệm về thang âm như sau:

*Thang âm của một bài bản là sự sắp xếp các thành phần âm/bậc âm trong bài bản theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc từ cao xuống thấp trong phạm vi một quãng tám, với âm bắt đầu là âm ổn định nhất (còn được gọi là âm gốc). Với những bài không rõ điệu thức thì âm bắt đầu của thang âm là âm thấp nhất trong bài bản.*

Ví dụ 1: Thang âm với sự sắp xếp theo thứ tự của các bậc âm như dưới đây là của điệu thức Bắc.



#### 1.2.1.12. Giải thích một số thuật ngữ

- *Kỹ thuật hát*: Là tổng thể nói chung các phương pháp, phương thức trong cách điều khiển giọng hát của mỗi một loại hình ca hát (mỗi một loại hình ca hát sẽ có kỹ thuật hát riêng mang nét đặc thù). Thanh nhạc châu Âu có những đặc trưng

riêng về kỹ thuật cộng minh, cách sử dụng hơi thở và việc phát triển giọng hát luôn được gắn liền với các kỹ thuật legato, staccato, passage, trillo... Ca hát cổ truyền Việt Nam có những kỹ thuật mang đặc trưng riêng cho từng loại hình/thể loại như hát Chèo thì có kỹ thuật hát liền hơi, nhấn, ngắt, rung giọng, nảy hạt. Trong lối hát Quan họ có sử dụng kỹ thuật hát vang - rền - nền - nảy.

Trong luận án sử dụng thuật ngữ *kỹ thuật hát* để chỉ các phương pháp, phương thức trong cách điều khiển giọng hát với những đặc trưng trong Chèo và Quan họ.

- *Kỹ năng hát*: Từ điển tiếng Việt định nghĩa kỹ năng là: “khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế” [97; 501].

Có thể nói, kỹ năng là những hành động hay khả năng vận dụng kiến thức thu nhận được đảm bảo cho người ta có năng lực hoàn thành công việc một cách có ý thức và độc lập, với chất lượng cần thiết trong thời gian tương ứng.

Về thuật ngữ “kỹ năng hát” được hiểu là những hành động hay khả năng vận dụng kiến thức thu nhận được đảm bảo cho người hát có năng lực hoàn thành một cách độc lập, với chất lượng cần thiết các kỹ thuật của một loại hình ca hát.

- *Chèo*: Trên phương diện tổng thể, Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền, phát triển mạnh ở Bắc bộ, nhất là vùng Châu thổ sông Hồng. Với sự kết hợp nhuần nhuyễn của nhiều yếu tố: âm nhạc, múa, sân khấu, hội họa, thơ ca..., Chèo là nghệ thuật tổng hợp giàu tính dân tộc và mang tính quần chúng cao. Đặc tính nổi bật của Chèo là mang đậm màu sắc dân gian. Xét về phương diện âm nhạc, Chèo là một thể loại với hệ thống làn điệu phong phú, nhiều làn điệu trong Chèo bắt nguồn từ dân ca Việt Nam.

- *Quan họ*: Là một thể loại dân ca đặc sắc, phong phú về làn điệu, được lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác qua phương thức truyền khẩu. Hát Quan họ là lối hát giao duyên (đôi đáp) giữa “liền anh” và “liền chị”. Âm nhạc hát Quan họ trữ tình, tinh tế, tao nhã và được coi là đỉnh cao của nền dân ca Việt Nam.

- *Trở hát*: Trở hát hay còn gọi là khổ hoặc đặn. Trong luận án thống nhất gọi là trở hát. Trở hát được xác định là một đơn vị cấu trúc gồm có cả phần âm nhạc và lời ca

trong một bài hát hay một làn điệu Chèo, Quan họ. Trò chủ yếu được dùng trong cấu trúc của những bài có lời ca dài (nhiều câu thơ) và về phần âm nhạc mỗi trò có bố cục độc lập, ổn định.

- *Nhấn nhá*: Nhấn trong nhấn nhá có nghĩa là tạo sự quan tâm, chú ý bằng cách nhá (nhấn bằng cách nhá), còn chữ nhá có nghĩa nhai, nhắc lại nhiều lần, để nhấn một chữ hay đoạn nào đó trong bài hát (nhá để mà nhấn).

- *Thùng thẳng*: Thùng thẳng là cách hát nhấn nhá, đảo chữ, thêm chữ vào lời thơ, dùng nhiều tiếng đệm, đan xen giữa lời thơ và tiếng đệm, tạo thành lối hát thùng thẳng. Hát thùng thẳng còn được hiểu là hát chậm, túc tắc thùng thẳng, thông dong, đỉnh đặc, không vội vàng.

### **1.2.2. Cơ sở lý luận của dạy học hát Chèo và hát Quan họ**

Cơ sở lý luận của việc dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc được dựa trên mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, PPDH, đặc điểm đối tượng người học, nguyên tắc dạy học hát Chèo và hát Quan họ.

#### **1.2.2.1. Mục tiêu và nội dung dạy học**

##### **\* Mục tiêu dạy học**

Mục tiêu dạy học có một ý nghĩa quan trọng trong bất cứ một ngành đào tạo, chương trình đào tạo hay chương trình môn học nào. Khi xây dựng chương trình đào tạo, việc đầu tiên của người xây dựng là phải trả lời câu hỏi mục tiêu để làm gì, đạt đến đâu?.

Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Âm nhạc ở bất kì cơ sở nào của nước ta đều có mục tiêu giáo dục năng lực chuyên môn và giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc. Ngành Thanh nhạc chủ yếu hướng tới đào tạo diễn viên hát. Người học ra trường hát được ca khúc Việt Nam, ca khúc nước ngoài và dân ca Việt Nam. Ngành sư phạm Âm nhạc đào tạo các giáo viên cho các trường phổ thông, Cao đẳng, Đại học không chuyên nhạc; họ phải biết hát dân ca và dạy được các bài hát dân ca. Bởi vậy trong chương trình khung của các ngành này có môn Dân ca/ môn Hát dân ca. Chương trình chi tiết của các môn này có đại diện tiêu biểu dân ca của các vùng miền, trong đó có Chèo, Quan họ là hai thể loại đặc sắc của ca hát cổ truyền Việt

Nam. Bên cạnh đó, người học còn được học hát dân ca Việt Nam qua môn Thanh nhạc.

Luận án nghiên cứu dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW phải dựa trên mục tiêu dạy học của các chương trình khung và chương trình chi tiết của môn Dân ca (sẽ trình bày ở chương 3 của luận án khi đi vào nghiên cứu thực trạng). Mục tiêu dạy học của chương trình khung, chuẩn đầu ra và chương trình chi tiết của các môn là cơ sở để luận án đưa ra các phương pháp, biện pháp nâng cao chất lượng dạy học hát Chèo và hát Quan họ.

#### *\* Nội dung dạy học*

Nội dung dạy học có ý nghĩa quan trọng trong quá trình dạy học, góp phần quyết định chất lượng dạy học. Nội dung dạy học không đáp ứng yêu cầu đào tạo thì sẽ làm hỏng chương trình môn học và ảnh hưởng chung đến chương trình đào tạo của một ngành. Các PPDH, tổ chức dạy học đều căn cứ vào nội dung dạy học. Nội dung dạy học được xây dựng dựa trên mục tiêu dạy học và chương trình dạy học. Vì thế, nội dung dạy học phải được xây dựng khoa học, phù hợp với đối tượng đào tạo.

Nội dung dạy học môn Dân ca/Hát dân ca nói chung và Chèo, Quan họ nói riêng là cơ sở để luận án làm căn cứ xây dựng các PPDH cho phù hợp với đối tượng SV ngành ĐHSP Âm nhạc (sẽ trình bày cụ thể ở chương 3). Luận án hướng tới xây dựng nội dung dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở bậc Đại học là: 1/ không chỉ dạy hát, mà cần giúp sinh viên nâng cao khả năng biểu diễn Chèo và Quan họ. 2/ không chỉ dạy kỹ năng thực hành, mà còn chú trọng đến nâng cao nhận thức lí luận về diễn xướng Chèo và Quan họ.

#### *1.2.2.2. Hình thức tổ chức dạy học ở bậc Đại học*

Từ mục tiêu, nội dung dạy học, các nhà sư phạm xây dựng các hình thức tổ chức dạy học. Hình thức tổ chức dạy học môn Dân ca trong đó có Chèo và Quan họ có những đặc điểm riêng tùy vào từng ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, mục tiêu đào tạo. Có thể tổ chức dạy cá nhân, dạy nhóm, hát tập thể... Với chuyên ngành Dân ca để người học trở thành diễn viên hát dân ca như diễn viên Chèo, diễn viên Ca trù, Quan họ, hát Văn... thì hình thức tổ chức sẽ thường là học cá nhân hoặc theo nhóm

nhỏ với thời lượng môn học nhiều tiết vì đây là ngành đào tạo chính. Với chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc thì hát dân ca không phải là ngành chính nên có thể tổ chức dạy hát theo nhóm lớn hoặc tập thể.

Xác định được hình thức tổ chức dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc là cơ sở để luận án xây dựng những PPDH phù hợp, mang tính khoa học, tính khả thi. Ở trường ĐHSP Nghệ thuật TW, môn Dân ca là một trong các môn cơ sở ngành, là môn học bắt buộc ở hệ ĐHSP Âm nhạc. Hình thức tổ chức dạy học là dạy tập thể với ít nhất khoảng từ 25-30 SV. Tuy vậy, để khắc phục thời gian hạn chế, ngoài thời gian học trên lớp, cần tạo điều kiện để SV tự luyện tập ngoài giờ, tham gia các hoạt động ngoại khoá..., việc thay đổi linh hoạt hình thức học tập thể từ 8-10 bạn 1 nhóm nhỏ, giúp tạo điều kiện để phát triển năng lực tự học, tự luyện tập theo nhóm, sẽ rất tốt cho quá trình rèn luyện kỹ năng diễn xướng, dàn dựng làn điệu Chèo và Quan họ.

#### *1.2.2.3. Đặc điểm của sinh viên ĐHSP Âm nhạc*

Cơ sở lý luận của dạy học hát dân ca được dựa trên đặc điểm của người học. Các yếu tố sinh lý, tâm lý như: lứa tuổi, đặc điểm hệ cơ, xương, hệ thần kinh...; khả năng tư duy, ghi nhớ...; các đặc điểm về xúc cảm, tình cảm, hưng phấn, tính cách, thị hiếu thẩm mỹ, khả năng bẩm sinh... đều ảnh hưởng nhất định đến quá trình dạy học của bất cứ môn học nào. Ngoài ra, đặc điểm của người học còn liên quan đến yếu tố vùng miền, dân tộc... Người thầy nắm được đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng dạy là rất cần thiết, để có những biện pháp, PPDH phù hợp cho từng đối tượng, đạt được hiệu quả cao nhất của quá trình dạy học.

Luận án nghiên cứu dạy học hát Chèo và Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW phải dựa trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm tâm - sinh lý, đặc điểm vùng miền, khả năng hát dân ca ca nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng của SV.... Dựa vào những đặc điểm của SV ĐHSP Âm nhạc để thấy được những ưu điểm, hạn chế nhược điểm của SV, từ đó mới có thể đưa ra những biện pháp, phương pháp giảng dạy phù hợp, đem lại hiệu quả và chất lượng dạy học hát Chèo và Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.



#### 1.2.2.4. Các phương pháp dạy học chủ yếu được sử dụng trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ

Cơ sở lý luận của việc dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc đã phân tích ở trên được dựa vào mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, đặc điểm đối tượng người học. Bên cạnh đó, xác định rõ các PPDH được sử dụng trong dạy học hát Chèo, hát Quan họ là cơ sở lý luận quan trọng đối với người GV dạy hát dân ca. PPDH là một thành tố của quá trình dạy học, có mối quan hệ chặt chẽ với mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức dạy học và đặc điểm người học. PPDH có vai trò quan trọng, góp phần quyết định chất lượng dạy học. Người thầy có kiến thức chuyên môn tốt, song PPDH không phù hợp sẽ mang lại hiệu quả dạy học không cao. Thông thường người ta chia PPDH làm hai dạng chính: PPDH truyền thống và PPDH hiện đại.

PPDH truyền thống “có thể hiểu là những cách dạy học được truyền bá từ lâu đời và được bảo tồn, duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác” [4; 117]. Các PPDH truyền thống được sử dụng ở hầu hết các môn học hiện nay như: thuyết trình, trực quan, làm mẫu, kiểm tra đánh giá, hướng dẫn thực hành luyện tập.

PPDH hiện đại, là những PPDH tích cực mà thời kỳ hiện đại thế kỷ XX, XXI quan tâm sử dụng nhiều. “PPDH tích cực dựa theo quan điểm lấy người học làm trung tâm được gọi là PPDH hiện đại” [4; 119]. Mỗi dạng PPDH có ưu thế riêng và được sử dụng tùy theo đặc điểm của từng môn học. Các PPDH tích cực hay các PPDH phát triển năng lực là dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tự phát hiện, dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm, dạy học theo dự án, theo góc...

Dạy học hát dân ca nói chung và Chèo, hát Quan họ nói riêng cũng như nhiều môn học khác là sử dụng các PPDH truyền thống và cả các PPDH hiện đại (bao gồm các phương pháp như nêu ở trên), tùy theo ngành học, mục tiêu đào tạo và đối tượng học, song có những nét mang tính đặc thù riêng, do đặc điểm của môn nghệ thuật âm nhạc cổ truyền Việt Nam.

Bên cạnh đó, một trong những phương pháp mang tính đặc thù của dạy học hát dân ca nói chung và dạy học hát Chèo, Quan họ nói riêng được nhiều thế hệ tiếp nối sử dụng là *dạy hát truyền khẩu*. Phương pháp này có thể coi là một phần của

phương pháp làm mẫu. Dạy truyền khẩu là cách truyền dạy lâu đời của dân ca và còn được gọi cách khác là truyền miệng. Lối dạy này “truyền lại bằng lời, không có văn bản viết, từ người này sang người khác, từ đời này sang đời khác” [83; 1303].

Luận án sử dụng thuật ngữ *dạy truyền khẩu được hiểu là hình thức truyền dạy theo lối truyền miệng, dạy hát bằng lời ca, thầy hát mẫu, học trò bắt chước lại cho đến khi hát thuộc làn điệu/bài bản*. Cách dạy truyền khẩu có ưu điểm là duy trì sự trường tồn của dòng ca hát dân gian và đào tạo nghệ sĩ chuyên nghiệp. Trong dạy hát Quan họ, Chèo nói riêng và dân ca nói chung, việc truyền dạy dân ca được tiến hành theo lối truyền khẩu cần được phát huy thế mạnh, bởi cách dạy này có những ưu điểm là truyền dạy một cách tỉ mỉ, sát thực, gần với “gốc” của làn điệu dân ca. Với đặc thù giảng dạy ở bậc Đại học, đặc điểm của người học về khả năng âm nhạc, hát dân ca, tâm sinh lí... ở lứa tuổi này luôn hướng đến sự chủ động, sáng tạo, trên cơ sở đó, dạy hát Chèo và Quan họ cần dạy theo lối truyền khẩu kết hợp với các PPDH Âm nhạc truyền thống và hiện đại.

#### *1.2.2.5. Một số nguyên tắc dạy học hát Chèo, hát Quan họ cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc*

Dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở bậc Đại học dựa vào một số nguyên tắc mang nét đặc trưng trong dạy học hát dân ca để đảm bảo được mục đích, mục tiêu, yêu cầu theo chuẩn đầu ra của môn học.

Nguyên tắc một, dạy học hát Chèo và Quan họ cần đảm bảo dạy những kĩ thuật hát của thể loại theo lối cổ và những bài/làn điệu tiêu biểu, có lời ca cổ.

Nguyên tắc hai, dạy hát dân ca cho hệ ĐHSP Âm nhạc cần đảm bảo tính vừa sức với khả năng âm nhạc, khả năng hát dân ca nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng của SV.

Nguyên tắc ba, phát triển khả năng tư duy lí luận, nâng cao năng lực tự luyện tập, phát huy tính sáng tạo của SV ĐHSP Âm nhạc.

Nguyên tắc bốn, đề cao vai trò của nhận thức lí luận về âm nhạc, kĩ thuật hát Chèo và Quan họ, liên kết kiến thức lí thuyết với thực hành rèn luyện kĩ năng, vừa là nhằm đáp ứng mục tiêu về kiến thức, vừa là biện pháp hỗ trợ tích cực trong quá trình rèn luyện kĩ năng thực hành.

Nguyên tắc năm, kế thừa và phát triển lối dạy truyền khẩu dân gian của các thế hệ nghệ nhân đi trước, kết hợp sáng tạo giữa lối dạy truyền khẩu với các phương pháp

dạy học âm nhạc truyền thống và hiện đại, chú trọng phát triển PPDH tích cực theo phát triển năng lực cho SV.

Nguyên tắc sáu, đảm bảo tính ứng dụng thực tiễn về diễn xướng Chèo và Quan họ để sau khi ra trường, SV không những có nền tảng vững chắc trong dạy học hát dân ca, mà còn có năng lực dàn dựng, biểu diễn các hoạt động ngoại khoá ở trường phổ thông và ngoài xã hội.

### ***1.2.3. Đặc điểm âm nhạc, lời ca của Chèo***

Trong mục này, luận án xin được tổng kết một số nét cơ bản nhất về đặc điểm âm nhạc, lời ca của Chèo và Quan họ, làm cơ sở cho sự phân tích về đặc điểm kỹ thuật hát của hai thể loại này ở chương 2.

#### ***1.2.3.1. Khái quát về Chèo***

Từ bao đời nay, với người dân Bắc Bộ, nhất là vùng châu thổ sông Hồng, hát Chèo là một sinh hoạt văn hóa nghệ thuật quen thuộc, gắn liền với đời sống, hội hè của người Việt. Nghệ thuật Chèo mang tính nguyên hợp, là sự tổng hòa của nhiều yếu tố kết hợp như thơ ca, hát, âm nhạc, kịch... Chèo có một tiền trình lịch sử hình thành và phát triển lâu đời và cho tới nay, vẻ đẹp của nghệ thuật sân khấu, của nội dung và giai điệu âm nhạc cũng như cách hát, múa trong Chèo vẫn làm say mê nhiều khán giả trong và ngoài nước, khẳng định những giá trị văn hóa dân tộc có sức sống trường tồn.

Với những làn điệu phong phú, có nhiều bài bắt nguồn từ dân ca, với nội dung tích truyện hấp dẫn, gắn với đời sống giản dị của người nông dân, Chèo đã mang lại những cảm xúc, những nét đẹp gần gũi, bình dị mà vô cùng sâu sắc, độc đáo. Trong Chèo có những nét tiêu biểu cho văn hóa vùng châu thổ sông Hồng hay vùng Bắc Bộ của Việt Nam xưa, thể hiện tâm tư, tình cảm, lối sống, nếp nghĩ, trình độ, tính cách... của người dân Bắc Bộ. Qua các vở Chèo, người ta có thể thấy cả không gian văn hóa vùng châu thổ sông Hồng với nền nông nghiệp lúa nước bao đời. Ở đó, kết tinh những giá trị của tình người đầy chất nhân văn; của truyền thống thơ ca, ca dao, tục ngữ...; của những triết lý thâm trầm; của sự khéo léo, sắc sảo trong lời ăn, tiếng nói; sự thông minh trong những nét trào phúng hài hước, dí dỏm, châm biếm, đả kích sâu cay và cả sự mạnh mẽ phản kháng chống lại cường quyền...

Có thể nói, ít có nghệ thuật nào đạt được độ sâu sắc cả bi lẫn hài, cả bình dị lẫn tinh tế... như Chèo. Đặc biệt, nói đến Chèo mà không nói đến tính trào phúng là một thiếu sót. Tiếng cười trong đó đã đem lại cho Chèo một nét độc đáo, tạo độ hấp dẫn hiếm thấy. Những tiếng cười như trong lớp “Mẹ Đốp - Lí trưởng”, “Thị Mầu lên chùa” trong vở *Quan âm Thị Kính* khiến bao người say mê, xem đi xem lại không biết chán. Có người đi xem Chèo mà không được thưởng thức các lớp hài thì cảm thấy “nhạt miệng”, như thiếu vắng một cái gì đó. Nói như vậy để thấy, dường như trong Chèo không thể không có tiếng cười. Nếu như cái bi trong Chèo lấy nước mắt để “răn đời”, để nói lên nỗi thống khổ của người nông dân Việt Nam xưa, để phản kháng với những bất công, đem lại cho con người bao sự đồng cảm, thương cảm thì cái hài trong Chèo lấy tiếng cười để “uốn nắn” cuộc sống, không chỉ đem lại cho người xem sự sáng khoái, giải trí mà còn là sự châm biếm, đả kích sâu cay những thói hư tật xấu của con người trong xã hội, phản kháng sự áp bức của giai cấp phong kiến thống trị.

Những người hiểu Chèo, sành Chèo đều biết đến những vở Chèo cổ nổi tiếng như *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Kim Nham*, *Trương Viên* và 4 chiếng Chèo (là những phường Chèo hoạt động trong một vùng văn hóa, địa lí nhất định) của vùng châu thổ sông Hồng là Đông, Đoài, Nam, Bắc với kinh đô Thăng Long - Hà Nội ở vị trí trung tâm, trong đó nổi tiếng là chiếng Chèo Nam với các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình...

Chèo thuộc loại hình sân khấu, có cấu trúc vở diễn gồm các màn, cảnh... có khi rất đồ sộ với hệ thống nhân vật biểu trưng cho nhiều tính cách trong xã hội như vai chín (nữ chín), vai lệch (nữ lệch, mụ ác), nam thư sinh, nam phản diện, vai lão, Hề... Vì thế, các làn điệu, bài bản trong Chèo rất phong phú. Theo tài liệu của tác giả Hoàng Kiều – Hà Hoa bàn về *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc* có phân chia những làn điệu hát Chèo thành 8 hệ thống theo sự sắp xếp, phân loại dựa vào cách đặt tên theo truyền thống Chèo cổ: *Hát sấp, hát hề, hát vãn, hát vĩa - ngâm, hát hơi ả đào, hát hơi Huế, đường trường và các làn điệu ca lễ* [53].

Trong cùng một hệ thống, thì các làn điệu gần như có cùng một tính chất. Chẳng hạn, các làn điệu Vĩa, Ngâm vịnh có tính chất chủ yếu là ngâm ngợi, suy tư,

sâu lắng... Hay ở các làn điệu ca lẻ thường có tính chất tha thiết, trữ tình, đắm thắm, sâu lắng, chờ đợi, ngậm ngùi... Hoặc, đối với các điệu trong hệ thống lối Hề, Sắp lại thể hiện sự hài hước, châm biếm, lạc quan, dí dỏm, phóng khoáng, bi hài, xót xa, giễu cợt... Tuy vậy, theo sự nghiên cứu của chúng tôi thì thấy có một vài làn điệu thuộc hệ thống ca lẻ như *Con tò vò*, *Làn thắm*, *Trần tình* có thể xếp vào hệ thống Văn bởi cùng có tính chất ai oán, bi thương như các làn điệu trong hệ thống này, hoặc các làn điệu Sử cũng có thể xếp riêng thành một hệ thống.

Dựa trên 8 hệ thống làn điệu, hát Chèo được phân chia thành nhiều loại tính chất như trên, tuy nhiên, cũng có thể quy gọn lại thành hai mảng chính là: mảng trữ tình (tự sự, bi thương) và mảng trào phúng (hay còn gọi trào lộng).

Việc trình bày về hệ thống làn điệu là nhằm để chỉ ra sự khác nhau về nội dung, tính chất âm nhạc của các làn điệu có tác dụng quy định lối diễn xướng của Chèo, đồng thời là nhằm để chỉ ra những nhân tố chi phối trực tiếp cách hát mang nét đặc trưng riêng theo tiêu chuẩn của giọng hát Chèo. Bởi, mỗi một loại giọng hát thường chỉ phù hợp và hát tốt với một vài hệ thống làn điệu, nên khi tham gia diễn xướng, với những vai chín, lệch, hề, mục... thường sẽ hát một số làn điệu phù hợp với nhân vật cụ thể.

Trong Chèo truyền thống các nghệ nhân dân gian thường xây dựng 5 mô hình nhân vật cơ bản: *Thư sinh*, *Đào*, *Lão*, *Mụ*, *Hề*. Từ 5 mô hình này, ở mỗi một dạng sẽ được chuyển hóa mở rộng từ những mô hình cơ bản sau:

- Vai thư sinh còn được gọi là vai Kép. Vai này được chia thành 2 dạng là Kép chính (đóng chính diện như nhân vật Thiện Sĩ, Trương Viên, Kim Nham) và Kép ngang ( đóng vai bất chính, phản diện như nhân vật Trần Phương).

- Vai Đào (nữ) có Đào chín (đóng chính diện như nhân vật Thị Kính, Thị Phương, Trinh Nguyên); Đào lệch (như nhân vật Thị Mầu) và Đào pha (như nhân vật Sứ Vên).

- Vai Lão có nhiều loại như Lão say, Lão chài, Lão Mãng, Lão bộc...

- Vai Mụ có nhiều loại như Mụ thiện, Mụ ác, Mụ môi, Mụ quán...

- Vai Hề có Hề áo ngắn (Hề gậy, Hề môi, Đốp) và Hề áo chùng (các nhân vật gậy cười như xã trưởng, phù thủy, thầy bói...).

Sở dĩ chúng tôi bàn về mô hình các vai của Chèo, mỗi một vai, nhân vật cụ thể như Thụ sinh, Đào, Lão, Mụ, Hề sẽ có phong cách hát riêng, nên khi tham gia diễn xướng, với những vai Thụ sinh, Đào chín, Mụ thiện thường có một số kỹ thuật hát khác đôi chút với những vai Mụ ác, Mụ mối, Mụ quán, Lão say, Lão Mộc, Hề. Luận án đi sâu phân tích và truyền dạy chủ yếu về cách hát, làn điệu mang tính trữ tình phù hợp với các dạng vai/ nhân vật đóng chính diện. Ngoài ra, với các kỹ thuật mà chúng tôi nghiên cứu cũng sử dụng được cho tất cả các vai/nhân vật. Tùy vào các dạng vai/ nhân vật cụ thể mà ứng dụng kỹ thuật hát sao cho phù hợp. Phần này chúng tôi sẽ trình bày sâu hơn ở phần kỹ thuật hát của Chèo.

### 1.2.3.2. Cấu trúc

Cấu trúc các làn điệu Chèo khá đa dạng, thuộc thể loại ca hát có cấu trúc hoàn chỉnh, cân đối, rõ ràng, tính chất âm nhạc theo lối kể chuyện, liên quan chặt chẽ tới cấu trúc của lời ca. Trong công trình *Sử dụng làn điệu Chèo* (1974), tác giả Hoàng Kiều cho rằng, cấu trúc trong Chèo chia làm 2 dạng: một là “Những nhân tố hợp thành trở hát” [50; 28], hai là “Những nhân tố hợp thành điệu Chèo” [50; 35].

#### \* Những nhân tố hợp thành trở hát:

Trong một trở hát, ngoài thành phần chính là giai điệu của phần hát, còn có một số những nhân tố khác hợp thành như nhạc lưu không, nhạc xuyên tâm và nhạc ngân đuôi, làm cho trở hát Chèo có kết cấu riêng, không giống với thể loại dân ca khác.

#### - Nhạc lưu không:

Nhạc lưu không (do bộ phận nhạc cụ đảm nhiệm) là một bộ phận bắt đầu từ trở hát này sang trở hát khác, cũng có khi là để kết thúc bài hát, còn có thể là “chỗ nghỉ để diễn viên lấy hơi và thay đổi hình thức từ hát sang múa” [50; 29]. Trong Chèo cổ xưa kia, lưu không thường “dài 8, 12, 18 nhịp” [50; 29], sở dĩ như vậy là vì để cả diễn viên lẫn người nghe đỡ mệt, diễn viên không phải hát liên miên và người nghe được chuyển đổi sang hình thức nghe nhạc cụ. Ngày nay, nhạc lưu không thường chỉ dùng 4 nhịp, đôi khi có loại 6 nhịp, một số trường hợp tới 8 nhịp, trường hợp này thường nhắc lại 4 nhịp lưu không ban đầu và có biến hóa để diễn viên múa cho phù hợp với tiết mục Chẳng hạn, làn điệu *Lận đận* hay *Bà chúa con cua* là loại có lưu không 6 nhịp [3.1.1 tr. 214; 3.1.2 tr. 216].

Một số làn điệu có phần nhạc lưu không giống nhau hoặc gần giống nhau. Chẳng hạn, phần nhạc lưu không 4 nhịp dưới đây là của những làn điệu *Đường trường tiếng đàn*, *Đường trường duyên phận*, *Dương xuân*... [PL 3.1.3 tr. 218; 3.1.4 tr.226; 3.1.5 tr.229].

- *Nhạc xuyên tâm:*

Nhạc xuyên tâm có chức năng làm cầu nối cho các câu hát. Thường thì, xuyên tâm chỉ có 2 ô nhịp được xen kẽ trong các trổ hát để phân các câu nhạc. Thí dụ như làn điệu *Sắp qua cầu*, ở ô nhịp 6, khi kết thúc câu hát 1 (*vấn vít*...), nét nhạc xuyên tâm do dàn nhạc tấu lên 2 nhịp để người hát nghỉ và chuyển ý sang câu 2 (*cái ruột tầm loan*...) [PL 3.1.8 tr.243].

Mặc dù vậy, việc phân biệt giữa nhạc lưu không và nhạc xuyên tâm phải căn cứ vào vị trí của nó ở giữa trổ hay cuối trổ hát, chứ không nên căn cứ vào số ô nhịp 2 hay 4. Bởi, nhạc xuyên tâm để phân cho câu hát, là cầu nối giữa các câu trong 1 trổ hát, còn nhạc lưu không đứng ở cuối của 1 trổ báo hiệu kết thúc trổ hát.

- *Nhạc ngân đuôi:*

Nhạc ngân đuôi là giai điệu cuối cùng của trổ và cuối bài hát trước khi vào nhạc lưu không. Ngân đuôi thường dùng *nguyên âm iii*, được hát kết thúc của mỗi một trổ hát. Về độ dài, nhạc ngân đuôi cũng giống nhạc lưu không, có độ dài ngắn khác nhau, khi là 2 ô nhịp, lúc thì gồm 4 nhịp và đôi khi có cả loại 6 ô nhịp. Thí dụ như làn điệu *Gà rừng*, từ ô nhịp thứ 53 của trổ thân bài (*huyền i i i....*) là nét nhạc ngân đuôi gồm 4 ô nhịp. [PL 3.1.18 tr.270].

Có thể thấy rằng, tất cả những thành phần như nhạc xuyên tâm, lưu không, nhạc ngân đuôi là những nhân tố hợp thành trổ hát Chèo hoàn chỉnh. Đây là đặc điểm mang nét đặc trưng của trổ hát trong một làn điệu Chèo.

\* *Những nhân tố hợp thành làn điệu Chèo:*

Trong công trình *Sử dụng làn điệu Chèo* (1974), tác giả Hoàng Kiêu đã bàn về cấu trúc của điệu Chèo như sau: “Trong điệu Chèo có nhiều trổ hát, người ta căn cứ vào tính chất vị trí của nó mà có tên gọi của các trổ hát khác nhau: Trổ Mở bài, Trổ Thân bài, Trổ nhắc lại và Trổ Kết bài” Tùy vào tính chất, vị trí của nó mà gọi tên các phần khác nhau [50; 35].

Trở mở bài còn gọi là trở mở đầu, trở thân bài còn gọi là phần thân bài (các trở nhắc lại vẫn nằm trong cấu trúc của trở thân bài), trở kết bài còn gọi là phần kết. Hình thức và vị trí của từng trở như sau:

Trở mở đầu là câu hát ngắn gọn ở đầu bài hát. Trong Chèo cổ, trở mở đầu luôn được hát trước khi vào trở thân bài, nhiều khi trở mở đầu được sử dụng 2 câu nhạc và lời hát ít nhắc lại ở trở thân bài. Trở mở đầu thường không được hát nhắc lại ở trở thân bài. Chẳng hạn, 16 nhịp đầu của bài *Sắp qua cầu* chính là trở mở đầu [PL 3.1.8 tr.243].

Trở Thân bài là phần hát chính trong một làn điệu Chèo, thường gắn với một hoặc hai câu thơ. Ví dụ như trở thân bài của làn điệu *Dương xuân* gồm 37 nhịp, có lời ca là hai câu thơ lục bát “*Yêu cây vun xới cho cây/Lá xanh lá tốt càng ngày càng xanh*” [PL 3.1.5 tr.229]... Tư tưởng và nội dung bài hát nằm chủ yếu ở phần thân bài. Trở thân bài có giá trị như một bài hát hoàn chỉnh, thường có đầy đủ các nhân tố như xuyên tâm, lưu không, ngân đuôi..., đặc trưng trong hát Chèo. Chẳng hạn, ở 36 ô nhịp đầu tiên trong bài *Sắp cổ phong* [PL 3.1.9 tr.249] là trở thân bài.

Trở Thân bài có thể được hát lại một hoặc nhiều lần, các trở đó được gọi là trở nhắc lại. Trở nhắc lại luôn đứng sau phần trở thân bài để nhắc lại có thay đổi một số nét trong giai điệu và lời ca so với phần thân bài. Trở nhắc lại có thể được lặp lại vài lần, song lời ca có thay đổi, tùy thuộc vào nội dung như ở ô nhịp thứ 40 – 80 tiếp theo trong làn điệu *Sắp cổ phong* [PL 3.1.9 tr.249]. Đôi khi, có những làn điệu chỉ có trở thân bài mà không có trở nhắc lại, chẳng hạn như bài *Lão say* [PL 3.1.11 tr.254].

Trở kết bài thường ngắn gọn và xuất hiện ở những điệu chèo có nhiều trở hát. Hình thức của trở kết rất sinh động và có nhiều cách biểu hiện, khi dài, khi ngắn... Chẳng hạn như làn điệu *Bà chúa con cua* có 26 nhịp cuối là trở kết [PL 3.1.2 tr.216].

Trong Chèo còn có *Via*, là làn điệu được trình bày theo lối hát ngâm, phần tiết tấu thường tự do. *Via* thường giữ hai chức năng: Khi đứng độc lập thì là một làn điệu, khi đi cùng với làn điệu khác *Via* là một phần cấu trúc của bài, ngoài các trở Mở đầu, trở Thân bài, trở Kết. Với những làn điệu có trở Mở đầu thì *Via* đóng vai trò dẫn dắt ví dụ như trong làn điệu *Con tò vò* [PL 3.1.10 tr.251].

Với những làn điệu không có trở Mở đầu thì *Via* còn thêm vai trò mở đầu cho làn điệu chính như trong làn điệu *Lão say* [PL 3.1.11 tr.254].



### 1.2.3.3. Điệu thức

Qua nghiên cứu về âm nhạc Chèo, chúng tôi thấy, điệu thức trong Chèo chủ yếu là điệu thức 5 âm trong âm nhạc cổ truyền Việt Nam và sử dụng các loại điệu thức là: *Bắc, Nam, Huỳnh, Nao, Pha*. [PL2 tr.213].

Chèo sử dụng cả 5 điệu thức 5 âm trên, song nhiều nhất là điệu Nam. Một số làn điệu Chèo có giai điệu thống nhất ở một điệu thức như làn điệu *Hát cách* được viết ở điệu Nam với thang âm: rê - pha - son - la - đô [PL 3.1.12 tr.255].

Ví dụ số 2:

#### HÁT CÁCH

(Trích)

Người hát: Cụ Trùm Thịnh

Ghi âm: Hoàng Kiều – Hà Hoa

i duyên khách cõi trần i thời là ngắm i ngắm xuân xanh bây  
giờ thời xanh i được i mấy i i i làm i i i i i i i i i i

Nhiều trường hợp, từ điệu thức này được chuyển sang điệu thức kia, chẳng hạn như làn điệu *Đường trường duyên phận, Dương xuân* chủ yếu ở điệu Nam (thang âm rê - pha - son - la - đô) và có chuyển sang điệu Nao (thang âm son - la - đô - rê - pha) [PL 3.1.4 tr.226; 3.1.5 tr.229].

Nhiều làn điệu được kết hợp dùng đan xen 2 hoặc hơn 2 điệu thức khác nhau. Chẳng hạn như làn điệu *Luyện năm cung* [PL 3.1.14 tr.260] có trở mở đầu được viết ở điệu Nam với thang âm: rê - pha - son - la - đô, còn trở thân bài được viết ở điệu Bắc với thang âm son - la - đô - rê - mi.

Ví dụ số 3:

#### LUYỆN NĂM CUNG

(Trích trở mở đầu)

Người hát: Cụ Cả Tam

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

Đào lý i i một i i i cảnh này tơ trúc i  
phím i i loan i cứ cứ đêm đêm i i i

#### 1.2.3.4. Giai điệu

Chèo là loại hình sân khấu kịch hát có hệ thống nhân vật đa dạng, biểu hiện các trạng thái, cung bậc cảm xúc của con người, nên giai điệu trong Chèo vô cùng phong phú. Với 8 hệ thống làn điệu ở các dạng tính chất khác nhau: vui, buồn, xót xa, ai oán, dí dỏm, hài hước, châm biếm... đủ cho thấy điều đó. Có thể nói, giai điệu trong Chèo mang những nét đặc trưng của văn hóa vùng châu thổ sông Hồng, thể hiện tâm lí, tình cảm, tính cách của người dân Bắc Bộ. Ở đó, người ta thấy có cái kín đáo, ý nhị đồng thời cũng có cả cái bốc lửa, quyến rũ; có cái dịu dàng, tinh tế và cũng có cả cái bộc trực, chua ngoa; có cái mộc mạc, chân chất đồng thời cũng có cả cái thâm trầm, triết lí... là những nét tính cách của người dân vùng châu thổ sông Hồng.

Lối tiên hành giai điệu của làn điệu Chèo luôn sử dụng các thủ pháp trang sức giai điệu như luyến, láy, ngân đuôi, nhạc xuyên tâm, lưu không, tạo tính chất giai điệu nhiều cung bậc cảm xúc: khi vui hoạt, dí dỏm; khi trách móc, giận hờn; khi ai oán, buồn thương... Giai điệu Chèo thường được vận hành theo kiểu uốn lượn, luyến, láy... cùng với tiếng đệm tạo giai điệu phát triển liên tục, hài hòa.

Đối với những làn điệu có tính chất tươi vui, hoạt bát, hài hước... giai điệu thường được vận hành với nhịp độ hơi nhanh, linh hoạt... như bài *Lời lơ, Gà rừng, Xẩm Xoan*... [PL 3.1.17 tr.268; 3.1.18 tr.270; 3.1.19 tr.273].

Những làn điệu buồn, tính chất than vãn, ai oán, khổ đau hoặc trữ tình tha thiết thường ở điệu Nam, nhịp độ thông thả hoặc chậm, trong giai điệu thường có nhiều luyến, láy mềm mại hơn các làn điệu vui như bài *Quân tử vu địch, Luyện năm cung, Làn thảm*... [PL 3.1.6 tr.231; 3.1.14 tr.260; 3.1.23 tr.277].

Nếu như giai điệu của những bài Quan họ thường ít nhảy bậc, thì trong hát Chèo một số làn điệu lại sử dụng bước nhảy quãng khá xa tới quãng 8, 9, 10, làm cho giai điệu luôn bị gấp khúc, không ổn định, nhịp thơ ngắt và ít sử dụng luyến láy, tạo cho giai điệu có độ cứng, thô hoặc dí dỏm, hài hước... Chẳng hạn như làn điệu *Lời lơ, Gà rừng, Hề mỗi bằng vàng*... ” [PL 3.1.17 tr.268; 3.1.20 tr.274]. Trong bài *Lời lơ* ta thấy có nhảy xa tới quãng 10: từ nốt đô ở nhóm quãng 8 thứ 2 (c<sup>2</sup>) sang nốt la ở nhóm quãng 8 nhỏ (a).

### 1.2.3.5. Loại nhịp và nhịp điệu

Trong âm nhạc Chèo, khái niệm nhịp để chỉ độ dài của thời gian được phân đều trong quá trình tiến hành giai điệu. Chèo cổ sử dụng khá đa dạng loại nhịp là 1/4; 2/4; 4/4. Ngày nay, trong một số bài Chèo còn sử dụng loại nhịp 6/8 và 3/8, đôi khi trong một bài được chuyển nhịp 2 lần từ 2/4 sang 6/8 để thể hiện rõ hơn tính chất sắc thái của làn điệu Chèo đương đại...

Một trong những đặc điểm về nhịp điệu/tiết tấu của Chèo là được tiến hành theo lối xen kẽ nhịp nội, nhịp ngoại, điều này đã trở thành nét đặc trưng trong ngôn ngữ nhạc Chèo. Vậy, nhịp nội, nhịp ngoại được hiểu thế nào trong âm nhạc Chèo?

Trong công trình *Âm nhạc sân khấu Chèo nửa cuối thế kỷ XX* của Nguyễn Thị Thanh Phương có bàn về nhịp Chèo: “Nhịp nội là một khái niệm để chỉ loại nhịp mà lời hát rơi vào đầu nhịp, trùng với tiếng mõ giữ nhịp, còn nhịp ngoại lời hát nằm chệch ra ngoài đầu nhịp, không khớp với tiếng” [94; 34]. Như vậy, nhịp ngoại trong Chèo chính là đảo, nghịch phách trong âm nhạc phương Tây. Nhịp ngoại làm cho giai điệu trong Chèo trở nên rất sinh động, hấp dẫn. Trong các ví dụ dẫn ở trên đều có thể thấy rất nhiều yếu tố để chứng minh cho đặc điểm này. Chẳng hạn, ở bài *Gà rừng*, *Cách cú*, rất nhiều ô nhịp có đảo và nghịch phách (nhịp ngoại) ở các ô nhịp 6, 8, 10, 12, 14 [PL 3.1.24 tr.279; 3.1.18 tr.270].

### 1.2.3.6. Lời ca

Về vấn đề thơ ca, lời của Chèo cổ sử dụng, khai thác triệt để nền thơ ca bác học cũng như dân gian. Chèo phần lớn dùng thể thơ lục bát và lục bát biến thể, lời ca rất cô đọng. Chẳng hạn như phần Vía trong điệu *Hà vị* của nhân vật Từ Thức là hai câu lục bát: *Lênh đênh qua cửa Thần Phù/ Khéo tu thời nổi vụng tu thời chìm*. Trong bài *Quá giang* của nhân vật Sứ Vân có 2 câu đầu là lục bát, 2 câu sau là lục bát biến thể:

*Qua sông nên phải lụy đò*  
*Bởi chung trời tối, lụy cô bán hàng*  
*Trống cơm khéo vỗ nên bông*  
*Đàn cầm ai khéo gảy nên cung Xang Xừ...*

Bên cạnh đó có những bài thơ 4, 5 chữ như bài Cách cú sử dụng thơ 4 chữ:

*Tay cầm con dao*

*Cầm sao cho chắc...*

Về nguồn gốc lời ca thường được lấy từ dân ca các vùng, ca dao tục ngữ, lời ca của kịch bản chèo, truyện thơ... Lời ca trong bài *Cách cú* nêu trên chính là bài ca dao trong lao động sản xuất của Việt Nam.

Về *vấn đề tiếng đệm*, trong ca hát dân gian nói chung, tiếng đệm đóng vai trò quan trọng, tạo nên sắc thái riêng biệt của từng thể loại dân ca và chi phối nhiều đến kỹ thuật hát. Tiếng đệm gồm đệm lót, đệm nghĩa là những hư từ, thực từ bổ trợ cho lời hát làm cho giai điệu trở nên phong phú. Trong dân ca Quan họ, Ca trù, Hát Vần, Xoan, Ghẹo đều sử dụng tiếng đệm với mức độ và vị trí trong bài ít nhiều khác nhau. Tiếng đệm trong Ca trù thường là các âm *ư, hự*; Hát Vần là *a á à, ia, ời hời*; Hát Ru là *ầu ời, à ời*... tạo nên nét đặc trưng riêng biệt ở các thể loại dân ca.

Tiếng đệm trong Chèo phần lớn được sử dụng những nguyên âm đơn và nguyên âm đôi như: *i, a, ôi, ời*.... Cách sử dụng các nguyên âm như sau: với những nguyên âm *a, i-a, ời-a* thường dùng ở những làn điệu có tính chất vui, rộn ràng, hoặc cao trào. Còn nguyên âm *ii, ỉơ* hay được hát ở những làn điệu trữ tình, tha thiết, buồn thương, chẳng hạn như bài *Con tò vò, Con nhện giăng mùng, Luyện 5 cung, Đào liễu, Chúc cầm hồi văn*... [PL 3.1.10 tr.251; 3.1.13 tr.257; 3.1.14 tr.260; 3.1.15 tr.265; 3.1.16 tr.267].

Bên cạnh đó, Chèo còn sử dụng các từ bổ trợ cho lời ca như: *này a, này ra, dậu mà, ấy mấy*..., thường thấy nhiều ở hệ thống làn điệu hát Sắp làm cho câu hát thêm rõ nghĩa và tạo cho giai điệu được phát triển liên tục, giàu cảm xúc.

Tóm lại, Chèo là loại hình âm nhạc thuộc sân khấu kịch hát, được sinh ra ở vùng châu thổ sông Hồng và mang đặc trưng văn hóa đậm nét của vùng đó. Chèo rất phong phú về làn điệu, hệ thống làn điệu, giai điệu giàu màu sắc biểu cảm thể hiện đa dạng cung bậc cảm xúc của con người, vì thế phù hợp ngôn ngữ của sân khấu kịch hát. Việc tìm hiểu đặc điểm của Chèo sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn các đặc trưng của kỹ thuật hát.

#### **1.2.4. Đặc điểm âm nhạc, lời ca của Quan họ**

##### **1.2.4.1. Khái quát về Quan họ**

Quan họ là một thể loại dân ca nổi tiếng của âm nhạc truyền thống Việt Nam. Cũng như Chèo, Quan họ có thể được coi là sản phẩm văn hóa tiêu biểu của vùng châu thổ sông Hồng, được hình thành và phát triển ở vùng Kinh Bắc xưa, là một tỉnh cũ bao gồm cả hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang (và một số nơi của Lạng Sơn, Hưng Yên, Hà Nội ngày nay). Quan họ đặc biệt phát triển ở tỉnh Bắc Ninh nên khi nói về Quan họ người ta hay nói Quan họ Bắc Ninh.

Kinh Bắc xưa là một trấn, gọi là trấn Kinh Bắc, nơi đây là một vùng có đất đai, làng mạc trù phú, phong cảnh hữu tình với thiên nhiên khá ôn hòa, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và nhiều ngành nghề khác. Bởi vậy, Bắc Ninh, trung tâm của Kinh Bắc phát triển cả trồng trọt (chủ yếu là lúa nước), chăn nuôi, nghề thủ công và cả buôn bán. Những thuận lợi về thiên nhiên, về kinh tế đã giúp cho Kinh Bắc trở thành một vùng phát triển về văn hóa. Nơi đây có nhiều chùa chiền và lễ hội (thường được tổ chức vào các tháng Giêng, tháng Hai). Người Bắc Ninh xưa rất yêu thích các hoạt động văn hóa, văn nghệ. Họ không chỉ ca hát vào các dịp tế lễ, hội hè mà “ngày thường, vào các dịp, khao, cưới, làm nhà, sinh con trai, ốm lâu lại khỏi, lên tuổi thọ... các Quan họ cũng mời nhau đến hát” [81; 62]. Nơi đây, ngoài hát Quan họ, còn có cả hát Tuồng, Chèo, hát Nhà tơ, Trống quân, Xẩm, Múa rối... “Hát Xẩm ở Hội Lim là một hình thức được nhiều nghệ nhân Quan họ ưa thích” [81; 61].

Chính những điều kiện về kinh tế, văn hóa và đặc biệt là tư chất của người dân Kinh Bắc đã sản sinh ra Quan họ. Nghệ thuật này mang những đặc trưng của vùng châu thổ sông Hồng nói chung và của vùng Kinh Bắc nói riêng, nổi bật lên là vẻ đẹp tinh tế, duyên dáng, ý nhị nhưng không kém phần sang trọng, tình tứ.

Dân ca Quan họ đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2009. Đến nay, Quan họ vẫn tiếp tục được phát triển không chỉ ở nơi thôn xã của tỉnh Bắc Ninh, trong những ngày lễ hội... mà trên nhiều bình diện, được phổ biến trên nhiều phương tiện thông tin truyền thông; không chỉ được cả nước biết đến mà cả người nước ngoài cũng yêu thích, quan tâm.

Có thể nói, Quan họ là thể loại dân ca với nhiều làn điệu, hay còn được người Quan họ gọi là giọng. Cho đến nay, chưa có sự thống nhất của các nhà nghiên cứu về

số lượng làn điệu (giọng) của Quan họ. Trong sách *Tìm hiểu dân ca Quan họ*, hai tác giả Hồng Thao và Trần Linh Quý đã viết: “Số lượng các âm điệu cơ bản (có nghĩa là không kể đến những dị bản của dân ca Quan họ) mà ngày nay chúng ta còn có thể khai thác (phụ thuộc phần lớn vào trí nhớ của nghệ nhân) là khoảng 174 bài” [124; 119].

Trong sách *Âm nhạc Quan họ*, Nguyễn Trọng Ánh đã đưa ra rất nhiều dẫn chứng khác nhau về con số bài bản của nhiều nhà nghiên cứu. Tác giả cũng đưa ra một con số cụ thể: “Khi về Sở Văn hóa Bắc Ninh, chúng tôi đã được Trung tâm Văn hóa Quan họ cho biết: hiện nay, bộ phận nghiên cứu của Trung tâm đã phân loại, xác định và tập hợp được 232 bài hát Quan họ có sự khác nhau về giai điệu” [2; 22].

Tuy chưa có sự thống nhất về số lượng làn điệu của Quan họ nhưng các nghiên cứu đều cho thấy hệ thống làn điệu, bài bản Quan họ rất phong phú. Các làn điệu của Quan họ được quy định hát theo lề lối diễn xướng và được chia thành ba hệ thống làn điệu còn gọi là hệ thống giọng. Từ sự phân chia này, quy định các làn điệu Quan họ cũng được hát theo 3 hệ thống giọng điệu: giọng Lề lối, giọng Vặt và giọng Giã bạn.

Lề lối diễn xướng của Quan họ phổ biến nhất có 4 hình thức hát: Một là *hát chúc, hát mừng*; hai là *hát thờ*; ba là *hát hội* và bốn là *hát canh*. Đặc điểm của 4 hình thức diễn xướng trên thì có hát chúc, hát thờ, hát hội, khi tham gia diễn xướng có thể hát một trong ba hệ thống giọng, không cần phải hát đầy đủ và theo trình tự, riêng hát canh bắt buộc phải hát đủ 3 chặng theo lề lối và được hát tại “nhà chứa” hay còn được gọi là “Quan họ du ca tại gia” (hát chơi tại nhà).

Một canh hát Quan họ được thực hiện đầy đủ, bao giờ tiến trình diễn xướng cũng có 3 chặng: *Chặng mở đầu, chặng giữa và chặng cuối*: Chặng đầu canh hát được khởi xướng bằng các làn điệu thuộc giọng *Lề lối* như *Mấy khi vui vẻ thế này, Trèo lên cây gạo, Cổ tay đã trắng lại vừa tròn...*; tiếp đến là giọng *Vặt* được hát ở chặng giữa canh hát và giọng này chiếm phần lớn các làn điệu Quan họ như *Khách đến chơi nhà, Gọi đò, Lên núi Ba Vì, Em là con gái Bắc Ninh, Còn duyên kẻ đón người đưa, Giữa tối đêm rằm, Cây trúc xinh...* Cuối cùng là giọng *Giã bạn* được hát ở chặng cuối của canh hát gồm có các giọng như *Kẻ Bắc người Nam, Người về bỏ bạn sao đành, Đương vui mà giờ ra về, Tạm biệt từ đây, Con nhện giăng mùng* và cuối cùng là *Chia rẽ đôi nơi để liền anh, liền chị chia tay nhau sau mỗi lần gặp gỡ*.

#### 1.2.4.2. Cấu trúc

Cấu trúc của một làn điệu/bài bản Quan họ được biểu hiện khá đa dạng nhưng đều có đặc điểm chung là mạch lạc, liên quan chặt chẽ tới cấu trúc của thơ và có thể chia thành 3 dạng.

##### \* Dạng cấu trúc 3 phần

Ở dạng cấu trúc này bao gồm có Mở bài + Thân bài + Kết bài. Phần Mở bài còn gọi là Bì; phần Thân bài gọi là Ruột bài, bao gồm một hay nhiều trổ hát; phần Kết bài gọi là phần Đổ, được hát ở cuối bài để bổ sung thêm nhằm nhấn mạnh ý nhạc, lời ca và hoàn thiện cấu trúc. Chẳng hạn như bài *Gọi đò* có cấu trúc 3 phần. Phần Bì gồm 26 ô nhịp đầu, phần Thân bài tính từ ô nhịp thứ 28 đến ô nhịp 52 gồm 3 trổ hát có cùng giai điệu chỉ thay đổi lời ca, phần Kết bài gồm 8 ô nhịp cuối cùng và được hát bằng câu Đổ [PL 3.2.1 tr.281].

##### \* Dạng cấu trúc hai phần: Có hai kiểu cấu trúc hai phần.

- Kiểu 1: Gồm Mở bài + Thân bài, dạng này chiếm tỉ lệ khá lớn trong hệ thống các làn điệu. Phần mở bài là lời hát không có nhịp điệu rõ ràng, mang tính ngâm ngợi, tự do, tiếp đến là phần thân bài có nhịp gồm nhiều trổ hát. Thí dụ như bài *Em là con gái Bắc Ninh, Lên núi Ba Vì, Nam nhi...* [PL 3.2.2 tr.283; 3.2.4 tr.290; 3.2.5 tr.292].

- Kiểu 2: Gồm Thân bài + Kết bài, dạng này ít gặp hơn. Có thể tìm thấy cấu trúc Thân bài + Kết trong bài *Ấn ở trong rừng, Ngồi tựa mạn song đào...* [PL 3.2.6 tr.294; 3.2.7 tr.296].

##### \* Dạng cấu trúc một phần

Ở cấu trúc này chỉ có phần Thân bài. Nhìn chung, các bài Quan họ có dạng cấu trúc 1 phần thường gồm 2 hay nhiều trổ hát và được hát có nhịp điệu tương tự như phần Thân của các dạng hai, ba phần. Trong mỗi trổ hát thường có lời ca riêng và giữa chúng đều có sự giống nhau hoặc tương đối nhất quán với nhau về mặt âm điệu. Dạng cấu trúc này có bố cục cân đối, rõ ràng, chiếm tỉ lệ lớn trong các bài Quan họ như bài *Cái ả, Khi tương phùng, khi tương ngộ, Lúng liếng, Còn duyên...* [PL 3.2.8 tr.298; 3.2.9 tr.299; 3.2.10 tr.301; 3.2.11 tr.303].

#### 1.2.4.3. Điệu thức

Cũng như Chèo, Quan họ sử dụng chủ yếu điệu thức 5 âm. Về vấn đề điệu thức của Quan họ, chúng tôi thống nhất chung với cách dùng tên điệu thức của

Chèo là *Bắc, Nam, Huỳnh, Nao, Pha* để tiện cho việc so sánh, đối chiếu. Qua tìm hiểu, nghiên cứu điệu thức cho thấy Quan họ cũng sử dụng 5 loại điệu thức trên.

Có thể dẫn chứng một số bài như: *Lúng liếng* [PL 3.2.10 tr.301] được viết ở điệu Nam, thang âm là son - si giáng - đô - rê - pha (giống điệu Vũ trong âm nhạc Trung Hoa); *Hoa thơm bướm lượn* và bài *Đêm hôm rằm* [PL 3.2.14 tr.308] được viết ở điệu thức Bắc, có thang âm là đô - rê - pha - son - la (giống điệu Chũy trong âm nhạc Trung Hoa).

Ví dụ số 4:

#### ĐÊM HÔM RẼM

(Trích) Người hát: Cụ Trần Thị Phụng ở Viêm Xá

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 4.10.2017

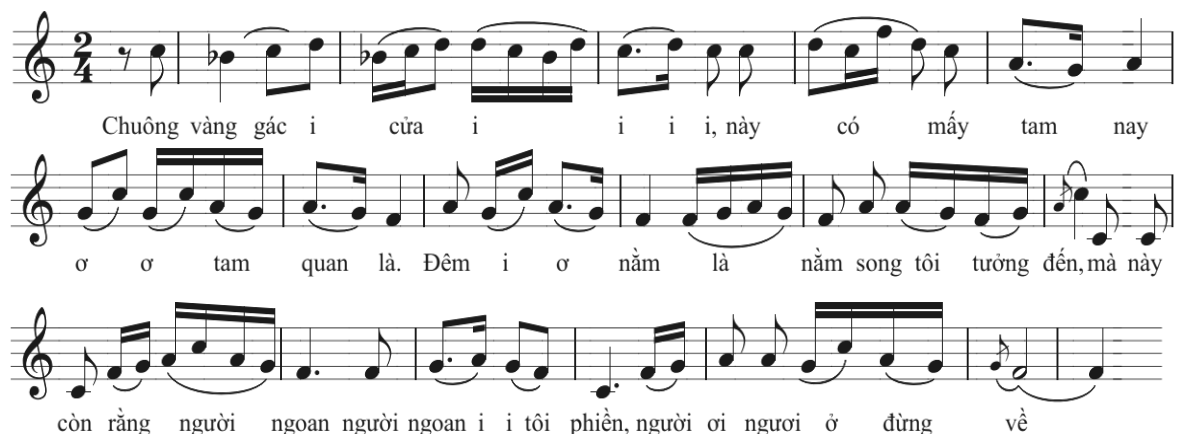


Điệu thức trong Quan họ nhiều khi là sự kết hợp của hai hay nhiều điệu thức 5 âm, như bài *Chuông vàng gác cửa Tam Quan* [PL 3.2.13 tr.306] chủ yếu viết ở điệu Huỳnh (thang âm là pha - son - la - đô - rê), nhưng câu hát đầu tiên là ở điệu Nao (thang âm đô - rê - pha - son - si giáng):

#### Ví dụ số 5: CHUÔNG VÀNG GÁC CỬA TAM QUAN

(Trích) Người hát: Cụ Trần Thị Phụng ở Viêm Xá

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 4.10.2017



#### 1.2.4.4. Giai điệu

Quan họ là thể loại hát giao duyên, được sinh ra và phát triển ở vùng đất Kinh Bắc trù phú và giàu truyền thống văn hóa, mang nét đẹp kín đáo, sâu sắc của



người dân Kinh Bắc nên giai điệu của Quan họ có đặc điểm nổi bật là *tính trữ tình* rất đẹp, một vẻ đẹp sang trọng, ý nhị, tinh tế đến độ hiếm thấy. Đây chính là một trong những điểm hấp dẫn, thể hiện tầng nền thẩm mỹ và văn hóa của người Quan họ. Người ta yêu thích Quan họ bởi vẻ đẹp của giai điệu trữ tình, của văn hóa sang trọng mà kín đáo, sâu sắc.

Nếu ở Ca trù, lối tiến hành giai điệu thường sử dụng những quãng nhảy xa, tạo cảm giác gấp khúc cho tuyến giai điệu, hay trong Chèo có khá nhiều bài có quãng nhảy xa thì trong Quan họ, giai điệu được phát triển theo hình làn sóng với bước đi liên bậc, ít có nhảy xa trên quãng 6 và thường ở nhịp độ thông thả.

Chính đặc điểm tính trữ tình đã chi phối đường tuyến giai điệu trong âm nhạc Quan họ. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, giai điệu trong âm nhạc Quan họ mềm mại, uyển chuyển, trau chuốt đến mức hoàn chỉnh với lối tiến hành bình ổn, sử dụng nhiều âm hình tô điểm, trang trí tạo nên sắc thái riêng trong cách hát ngân rền, nảy hạt, sự nền nã, đặc biệt là ở cách hát nhấn nhá, thăng trầm với nhịp độ thông thả, đặc trưng của lối hát Quan họ. Hầu như các bài đều cho thấy giai điệu có tính chất trữ tình, ít quãng nhảy xa (chỉ có bài *Chuông vàng gác cửa Tam Quan* có nhảy một chỗ quãng 8 từ c<sup>2</sup> sang c<sup>1</sup>), nhiều luyến và láy... tạo sự nền nã, duyên dáng.

#### 1.2.4.5. Loại nhịp và nhịp điệu

Nhịp điệu trong âm nhạc Quan họ sử dụng chủ yếu là lối hát có nhịp và lối hát theo nhịp tự do (không có nhịp), nhưng phổ biến hơn cả là cách hát có nhịp, nhất là nhịp chẵn 2/4 hay 2/8 và 4/4 hay 4/8. Ngoài ra, còn có loại tiết nhịp lẻ 3 phách, 5 phách và 7 phách. Theo tác giả Nguyễn Trọng Ánh: “Các loại nhịp 3/4, 5/8, 7/8 hình thành cũng là do người hát tùy hứng kéo dài trường độ ở các thời điểm ngân ngời, tạo nên những sự thay đổi bất thường chu kì của tiết nhịp mà thôi” [2; 238]. Đa số phần Thân bài được hát theo lối có nhịp. Phần Mở bài hát bằng câu Bể, hoặc các bộ phận cấu trúc khác của làn điệu Quan họ thường được hát theo lối nhịp tự do.

Quan họ gồm 3 lối hát có nhịp phân chia như sau: Hát theo nhịp tự do, hát có nhịp và hát lơ nhịp, trong đó hát theo nhịp tự do được gắn liền với lối hát ngâm, hay hát phú. Phân chia tiết tấu cơ bản (được hiểu là lối chia chẵn theo quy tắc các

loại trường độ), mỗi lối hát được mang theo những mô hình âm điệu riêng, nhưng về đại thể đều hướng tới tiêu chí chung là đạt tới sự trau chuốt cho giai điệu.

#### 1.2.4.6. Lối ca

##### \* Thơ ca

Lối ca trong Quan họ chủ yếu là thơ với những tiếng đưa hơi, đệm lót và đệm nghĩa làm cho nội dung, hình thức của lối ca Quan họ trở nên hấp dẫn và độc đáo; vừa mang tính chất mộc mạc, giản dị, gần với cách diễn đạt trong ca dao, đồng thời lại vừa bóng bẩy, hoa mỹ. Đề tài thể hiện trong lối ca chủ yếu nói về ân nghĩa và tình yêu đôi lứa, luôn thể hiện sự khao khát yêu và được yêu thương, tất cả những ẩn ý đó được biểu hiện qua hình thức hát giao duyên đối đáp nam nữ để bày tỏ tình yêu, những ẩn ức trong lòng của những liền anh, liền chị Quan họ, tất cả nỗi lòng ấy đều gửi vào lối hát. Bởi vậy, lối ca của Quan họ đã đạt đến sự thăng hoa, đỉnh điểm của nghệ thuật thơ ca. Có thể nói, lối ca Quan họ toát lên vẻ đẹp thanh tao, sự khiêm nhường, độc đáo và đầy ý nhị của liền anh, liền chị Quan họ. Chẳng hạn như ca từ trong bài Lúng liếng:

*Lúng liếng là lúng liếng ơi*

*Miệng người lúng liếng có đôi đồng tiền*

*Tôi nhớ người lắm lắm người ơi*

Lối ca trong Quan họ được sử dụng chủ yếu là những câu thơ hoàn chỉnh, gồm nhiều thể thơ khác nhau, nhưng chiếm tỷ lệ lớn hơn cả là thể loại thơ lục bát và lục bát biến thể. Ngoài ra, Quan họ còn sử dụng thể thơ bốn từ, bảy từ. Các thể thơ này có thể thuần nhất hoặc kết hợp với thể thơ khác để hình thành phần lối ca hoàn chỉnh trong mỗi làn điệu Quan họ.

##### \* Tiếng đệm

Trong cuốn *Dân ca Quan họ Bắc Ninh* (1962), các tác giả đã nhấn mạnh vai trò của tiếng đệm trong lối ca: “Một điểm rất chú ý trong lối ca Quan họ là dùng nhiều tiếng đệm lót, tiếng đưa hơi, hoặc những tiếng phụ đệm nghĩa, làm cho nội dung càng thêm sinh động, linh hoạt, lúc hát lên, âm điệu trở nên súc tích, phong phú” [92; 124].

Tiếng đệm trong Quan họ đa dạng và phong phú, gồm nguyên âm, hư từ và thực từ: *i, i ơ, i a, i hi, ha hơi ha, hư hơi hư, có a, tình tính tang, tang tình...* Ví dụ bài *Cây trúc xinh* với đoạn trích mở đầu, lối ca chỉ có 4 chữ là *cây, trúc, xinh, mọc*, còn

những tiếng đệm lót *tang, tình, là* đã tạo cho giai điệu gắn kết hài hòa, làm cho câu hát liên tục phát triển liên kết giữa lời ca chính với tiếng đệm, những nốt hoa mỹ, luyến láy đã làm cho giai điệu vừa nhấn nhá, vừa thăng trầm, tạo nên nét độc đáo của Quan họ.

Tiếng đệm còn được sử dụng ở nhiều dạng khác nhau, như dùng để *đệm đà, đệm dạo, đệm lót*... xen kẽ giữa lời ca chính làm cho câu hát được rõ nghĩa và để giai điệu phát triển liên tục với âm thanh, lướt, luyến, láy, kết hợp giữa lời ca và tiếng đệm. Chẳng hạn như bài *Chia rẽ đôi nơi* có các tiếng *iii, tình i chung* là những tiếng đệm lót xen kẽ trong lời ca:

Ví dụ số 6:

### CHIA RẼ ĐÔI NƠI

(Trích) Người hát: Cụ Tỷ ở Thị Cầu

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 25.1.1972



Bên cạnh đó, tiếng đệm còn có chức năng dùng để *đưa hơi*, làm cho giọng hát lên bổng, xuống trầm một cách tự nhiên mà không gây ra sự đột ngột trong nhạc điệu, lời ca. Ngoài chức năng *đệm lót, đưa hơi*, còn có tiếng đệm mang chức năng *đệm nghĩa* cho lời thơ, làm rõ nghĩa, phát triển giai điệu, bố cục bài trở nên hoàn chỉnh, hợp lí. Ví dụ như bài *Ăn ở trong rừng* [PL 3.2.6 tr.294] ở câu 1 những tiếng đệm nghĩa được thể hiện ở những chữ *ba bốn năm* để đệm lót, đệm nghĩa cho lời thơ *ăn ở trong rừng*. Với câu 2, những âm, chữ đệm nghĩa như *La có bên, lá hời ơ* đệm lót làm rõ nghĩa cho lời thơ *chim kêu vượn hót*.

Tóm lại, Quan họ là một thể loại dân ca tiêu biểu của vùng châu thổ sông Hồng, được hình thành và phát triển ở Kinh Bắc với trung tâm là Bắc Ninh. Cũng như Chèo, Quan họ rất phong phú về làn điệu; giai điệu của Quan họ chủ yếu mang tính trữ tình, sang trọng và tinh tế. Lối hát trong Quan họ liên quan chặt chẽ đến đặc điểm âm nhạc cũng như lời ca. Việc tìm hiểu đặc điểm của cả Chèo và Quan họ là cơ sở quan trọng để chương tiếp theo của luận án bàn về kĩ thuật hát.

## **Tiểu kết**

Châu thổ sông Hồng là nơi có nhiều thể loại dân ca đặc sắc, nơi đây đã sản sinh ra nghệ thuật Chèo và Quan họ. Nghiên cứu về Quan họ và Chèo đã có khá nhiều công trình chuyên sâu trên nhiều phương diện, song còn thiếu vắng những công trình nghiên cứu chuyên về kĩ thuật hát, phương pháp truyền dạy hát Chèo và Quan họ, đặc biệt cho đến nay, nghiên cứu đặc trưng trong kĩ thuật hát vẫn còn là mảng trống, hoặc mới chỉ dừng lại ở mức độ lí giải một vài quan niệm về đặc trưng trong cách hát Quan họ và Chèo.

Luận án đã phân tích cơ sở lí luận của dạy học hát Chèo, hát Quan họ cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc. Trong đó, luận án đi sâu giải thích một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đề tài và đã đưa ra nhận định riêng mang tính khoa học. Bên cạnh đó, vấn đề lí luận của việc dạy học hát Chèo, hát Quan họ được đề cập đến dựa trên nền tảng của mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, hình thức tổ chức, PPDH và được dựa trên cơ sở đặc điểm của người học hát dân ca Việt Nam nói chung, hát Chèo, hát Quan họ nói riêng. Việc xác định rõ các vấn đề này, là cơ sở về mặt lí luận cho những nghiên cứu, những biện pháp, PPDH hát Chèo và Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.

Một phần quan trọng của chương 1 là những khái quát về thể loại, làm rõ đặc điểm âm nhạc, lời ca của Chèo và Quan họ trên các phương diện làn điệu, điệu thức, cấu trúc, giai điệu, nhịp điệu, lời thơ... để làm cơ sở lí luận, liên quan trực tiếp đến những phân tích về kĩ thuật hát và PPDH hát Chèo và Quan họ trong chương 2 và chương 4 của luận án.

## Chương 2

### ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ

Chương 2 của luận án sẽ đi sâu vào đặc điểm kỹ thuật hát của Chèo và Quan họ nhằm thấy được những nét đặc trưng, sự tương đồng về lối hát, đồng thời nhận diện được những điểm khác biệt cần làm sáng tỏ, tạo cơ sở để xác định các biện pháp dạy học hát Chèo và Quan họ ở chương 4 của luận án.

Như đã nêu trong các nội dung trước của luận án, Chèo và Quan họ là hai thể loại âm nhạc cổ truyền Việt Nam ở vùng châu thổ sông Hồng, tuy là hai thể loại khác nhau, có những điểm khác biệt rõ nét, nhưng cũng có những nét tương đồng trong cách hát, nói cách khác là kỹ thuật hát. Vì vậy, trong chương này chúng tôi nghiên cứu đặc điểm kỹ thuật hát trên hai bình diện là: 1/ Những kỹ thuật cơ bản chung mà cả Chèo và Quan họ đều sử dụng như khẩu hình, hơi thở, vị trí âm thanh, phát âm-nhả chữ... 2/ Những kỹ thuật mang tính đặc trưng riêng của Chèo và riêng của Quan họ. Tuy nhiên, không nên hiểu là những kỹ thuật đặc trưng riêng của Chèo thì Quan họ không có và ngược lại, mà cần hiểu là vẫn có thể có những kỹ thuật đó, nhưng không mang tính đặc trưng nổi bật; chẳng hạn, vang - rền - nền - nảy là đặc trưng của Quan họ nhưng trong Chèo vẫn có kỹ thuật vang, nảy, hoặc ngân rung là đặc trưng của Chèo thì Quan họ vẫn có hát rung giọng tạo rền...

Đối với SV ĐHSP Âm nhạc, hiểu và nắm được kỹ thuật cơ bản, đặc trưng của thể loại rất quan trọng, sẽ giúp rèn luyện kỹ năng nhanh, có hiệu quả và đây là nền tảng vững vàng cho SV có thể tự rèn luyện và hoàn thiện năng lực sáng tạo trong biểu diễn dân ca.

#### **2.1. Kỹ thuật cơ bản của hát Chèo và hát Quan họ**

##### **2.1.1. Khẩu hình**

Về khẩu hình trong hát Chèo, với câu hỏi “miệng mở như thế nào là đúng tiêu chí theo lối hát cổ?”, tác giả Bùi Đức Hạnh cho rằng: “Khẩu hình trong hát Chèo gần với khẩu hình tiếng nói, hát khép kín miệng” [25; 27]. Theo đó, tác giả Trần Ngọc Lan cũng cho rằng: “Chèo hát hơi ngoài, giọng tự nhiên, khẩu hình bẹt, là lối hát kín miệng” [56; 51].

Chúng tôi đã tiếp cận với nghệ sĩ nhân dân Ngô Thị Thanh Hoài vào tối ngày 23.09.2017, bà năm nay 71 tuổi, nguyên là GV, diễn viên của nhà hát Chèo Trung ương. Bàn về khẩu hình trong hát Chèo, bà Hoài cho rằng: “Hát Chèo mở miệng nhỏ, quan trọng là phải biết luyến, láy chữ sao cho tròn từng tiếng hát để rõ lời và miệng hát lại không được mở to như hát mới bây giờ”.

Chèo có hệ thống làn điệu phong phú nên khẩu hình tùy thuộc theo tính chất làn điệu và phần nào đó các vai trong Chèo cũng hát theo đặc điểm này:

- Loại thứ nhất: Đối với những làn điệu trữ tình, sâu lắng, ngậm ngùi, ai oán... như các điệu trong hệ thống hát *Văn, Vía-Ngâm, Ca lẻ, Đường trường...* khẩu hình thường *mở ngang, nhỏ, hát kín miệng, không mở rộng trong vòm miệng*. Những vai nữ/Đào Chín, vai nam Thư sinh chuyên đóng Kép chính thường hát làn điệu trữ tình, bi thương nên khẩu hình mở nhỏ.

- Loại thứ hai: Đối với những làn điệu vui hoạt, hài hước, kịch tính như các điệu trong hệ thống hát *Sấp, Hề...* và các vai *Hề, vai Lạch* thường hát những làn điệu kịch tính, chua ngoa, hài hước, nên khẩu hình nhiều khi được mở to hơn so với khẩu hình của loại thứ nhất.

Chẳng hạn như bài *Hề môi bằng vàng* dưới đây, khi hát chữ *a a, thất, ời, a*, giai điệu được đẩy lên cao, khẩu hình của người hát được mở khá to để âm thanh được vang sáng hơn.

#### Ví dụ số 7: HỀ MÔI BẰNG VÀNG

(Trích)

Người hát: Ông Năm Ngũ

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

Nhịp tự do                      Nhanh vui

Anh em ta ra đây coi nhau bằng vàng A a thất ời

a lung / xanh cô đeo chìa khóa có bằng i vàng i

Các bài *Sấp hề gậy, Gà rừng, Bà chúa con cua, Lão say, Sấp qua cầu...* cũng có nhiều chữ cần xử lý khẩu hình mở to hơn so với Chín và nam thư sinh.

Về khẩu hình trong hát Quan họ, tác giả Trần Linh Quý, Hồng Thao nhận định: “Quan họ khi hát thường mở khẩu hình nhỏ, có lẽ như vậy vừa thể hiện được vẻ duyên dáng của người hát, lại vừa giữ hơi dài tới ba ngày ba đêm. Khẩu hình thường mở ngang, bẹt, là lối hát kín miệng” [124; 200].

Để vấn đề này thêm phần sáng tỏ, sáng ngày 4-10-2017, nghiên cứu sinh đã điên dã về làng Viêm Xá để gặp gỡ một số nghệ nhân, qua trao đổi với Cụ Trần Thị Phụng, nay 97 tuổi và Cụ Nguyễn Thị Bàn, 92 tuổi, hai cụ cho biết: “Khi hát Quan họ cổ, miệng mở nhỏ, hát không được để cho người đối diện nhìn thấy răng thì mới ý nhị và âm thanh không bị cứng”. Cụ Bàn nói thêm: “Đến tôi hát vẫn còn hơi hờ răng đấy, chứ mấy cụ ngày xưa, nay đã mất rồi, khi hát, miệng mở rất nhỏ, chỉ thấy mấp máy môi thôi, mà nghe vẫn rõ lời”.

Qua phân tích ở trên có thể thấy, khẩu hình trong hát Quan họ chủ yếu là mở ngang, mở nhỏ, là lối hát kín miệng.

Như vậy, khẩu hình trong hát Chèo và hát Quan họ có một số điểm giống nhau, song không hoàn toàn. Quan họ chủ yếu mở nhỏ, kín miệng do đặc điểm của giai điệu chủ yếu mang tính trữ tình, ý nhị, tinh tế...; còn Chèo do đặc điểm của thể loại âm nhạc sân khấu, đa dạng về tính chất giai điệu, nên khẩu hình tùy thuộc vào tính chất âm nhạc, tính cách nhân vật... của làn điệu, mà mở nhỏ hay có thể mở to hơn.

### **2.1.2. Vị trí âm thanh**

Vị trí âm thanh được hiểu là âm thanh phát ra tạo khoảng vang ở một vị trí nhất định trong bộ máy phát âm. Âm thanh được phát ra ở khoảng vang nào sẽ cho biết vị trí của âm thanh được đặt ở đó. Chẳng hạn, nếu âm thanh được phát ra từ khoảng vang ở khoang miệng thì vị trí đã được đặt ở trong khoang miệng và gọi là hát giọng thật, nếu âm thanh được phát ra ở khoảng vang trên đầu, thì vị trí âm thanh phải được treo cao ở trán, hốc mũi... và người ta gọi là hát giọng đầu.

Về vị trí âm thanh trong hát Chèo, công trình 150 làn điệu Chèo cổ của Bùi Đức Hạnh có nhận định: “Chèo được hát bằng hơi ngoài, giọng thật, tự nhiên, không sử dụng giọng giả, không theo phương pháp cộng minh như lối hát của châu Âu” [27; 27]. Tác giả còn chỉ ra rằng, hát Chèo được hát ở 3 vị trí khác nhau, được kết hợp đan xen trong cùng một câu hát: “Vị trí âm thanh trong hát Chèo là sự kết hợp cả hơi cổ, hơi

mũi, hơi ngực, tùy theo tính chất của từng đoạn, câu hát mà xử lý cho phù hợp và không pha trộn giọng mé (giọng giả thanh) dù hát ở âm vực cao” [27; 28].

Về vấn đề này, chúng ta có thể so sánh vị trí âm thanh của Chèo với Ca trù. Trong cuốn *Ca trù nhìn từ nhiều phía* (2003), các tác giả Nguyễn Xuân Khoát, Trần Văn Khê, Ngô Linh Ngọc và Nguyễn Đức Mậu đã nhiều lần xác định: “Ca trù chủ yếu dùng hơi trong, miệng không mở to, vị trí âm thanh đặt sâu trong cổ họng và vang miệng, ngân mũi” [67; 396]. Như vậy, khác với Chèo, vị trí âm thanh của Ca trù sâu trong cuống họng, khi nhả chữ đóng khẩu hình, đưa âm thanh lên mũi, tiếp tục ngân rung, nảy hạt, âm thanh tạo khoảng vang ở miệng, hốc mũi.

Tiếp cận với một số nghệ sĩ trẻ của Nhà hát Chèo Hà Nội để tìm hiểu vị trí âm thanh trong hát Chèo, ngày 15-9-2017, chúng tôi đã trao đổi, phỏng vấn và nghe nghệ sĩ trẻ nói về khoảng vang âm thanh trong hát Chèo. Trong đó, nghệ sĩ ưu tú Như Hiền, hiện nay là Phó đoàn của Nhà hát cho biết: “Ngày xưa, nghệ nhân hay hát vị trí âm thanh sâu ở trong cổ, khoang miệng, khi ngân rung mới đưa lên mũi, nhưng bây giờ các nghệ sĩ trẻ ảnh hưởng của lối hát nhạc mới, nên hát bằng giọng mé/giọng giả thanh (giọng chuyển) nhiều hơn, bởi vậy, vị trí âm thanh vang lên thường hay ở khoảng trán”.

Về khoảng vang âm thanh trong hát Quan họ, trong những lần khảo sát điền dã, một số nghệ nhân như cụ Phụng, cụ Bàn và bà Sang ở làng Viêm Xá đều cho chúng tôi biết rằng: “Khoảng vang của Quan họ cổ chủ yếu là ở cổ họng, ngực, miệng và hát hoàn toàn bằng giọng thật, không hát giọng giả thanh lên mũi hay trán”. Nghệ nhân Trần Thị Phụng còn cho biết thêm: “Bây giờ nghệ sĩ trẻ thường hay hát cao và có dàn nhạc đệm, nên thường pha giọng chuyển, tuy nhiên không mở rộng khẩu hình bên trong và tạo khoảng vang theo lối cộng minh của thanh nhạc phương Tây để vẫn ra chất của dân ca Quan họ”.

Với những kiến giải của các nhà nghiên cứu và quan niệm của một số nghệ nhân, nghệ sĩ đã giúp chúng ta nhận diện rõ hơn về khoảng vang âm thanh trong hát Chèo và Quan họ. Chèo cổ và Quan họ cổ chủ yếu được hát bằng giọng ngoài hay còn gọi là giọng thật, nên khoảng vang âm thanh chủ yếu là ở khoang miệng; đôi khi được hát bằng giọng trong/giọng giả thanh với những giai điệu ở âm khu cao, nên khoảng vang ở hốc mũi. Đây là điểm chung về khoảng vang của hát Chèo và



Quan họ, tuy vậy vẫn có sự khác biệt. Do Chèo thường được hát ở âm khu cao với những quãng nhảy xa, khi hát nốt cao thường đóng khẩu hình luyện âm thanh đưa lên vòm mũi để tạo khoảng vang ở hốc mũi, làm cho âm thanh nghe lạnh lạnh như hát giọng mé, giọng mũi, nên *vị trí âm thanh thường được đặt ở khoảng giữa lưỡi và đầu lưỡi gần với chân răng hàm trên*. Còn với hát Quan họ, chủ yếu là giọng thật, nên khoảng vang âm thanh thường phát ra ở khoang miệng, đôi khi có pha giọng để giải quyết những nốt cao trong bài, nhưng âm thanh vẫn ở khoang miệng, chứ không đưa lên trán và đầu, không hát giọng mũi, vì vậy *vị trí âm thanh thường đặt ở khoảng giữa lưỡi và cuống lưỡi*.

### **2.1.3. Hơi thở**

Hơi thở trong ca hát được hiểu là một chu trình khép kín, kết hợp giữa quá trình lấy hơi, nén/giữ hơi thở và nhả hơi để phát thanh từ từ, đều hơi (hát liền một hơi) trong một câu hát Quan họ và Chèo.

Hơi thở là một yếu tố quan trọng giúp thể hiện tốt bài hát. Chất lượng âm thanh cũng như hiệu quả thể hiện kỹ thuật phát âm - nhả chữ, tròn vành - rõ chữ, vang - rền - nền - nảy, ngân rung..., sắc thái tình cảm của bài hát... phụ thuộc rất nhiều vào hơi thở. Nếu biết vận dụng tốt cách nén hơi để cho hơi thở dài thì người hát có thể sẽ xử lý một cách thuận lợi các kỹ thuật to nhỏ, luyện, láy, ngân rền, nảy hạt, liền tiếng..., tạo cho âm thanh có độ vang sáng một cách thoải mái, câu hát mềm mại, mượt mà, không bị căng cứng... Bà Ngô Thị Thanh Hoài trao đổi và cho biết về vai trò của hơi thở: “Hơi thở trong hát Chèo rất quan trọng, nếu khi hát mà biết vận dụng hơi tốt thì câu hát sẽ được liền mạch, liền tiếng trong một hơi thở. Ngày nay, lớp diễn viên trẻ hát càng ngày càng cứng, ít liền tiếng và rung giọng”.

Mỗi một lối hát có cách sử dụng hơi thở khác nhau, bởi vậy, âm thanh khi được phát ra cũng không giống nhau. Vấn đề này đã được nhiều tác giả đề cập đến và hầu như đã đi đến thống nhất rằng, dân ca chủ yếu sử dụng hơi thở ngực. Chúng tôi đã có cuộc trao đổi với nghệ nhân Nguyễn Thị Sang (68 tuổi ở Viêm Xá) vào chiều ngày 4-10-2017 về vấn đề hơi thở và được nghệ nhân cho biết: “Hơi thở trong hát Quan họ rất quan trọng, nếu không có một hơi thở tốt thì tiếng hát sẽ yếu, sẽ kém vang, ít độ rền... Tôi thường lấy hơi ngực, khi hát hơi thở bắt đầu ở ngực và có nén một chút ở bụng, khoảng gần chỗ ức ngực”.

Những nhận định về hơi thở trong Chèo, Quan họ nói riêng và âm nhạc dân tộc nói chung của hai nhà sư phạm thanh nhạc là Nguyễn Trung Kiên và Hồ Mộ La cũng đều thống nhất cho rằng: hơi thở trong dân ca chủ yếu sử dụng hơi thở ngực. Cuốn *Phương pháp sư phạm thanh nhạc* của tác giả Nguyễn Trung Kiên tuy nghiên cứu về thanh nhạc phương Tây, nhưng cũng bàn về hơi thở liên quan đến hát dân ca: “Kiểu thở ngực tạo điều kiện phát ra một âm thanh nhẹ nhàng với âm lượng nhỏ, đáp ứng yêu cầu những thể loại không có cao trào lớn, chẳng hạn những bài trữ tình nhỏ, những bài dân ca có giai điệu dịu dàng, uyển chuyển, sử dụng hơi thở ngực phù hợp với các ca sĩ chuyên nghiệp có giọng hát nhẹ nhàng, thường hay hát những ca khúc trữ tình và những bài dân ca” [47; 52]. Cùng chung nhận định về cách vận dụng hơi thở trong hát dân ca, nhà giáo Hồ Mộ La cho rằng: “Ca khúc dân tộc có yêu cầu hoàn toàn ngược lại với thanh nhạc: tiếng hát nhẹ nhàng, không được dày tròn như tiếng hát cổ điển. Hát bằng hơi thở ngực, nếu hơi thở sâu, tiếng hát tròn, đầy sẽ làm mất đi phong cách tiếng hát dân tộc” [54; 170]. Trong ý kiến này, tác giả đã đúng khi nhận định hơi thở trong hát dân ca là hơi ngực, nhưng tác giả cho rằng, hát dân ca nhẹ nhàng nên không được dày tròn như hát cổ điển e rằng chưa hợp lí. Trên thực tế, lối hát nào cũng cần đạt tới âm thanh được tròn đầy tiếng và rõ lời ca, tùy vào từng lối hát mà có cách phát âm - nhả chữ cho phù hợp, tạo nên âm sắc đặc trưng của mỗi một loại hình dân ca.

Chúng tôi nhất trí quan điểm hơi thở của dân ca là hơi ngực, tuy vậy, nếu chỉ sử dụng hơi ngực, với câu hát mang tính kịch theo các dạng nhân vật hoặc với câu dài và cần rền, rung ngân, luyến láy sẽ bị thiếu hơi. Bởi vậy, *hát Quan họ và Chèo được sử dụng hơi thở ngực kết hợp với hơi thở phần bụng trên (gần ức ngực)*. Tùy thuộc vào thể loại và bài/làn điệu cụ thể mà có cách vận dụng kết hợp hơi thở ngực với hơi thở bụng trên sao cho phù hợp. Chẳng hạn, hát Quan họ chủ yếu sử dụng hơi thở ngực, một phần kết hợp hơi thở bụng trên (gần ức ngực). Hơi thở trong Chèo được sử dụng kết hợp giữa hơi thở ngực với hơi thở bụng trên.

Sở dĩ Chèo có hệ thống làn điệu phong phú với tính chất âm nhạc khác nhau, nên hơi thở cũng có sự khác nhau tùy thuộc theo tính chất làn điệu, nhân vật cụ thể. Có thể phân tách cách xử lí hơi thở của Chèo thành hai kiểu như sau:

- Cách vận dụng hơi thở kiểu thứ nhất: Đối với những làn điệu trữ tình, sâu lắng, ngâm ngợi, ai oán... như các điệu trong hệ thống hát Văn, Vía-Ngâm, Ca lẻ, Đường trường... thường phù hợp với các vai đóng chính diện như nữ/Đào Chín, nam Thư sinh... Dạng nhân vật này hay thể hiện những làn điệu trữ tình, ngâm ngợi, bi thương..., nên miệng thường mở ngang, nhỏ, hát kín miệng, khi hát chủ yếu được *sử dụng hơi thở ngực, đôi khi có kết hợp với hơi thở phần bụng trên* (gần ức ngực) để xử lý những quãng cao và những nốt ngân rung dài, cao ở câu hát ngâm ngợi khó trong bài.

- Cách vận dụng hơi thở kiểu hai: Đối với những làn điệu vui hoạt, hài hước, kịch tính, chua ngoa như các điệu trong hệ thống hát Sắp, Hề... thường phù hợp với các vai Hề và những nhân vật đóng phản diện như Đào lạch, Đào pha, Lão, Mụ ác. Dạng nhân vật này thường thể hiện những làn điệu kịch tính, chua ngoa, hài hước, nên miệng hay được mở to, khi hát chủ yếu *sử dụng hơi thở sâu xuống phần bụng* (bụng trên gần ức ngực), có đôi chỗ sử dụng hơi thở ngực để hát những nốt thấp hoặc những câu Vía đầu trong bài.

#### **2.1.4. Phát âm - nhả chữ**

*Từ điển Tiếng Việt* (2008) giải thích phát âm “là phát ra các âm thanh của một ngôn ngữ bằng các động tác của môi, lưỡi, răng...” [83; 951]. Có thể nói, *phát âm - nhả chữ* là kết quả của quá trình tạo âm của bộ phận khẩu hình, gồm cả hình dáng bên ngoài lẫn bên trong miệng như môi, răng, lưỡi, hàm dưới, vòm miệng, kết hợp với hơi thở, giúp cho việc phát thanh, nhả chữ được tròn vành - rõ chữ, hay còn được gọi là “tròn tiếng hát và rõ lời ca”.

*Tròn vành* là âm thanh tròn đầy của từng tiếng, từng chữ khi hát, nhất là khi luyến, láy, âm thanh phải tròn trịa, đầy đặn từng tiếng để rõ phần lời ca. Còn *rõ chữ* là hát phải rõ thanh điệu của từng chữ, hướng tới mặt ý nghĩa của lời ca, để người nghe thấy rõ lời ca, không bị lẫn từ này sang từ khác, khiến sai nghĩa của từ.

Trong ca hát cổ truyền Việt Nam thường gặp cụm từ hát “tròn vành, rõ chữ”. *Tròn* ở đây có nghĩa là gọn gàng, đầy đủ, trọn vẹn, chứ không có nghĩa “hình tròn” của miệng hát. Không nên hiểu hát tròn vành là miệng hát mở tròn to như khi hát dòng thanh nhạc cổ điển thính phòng phương Tây (từ đây sẽ gọi tắt là *thanh nhạc cổ*

*diễn thính phòng*), mà nên hiểu “hát tròn vành” nghĩa là âm thanh phải tròn, gọn gàng, sáng sủa, thanh thoát.

Có thể nói, đặc trưng về phát âm - nhả chữ của Chèo và Quan họ là “tròn vành - rõ chữ”. Phát âm “tròn vành - rõ chữ” của Chèo và Quan họ theo nguyên tắc của tiếng nói người Việt vùng châu thổ sông Hồng: về dấu giọng (thanh điệu), về ngữ điệu lên bổng xuống trầm và có liên quan đến luyện chữ, luyện âm... Đây cũng là đặc điểm chung của dân ca châu thổ sông Hồng nói riêng và dân ca các vùng miền khác nói chung, vì tiếng Việt có dấu theo tiếng nói của từng vùng miền.

Để âm thanh đạt tiêu chuẩn “tròn vành - rõ chữ”, phát âm - nhả chữ trong hát Chèo và hát Quan họ cần được thực hiện đúng cách. Ngoài ra, khi hát cần đảm bảo phải có *vị trí, hơi thở* và *khẩu hình* đúng theo tiêu chuẩn của dân ca, tức khẩu hình mở ngang, hơi thở ngực và vị trí âm thanh chủ yếu ở khoang miệng. Bên cạnh đó, chúng tôi nhấn mạnh, đặc trưng trong kỹ thuật hát sẽ chi phối trực tiếp, quyết định âm thanh đạt độ “tròn vành - rõ chữ” theo tiêu chuẩn của lối hát dân ca, đó là đặc trưng *luyện, láy chữ* và *xử lý thanh điệu*.

Để câu hát Chèo và Quan họ nói riêng và dân ca nói chung đạt được sự tròn tiếng – rõ lời, cần có sự phân chia cách phát âm 1 chữ khi hát thành 3 giai đoạn. Các giai đoạn phát âm - nhả chữ trong hát dân ca có những đặc trưng riêng, khác nhau tùy từng thể loại, nhưng tựu trung ở mỗi loại hình nghệ thuật nào người ta cũng đều phải nhắm tới một yêu cầu, được đúc kết trong một câu, tựa như một nguyên tắc, là phải “tròn vành, rõ chữ”. Trong hát Chèo và hát Quan họ nói riêng và ca hát nói chung, phát âm - nhả chữ được chia thành 3 giai đoạn: giai đoạn 1 là *bắt đầu* - giai đoạn 2 là *tiếp diễn* và giai đoạn 3 là *kết thúc*, mà chúng tôi gọi là *khởi chữ - mở chữ - đóng chữ*.

- Các giai đoạn phát âm - nhả chữ của Chèo:

+ Khởi chữ hay khởi tiếng: Đây là giai đoạn bắt đầu khi hát một chữ. Với giai đoạn này sẽ được hát từ thanh không, chẳng hạn, chữ *kìa* - bắt đầu hát là *ki* -, chữ *có* bắt đầu hát là *co* -, chữ *mạn* được bắt đầu hát là *ma* -, chữ *thuyền* bắt đầu hát là *thuyê*.

+ Mở chữ hay mở tiếng: Đây là giai đoạn tiếp diễn theo sau của giai đoạn bắt đầu. Mở chữ hay mở tiếng là quá trình luyện nguyên âm chính về thanh điệu, nhưng

không ngân nga, rung giọng, mà hát nhanh, như các âm *à, ó, a, ê...* ở các chữ *kìa có mạn thuyền...* Trong hát Chèo, giai đoạn mở chữ luôn được lướt nhanh, thường kết hợp với luyến láy về thanh điệu chính của chữ.

+ Đóng chữ hay đóng tiếng: Đây là giai đoạn kết thúc khi hát một chữ. Khi đóng chữ được luyến, láy tròn tiếng hát về đúng thanh điệu của chữ và tiếp tục rung giọng, tạo cho âm thanh được liền hơi, vang sáng, tạo thuận lợi cho quá trình ngân nẩy hạt ở giai đoạn đóng chữ, như các âm *ia, óóó..., ạn ạn ạn..., ên ên ên...* trong các chữ *kìa có mạn thuyền*. Ở giai đoạn đóng chữ, âm thanh được luyến về đúng thanh điệu của chữ đó, tiếp tục ngân rung, làm cho tiếng hát được rõ chữ.

Đây là nhận xét mang tính khái quát chung cho các giai đoạn phát âm - nhả chữ trong Chèo, tuy nhiên, phát âm nhả chữ còn tùy thuộc vào tính chất âm nhạc của làn điệu, vào các kỹ thuật hát khác như ngân rung, nhấn ngắt, liền hơi... của từng câu hát và ngoài ra, còn phụ vào trạng thái tình cảm của tình huống kịch đối với nhân vật cụ thể trong Chèo.

- Các giai đoạn phát âm - nhả chữ của Quan họ:

Đối với Quan họ, cách phân chia cấu trúc tiếng hát với 3 giai đoạn trong phát âm - nhả chữ giống Chèo ở giai đoạn đầu / khởi chữ, nhưng lại khác ở mở chữ và đóng chữ, làm nên nét đặc trưng riêng cho Quan họ:

+ Khởi chữ: Đây là giai đoạn mở đầu, gồm âm đầu, âm đệm và âm chính của âm tiết. Chẳng hạn, chữ *lam* được bắt đầu hát là *la-*, chữ *gọi* được bắt đầu hát là *go-*, chữ *yêu* bắt đầu hát là *yê-...*

+ Mở chữ: Ở giai đoạn này, âm chính được tiếp diễn và mở rộng, như các âm *a, ê, o, ê...* trong các chữ *lam, diễn, gọi, yêu...* Trong hát Quan họ, giai đoạn mở chữ luôn được ngân rung *aaa, ooo, êêê*, thường kết hợp với luyến và nẩy hạt. Chẳng hạn, ở chữ *lam*, khẩu hình mở thêm sau giai đoạn khởi chữ, vị trí âm thanh không thay đổi và được ngân rung tạo thành nhiều âm *a* liên tiếp, làm cho âm thanh vừa có độ vang, lại vẫn đảm bảo độ rền cho câu hát.

+ Đóng chữ: Đây là giai đoạn cuối cùng khi hát ngân một chữ, bao gồm âm chính và âm cuối, như *-am, -oi, -êu...* trong các chữ *lam, gọi, yêu...* Giai đoạn đóng chữ thường mang thanh điệu của chữ đó, làm cho tiếng hát được rõ chữ. Tuy vậy, ở

các trường hợp nhân nhá, nảy hạt, thanh điệu có cách xử lí phức tạp hơn, chúng tôi sẽ bàn ở phần kĩ thuật hát nảy hạt.

Nhờ sự phân chia giai đoạn của quá trình hát ngân một chữ ta có thể nhận biết sự khác nhau tinh tế trong cách phát âm - nhả chữ của Chèo, Quan họ cũng như các thể loại dân ca khác. So sánh với hát Xẩm cho thấy: “Cách nhả chữ của Xẩm có cường độ mạnh, tạo cảm giác thô ráp, thùng thảng “hát tiếng một” làm cho Xẩm đặc biệt không giống với bất cứ một loại hình ca hát dân gian nào” [56; 50]. Quan sát cách phát âm - nhả chữ của nghệ nhân Hà Thị Cầu trong video của Viện Âm nhạc, chúng tôi thấy, Xẩm thường nhấn mạnh bằng cường độ ở giai đoạn khởi chữ hoặc đóng chữ, với kiểu đóng chữ nhanh, nhiều khi đến mức đột ngột, giữ đúng thanh điệu ở suốt quá trình hát, làm cho tiếng hát gần với tiếng nói, mà âm thanh lại mộc mạc, rất đặc sắc. Còn với Ca trù : “Cách nhả chữ của Ca trù cho thấy một đặc điểm khá rõ về nhịp độ khởi - mở - đóng chữ diễn ra tương đối chậm và dàn trải, trong nghệ thuật ca hát cổ gọi là đai từ. Với cách nhả chữ này - đai từ, nguyên âm - trung tâm chữ được mở rộng hơn, nên giọng hát đạt độ vang, mạnh mẽ, rền rĩ hơn” [56; 47].

Như vậy, mỗi thể loại dân ca đều có cách phát âm - nhả chữ với những nét đặc trưng riêng. Chúng ta có thể cảm nhận được cách phát âm - nhả chữ của mỗi loại hình ca hát, song miêu tả chi tiết bằng lời đặc trưng phát âm - nhả chữ của các thể loại ca hát, phân biệt rõ thể loại này với thể loại khác là công việc không đơn giản, đòi hỏi nhiều công phu và khả năng phát hiện tinh tế.

### **2.1.5. Luyện chữ**

Luyện chữ có liên quan đến thanh điệu trong phát âm - nhả chữ. Vì thế, khi bàn đến phát âm - nhả chữ cần đề cập đến kĩ thuật luyện chữ. Có thể nói, đặc trưng hát luyện chữ hay còn được hiểu là luyện, lấy theo từng chữ, từng câu hát là một kĩ thuật quan trọng trong mỗi thể loại ca hát và thường thấy ở âm nhạc dân gian. Đặc trưng luyện không thể biểu đạt hết bằng cách ghi nốt nhạc, mà phải do chính nghệ nhân, nghệ sĩ hát theo cảm nhận tinh tế trong xử lí kĩ năng luyện tiếng hát ở mỗi người. Nhiều khi, luyện chữ không được nhất quán, mỗi lần hát là một lần xử lí khác nhau, nhưng vẫn đảm bảo khi luyện phải dựa vào lòng bản của bài hát. Luyện chữ được lưu

truyền qua cách truyền khẩu để giữ lại cái hồn cốt đặc trưng ở mỗi thể loại ca hát truyền thống, không giống với cách luyện, láy như khi hát thính phòng, nhạc nhẹ.

Luận bàn về cách hát luyện trong dân ca, tác giả Trần Ngọc Lan nhận định: “Luyện làm cho quện giữa âm này với âm kia khiến chữ (ca từ) được mềm và câu hát được rền tiếng”. Tác giả còn bàn thêm: “Luyện thường đi liền với thanh điệu, làm rõ thanh điệu. Luyện có thể diễn ra nhanh hoặc chậm tùy thuộc vào làn điệu, dòng nhạc và nghệ thuật ca hát” [56; 119].

Từ những quan điểm trên và qua thực tế nghiên cứu, chúng tôi cho rằng *luyện chữ* là sự gắn kết giai điệu với các bước đi liền bậc, nhảy quãng lên, xuống được nối tiếp liền nhau trong một chữ và từ chữ này sang chữ khác, làm cho câu hát được quện rền tiếng, không bị cứng, thuận lợi cho cách hát liền hơi, ngân rung, rền tiếng. Cách luyện chữ cần hát luyện, láy tròn từng chữ/tiếng hát theo một vòng tròn luyện về thanh điệu, đóng tiếng hát để được tròn tiếng- rõ lời ca.

#### 2.1.5.1. Luyện chữ trong hát Chèo

Hát luyện chữ của Chèo với 3 giai đoạn làm cho chữ, câu hát được luyện tròn tiếng, rõ lời ca. Làn điệu Chèo thể hiện nhiều tính chất sắc thái khác nhau, nên khi hát, kể cả luyện chữ cũng được xử lý không giống nhau. Với những làn điệu nhanh, vui, linh hoạt, luyện chữ thường nhanh, ở giai đoạn khởi chữ hát từ thanh không, giai đoạn mở chữ hát vào thẳng thanh điệu, tiếp tục luyện lên hoặc xuống ở nguyên âm của chữ đó, kết thúc luyện một chữ được đóng tiếng hát lại và không luyện thêm ở cuối câu.

Ví dụ số 8:

#### SẮP CỎ PHONG

(Trích phần Thân )

Người hát: Ông Năm Ngũ

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Với ví dụ trên, chẳng hạn chữ *khách*, *oi*, *tình*, *sao* *chả* sẽ được hát luyện, láy với 3 giai đoạn sau: chữ *khách* khởi chữ sẽ luyện từ thanh không dấu là *kha*, mở chữ luyện giai điệu đi lên kết hợp với thanh điệu *á*, đóng chữ sẽ luyện, láy tròn tiếng hát

cùng với thanh điệu làm rõ chữ và đóng tiếng hát ở vần *ách*. Luyện tương tự như vậy ở các chữ khác, tùy vào từng chữ mà có cách xử lý thanh điệu cho phù hợp.

Với những làn điệu ngân nga, trữ tình, quá trình luyện chữ khác với những bài nhanh, vui, linh hoạt. Ở giai đoạn khởi chữ sẽ được luyện từ thanh không, giai đoạn mở chữ tiếp tục luyện nguyên âm của chữ, đóng chữ sẽ lấy đuôi nguyên âm kết hợp với thanh điệu, sao cho câu hát được tròn đầy và tiếp tục ngân, đưa âm thanh lên mũi để rung giọng, sau khi đã đóng tiếng hát. Ở giai đoạn khởi chữ sẽ được luyện từ thanh không, giai đoạn mở chữ tiếp tục luyện nguyên âm của chữ, đóng chữ sẽ lấy đuôi nguyên âm kết hợp với thanh điệu, sao cho câu hát được tròn đầy và tiếp tục ngân, đưa âm thanh lên mũi để rung giọng, sau khi đã đóng tiếng hát.

Ví dụ số 9:

### CON TÒ VÒ

(Trích)

Người hát: Cụ Trùm Thịnh

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Trong câu hát *Vía* trên, ở những chữ *buồn, rầu, rĩ, tôi, buồn, non* sẽ được hát luyện, lấy với 3 giai đoạn: chữ *buồn*, khởi chữ sẽ luyện từ thanh không đầu là *buô*, mở chữ sẽ luyện giai điệu đi lên, kết hợp với thanh điệu *ồ*, đóng chữ sẽ luyện, lấy tròn chữ kết hợp với thanh điệu để rõ lời ca và đóng tiếng hát ở cuối chữ là *ồn...*, tiếp tục ngân và đưa âm thanh lên mũi để rung giọng ở cuối câu hát.

#### 2.1.5.2. Luyện chữ trong hát Quan họ

Quan họ có nhiều bài ngân nghỉ tự do, tốc độ chậm hoặc vừa phải, với những bài này, luyện chữ được phân chia làm 3 giai đoạn giống với Chèo. Tuy nhiên, xử lý luyện chữ khác với Chèo ở giai đoạn giữa - mở chữ, chẳng hạn, chữ *liêu* sẽ được luyện *liê...ê ê ê* (luyện chữ ở mở chữ) và kết thúc quá trình luyện chữ ở đóng tiếng hát *liêu*. Với hát luyện của Chèo lại được ngân rung, luyện, lấy chữ ở giai đoạn cuối - đóng tiếng hát.



Quan họ ít có bài/ điệu hát nhanh, tuy vậy, với những bài hát kiểu này, khi xử lý luyện, láy cũng rất nhanh. Với giai đoạn khởi chữ được hát luyện từ thanh không, khi mở chữ không ngân rung luyện láy ở nguyên âm, mà hát vào thẳng thanh điệu của chữ đó, đóng tiếng hát không luyện láy rung ngân ở giai đoạn cuối, chẳng hạn, *chữ liêu* được luyện *liê...ểu...iểu*.

Luyện chữ trong hát Quan họ so sánh với Chèo, Ca trù và Xẩm có cách xử lý khác nhau. Chẳng hạn như trong Ca trù, luyện 1 chữ chỉ cần 2 giai đoạn, khi đóng tiếng hát sẽ láy đuôi, rung âm thanh của chữ đó. Giai đoạn khởi chữ và mở chữ được phát thanh cùng lúc (giai đoạn 1), sau đó đóng chữ lại (giai đoạn 2) như chữ *mới*, *ngày*, *nào*, *chưa*, *biết*, *chỉ chỉ* (trích trong bài *Hồng hồng tuyết tuyết*) được hát là *mớ...ới*, *ngà...ày*, *nà...ào...* Hoặc, trong hát Xẩm, với cách hát mộc, nhấn thẳng vào từng chữ, khi xử lý luyện chữ thường chỉ nhấn ở giai đoạn khởi chữ vào thẳng thanh điệu, sau đó đóng tiếng và láy đuôi của chính chữ đó. Thí dụ, ở chữ *mẹ*, *đã*, *xế*, *bóng*, *chiều*, *sương* (trích trong bài *Xẩm thập ân*), sẽ được hát là *mẹ...ẹ*, *đã...ã*, *xế...ế*, *bóng...óng*, *chiều...ều*, *sương...ơng*.

Như vậy, luyện chữ ở 3 giai đoạn với cách phát âm - nhả chữ theo đặc trưng của từng thể loại là một trong những nhân tố quan trọng, góp phần giúp cho giọng hát đạt độ tròn vành - rõ chữ, tạo nên âm sắc riêng, làm cho phong cách của lối hát Chèo, Quan họ không giống với các thể loại ca hát khác.

#### **2.1.6. Xử lý thanh điệu**

Xử lý thanh điệu là một quá trình trong phát âm nhả chữ và luôn được gắn liền với quá trình luyện chữ. Luyện chữ và xử lý thanh điệu trong hát dân ca đóng vai trò quan trọng, mỗi thể loại ca hát lại có cách xử lý thanh điệu khác nhau. Vì vậy, nếu ta hát tốt các kỹ thuật mà xử lý thanh điệu không khéo, đôi khi lại luyện sai dấu giọng, thì âm thanh sẽ không đạt yêu cầu tròn vành - rõ chữ.

*Xử lý thanh điệu* trong hát dân ca được hiểu là cách xử lý các thanh điệu trong quá trình luyện, láy chữ, tùy từng thanh điệu mà có cách luyện khác nhau, giúp cho quá trình phát âm - nhả chữ được rõ lời.

Thanh điệu tiếng nói được phân loại dựa trên âm điệu, theo tiếng Việt chuẩn (tiếng Hà Nội) thì thanh điệu được chia làm 6 thanh (huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã và thanh không), có thể xếp làm hai loại: *bằng* và *trắc*. Thanh bằng có 2 thanh: *không*

và *huyền*. Thanh trắc có 4 thanh: *sắc, nặng, hỏi và ngã*. Các thanh bằng có đặc trưng chung là âm điệu bằng phẳng, không gấp khúc, êm ái, dễ nghe. Các thanh trắc có đặc điểm chung là âm điệu không êm ái, dễ nghe như thanh bằng, các thanh hỏi và ngã không bằng phẳng và bị gấp khúc. Những người nói tiếng Việt ở các vùng miền khác nhau như Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Nam bộ phát âm khác nhau rõ nhất ở dấu thanh, nhất là ở những tiếng mang thanh trắc, điều này thể hiện trong phát âm - nhả chữ theo giọng bản địa, mang đặc trưng vùng miền.

Vấn đề thanh điệu và cách xử lý trong hát dân ca có ý nghĩa quan trọng, chi phối trực tiếp đến tiếng hát được tròn vành - rõ chữ.

#### 2.1.6.1. *Xử lý thanh điệu trong hát Chèo*

Kỹ thuật hát Chèo tương đối phong phú, phức tạp bởi Chèo thuộc thể loại âm nhạc sân khấu, mặc dù nhiều làn điệu Chèo cổ được lấy từ dân ca, song yếu tố vở diễn với hệ thống các nhân vật thể hiện tính cách khác nhau đã chi phối và quy định kỹ thuật hát, đồng thời với đó là đòi hỏi về kỹ thuật xử lý thanh điệu cũng có phần phức tạp, không giống với các lối hát khác.

Kỹ thuật xử lý thanh điệu trong hát Chèo chủ yếu có hai cách:

Đối với những làn điệu hát nhanh, vui, rộn ràng, hài hước thì khi hát ở cả 3 giai đoạn được phát âm giống nói, đọc và vào thẳng thanh điệu luôn ở khởi chữ.

Với những làn điệu ngâm ngợi, vìa, trữ tình, sâu lắng... có tốc độ hát chậm, ngân nga thì nhiều khi phát âm-nhả chữ ở giai đoạn đầu - khởi chữ không đi thẳng vào thanh điệu chính như hát nhanh, mà có thể thông qua một thanh điệu khác. Chẳng hạn như các chữ có dấu sắc, nặng, hỏi, ngã có thể mở chữ bằng thanh không hay thanh huyền (còn tùy thuộc vào cao độ của giai điệu). Sau đó, đến giai đoạn giữa - mở chữ mới hát vào thanh chính của chữ đó. Giai đoạn cuối - đóng chữ tiếp tục luyện nguyên âm hoặc phụ âm để rõ chữ của lời ca. Chẳng hạn hát chữ *lời*, *nọ* sẽ hát là *lơ... ở...ời ời ời ời* và *no...ọ...ọ ọ ọ ọ...*

#### 2.1.6.2. *Xử lý thanh điệu trong hát Quan họ*

Hát Quan họ cũng có hai cách xử lý thanh điệu: Đối với những điệu có tốc độ hát chậm như Bì, ngâm ngợi, trữ tình..., khởi chữ chủ yếu được bắt đầu hát từ thanh không hoặc có thể là thanh huyền (dù đó là các chữ với thanh sắc, ngã, hỏi,

nặng), mở chữ được ngân rung, luyện, láy nguyên âm chính và đóng chữ mới về đúng thanh điệu của chữ đó. Ví dụ như chữ *thuyền* được hát là *thuyê .... êêê.. ền*, chữ *không* hát là *khô...ô ô ô...ông*, chữ *hỏi* hát là *ho...o o o..ỏi...* Như vậy, trong Quan họ, một chữ được hát luyện tròn ở giai đoạn mở chữ, tạo cho âm thanh vang, rền, đến khi đóng tiếng mới về đúng thanh điệu của chữ đó, để được tròn tiếng - rõ lời ca.

Đối với những điệu có tốc độ hát nhanh, rộn ràng, hát vào thẳng thanh điệu ở khởi chữ, không rung, luyện ở mở và đóng chữ.

Điêm qua cách xử lí thanh điệu trong hát Chèo và hát Quan họ cho thấy sự khác biệt rất tinh tế trong cách phát âm, nhả chữ ở các giai đoạn khởi, mở, đóng chữ của từng thể loại.

## **2.2. Kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo và hát Quan họ**

### **2.2.1. Kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo**

Chèo là thể loại âm nhạc sân khấu, bởi vậy có nhiều đặc trưng trong cách thể hiện âm nhạc, kỹ thuật hát, nghệ thuật biểu diễn phù hợp với nhân vật cụ thể theo từng vở diễn. Như đã nêu ở chương 2, hệ thống nhân vật trong Chèo biểu trưng cho nhiều tính cách trong xã hội, nên các làn điệu, bài bản trong Chèo rất phong phú để thể hiện đa dạng các tình huống kịch cũng như các trạng thái, cung bậc tình cảm của con người và có thể quy vào 8 hệ thống làn điệu. Do đó, cách biểu hiện trong khi hát cũng như kỹ thuật hát rất đa dạng và phong phú.

Tiếp cận với các quan điểm trên để nhận diện đặc trưng kỹ thuật hát mà sẽ được chúng tôi trình bày ở phần dưới đây của luận án. Kế thừa kết quả nghiên cứu của một số tác giả có ít nhiều đề cập đến kỹ thuật hát Chèo như: Hoàng Kiều, Bùi Đức Hạnh, Nguyễn Thị Tuyết, Trần Ngọc Lan...; các nghệ nhân, nghệ sĩ mà đã nêu ở các chương trước của Luận án, chúng tôi xin được tổng kết một số đặc trưng tiêu biểu trong lối hát Chèo là: *nảy hạt, rung giọng* (theo cách nói dân gian của nhà nghề thì gọi là rung gậy khúc); *hát liền hơi* (theo nhà nghề gọi là liền hơi bắt lẳng), *ngắt, nhẩn hơi* là những yêu cầu cần phải đạt tới của kỹ thuật hát Chèo.

Tìm hiểu thêm về vấn đề này, ngày 21.09.2017, NCS đã gặp gỡ với nghệ sĩ nhân dân Đoàn Thanh Bình, nguyên là GV dạy hát Chèo tại Khoa Kịch hát dân tộc của trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội để trao đổi về những kỹ thuật hát

của Chèo. Cô Bình cho biết: “Từ xưa cho tới nay vẫn dạy SV một số kỹ thuật hát Chèo như liền hơi, nghệ nhân xưa hay gọi là liền hơi bất lảng, cách nhấn, ngắt, hát nhanh, nảy hạt và ngân rung giọng, đây là những kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo”.

Trước khi tìm hiểu các kỹ thuật đặc trưng, luận án xin được trình bày đôi nét về phân loại giọng trong Chèo. Chèo có cách phân loại giọng hát theo quan niệm âm dương gồm hai loại chính: *Giọng Thỏ cho nam* và *giọng Kim cho nữ*.

- *Cách phân loại giọng cho nam*: Giọng thỏ của nam có *thỏ trung* và *thỏ đồng*. Ngoài ra, giọng nam còn có giọng *thỏ bần*, giọng *lá*, nhưng hai loại giọng này đến nay ít sử dụng.

- *Cách phân loại giọng cho nữ*: Về giọng kim của nữ, loại này được chia làm 3 giọng là *kim mùi*, *kim vắt* và *kim pha thỏ*. Theo tác giả Bùi Đức Hạnh thì: “Giọng *kim mùi* là loại giọng quý hiếm, hát được âm vực cao nhưng nghe vẫn êm ái, ấm áp, mùi mẫn và có màu. Giọng *kim vắt* là loại giọng tuy có độ vang, nhưng âm sắc hơi chói tai, đặc biệt ở những âm vực cao, không được ấm như giọng *kim mùi*” [27; 29]. Còn giọng *kim pha thỏ* là giọng hát có độ vang nhưng tầm cỡ không cao và lại pha chất ồ, khàn của giọng thỏ.

Để hiểu hơn về cách phân loại giọng của Chèo, xin được so sánh với giọng hát mới trong thanh nhạc phương Tây (tuy nhiên chỉ mang tính tương đối) về tầm cỡ, âm sắc và có nhận định như sau:

- *Về giọng nam*: Giọng thỏ trung có thể coi như tương đương với giọng nam trung. Giọng thỏ đồng coi như gần giống với giọng nam cao.

- *Về giọng nữ*: Giọng kim mùi có thể coi tương đương với giọng nữ cao, âm thanh nghe vang xộp, êm ái, mùi mẫn. Giọng kim vắt gần với giọng nữ cao nhưng âm thanh mảnh, nhẹ, lạnh lạnh. Giọng kim pha thỏ coi như gần giống với giọng nữ trung.

Nhận diện, làm sáng tỏ các loại giọng hát trong Chèo giúp cho chúng tôi xác định giọng hát và lựa chọn làn điệu Chèo phù hợp cho SV.

### 2.2.1.1. Liền hơi

Hát liền hơi, hay còn được gọi liền hơi bất lảng là kỹ thuật cơ bản, đóng vai trò quan trọng được sử dụng nhiều trong làn điệu Chèo cổ. Có thể coi hát liền hơi gần với hát liền giọng trong kỹ thuật thanh nhạc cổ điển thính phòng phương Tây.

Trong thanh nhạc cổ điển thính phòng, hát liền giọng (legato) là kỹ thuật rất quan trọng và cơ bản. Tác giả Nguyễn Trung Kiên đã nhận định trong cuốn *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc*: “Hát liền giọng là cách hát chuyển tiếp liên tục, đều đặn từ âm nọ sang âm kia, tạo nên những câu hát liên kết không ngắt quãng...trong một hơi thở” [47; 104].

Trao đổi với nghệ sĩ nhân dân Ngô Thị Thanh Hoài ngày 23. 09. 2017, bà cho biết: “Hát liền hơi trong Chèo đòi hỏi phải hát liền tiếng, liền giọng, khi hát không được ngắt hơi nhiều lần, mà chỉ được lấy một hơi thở và giữ hơi để hát đến hết câu hát”.

Đồng tình với các quan điểm trên, chúng tôi nhận thấy, lối hát *liền hơi trong Chèo* là kỹ thuật hát liền tiếng, liền giọng trong một hơi thở, được ngân rung đều đều, liên tục, giai điệu nối tiếp nhau giữa các âm, kết hợp luyến, láy chữ, tạo đường cong uốn lượn, nhấn vuốt bắt từ dưới lên, lảng từ trên xuống và ngược lại trong một hơi Chèo.

Liên hơi/liền giọng là kỹ thuật hát khó, có ở nhiều loại hình ca hát. Trong Chèo, cách hát liền hơi có nguồn gốc từ dân ca. Kỹ thuật hát liền hơi đều có những yếu tố luyến, vuốt mềm mại làm cho câu hát được liền giọng trong cùng một hơi thở. Ngoài tính trữ tình uyển chuyển của giai điệu, liền hơi còn được biểu hiện trong từng câu, từng lời nói và đều có yếu tố luyến, vuốt. Kỹ thuật này có thể được ứng dụng cho nhiều làn điệu Chèo thể hiện tính chất sắc thái như ngâm ngợi, trữ tình, sâu lắng, mượt mà như bài: *Đào liễu*, *Con nhện giăng mùng*, *Con tò vò*, *Trần tình*, *Dương xuân*... [PL 3.1.10 tr.251; 3.1.13 tr.257; 3.1.15 tr.265; 3.1.5 tr.229] và thường phù hợp với các nhân vật nữ chín, nam thư sinh...

Ví dụ 10:

DƯƠNG XUÂN

(Trích) Người hát: NN Đặng Thạch Lệ

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 5.10.2017

Bông hoa thơm cho con bướm i nó i dạo i con bướm i

nó máy liệng i dạo liệng thời xong bên chập chòn

Trong ví dụ trên, chủ yếu là kỹ thuật hát liền hơi, có vuốt bắt lảng ở chữ *con bướm* từ dưới lên và giữ nốt, rung giọng luyến nguyên âm *âm i i* rồi bắt lảng từ trên đổ xuống ở chữ *nó dạo*... Với những chỗ có trường độ kéo dài như nốt trắng, vẫn phải ngân rung giọng hát chứ không được ngắt nghỉ hơi thở.

#### 2.2.1.2. Nhấn, ngắt

Trong Chèo, kỹ thuật hát nhấn, ngắt hơi là yêu cầu cơ bản, giúp cho câu hát nghe da diết, giàu cảm xúc, biểu đạt tính cách nhân vật sâu sắc, rõ ràng, kịch tính hơn. Kỹ thuật nhấn, ngắt kết hợp với nhau thường được sử dụng với những làn điệu thể hiện tính chất như: vui vẻ, lạc quan, hài hước hoặc châm biếm, chua ngoa, độc địa hoặc giai điệu có tính chất thể hiện sự căng thẳng, kịch tính...; giai điệu nhiều đảo phách, xen lẫn những dấu nhấn, ngắt, nghỉ đột ngột và thường thấy nhiều ở các vai Hề, Lệnh, Mụ ác... Đây là kỹ thuật đặc trưng của Chèo bởi trong Chèo có hệ thống nhân vật Hề, có các vai thể hiện tình cảm hài hước hoặc độc ác... phù hợp với tình huống kịch. Nếu so với Quan họ thì nhấn, ngắt không phải là kỹ thuật đặc trưng của Quan họ. Là thể loại hát giao duyên, đối đáp nam nữ có nội dung thiên về những tình cảm yêu thương, cảm xúc đẹp đẽ trước cuộc sống khiến cho Quan họ nổi bật là lời hát trữ tình, ít những câu hát nhấn, ngắt, đặc biệt là hát lời nhấn, ngắt liên tiếp hoặc đột ngột và ít thấy bài nhanh, vui, dí dỏm... như trong Chèo.

##### \* Nhấn

Về hát nhấn, nghệ sĩ nhân dân Thanh Hoài và Thanh Bình cho biết: kỹ thuật hát nhấn là cách hát rất tinh tế, thường được nhấn vào từng chữ để rõ ý nghĩa, ca từ và để thể hiện tâm trạng tính chất nhân vật... Qua đó, chúng tôi thấy: *hát nhấn trong Chèo là kỹ thuật hát nhấn hơi thở, làm cho âm thanh được nhấn mạnh về cường độ, trường độ. Nhấn còn được nhấn mạnh bằng cách nhắc lại chữ/ca từ có nghĩa trong câu, điệu hát nhằm làm sáng tỏ vai trò ngữ nghĩa của từng chữ.* Hát nhấn với mục đích là nhấn vào từng âm/chữ, cũng có khi nhấn vào chữ trước để kéo sang ngắt ở chữ sau, hoặc hát nhấn để vuốt luyến chữ. Nhiều khi lời hát được nhấn mạnh và nhắc/nhả lại nhiều lần với mục đích nhấn nhá, thủng thủng lời ca ở những chữ có nghĩa trong câu.

Kỹ thuật hát nhấn khi được kết hợp với hát ngắt thường được sử dụng trong những làn điệu có lời hát mộc, không luyến, láy, rung ngân nhiều, mà thường được hát với giai điệu ở tốc độ nhanh, tính chất vui, linh hoạt. So sánh giữa kỹ thuật hát

nhấn trong Xẩm, Ca trù với Chèo cho thấy, cách nhấn âm thanh của Xẩm, Ca trù tương đối giống nhau vì đều được diễn ra ngay ở giai đoạn khởi chữ với kỹ thuật hát mộc, hát như nói, hát thùng thảng từng chữ một. Chẳng hạn với chữ *mẹ* được nhấn khởi chữ là *me* và đóng chữ *ẹ* (cách hát Xẩm) chữ *hồng* hát khởi chữ là *hồ* và đóng chữ là *ong*, rồi nhấn tiếp vào chữ sau *hồ-ong* (cách hát Ca trù). Còn trong hát Chèo, kỹ thuật nhấn hơi thở trong một chữ, một câu được diễn ra nhanh, linh hoạt hơn Ca trù và Xẩm.

Như vậy, nhấn trong hát Chèo khác với kỹ thuật nhấn, ngắt so với các thể loại dân ca khác. Nếu trong Xẩm, Ca trù, nhấn âm thanh vào từng chữ theo kiểu luyến, láy, đai từ, nhấn vuốt chậm, thì trong Chèo nhấn hơi vào thẳng chữ đó cùng với thanh điệu. Ví dụ chữ *gió*, *mát*, *giăng*, *thanh* sẽ được hát là *gió-ó* (ó là láy đuôi của chữ gió), *mát-át*, *giăng-ăng*, *thanh-anh*.

Thí dụ 11:

XẨM XOAN

(Trích)

Người hát: Cụ Hà Quang Bồng

Ghi âm: Hoàng Kiều – Hà Hoa



Cũng có khi, hát nhấn được diễn ra cùng với kỹ thuật hát liền hơi để nhấn mạnh ở những chữ có nghĩa trong câu hát. Chẳng hạn, với câu hát trên, kỹ thuật nhấn có thể ở các chữ *gió mát giăng thanh* được nhắc lại hai lần trong câu hát. Tuy vậy, tùy vào từng bài cụ thể mà có cách xử lý kỹ thuật nhấn chữ khác nhau. Thường thì nhấn chữ hay diễn ra ở những từ có nghĩa trong lời hát, chứ không nhấn ở những tiếng đệm lót, đệm nghĩa, đưa hơi như *iii*, *íơ*, *a*, *ư*, *tình rằng*, *dậu mà*...

#### \* Ngắt

Chữ *ngắt* có thể hiểu là “làm cho bị đứt quãng, không còn liên tục như ngắt giọng, ngắt ngang lời nói” [83; 830]. *Hát ngắt trong hát Chèo là kỹ thuật ngắt hơi thở, làm cho âm thanh bị ngắt và dứt tiếng hát đột ngột. Khi ngắt hơi sẽ làm đứt, dứt tiếng, câu hát mất đi sự mượt mà, liền giọng. Ngắt, dứt tiếng giúp cho câu hát nghe giàu cảm xúc, biểu đạt tính cách nhân vật sâu sắc, rõ ràng hơn.*

Hát ngắt, dứt tiếng trong Chèo thường diễn ra sau nhấn chữ. Kỹ thuật ngắt hơi là cách hát linh hoạt, rõ ràng, tốc độ nhanh, tính chất vui, rộn ràng. Với kỹ thuật này, chủ yếu sử dụng với những nhân vật *Hề, Mụ...* như những bài hát trong hệ thống làn điệu *Hề, Sắp*.

Ví dụ số 12:

### HỀ SƯ CỤ

(Trích)

Người hát: Cụ Minh Lí

Ghi âm: Hoàng Kiều – Hà Hoa



Với điệu hát này, chủ yếu được sử dụng kỹ thuật nhấn và ngắt hơi, dứt âm thanh đột ngột ở chỗ có dấu lặng đơn trong bài như những chữ *cụ, đầu, lủi, râu, có*.

Đôi khi ngắt, dứt tiếng đột ngột trong hát Chèo lại diễn ra ở cả những làn điệu chậm, ngâm ngợi, tính chất bi thương, oán trách như *Via*.

Thí dụ 13:

### XÂM HUÊ TÌNH

(Trích)

Người hát: Ông Năm Ngũ

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Câu *Via* trên hát nhịp tự do, sử dụng kỹ thuật ngân rung giọng, luyến, láy, liền hơi. Mặc dù vậy, câu hát lại được kết hợp với kỹ thuật nhấn, ngắt. Hát nhấn ở những chữ *tôi, đôi, chẳng* (mỗi chữ được hát nhấn nhắc lại 2 lần). Hát ngắt diễn ra ngay sau nhấn như ở chữ *ôi, nghèo, tiếp*, âm thanh được ngắt đột ngột ở dấu lặng đơn, nhằm để diễn tả tâm trạng buồn, trách móc, tủi hờn của nhân vật...



### 2.2.1.3. Rung giọng

*Rung giọng* xuất hiện ở nhiều thể loại ca hát, giúp cho câu hát không bị thẳng đuồn, khô cứng mà mềm mại, sâu lắng và biểu cảm hơn. Cách rung ngân ở mỗi thể loại, lối hát lại được xử lý khác nhau. Chẳng hạn, với thanh nhạc cổ điển phương Tây, thường rung nhanh, không rõ nét, rung ở chính ca từ, để tạo độ vang, độ đẹp, mềm mại. Trong nhạc nhẹ hiện đại thường rung chậm, rất rõ nét, thậm chí rung đứt đoạn từng âm như tiếng vọng, rung ở chính ca từ và ngân rung thêm sau ca từ; nhạc nhẹ hiện đại còn sử dụng bộ phận écho để tạo tiếng vọng, hỗ trợ kỹ thuật rung cho ca sĩ. Rung giọng trong ca hát dân gian khác với thanh nhạc cổ điển và nhạc nhẹ. Bàn về rung trong ca hát dân gian, tác giả Trần Ngọc Lan cho rằng: “Rung giọng chỉ xảy ra ở từ đệm có kết hợp với hơi nẩy và hơi hột” [56; 52]. Chúng tôi đồng quan điểm với tác giả khi cho rằng, rung giọng thường xảy ra kết hợp với nẩy hạt. Thực tế cho thấy, rung giọng là cách xử lý kỹ thuật theo khả năng ca hát của từng người. Đôi khi, có người rung giọng ít, có người rung giọng nhiều theo mỹ cảm riêng của họ.

Luận bàn về cách hát Chèo phải kể đến ý kiến của tác giả Bùi Đức Hạnh. Ông cho rằng: “Hát Chèo không gây chấn động lớn như cách hát châu Âu mà chỉ như những làn sóng lăn tăn, không rung giọng ở chính ca từ mà thường ngân rung giọng ở *nguyên âm i* tạo ra lối rung hơi mũi gọi là hơi nẩy, hơi hột [27; 27-28].

Như vậy, *rung giọng là đặc điểm âm thanh khi luồng hơi đi qua thanh đới kết hợp láy, rung, tạo ra âm thanh có độ rung giọng với những hạt nhỏ lăn tăn kế tiếp, liên tục, rền tiếng hát.*

Hát Chèo không rung giọng mạnh, to, mà chỉ rung nhẹ nhàng uốn lượn tạo ra kiểu rung gẩy khúc (theo cách gọi của nhà nghề) và thường đóng khẩu hình, đưa âm thanh lên mũi, tạo ra lối rung hơi mũi đặc trưng. Chèo không rung giọng ở chính ca từ, mà được thêm vào những nguyên âm, hư từ, từ đệm như *i*, *io*, *ư* để ngân rung, luyến, láy ở cuối giai đoạn đóng chữ.

Kỹ thuật hát rung giọng ở mỗi thể loại là khác nhau và mang nét đặc thù. Nếu trong thanh nhạc cổ điển thính phòng hay nhạc nhẹ, khi xử lý kỹ thuật rung giọng, thường ở giai đoạn mở chữ, tức là rung ở nguyên âm chính của chữ. Đôi khi, rung giọng được xuất hiện ở cả giai đoạn đóng chữ để tạo vang, sáng, mềm mại, tạo cho

âm thanh không bị thẳng đuồn, khô, cứng. Khác với cách hát cổ điển phương Tây, cách rung giọng của ca hát cổ truyền Việt Nam có nhiều điểm khác. Chẳng hạn: Ca trù thường được ngân rung ở giai đoạn mở chữ (nguyên âm chính của chữ đó) để nhấn nhá theo kiểu đong đưa chữ, hay còn gọi là đai từ. Hát Xẩm thường xử lý cách rung giọng ở ngay giai đoạn khởi chữ cho đến đóng chữ được lấy lại chữ đó và tiếp tục rung giọng (đối với bài hát ngâm ngợi, tự sự, hát chậm, còn với bài nhanh vui, không xử lý rung giọng). Đối với cách ngân rung của Quan họ thường được diễn ra ở giai đoạn mở chữ, chẳng hạn, rung giọng ở nguyên âm *ooo* trong chữ *con* và *aaa* trong chữ *gái* tạo cho câu hát được vang, rền tiếng.

Trở lại với kỹ thuật rung giọng trong hát Chèo cho thấy, Chèo không ngân rung ở giai đoạn khởi chữ hay mở chữ, mà được rung ở giai đoạn cuối của đóng chữ, hay nói cách khác, khi đóng tiếng hát rồi mới được rung giọng theo kiểu lấy đuôi chữ, khép khẩu hình, đưa âm thanh lên khoang mũi để rung giọng.

Ví dụ số 14:

#### NGÂM SỐNG

(Trích)

Người hát: Bà Minh Lí

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

*Nhịp tự do*

Trông lên bức gấm nhớ tới tay i i ngà. Cây kia i ai xới  
cho thăm giò hoa. Thấp thoáng rèm châu in vóc liễu i i i i

Ở bài *Ngâm sống*, kỹ thuật hát rung giọng được thực hiện trước những chỗ nghỉ tự do (có dấu mắt ngỗng) ở các chữ *gấm*, *ngà*, *hoa*, *liễu*. Khi hát rung giọng sẽ thành *gâ - á* (hát ở khoang miệng) - *ám ám ám* (đóng khẩu hình rung giọng ở khoang mũi), *nga - à* (khoang miệng) - *à à à* (khoang mũi), *ho -a* (khoang miệng) - *oa oa oa* (khoang miệng) *liễu iiii ...*

#### 2.2.1.4. Nảy hạt

Nảy hạt là kỹ thuật hát độc đáo của nhiều thể loại như *Quan họ*, *Chèo*, *Ca trù*, *Hát Văn*, *Ngâm thơ*... Mỗi một thể loại lại có cách xử lý âm nảy khác nhau. Chẳng hạn, Ca trù được nảy ở âm *ư*, *hư*, nảy sâu trong cổ họng, đóng khẩu hình, âm nảy được ngân rung ở cổ họng và đóng âm phát thanh qua mũi.

Nảy tiếng (staccato) trong thanh nhạc phương Tây lại khác với cách hát của dân ca Việt Nam. “Hát nảy tiếng còn được gọi là hát staccato. Âm thanh gọn, sáng trong, vang nảy nghe thánh thót như tiếng sáo, tiếng chim hót.” [83; 22]. Nếu như trong dân ca âm nảy được hát sâu trong cổ họng thì trong thanh nhạc phương Tây âm nảy lại hát nông và treo cao ra phía ngoài ở chân răng hàm trên, miệng mở to, khi âm nảy phát thanh được nhắc lên qua hốc mũi, tạo khoảng vang trên khoang trán và đầu, rồi mới đẩy ra ngoài. Cách hát âm nảy của thanh nhạc phương Tây là “âm thanh bắt buộc phải có vị trí nông và cao” [47; 109], ngược với âm nảy hạt bắt buộc phải đặt sâu ở cổ mới bật được hạt âm thanh ra ngoài theo đúng tiêu chuẩn của lối ca hát cổ truyền Việt Nam, trong đó có Chèo và Quan họ.

Như vậy, có thể hiểu, trong hát Chèo *nảy hạt* (còn được gọi *nảy hạt, nhả hạt*) là *đặc điểm âm thanh được phát ra sâu trong cổ họng, cảm giác từng hạt được bật thanh kế tiếp nhau, liên tục với hạt nảy to, cảm giác như lặn sâu vào bên trong. Vị trí nảy hạt bật ra ở giai đoạn sau của đóng chữ, được hát kết hợp với quá trình rung giọng.*

Tìm hiểu đặc trưng kỹ thuật ngân nảy hạt của hát Chèo chúng tôi nhận thấy, nảy hạt to và được lặn vào trong, hạt nảy bật thanh ở cổ họng, ngân rung trong khoang miệng, đóng khẩu hình đưa âm thanh ngân ở khoang mũi, gọi là hát giọng mũi. Sau khi tắc lại ở họng, âm nảy được bật ra và tiếp tục kéo dài đến khi kết thúc quá trình ngân rung giọng ở giai đoạn đóng tiếng.

Chẳng hạn, ở ví dụ bài *Rỉ vong* dưới đây, chữ *hơ* nảy hạt bật lên quãng 4 ở nguyên âm *ơ* rồi mới đổ xuống *hơ...ơ* kết hợp rung giọng *ơ iii*: Giai đoạn khởi chữ *hơ*, mở chữ *ơ*, đóng chữ - *hơ*, sau đóng chữ được thêm vào nguyên âm *iiii* (ơ iiii) để rung giọng và nảy hạt cùng diễn ra liền hơi, liền tiếng.

Ví dụ 15:

RỈ VONG

(Trích)

Người hát: Cụ Hà Quang Bồng

Ghi âm: Hoàng Kiều – Hà Hoa

Nhịp tự do – Chậm buồn

Ơ ơ ơ i i từ kết tóc sớm xe dây tú mặc ba thu

vừa đầm ấm chăn loan vì cắt râu nên nổi sóng ngân i hà

Ở những chữ có dấu *nặng* và *hỏi* như ở chữ *mạc, nổi*, âm nảy hạt bắt buộc phải nảy hạt đi xuống rồi mới luyến lên. Những chữ có dấu huyền, không dấu, dấu ngã như chữ *ơ, ơ, chẵn, vì, râu, hà*, khi hát âm nảy hạt có thể nảy lên hoặc xuống, nhưng chủ yếu được bật lên. Riêng đối với thanh sắc như chữ *ám, sóng*, âm nảy hạt bắt buộc phải nảy lên rồi mới luyến âm đi xuống kết thúc quá trình nảy hạt.

Những chỗ nảy hạt thường phải có trường độ dài, như nốt đen, trắng, tròn. Chẳng hạn, nhìn vào câu hát nói *Rỉ vong* ở trên, âm nảy hạt sẽ rơi vào những chữ *ơ, ơ, chẵn, vì, râu, nổi, sóng, hà*. Cũng có khi nốt đen, trắng được chia nhỏ trường độ, lúc này vẫn có thể nảy hạt, nhưng âm nảy sẽ phải thực hiện rất nhanh. Trong Chèo nảy hạt lại diễn ra sau quá trình đóng chữ, đóng khẩu hình ngân lên mũi như chữ *loan* trong ví dụ trên sẽ được hát là: khởi chữ *loa-*, mở chữ *- a -* và đóng chữ *- oan*, rồi mới nảy hạt (*oan - á - oan*).

Tóm lại, các nét đặc trưng trong kỹ thuật hát Chèo rất phong phú, đa dạng, bởi vì Chèo là thể loại âm nhạc sân khấu, cần thể hiện được nhiều tình huống kịch và các trạng thái cảm xúc khác nhau của con người. Với nhiều hệ thống làn điệu và nhiều dạng nhân vật, các nét đặc trưng trong kỹ thuật hát Chèo như liên hơi, nhân, ngắt, rung giọng, nảy hạt... là những đặc điểm kỹ thuật được thể hiện cho nhiều dạng giai điệu với tính chất khác nhau và nhìn chung đều liên quan mật thiết đến các giai đoạn khởi chữ - mở chữ - đóng chữ trong hát từng chữ, từng câu.

### **2.2.2. Kỹ thuật đặc trưng của hát Quan họ**

Người Quan họ đưa ra 4 đặc trưng trong lối hát Quan họ là *vang - rền - nền - nảy*. Đây là những yêu cầu cần phải đạt tới của kỹ thuật hát Quan họ, mặc dù đây không phải là những đặc trưng chỉ có riêng ở Quan họ, mà có cả trong hát Chèo, Ca trù và Hát Vần. Tuy nhiên, mỗi thể loại lại có cách hát riêng và chỉ có Quan họ mới hát đầy đủ cả 4 đặc trưng *vang - rền - nền - nảy* như một tiêu chí hàng đầu để đánh giá về thẩm mỹ, kỹ thuật của lối hát Quan họ.

Cho đến nay, trong các công trình nghiên cứu về Quan họ, ít thấy sự giải thích cần thiết về các khái niệm *vang, rền* và *nền* một cách sâu kỹ, chỉ có khái niệm *nảy* được đề cập tương đối sâu. Qua trao đổi với nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ Quan họ thì thấy rằng, hai đặc trưng *vang* và *nảy* thường được giải thích tương đối thống nhất, còn *rền* và *nền* chưa có cách hiểu rõ ràng, dẫn đến nhiều tranh luận.

Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng tôi đã tiếp cận với những quan điểm của các tác giả như Hồng Thao, Trần Linh Quý, Lê Văn Toàn, Phạm Trọng Toàn, Thúy Cải, Trần Ngọc Lan và một số ý kiến của nghệ nhân Quan họ... làm cơ sở hỗ trợ thêm cho các nhận định của luận án và sẽ được phân tích ở dưới đây.

#### 2.2.2.1. *Vang*

*Vang* là thuộc tính cơ bản của ca hát, bất kì lối hát nào đều đòi hỏi có độ vang nhất định. Tuy vậy, hát vang trong Quan họ có những đặc trưng không giống với các lối hát dân ca khác cả về đặc điểm âm thanh và kỹ thuật hát.

Về cách hát *vang* trong Quan họ, Nghệ nhân Nguyễn Thị Bàn ở làng Diềm quan niệm: “Để âm thanh của Quan họ có độ vang, sáng thì ta phải hát bằng giọng thật, giọng cổ, kết hợp với hơi thở tốt khi hát”. Tác giả Phạm Trọng Toàn có giải thích kĩ hơn: “Âm thanh được cộng hưởng bởi cả lồng ngực và các xoang ở trán, mặt. Độ vang trong giọng hát ở các nghệ nhân chủ yếu được cộng hưởng ở cổ họng. Hầu như không có âm hưởng vang ở lồng ngực...”[105; 132].

Như vậy, *vang* có thể được hiểu là đặc điểm âm thanh truyền đi mạnh và lan tỏa rộng ra xung quanh. *Vang* là kết quả cộng hưởng của miệng hát để khuếch đại âm thanh và hát bằng giọng thật, tạo ra âm lượng lớn.

Vang Quan họ là kết quả của kỹ thuật luyện, lấy, ngân rung, gắn liền với đặc trưng rền, nền, nảy, nghĩa là tiếng hát phải có độ vang, mà vẫn bảo đảm rền, nền, nảy. Mỗi dòng nhạc, mỗi thể loại thường có khoảng vang khác nhau, với âm sắc đặc trưng, đồng thời kỹ thuật hát vang ở mỗi thể loại cũng được xử lý khác nhau. Chúng tôi xin cử dẫn một số thể loại sau:

Trong thanh nhạc cổ điển thính phòng, hầu hết các tác giả như Hồ Mộ La, Trung Kiên, Trần Ngọc Lan... đều cho rằng, để âm thanh đạt độ *vang*, cần có hơi và cách vận dụng hơi thở tốt trong khi hát, đồng thời vị trí âm thanh không chỉ vang ở miệng, mà còn vang ở hốc mũi, ở trán và ở đầu. Khẩu hình chủ yếu mở rộng, nhấc lưỡi gà để nâng vòm ếch mềm lên cao, kết hợp với vị trí âm thanh nâng đặt chân răng hàm trên, đồng thời lấy hơi và nén hơi thở sâu, tạo cho âm thanh của dòng nhạc thính phòng vang khỏe, tròn đầy.

Trong Chèo, hát *Vang* được thực hiện chủ yếu ở khoang miệng, một phần vang ở mũi trong quá trình đóng chữ, hoặc hát ngân tiếng đệm *ii, iiii, iơ, a, hìhì..* tạo

cho câu hát vang sáng ở giai đoạn cuối (đóng tiếng hát). Còn *vang* trong hát Quan họ được tạo ra bởi hát giọng thật, kết hợp với kỹ thuật luyện, láy, ngân rung ở giai đoạn *mở chữ* gắn liền với đặc trưng *rền, nền, nảy*, nghĩa là tiếng hát phải có độ vang, mà vẫn bảo đảm *rền, nền* và *nảy* hạt, làm cho câu hát thật sự sống động, tạo nên nét đặc trưng về âm sắc riêng của tiếng vang, khác với âm sắc vang ở các thể loại dân ca khác.

Cách tạo âm thanh vang trong hát Quan họ có nhiều nét đặc trưng riêng. Khi hát ở âm khu thấp thì bằng giọng thật, khi hát ở những nốt cao thì có đôi chỗ hát chuyển giọng nhưng âm thanh vang lên chủ yếu vẫn ở vòm miệng, không đưa lên vang ở đầu (giọng óc). Giọng thật được phát thanh ra bởi hai âm khu tạo vang là ngực và họng, nên âm lượng to, tròn đầy. Mặt khác, hát *vang* còn được tạo nên bởi cách luyện, láy, tuyến giai điệu phát triển liên tục, nhờ vào nghệ thuật hát nhấn nhá, cùng với sự nối tiếp bởi các tiếng đệm - nguyên âm, đồng thời kết hợp với cách ngân *rền* của các nguyên âm. Với những chữ mang thanh điệu có độ vang kém, như nặng, huyền, hỏi, ngã, thì giai đoạn khởi chữ, mở chữ thường được hát ở khu vực trung và cao, là những khu vực có độ vang tốt, và chỉ trở về khu vực trầm ở giai đoạn đóng chữ. Những chữ mang thanh điệu có độ vang kém còn được hỗ trợ bằng những tiếng đệm - nguyên âm *i, ơ, a, ô, ư...*, làm tăng độ vang của câu hát.

#### 2.2.2.2. *Rền*

Cách giải nghĩa về chữ *rền* trong *Từ điển Tiếng Việt* (1988) nói về âm thanh: “đều đều, liên tục như không dứt. *Sấm rền, súng nổ rền...* [97; 799]. Có thể thấy, muốn có độ *rền*, âm thanh phải có các đặc điểm: kế tiếp nhau, liên tục và đều đặn. Với cách hiểu như vậy, *rền* được xác định là đặc điểm âm thanh ngân rung đều đều, liên tục không dứt, không dứt tiếng hát, tạo thành chuỗi nguyên âm kế tiếp nhau trong quá trình rung giọng như những hạt lăn tăn. Hát *rền* cần giữ hơi đều, liên tục, giúp cho quá trình ngân rung giọng tạo *rền* ở mở chữ được liền giọng/liền hơi thờ trong một câu hát.

Các nghệ nhân như cụ Phụng, cụ Bàn, bà Sang ở làng Viêm Xá vào ngày 4.10.2017, qua trao đổi về cách hát, các nghệ nhân đều cho rằng *rền* mang nét nghĩa *hòa quyện* - tương đồng như *rền* trong *xôi rền, bánh chưng rền...* trao đổi với các

nghệ nhân. Trong cuốn *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*, Trần Ngọc Lan cho rằng, đặc trưng *rền* gắn với kỹ thuật hát liền tiếng: “âm thanh của *rền* làm giai điệu, ca từ gắn kết chặt chẽ khiến câu hát trở thành một dòng âm thanh hài hòa, giàu sức biểu cảm” [56; 121]. Tuy nhiên, tác giả thừa nhận rằng, *rền* và liền tiếng không phải là một: “Cùng với hát *nảy hạt*, hát *dứt tiếng*, *thùng thẳm* rõ tiếng một, người Quan họ còn có khái niệm hát liền. *Liền* không hẳn là *rền*, vì nó tạo cho câu hát có thêm chiều sâu, câu hát như chảy từ trong ra” [56; 45]. Chúng tôi thấy ý kiến của tác giả cho rằng *rền* có yếu tố của liền tiếng, nhưng liền tiếng không hẳn là *rền* là hợp lí. Bởi vì, hát liền tiếng không nhất thiết phải rung giọng, còn với âm thanh *rền* trong hát Quan họ cũng như dân ca phải có độ rung ngân đều đều, kế tiếp nhau.

*Đặc trưng rền* trong hát Quan họ, nếu chú ý đến cách hát, thì có thể thấy nét đặc thù của âm thanh khi hát ngân. Chẳng hạn, một âm *ơ* có thể kéo dài và được hát như có nhiều âm *ơ* đồng đều, kế tiếp nhau liên tục như một chuỗi hạt, khi ngân luôn có độ rung giọng, tạo ra những âm (nguyên âm) đều nhau, kế tiếp liên tục, không dứt quãng. Một số nghệ nhân như cụ Bàn, cụ Sang, cụ Phụng ở làng Viêm Xá gọi đây là “nảy lẩn tẩn như hạt vừng”, còn nảy hạt là “nảy to như hạt lạc”, song, theo ý kiến của chúng tôi, “nảy lẩn tẩn như hạt vừng” không thể gọi là “nảy” được mà chỉ được gọi là ngân rung tạo *rền*, vì nảy nhất định cần phải bật được hạt luyến đi lên (bật lên rồi rơi xuống hoặc đỡ xuống rồi bật trở lại), tách khỏi mặt bằng cao độ. Điểm khác biệt chính giữa *rền* và nảy là ở chỗ: *rền* là âm thanh được thực hiện trên cùng một cao độ, còn nảy là âm thanh được bật khỏi (lên hoặc xuống) cao độ của *rền*. Yêu cầu *rền* của hát Quan họ là hướng tới nét đặc trưng trong cách ngân nguyên âm, chứ không chỉ là hát liền hơi (legato) như ở các dòng ca hát khác.

Như vậy, nếu so sánh với Chèo ta thấy, *rền* của Chèo có thể được hiểu là liền hơi/liền giọng. *Rền/ Liền* hơi trong hát Chèo cũng có nét tương đồng với cách hát *rền* của Quan họ song có sự khác nhau ở chỗ: Quan họ ngân rung nguyên âm tạo *rền* ở giai đoạn giữa/ mở chữ, còn Chèo thì lại rung ngân giọng ở cuối giai đoạn đóng chữ tạo *rền* cho câu hát.

### 2.2.2.3. *Nền*

Tác giả Đức Miêng lí giải âm nền theo cách hiểu của người Quan họ: “Hiểu theo đúng nghĩa dân gian thì *nền* là sự nền nã, từ cách mở khẩu hình, lấy hơi, nhả

hơi, kìm hơi sao cho thư thái, đầm thấm khi hát...” [134]. Theo tác giả Phạm Trọng Toàn, cách hát nền là “câu hát mượt mà, đầm thấm, sâu lắng và nền nã” [105; 133].

Như vậy, đặc trưng của hát *nền* là sự mượt mà, nền nã, duyên dáng, nó được thể hiện trong tổng thể cả giai điệu của bài hát, cách hát từ vang cho đến rền, nảy hạt..., sự kết hợp của lời thơ, xử lý tiếng đệm... sao cho cuối cùng phải đạt đến sự nền nã.

Muốn hát được nền cần giữ hơi đều, liên tục trong một hơi thở, giúp cho âm thanh được liền giọng/liền hơi, tạo sự mượt mà, nền nã cho câu hát.

Trong hát nền, xử lý tiếng đệm sao cho đạt được mục tiêu câu hát nền nã là một điểm đáng chú ý. Dưới đây xin đưa một vài dẫn chứng về xử lý hát nền với tiếng đệm:

Tiếng đệm nguyên âm đứng bên những chữ mang thanh điệu có độ vang kém, thường tạo thêm độ vang cho câu hát. Ngoài ra, nhiều trường hợp tiếng đệm có sự tương thích về mặt cấu âm với các chữ của lời thơ, tạo thuận lợi cho quá trình phát âm - nhả chữ. Chẳng hạn, chuỗi tiếng đệm trong đoạn *gọi ơ ơ hự à ò* có sự tương thích nhất định về cấu âm với chữ *gọi* và chữ *ò*: chữ *gọi* kết thúc bằng bán nguyên âm *i*, được tiếp nối bằng tiếng đệm - nguyên âm *i* (*hàng trước*), rồi lùi về nguyên âm hàng giữa *ơ*, *à* - tương thích với nguyên âm hàng giữa là *o* và thanh huyền của chữ *ò*.

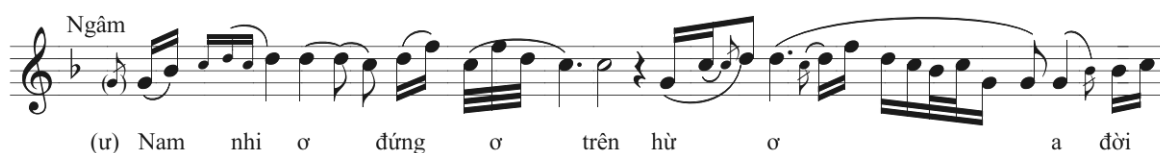
Tiếng đệm với nguyên âm *i* thường xuất hiện sau những chữ kết thúc bằng nguyên âm hoặc bán nguyên âm *i*, *ơ*.

Ví dụ số 16:

NAM NHI

(Trích) Người hát: Cự Bé, Cự Tiêu ở Đào Xá

Ghi âm: Hồng thao, ngày 29.4.1972



Nhìn vào ví dụ trên ta thấy, chữ *nhi*, *trên*, *đời* kết thúc bằng nguyên âm hoặc bán nguyên âm *i*, khi hát thường láy đuôi *iiii* sang *ơ* như: *nhi i i i ơ*, *trên i i ơ* *a đời i i a ơ i*.. để tạo độ vang, sáng, phát triển giai điệu liên tục.

Tiếng đệm trong dân ca Quan họ có một chức năng là thay cho dàn nhạc đệm, đồng thời là chất kết dính các âm điệu của lời thơ, thông qua các nốt luyến, lướt, hoa mỹ, thêu. Theo nhạc sĩ Hồng Thao, trong hát Quan họ “tiếng đệm lót còn



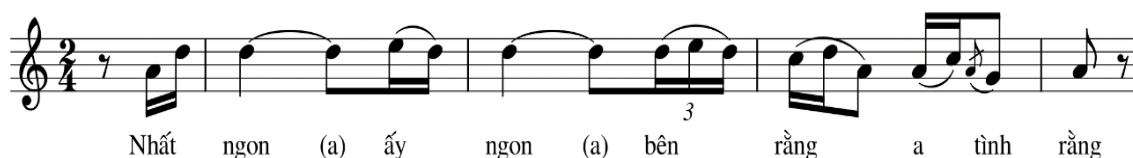
có thể là những tiếng mô phỏng cách đọc cung đàn của tiếng Việt xa xưa... Những tiếng *tình tính tang* nằm trong nhiều bài Quan họ chính là rút từ cách đọc những cung đàn của ta xưa: *tính tính tình tính tung tang tàng* mà ra” [100; 259].

Nhiều người thường coi *tiếng đệm* là *hư từ* nhưng chúng tôi cho rằng, ở đây không phải là quan hệ *thực từ - hư từ*, mà cần nhận thấy mối quan hệ *lời thơ - tiếng đệm*. Quả thật, âm thanh của tiếng đệm trải rộng trong bài hát Quan họ, tạo ra mặt bằng giai điệu như một dàn nhạc đệm, làm nổi lên lời thơ.

Ví dụ số 17: NHẤT NGON LÀ MÍA LAN ĐIỀN

(Trích) Người hát: Cụ Tần, Cụ Tập ở Viêm Xá

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 24. 09. 1973



Ở bài *Cái ả*, trong câu *Nhất ngon a ấy ngon a bên rằng à tình rằng...* (câu đầu của bài *Cái ả*) các tiếng đệm *a ấy ngon a bên rằng à tình rằng...* làm nền cho lời thơ *Nhất ngon...*

So sánh với hát Chèo, có thể nói, tiếng đệm trong Chèo được chia thành hai tính chất, sắc thái khác nhau, đối với bài buồn, nội tâm, sâu lắng..., thường sử dụng tiếng đệm *i, í*, những bài nhanh vui, hài hước..., tiếng đệm chủ yếu được hát ở nguyên âm *a*. Cách xử lý hát tiếng đệm trong Chèo khác với Quan họ, nếu Quan họ âm đệm/tiếng đệm hát nhỏ, thì trong Chèo lại hát to, tạo cho âm thanh có độ vang sáng ở đóng chữ.

Quan điểm tiếng đệm làm nền của chúng tôi cũng cùng quan điểm với một số chuyên gia về Ca trù như Nguyễn Xuân Khoát, Ngô Linh Ngọc, Giang Thu - Vũ Thiệu Loan, đã nhiều lần bàn về vấn đề này trong cuốn *Ca trù nhìn từ nhiều phía* do Nguyễn Đức Mậu chủ biên: “Ca trù chủ yếu dùng hơi trong. Ca trù dùng nguyên âm *ư* làm nền” [67; 396]. Với nhận định về *âm nền* của các tác giả, chúng tôi đồng tình với quan điểm âm *ư* là *âm nền* cho câu hát Ca trù được nền nã, sâu lắng hơn. Đây có thể là cơ sở giúp chúng tôi khẳng định quan điểm của mình để đưa ra khái niệm về đặc trưng *âm nền* trong hát Quan họ.

Một vấn đề cần bàn đến đặc trưng nền trong Quan họ có nguyên nhân từ đặc trưng văn hóa. Nội dung lời ca trong Quan họ chủ yếu về tình yêu đôi lứa, luôn gắn liền với tục kết chạ, kết bạn. Phong cách diễn xướng của người Quan họ là sự nền nã, duyên dáng, tình tứ, khiêm nhường và tối kỵ sự xàm xỡ, sỗ sàng, lẳng lơ. Người Quan họ thể hiện tình cảm tha thiết, nồng nàn, nhưng không sỗ sàng, mà luôn ý nhị, duyên dáng, nền nã trong cả văn hóa ứng xử, lối diễn, trang phục, cũng như cách hát. Như vậy, đặc trưng *nền* không chỉ là một kỹ thuật hát, mà còn là một phong cách, lễ lối diễn xướng, mang trong đó sự ý nhị, tinh tế của thẩm mỹ người Quan họ.

#### 2.2.2.4. Nảy

*Nảy hạt* hay còn gọi *nảy hạt, nhả hạt* là kỹ thuật hát độc đáo của người Quan họ. Đặc trưng âm thanh và kỹ thuật hát nảy hạt đã được một số nhà nghiên cứu tìm hiểu. Về vấn đề này, hai tác giả Trần Linh Quý và Hồng Thao nhận định thêm về nguyên nhân của nảy hạt là do phải thường xuyên xử lý hiện tượng tắc họng của những âm tiết mang các thanh ngã, nặng, hiện tượng âm tắc, âm mũi của những âm tiết có phụ âm cuối và đường nét uốn lượn của các thanh điệu: “Khi hát ngân dài các âm tiết tiếng Việt thường không giữ được sự ngân rung đều ở một độ cao nữa, có lẽ vì thế đã xuất hiện lối ngân *nhả hạt* hay *nảy hạt*, lối ngân bằng âm tiết phụ và những nhấn nhá, luyến, láy” [125; 214]. Quan điểm này cho thấy một vấn đề cốt lõi là, *khi ngân nhả hạt*, cao độ được rung lên đều đều liên tục tạo thành một chuỗi âm thanh với cao độ khác nhau.

Như chúng tôi đã trình bày ở trên về đặc trưng *rền* trong hát Quan họ, hát *rền* tạo ra chuỗi âm thanh - nguyên âm kế tiếp nhau, đều đều trên cùng mặt bằng cao độ. Trong chuỗi âm thanh đó, nảy hạt là những điểm nhấn, tạo ấn tượng và thể hiện những sắc thái tình cảm khác nhau cho tiếng hát khi trào lên, khi lắng xuống. Đó chính là giá trị nghệ thuật của nảy hạt trong hát Quan họ.

Bàn về đặc trưng hát nảy hạt, tác giả Phạm Trọng Toàn viết: “Hát nảy là từng âm khi ngân được vo tròn, tách rời nhau, cảm giác như là từng hạt, nhưng lại được nối liền nhau trong một hơi liền mạch...[105; 133]. Có thể coi đây là cơ sở giúp xác định đặc trưng, yếu tố chi phối âm nảy hạt trong hát Quan họ.

Quan sát cách hát nảy hạt của hai nghệ nhân cao tuổi, cụ Trần Thị Phụng và Nguyễn Thị Bàn ở làng Diềm cho thấy, hai cụ hát rất thung thảng, gần như cứ một hai chữ là nghệ nhân lại nảy hạt một lần, âm nảy hạt bật ra to và giòn giã. Cụ Phụng

cho biết: “Muốn hát được nảy hạt thì phải hát giọng thật, hát chậm, nảy hạt sâu ở trong khoang miệng thì âm thanh bật ra mới giòn giã, vang sáng được”. Bàn về cách nảy hạt hiện nay, hai cụ cho biết, bây giờ các nghệ sĩ trẻ thường hát nhanh, hát cao, nên gần như không thấy có âm nảy hạt, hoặc có nảy hạt thì cũng rất thưa và âm nảy nhỏ lẫn lẫn thôi.

Dựa vào những ý kiến của một số nghệ nhân và nhận định của các nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, *nảy hạt* là đặc điểm âm thanh bị tắc lại ở họng, sau đó được bật ra ngoài, tạo thành độ giật của âm thanh. Có thể nói nảy hạt là kết quả của luyện giật. Âm nảy của hát Quan họ được hát sâu trong cổ họng, âm thanh phát ra cảm giác từng hạt được vo tròn, kế tiếp nhau liên tục và bật thanh ở khoang miệng ra bên ngoài. Còn hát Chèo, nảy hạt ở cổ họng, tiếp tục ngân rung trong khoang miệng, sau đó luyện đưa âm thanh lên mũi rung giọng rồi mới bật hạt âm thanh ra ngoài.

Nảy hạt và vị trí điểm bắt đầu của âm nảy hạt không chỉ có trong lối hát của người *Quan họ*, mà còn có trong *Chèo*, *Ca trù*, *Ngâm thơ*... Tuy vậy, mỗi thể loại dân ca lại có cách nảy và vị trí nảy hạt riêng. Về vị trí nảy hạt, tác giả Trần Ngọc Lan cho rằng: “nảy hạt bao giờ cũng đi sau câu hát, nó được thay vào vị trí ngân dài trong câu hát” [56; 43]. Đối với hát Chèo, nảy hạt lại diễn ra sau đóng chữ, được hát song song với quá trình rung giọng.

Phân tích cách nảy của một số nghệ nhân Quan họ cho thấy, nảy hạt trong hát Quan họ được bật ra ở những nốt ngân rung cuối của giai đoạn mở chữ và kết thúc cùng với quá trình đóng chữ, chẳng hạn như chữ *giờ*, *nơi* trong bài *Chia rẽ đôi nơi*, âm nảy sẽ được bật thanh ở các âm *ơ*, *ơ* và kết thúc ở chữ *ờ*, *ơi*: *giơ - ơ ơ ớ - ờ; nơ...ơ ơ ớ... ơi*.

Ví dụ số 18:

### CHIA RẼ ĐÔI NƠI

(Trích) Người hát: Cụ Tý ở Thị Cầu

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 25.1.1972



Từ những quan niệm về đặc trưng âm nảy và vị trí bật hạt âm thanh của Quan họ, chúng tôi đã tìm hiểu, so sánh và nhận thấy, nảy hạt có 2 kiểu:

*Kiểu nảy 1*: âm nảy hạt được bật ra và tiếp tục ngân rung kéo dài

*Kiểu nảy 2*: âm nảy được bật ra ngoài và ngắt tiếng hát đột ngột, kết thúc ngay sau giai đoạn đóng chữ.

Ví dụ số 19: Kiểu nảy 1      Kiểu nảy 2



Theo quan sát của chúng tôi khi nghe các nghệ nhân hát, *hát ngắt* chính là kiểu nảy hạt diễn ra ở giai đoạn đóng chữ, như chữ *hự* (*a la hự, ối hự*) trong bài *Tìm người*, chữ *là* (*khóc thắm là*) trong bài *Người ở đừng về...* Quan họ ngày nay *hát ngắt* thường không kèm theo nảy hạt, tạo cho chúng ta cảm giác hát *ngắt* là những đặc trưng riêng của hát Quan họ. Tuy nhiên, khi tiếp xúc và nghe các nghệ nhân hát, chúng tôi nhận thấy trước khi hát ngắt, thường có nảy hạt. Như vậy, *ngắt* là hệ quả của kiểu nảy hạt 2 - nảy ở vị trí đóng chữ.

Tóm lại, hát Chèo có những nét đặc trưng riêng như *liền hơi, rung giọng, nảy hạt, nhấn ngắt*. Quan họ lại có lối hát riêng là *vang, rền, nền, nảy*. Việc nhận định, lí giải những nét đặc trưng cơ bản nhất của kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ đóng vai trò quan trọng để xác định cách hát của từng đặc trưng, là cơ sở, nền tảng để rèn luyện cách hát Chèo, hát Quan họ cho SV.

### 2.3. Tương đồng, khác biệt về kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ

Những nhận định, phân tích, so sánh về đặc điểm của kĩ thuật hát Chèo và Quan họ ở phần trên cho thấy, tuy đây là hai thể loại khác nhau, nhưng có những điểm tương đồng và khác biệt trong kĩ thuật hát. Vì vậy, dưới đây, chúng tôi thành lập bảng tổng kết so sánh để thấy rõ hơn điểm tương đồng và khác biệt trong kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ.

**Bảng 2.1:** Bảng so sánh sự tương đồng, khác biệt về kĩ thuật hát Chèo với hát Quan họ

Kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ	Hát Chèo	Hát Quan họ
1/ Hơi thở	Chèo sử dụng kết hợp giữa hơi thở ngực với hơi thở bụng trên. Có hai cách sử dụng hơi trong hát Chèo.	Quan họ chủ yếu sử dụng hơi thở ngực, một phần nhỏ kết hợp với

	<p>- Cách 1: Đối với những làn điệu trữ tình, sâu lắng, ngâm ngợi, ai oán... tương ứng với các vai đóng chính diện như nam Thụ sinh, nữ Chín, Mụ thiện... sử dụng hơi thở ngực, đôi khi có kết hợp với hơi thở phần bụng trên.</p> <p>- Cách 2: Đối với những làn điệu vui hoạt, hài hước như vai Hề kịch tính, chua ngoa như các nhân vật đóng phản diện như Đào lặc, Đào pha, Mụ ác... sử dụng hơi thở sâu xuống phần bụng, đôi khi có kết hợp với hơi thở ngực.</p>	hơi thở phần bụng trên.
2/Khẩu hình	<p>Khác với Quan họ, Chèo có hệ thống làn điệu, nhân vật phong phú nên khẩu hình tùy thuộc theo tính chất làn điệu và các dạng nhân vật, có thể chia thành hai loại như sau:</p> <p>- Loại thứ nhất: Đối với những làn điệu trữ tình, ngâm ngợi, ai oán... khẩu hình thường <i>mở ngang, nhỏ, hát kín miệng, không mở rộng trong vòm miệng</i>. Khẩu hình dạng này phù hợp với các vai đóng chính diện, khẩu hình của dạng này mở nhỏ gần giống với Quan họ.</p> <p>- Loại thứ hai: Đối với những làn điệu vui hoạt, hài hước, kịch tính, chua ngoa ...khẩu hình thường <i>mở ngang và mở to hơn so với loại thứ nhất</i>. Khẩu hình của loại này phù hợp với các vai Hề và những nhân vật đóng phản diện, miệng được mở to hơn so với khẩu hình của loại thứ nhất.</p>	Các hệ thống Giọng (lề lối, giọng vật, giả bạn trong Quan họ chủ yếu là trữ tình nên hầu hình không chia nhiều dạng như Chèo nên hầu hình chủ yếu mở ngang, mở nhỏ, là lối hát kín miệng, mở tự nhiên như nói, khi hát chỉ mấp máy môi và không mở rộng bên trong miệng.
3/Vị trí âm thanh	Vị trí âm thanh thường được đặt ở khoảng giữa lưỡi và đầu lưỡi gần với chân răng hàm trên, khi rung ngân thường đưa âm thanh lên mũi tạo vang.	Vị trí âm thanh thường đặt ở khoảng giữa lưỡi và cuống lưỡi, khi nảy hạt thường đưa âm thanh về cuống họng tạo vang ở khoang miệng.

<p>4/ Phát âm - nhả chữ</p>	<p><i>Khởi - mở - đóng chữ/tiếng</i></p> <p>- Khởi chữ: Hát từ thanh không đối với những làn điệu ngâm ngợi, vĩa, trữ tình. Những bài vui, nhanh hát vào thẳng thanh điệu.</p> <p>- Mở chữ: Không ngân nga, rung giọng mà hát lướt nhanh nguyên âm, kết hợp với thanh điệu chính.</p> <p>- Đóng chữ: Đóng tiếng hát và tiếp tục rung giọng, đưa âm thanh ngân lên mũi. <i>Chèo ngân rung, nảy hạt chủ yếu ở giai đoạn đóng chữ</i> chi phối các kĩ thuật hát của Chèo (chúng tôi nhấn mạnh).</p>	<p><i>Khởi - mở - đóng chữ/tiếng</i></p> <p>- Khởi chữ: Hát từ thanh không đối với những làn điệu hát trữ tình, chậm, ngân nga. Những bài vui, nhanh hát thẳng vào thanh điệu.</p> <p>- Mở chữ: Ngân rung, luyện láy nguyên âm ở thanh không. <i>Quan họ ngân rung, nảy hạt chủ yếu ở giai đoạn mở chữ và ngân sang đóng chữ</i> chi phối các kĩ thuật hát của Quan họ (chúng tôi nhấn mạnh).</p> <p>- Đóng chữ: Đóng tiếng hát luyện về thanh điệu của chữ, âm thanh ngân rung khoang miệng.</p>
<p>5/Luyện chữ</p>	<p>- Đối với bài ngâm ngợi, trữ tình, luyện từ thanh không ở khởi chữ, mở chữ luyện nguyên âm chính cùng với thanh điệu, đóng chữ được luyện, rung ngân đưa âm thanh lên mũi.</p> <p>- Với những bài nhanh, vui, linh hoạt được hát từ thanh không, mở chữ hát vào thẳng thanh điệu, kết thúc luyện một chữ được đóng tiếng</p>	<p>- Đối với câu bí, bài hát trữ tình, luyện từ thanh không ở khởi chữ, ngân rung, luyện láy nguyên âm ở mở chữ, đóng chữ luyện về đúng thanh điệu.</p> <p>- Bài hát nhanh, vui, linh hoạt, được hát từ thanh không, mở chữ</p>

	hát lại, không luyện thêm ở cuối câu, âm thanh vang miệng và mũi.	hát vào thẳng thanh điệu, kết thúc luyện một chữ được đóng tiếng hát và không luyện thêm ở cuối câu, âm thanh vang ở miệng.
6/Xử lí thanh điệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làn điệu có tốc độ hát nhanh, rộn ràng, hát vào thẳng thanh điệu ở khởi chữ, không rung, luyện ở mở và đóng chữ. Với cách xử lí thanh điệu ở loại này thường các vai Hề được sử dụng nhiều hơn cả.</li> <li>- Với những làn điệu có tốc độ hát chậm, khởi chữ hát bằng thanh không hoặc có thể là thanh huyền, mở chữ mới hát vào thanh chính, đóng chữ tiếp tục rung ngân, luyện nguyên âm, phụ âm của chữ đó. Với cách xử lí thanh điệu ở loại này thường được ứng dụng với các vai chính diện, đôi khi sử dụng với cả nhân vật phản diện (điều kiện là làn điệu đó phải được hát chậm, ngâm ngợi).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làn điệu có tốc độ hát nhanh, rộn ràng, hát vào thẳng thanh điệu ở khởi chữ, không rung, luyện ở mở và đóng chữ.</li> <li>- Với những điệu có tốc độ hát chậm, khởi chữ hát bằng thanh không hoặc có thể là thanh huyền, mở chữ được ngân rung, luyện, láy nguyên âm chính, đóng chữ mới về đúng thanh điệu của chữ đó.</li> </ul>
7/Liên hơi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là kĩ thuật hát liên hơi/tiếng được ngân rung đều, liên tục nối tiếp nhau giữa âm nọ với âm kia kết hợp luyện, láy vuốt chữ tạo đường cong uốn lượn.</li> <li>- Hát liên hơi thường được sử dụng nhiều với các nhân vật chính diện, đôi khi, có cả trong những làn điệu dành cho nhân vật đóng phản diện.</li> </ul>	Là cách xử lí kĩ thuật hát liên tiếng/hơi kết hợp với rung ngân, luyện, láy ở giai đoạn mở chữ tạo rền cho câu hát.
8/Nhấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là kĩ thuật hát nhấn hơi, tạo cho âm thanh nhấn mạnh về cường độ và trường độ nhằm làm sáng tỏ vai trò ngữ nghĩa của từng chữ.</li> <li>- Kĩ thuật hát nhấn chữ, nếu đứng độc lập hoặc kết hợp với liên hơi, rung giọng thì thường ứng dụng với những làn điệu trữ tình, ngâm ngợi, ai oán... phù hợp với các nhân vật đóng chính diện.</li> </ul>	Nhấn vừa được hiểu theo cách hát của Chèo lại vừa hiểu là nhấn nhá, có nghĩa là tạo sự quan tâm, chú ý bằng cách nhắc lại nhiều lần, để nhấn một chữ hay đoạn nào đó trong bài

		hát.
9/Ngắt	<p>- Là kỹ thuật ngắt hơi thở, làm cho âm thanh bị ngắt và dứt tiếng hát đột ngột. Khi ngắt hơi sẽ làm dứt, dứt tiếng, câu hát mất đi sự mượt mà, liền giọng.</p> <p>- Hát ngắt chủ yếu sử dụng với những nhân vật Hề, các vai phản diện. Đôi khi, ngắt, dứt tiếng diễn ra ở làn điệu bi thương, oán trách, sâu lắng... sử dụng với nhân vật chính diện.</p>	Hát ngắt vừa có nét giống với Chèo, nhưng lại khác ở chỗ, ngắt còn gọi là dứt, do kết quả của nảy hạt rồi được ngắt, dứt tiếng đột ngột ngay sau đóng tiếng hát.
10/Rung giọng	Ngân rung giọng ở giai đoạn <i>cuối của đóng chữ</i> tạo rền cho câu hát.	Ngân rung giọng diễn ra ở giai đoạn <i>mở chữ</i> tạo rền cho câu hát.
11/Vang	Chèo hát <i>giọng thật pha giọng mũi</i> , ngân rung, luyện láy ở giai đoạn sau của đóng chữ tạo vang.	Quan họ <i>chủ yếu hát giọng thật</i> , khoang miệng, kết hợp với kỹ thuật luyện láy, ngân rung nguyên âm ở giai đoạn mở chữ tạo vang.
12/Rền	Là sự kết hợp của kỹ thuật hát <i>liền hơi, luyện láy, rung giọng ở cuối giai đoạn đóng chữ tạo rền</i>	<i>Ngân rung nguyên âm</i> đều đều, liên tục không dứt từ chữ nọ sang chữ kia ở <i>giai đoạn mở chữ tạo rền</i> .
13/Nền	Tiếng đệm trong Chèo thường hát to, tạo cho âm thanh có độ vang sáng ở sau đóng chữ.	Xử lý khéo léo lời thơ và âm đệm mượt mà, tình cảm, nền nã. Hát nhỏ âm nền.
14/Nảy	<i>Nảy hạt sau đóng chữ</i> , được hát song song với quá trình rung giọng. Hạt nảy được lẩn vào trong khoang miệng, đóng khẩu hình đưa âm thanh lên mũi để rung giọng.	<i>Nảy ở những nốt ngân rung cuối của mở chữ và kết thúc cùng với quá trình đóng chữ</i> . Nảy hạt sâu trong cổ và bật thanh ở khoang miệng ra bên ngoài.



## Tiểu kết

Nghệ thuật hát Chèo và hát Quan họ có phong cách độc đáo, khác với các thể loại dân ca khác. Để hát được đúng “chất” Quan họ và Chèo, trước hết cần có sự hiểu biết và khu biệt được những đặc trưng trong lối hát, vốn đã được tổng kết lại bằng những câu nói dân gian khi bàn về nghệ thuật hát cổ truyền như: “*Phát âm - nhả chữ*”, “*tròn vành - rõ chữ*”, “*vang - rền - nền - nảy*”, “*ngân rung, luyến láy*” “*liền hơi, ngân ngắt*”...

Chương 2 đi sâu tìm hiểu về kĩ thuật hát dựa trên những công trình nghiên cứu của một số tác giả, các nghệ nhân, nghệ sĩ hát Chèo và hát Quan họ. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã đưa ra những nhận định riêng về kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ. Kết quả phân tích cho thấy, những khái niệm về kĩ thuật hát cơ bản và đặc trưng của hai thể loại này đều mới chỉ được lí giải một cách sơ giản, chưa mang tính hệ thống, khoa học. Bởi vậy, chúng tôi đã tập trung lí giải, đưa ra nhận định, kiến giải riêng về nội hàm của những thuật ngữ chỉ đặc trưng âm thanh của Chèo và Quan họ khi bàn về kĩ thuật hát cơ bản: *khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở, phát âm - nhả chữ, luyến chữ và xử lí thanh điệu*. Kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo là *liền hơi, rung giọng, nảy hạt, nhấn, ngắt*; Những nét đặc trưng trong kĩ thuật hát của Quan họ là *vang – rền – nền – nảy*. Nhận diện được một số đặc trưng trong kĩ thuật hát Chèo, hát Quan họ, sẽ giúp xác định rõ nét cách hát, nhận diện điểm tương đồng, khác biệt về những đặc trưng âm thanh và kĩ thuật hát của hai thể loại, là cơ sở để chương 3 nhận định những thuận lợi, khó khăn của SV trong xử lí kĩ thuật hát Chèo, hát Quan họ, đồng thời là cơ sở để chương 4 đề xuất các biện pháp, PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW

### 3.1. Khái quát về Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW

#### 3.1.1. Một số nét chung

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW tiền thân là Trường Trung cấp Sư phạm Thể dục. Sau khi thành lập, Trường mở thêm hệ Trung cấp Sư phạm Âm nhạc (năm 1968) và ngành Sư phạm Hội họa (năm 1970). Từ năm 1970, lấy tên là Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc Họa TW. Năm 1980, Trường lên Cao đẳng và đến năm 1985 có quyết định tách thành Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Họa TW và Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW 1 (nay là Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội). Ngày 26/05/2006 Thủ tướng chính phủ đã kí quyết định thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW trên nền tảng của Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Họa TW. Tiền thân từ một Trường Trung cấp Sư phạm Âm nhạc, với lịch sử 50 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Trường ĐHSP Nghệ thuật TW phát triển trở thành trường trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm nghệ thuật của Việt Nam.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW hiện nay chuyên ngành đào tạo ở các trình độ từ bậc Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Từ con số hơn 100 SV được tuyển sinh hàng năm (khi còn là trường Cao đẳng) đến nay con số tuyển sinh của Trường là hàng nghìn SV/1 năm. Đội ngũ cán bộ - GV của Trường có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng với nhiều cán bộ - GV có chức danh khoa học cao: Tiến sĩ, Tiến sĩ khoa học, Phó giáo sư, Giáo sư.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW được phát triển trên cơ sở của Trường CĐSP Nhạc - Họa TW, trước khi được Thủ Tướng chính phủ chính thức công nhận Trường được nâng cấp thành Đại học, Trường CĐSP Nhạc - Họa TW chỉ đào tạo hai ngành Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật, cung cấp đội ngũ giáo viên Âm nhạc và Mỹ thuật cho các trường phổ thông trên toàn quốc. Từ khi được lên Đại học, ngoài hai ngành Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật, Trường còn đào tạo thêm nhiều ngành khác như Piano, Thanh nhạc, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Quản

lý văn hóa... và ngoài đào tạo Đại học, Trường còn đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc; Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Mỹ thuật; Thạc sĩ Quản lí văn hóa.

Với sự thuận lợi của Ban Giám hiệu nhà Trường là những người có chuyên môn nghệ thuật, vì thế hiểu được tính đặc thù trong xây dựng chương trình, tổ chức, phương thức dạy học cũng như hiểu được sự cần thiết về cơ sở vật chất đầu tư cho dạy học. Hiện nay, đội ngũ GV dạy Âm nhạc cho Trường đều có bằng Thạc sĩ, một số là Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư Nghệ thuật học và một số GV đang học nghiên cứu sinh đã, đang nỗ lực không ngừng, nâng cao trình độ chuyên môn và ngày càng hoàn thiện về mọi mặt, góp phần khẳng định vị thế, thương hiệu của một Trường đào tạo, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực giáo dục, nghệ thuật đứng hàng đầu trên cả nước.

### ***3.1.2. Đội ngũ cán bộ giảng viên Khoa Thanh nhạc***

Khoa Thanh nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có nhiệm vụ đào tạo ngành Đại học Thanh nhạc, chuyên giảng dạy các môn liên quan đến thanh nhạc và môn Dân ca cho SV Đại học Thanh nhạc và SV ĐHSP Âm nhạc. Cùng với sự phát triển của Nhà trường, khoa đã và đang ngày càng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, GV, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ GV trong khoa đều có trình độ Thạc sĩ ở các chuyên ngành khác nhau như: Biểu diễn Thanh nhạc, Sư phạm Thanh nhạc, Văn hóa dân gian, Lí luận và PPDH âm nhạc. Hiện nay, có 4 GV đang theo học nghiên cứu sinh ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc tại Trường. Tháng 1 năm 2020, Khoa Thanh nhạc đã sát nhập với Khoa Piano vào thành một là Khoa Piano & Thanh nhạc.

Về đội ngũ GV dạy hát môn Dân ca, những năm trước, Nhà trường vẫn phải mời thêm GV dạy dân ca là thầy Nguyễn Xuân Vinh, diễn viên Cải Lương. Hiện nay, đã có 4 GV đang trực tiếp giảng dạy. Thực tế, mỗi GV có những ưu và nhược điểm riêng về hiểu biết dân ca, kĩ năng sư phạm, khả năng hát, biểu diễn. Do vậy, việc lựa chọn nội dung, PPDH có phần phụ thuộc vào sở trường của mỗi GV. Mặt khác, sự nghiên cứu còn hạn chế về kĩ thuật hát và biểu diễn Chèo, Quan họ là một khó khăn cho người dạy, đòi hỏi GV phải tự tìm hiểu, nghiên cứu để nâng cao năng

lực giảng dạy, đồng thời soạn tài liệu học tập cho cả GV và SV trong quá trình rèn luyện kỹ năng hát. Mặt khác, mỗi lớp thường do một GV đảm nhận dạy, trong đó, môn dân ca lại học nhiều thể loại khác nhau, không phải GV nào cũng có sở trường thực hành và hiểu biết sâu sắc về diễn xướng, nên cũng gặp khó khăn nhất định trong giảng dạy.

Về điều kiện dạy học, từ khi là trường Đại học, cơ sở vật chất cho giảng dạy để đáp ứng tiêu chuẩn của một trường Đại học về nghệ thuật được đảm bảo hơn so với khi còn là trường Cao đẳng. Do đặc thù môn học, Khoa Thanh nhạc và Sư phạm Âm nhạc được nhà trường đầu tư phương tiện dạy học như đàn Piano, phòng dạy Thanh nhạc và Dân ca theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Khoa Thanh nhạc được sử dụng 1 phòng chuyên dụng cho việc thi cử, biểu diễn trong các hoạt động nội và ngoại khóa.

Môn Dân ca được Khoa và Nhà trường cung cấp trang thiết bị tương đối đầy đủ, thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập. Phòng học có các phương tiện như máy chiếu, loa, đầu CD... Bên cạnh đó còn có thanh phách, song loan, các đạo cụ ô, nón quai thao, quạt và một số trang phục của Quan họ, Chèo... để GV cùng SV tham gia biểu diễn chương trình chính khóa và ngoại khóa của Nhà trường.

Với một chặng đường phát triển của Trường, Khoa Thanh nhạc đã đào tạo nhiều giáo viên âm nhạc, diễn viên thanh nhạc cho các cơ sở Văn hóa, Trường, Trung tâm, cơ quan trên cả nước. Đây là kết quả đáng tự hào cho sự nỗ lực của các thế hệ GV đã, đang cống hiến giảng dạy hết mình cho sự nghiệp phát triển ngày càng vững mạnh của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

### **3.2. Môn Dân ca trong đào tạo hệ Đại học sư phạm Âm nhạc**

*Dân ca* là môn học chính khóa trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc. Nghệ thuật hát dân ca luôn gắn với nghệ thuật diễn xướng. Học hát dân ca, SV không chỉ cần biết lý thuyết, nắm được kỹ thuật hát, mà cần phải có vốn biểu diễn và dàn dựng bài dân ca. Nếu SV chỉ biết hát bài dân ca thì chưa đủ, mà còn phải biết các lối biểu diễn theo phong cách từng thể loại, vùng miền thì mới thể hiện đúng lẽ lối, đặc trưng của bài dân ca. Mặt khác, SV khi ra trường không chỉ dạy hát, mà còn là những người tổ chức hoặc biểu diễn chương trình nội và ngoại

khóa, tham gia dàn dựng biểu diễn tiết mục dân ca cho học sinh. Chính vì vậy, ngay khi còn đang được học hát dân ca, SV cần hiểu được giá trị, vai trò và tầm quan trọng của việc được học hát, biểu diễn, dàn dựng những làn điệu dân ca, giúp cho SV sau khi ra trường, có kiến thức dạy học và biểu diễn dân ca, mặt khác, thông qua truyền dạy, sẽ góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị nghệ thuật của âm nhạc cổ truyền Việt Nam.

Trong chương trình giảng dạy môn Dân ca, hát Chèo, hát Quan họ hội tụ nhiều yếu tố ca hát cổ truyền và được nhiều SV yêu thích lựa chọn. Quan họ thuộc loại hình nghệ thuật hát giao duyên nam nữ và giai điệu đặc sắc. Chèo thuộc loại hình sân khấu, tiêu biểu, phổ biến và đại diện cho miền Bắc, nhiều làn điệu Chèo có nguồn gốc từ dân ca. Chèo và Quan họ vừa gắn với văn hoá lúa nước, vừa là sản phẩm gắn với phong tục tập quán, lễ hội của vùng châu thổ sông Hồng. Sự đóng góp của Quan họ, Chèo vào kho tàng âm nhạc dân gian Việt Nam không chỉ thể hiện ở số lượng dồi dào, phong phú các làn điệu, mà còn ở giá trị âm nhạc và phong cách nghệ thuật độc đáo.

Quan họ và Chèo luôn có vị trí quan trọng trong chương trình môn *Dân ca*. Trên thực tế dạy môn *Dân ca*, sau phần giới thiệu chung về kho tàng dân ca Việt Nam, phần dạy cụ thể các thể loại dân ca thường được chúng tôi bắt đầu bằng dạy hát Quan họ, sau đó đến các điệu Chèo. Sự lựa chọn này có hai lý do:

- Chèo và Quan họ hội tụ nhiều đặc trưng của ca hát truyền thống như vang - rền - nền - nảy, nhấn nhá - thùng thảng, tròn vành - rõ chữ, ngân rung, liền hơi, luyến, láy chữ và xử lý thanh điệu... Việc nắm được kiến thức và kỹ năng hát Quan họ và hát Chèo sẽ tạo nền tảng bền vững, hỗ trợ tốt để SV tiếp tục học hát các thể loại khác trong chương trình môn hát dân ca.

- Chèo và Quan họ có nhiều làn điệu phong phú, đa dạng, giàu tính nghệ thuật, lời ca nhiều ẩn ý sâu sắc, giai điệu mượt mà, mềm mại, cách hát không quá khó so với những thể loại khác như Hát Văn, Xẩm, Ca trù, nên dễ hấp dẫn và tạo sự hưng phấn cho SV, khi mới nhập môn.

Để khắc phục khó khăn do thời lượng dạy học chính khóa hạn chế, hát Chèo và hát Quan họ cần đưa vào các hoạt động ngoại khóa. Bởi vì, hát Chèo và hát Quan họ có tính ứng dụng cao trong hoạt động văn hóa - nghệ thuật. Hoạt động ngoại

khóa luôn được tổ chức ở trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Với đặc thù là trường nghệ thuật nên các hoạt động biểu diễn âm nhạc ngoại khóa diễn ra gần như thường xuyên trong những ngày lễ lớn, ngày kỉ niệm, ngày hội; trong hội diễn, hội thi; trong các dịp giao lưu, đối ngoại;... Không chỉ biểu diễn ngoại khóa cho chương trình của toàn trường, mà còn cho chương trình của Khoa, của lớp sinh viên và theo yêu cầu của môn học. Hát dân ca luôn được ưu tiên trong hầu hết các chương trình biểu diễn, chiếm một tỉ lệ đáng kể, có những chương trình chỉ dành riêng để biểu diễn dân ca. Việc đưa hát Quan họ và hát Chèo vào hoạt động ngoại khóa tạo điều kiện để SV hoàn thiện kĩ năng diễn xướng, đảm bảo mục đích học đi đôi với hành, gắn đào tạo với thực tiễn.

Ngoài chương trình ngoại khóa, trong chương trình học môn Thanh nhạc, SV được học một số bài dân ca trong cả 4 năm học. Yêu cầu khi kết thúc tốt nghiệp môn Thanh nhạc, SV được hát 1 bài dân ca Việt Nam. Bởi vậy, đây chính là cơ sở để GV có thể lựa chọn, đưa một số làn điệu Chèo và Quan họ vào dạy hát trong các học phần môn Thanh nhạc. Đây là điều kiện thuận lợi, giúp SV củng cố kĩ thuật, hoàn thiện kĩ năng hát Chèo, hát Quan họ. Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu dạy hát Chèo và hát Quan họ trong khuôn khổ môn *Dân ca*, mà còn có thể ứng dụng vào dạy những làn điệu Chèo, Quan họ trong chương trình môn *Thanh nhạc* và các hoạt động nội, ngoại khóa của Nhà trường.

Rõ ràng, môn Dân ca nói chung và hát Chèo, hát Quan họ nói riêng đóng vai trò quan trọng trong đào tạo SV ĐHSP Âm nhạc. Vì vậy, cần xác định nội dung, chương trình và PPDH hát phù hợp với mục tiêu môn học đề ra. Có như vậy, SV sau khi ra trường mới thực sự vững vàng trong dạy học, biểu diễn và dàn dựng tiết mục hát dân ca cho học sinh phổ thông.

### **3.3. Đặc điểm hát dân ca của sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc**

#### **3.3.1. Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi**

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW hàng năm tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. SV trúng tuyển vào trường được học các chuyên ngành đã đăng kí thi, đa phần đều trong độ tuổi 18, cũng có một số ít SV nhiều tuổi hơn do đã

học Trung cấp hoặc Cao đẳng âm nhạc, sau đó mới đi học tiếp lên Đại học. Đây là lứa tuổi thanh niên, lứa tuổi trưởng thành và hoàn thiện về thể chất.

### 3.3.1.1. Về sinh lí

Tầm vóc cơ thể ở lứa tuổi của SV có thể nói là phát triển đến gần như hoàn thiện (so với chu trình đời người); “sự tăng trưởng của hệ cơ, xương đang dần dần đạt đến mức hoàn thiện” [98; 39] và cơ thể đạt độ săn chắc, dẻo dai tạo ra nét đẹp hoàn mỹ; độ nhanh, linh hoạt, khéo léo, sức lực và độ chịu đựng đều phát triển mạnh nhờ sự ổn định của các tuyến nội tiết cũng như sự tăng trưởng các hoóc môn nam và nữ. Sự phát triển về thể chất ở SV như vậy là những thuận lợi quan trọng cho việc học tập và nghiên cứu trong 4 năm học. Với chương trình đại học, SV cần phải có sức khỏe dẻo dai, bền bỉ, có những ngày SV phải lên lớp 10 tiết trên giảng đường, ngoài ra còn tham gia nhiều hoạt động do Đoàn thể và Nhà trường tổ chức. Lượng kiến thức ở đại học nhiều hơn hẳn so với phổ thông; kỳ thi nhiều khi tập trung trong thời gian ngắn, với những môn thi cuốn chiếu dồn dập. Nếu sức khỏe không tốt thì người học khó có thể vượt qua. Riêng ngành âm nhạc có đặc trưng là với nhiều môn thực hành, SV không chỉ học trên lớp, mà về nhà còn phải luyện tập thường xuyên. Đó cũng là một tiêu chuẩn đòi hỏi sức khỏe tốt ở người học.

Về tư duy, trí nhớ, độ tiếp thu kiến thức lí thuyết cũng như thực hành ở lứa tuổi SV hết sức thuận lợi so với toàn bộ chu trình đời người... theo GS. Lê Quang Long: “Trọng lượng não đạt tới mức tối đa (khoảng 1400g) và chứa 14-16 tỉ neuron với chất lượng hoàn hảo, SV có thể tích lũy 2/3 lượng tri thức của cuộc đời trong 6 - 7 năm trên ghế trường đại học” [139]. Nhận thức ở lứa tuổi này gắn với hoạt động học tập, có thể phối hợp được nhiều thao tác tư duy. “Sự phát triển của hệ thần kinh có những thay đổi quan trọng về cấu trúc bên trong của não và các chức năng của não” [98; 40], yếu tố này tạo điều kiện cần thiết cho quá trình tư duy và học tập các kiến thức khoa học, cho sự phát triển các thao tác tư duy và các kỹ năng học tập của SV.

Liên quan đến học tập âm nhạc, đây là độ tuổi mà về thể lực và trí tuệ đang ở giai đoạn vàng để học tập, rèn luyện tiếp thu kiến thức lí luận về âm nhạc nói chung, cũng như khả năng ca hát nói riêng. Lứa tuổi này đã tương đối ổn định về giọng hát, SV nam đã qua thời kì vỡ giọng của tuổi mới lớn (giọng ồm và khàn), sang giai đoạn rõ ràng về chất giọng và màu giọng; SV nữ thuận lợi hơn trong hát

chuyển giọng so với các lứa tuổi trước đó, bởi bộ máy phát âm như phổi, thanh quản... đã ở giai đoạn hoàn thiện hơn.

### 3.3.1.2. Về tâm lí

Lứa tuổi này tự ý thức được về năng lực của bản thân, thích được thể hiện mình, khẳng định cái cá nhân, muốn chứng tỏ bản thân và luôn hướng tới sự sáng tạo, ham hiểu biết, khám phá. Đây là lứa tuổi hình thành thế giới quan và nhân sinh quan rõ nét nhất, thích tiếp thu cái mới, tư tưởng mới, hình thành lí tưởng..., là những điều kiện rất thuận lợi cho học tập mang tính sáng tạo.

Đây là lứa tuổi mà vai trò chủ động, sáng tạo trong học tập cao hơn hẳn so với lứa tuổi học sinh phổ thông, SV có thể “tự quản lý lớp và quản lý thời khóa biểu học tập, sinh hoạt hàng ngày của mình; tự chuẩn bị các hoạt động học tập của bản thân” [98; 41].

Lứa tuổi này nhận thức được vai trò của học tập đối với tương lai, nhận thức được học ở trường đại học để sau này ra trường có nghề nghiệp, học tốt sẽ dễ dàng có công việc tốt. Vì thế, SV xác định được mục đích và thái độ ý thức học tập. Tuy nhiên, do có mục đích nên dẫn đến thái độ đề cao một số môn học và xem thường những môn học khác.

Về thẩm mỹ cũng đã hình thành thị hiếu khá ổn định, có cách đánh giá mang màu sắc cá nhân của riêng mình bởi lượng kiến thức được thu nhận cũng đủ để nhận biết xấu và đẹp. Tuy nhiên, lứa tuổi thanh niên chưa thật chín chắn, dễ bị chi phối bởi yếu tố bên ngoài, bị lôi cuốn bởi phong trào, nếu gặp tư tưởng tốt sẽ có cách sống tốt, nếu gặp tư tưởng xấu hay bạn bè xấu thì cũng dễ bị cuốn theo.

Do đặc điểm tâm sinh lí như nêu trên nên SV thường không thích GV áp đặt, đánh giá, nhận xét thái quá trong quá trình dạy học. Riêng trong việc dạy học hát dân ca, nếu chỉ dạy theo lối truyền khẩu đơn thuần sẽ có thể gây cho SV cảm thấy không hứng thú, thiếu sự chủ động và sáng tạo. Đặc thù ở lứa tuổi này luôn hướng đến sự thử nghiệm, nhằm chứng tỏ tính tò mò và khả năng sáng tạo của bản thân trong quá trình vươn tới nhận thức mới. Chính vì vậy, sự khích lệ, tạo điều kiện giúp SV nâng cao khả năng tự học, sáng tạo trong học tập nói chung và trong biểu diễn và dàn dựng dân ca nói riêng luôn được SV đón nhận.



Ở thời đại hiện nay, thời đại của khoa học công nghệ, của thế giới phẳng, giao lưu quốc tế rộng khắp, thanh niên là tầng lớp thích cái mới, nên tâm lí thường ưa chuộng âm nhạc hiện đại, nhạc nhẹ, sôi động, trẻ trung... Một thực tiễn cho thấy, Dân ca nói riêng, âm nhạc cổ truyền nói chung là môn học của ngành âm nhạc nên có không ít SV học vì bắt buộc chứ không say mê, không xuất phát từ sự yêu thích. Đây là đặc điểm tâm lí của SV và là khó khăn mang tính khách quan mà GV rất cần nắm bắt được để làm sao dạy học môn Dân ca tạo được sự hứng thú cho SV, làm sao để SV thấy dân ca Việt Nam nói chung, Chèo và Quan họ nói riêng có những vẻ đẹp đặc sắc, khiến các em yêu thích và học một cách tự giác chứ không phải bắt buộc.

### **3.3.2. Khả năng âm nhạc, hát Chèo và hát Quan họ**

#### **3.3.2.1. Khả năng âm nhạc**

Hầu hết SV khi được tuyển vào ngành ĐHSP Âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW đã có một số kiến thức cơ bản nào đó về âm nhạc cũng như khả năng ca hát bởi yêu cầu đầu vào của tuyển sinh, bắt buộc thí sinh phải thi tuyển môn Thanh nhạc, Nhạc cụ, Lí thuyết âm nhạc, Xướng âm. Đa số SV ôn luyện học hát, ít nhất là hai đến ba bài, trong đó, có cả bài dân ca Việt Nam để trình bày phần thi hát của mình. Tuy vậy, do thời gian ôn luyện hạn hẹp, mà kiến thức ôn tập lại nhiều, nên SV học nhạc và luyện hát vẫn ở mức độ để đáp ứng yêu cầu thi, chứ chưa hình thành những kiến thức nền tảng.

Khả năng âm nhạc của SV ĐHSP Âm nhạc là không đồng đều, bởi SV đến từ nhiều tỉnh thành (chủ yếu là miền Bắc và miền Trung), có cả SV miền núi và đồng bằng nên hiểu biết, năng khiếu và trình độ âm nhạc không như nhau. Mặt khác, khi mới học năm thứ nhất, có một số SV trước khi vào Đại học đã học Trung cấp, Cao đẳng ngành Âm nhạc, cho nên đã có năng lực nhất định. Điều này giúp các SV đó có giọng hát vang, khỏe, tiếp thu kiến thức âm nhạc dễ dàng hơn các SV chưa được qua đào tạo âm nhạc, nhất là ở giai đoạn mới học (chủ yếu là năm thứ nhất), còn đến những năm sau, mức độ tiếp thu tùy thuộc vào năng khiếu và khả năng tư duy của SV, không nhất thiết là đã được học trước thì tốt hơn người học sau.

Nhìn chung, SV âm nhạc hầu hết đều có cảm thụ âm nhạc tinh tế, có khả năng nghe, cảm nhận được tiết tấu, cao độ, trường độ, đặc biệt SV có thể đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu đào tạo của ngành ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

### 3.3.2.2. Khả năng hát dân ca

Cũng như khả năng âm nhạc nói chung, khả năng hát dân ca của SV có sự không đồng đều. Thực tế trong quá trình chúng tôi giảng dạy dân ca cho hệ ĐHSP Âm nhạc ở các Trường liên kết đào tạo với Nhà trường ở các tỉnh thành cho thấy, SV các tỉnh đồng bằng trung du Bắc bộ như Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình... rất yêu thích, có hiểu biết và khả năng hát được một số bài dân ca, nhưng vẫn còn lúng túng khi thể hiện về kỹ thuật hát và biểu diễn theo từng thể loại dân ca còn yếu. SV các tỉnh miền núi phía Bắc, như Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang... còn nhiều hạn chế về kiến thức và cả về khả năng hát, biểu diễn dân ca, đặc biệt là Chèo, Quan họ...

Về giọng hát, đa phần SV đều có giọng hát, tầm cỡ giọng có thể hát được trên quãng 10, âm vực giọng khá rộng, vang và sáng. Ngoài học hát dân ca, SV ĐHSP Âm nhạc được học môn Thanh nhạc (chủ yếu theo lối thanh nhạc cổ điển thính phòng), là môn trong chương trình đào tạo, nên là một điều hết sức thuận lợi cho SV khi học hát dân ca, đặc biệt khi rèn luyện kỹ năng vận dụng hơi thở, cách luyện láy, tạo độ vang, xử lý vị trí âm thanh...

SV ĐHSP Âm nhạc được học Thanh nhạc theo phương thức cá nhân, học đề sau này thành giáo viên âm nhạc với 02 SV học 01 tiết/tuần, 1 thầy dạy. Bởi vậy, giọng hát của SV nhìn chung là thuận lợi, có khả năng biểu diễn nên khi trình diễn dễ tạo được sức cuốn hút và thuyết phục. SV hầu hết đều có cảm thụ âm nhạc tinh tế, có khả năng nghe tốt, cảm nhận được tiết tấu, cao độ, trường độ của bài hát, đặc biệt có thể bắt chước nhanh cách thể hiện bài hát. Tuy vậy, khả năng hát dân ca của SV có sự không đồng đều và có thể chia thành 2 đối tượng:

- Đối tượng thứ nhất là SV được học hát từ Trung cấp, Cao đẳng hoặc tham gia câu lạc bộ ca hát tự do ở địa phương..., nên chất giọng và khả năng ca hát có phần thuận lợi hơn những bạn mới được học hát. Do đã được học trước, nên kỹ thuật

thanh nhạc cổ điển thính phòng, nhạc nhẹ đã ngấm sâu trong cách hát của SV đó, từ cách vận dụng hơi thở, khẩu hình cho đến vị trí âm thanh. Đây là điều kiện thuận lợi về giọng hát vang khỏe, tròn đầy, biết vận dụng khẩu hình, hơi thở, vị trí âm thanh trong khi hát cổ điển thính phòng, nhạc nhẹ, tuy vậy, lại có những ảnh hưởng tác động không tích cực đối với hát dân ca. Chúng tôi thấy, SV ở nhóm đối tượng này khi hát dân ca thường có giọng rất vang, khỏe, biết cách thể hiện tính chất sắc thái cũng như về cách vận dụng hơi thở, khẩu hình, song lại hay áp dụng kỹ thuật hát thính phòng cổ điển để xử lý trong hát dân ca, nên đã làm méo mó âm thanh đặc trưng của lời hát dân ca, tiếng hát thường bị cứng, thô, không rền, rung, liên tiếng, luyến láy không tốt, tạo ra kiểu hát mà chúng tôi gọi là “thanh nhạc hóa dân ca”. Chẳng hạn, khi SV hát Quan họ và hát Chèo, khẩu hình áp dụng theo cách thính phòng mở rộng, rộng trong cổ, hát miệng to như đang ngáp. Hoặc, vị trí âm thanh đặt nông, treo lên chân răng hàm trên, âm thanh phát ra ở hốc mũi, trán, đầu... làm cho âm thanh của Quan họ, Chèo bị biến dạng, pha tạp với cách hát cổ điển thính phòng, nhạc mới. Như vậy, âm sắc của Chèo và Quan họ không còn đúng với đặc trưng của lời hát cổ truyền.

- Đối tượng thứ hai là những SV mới được học hát, khả năng ca hát có phần hạn chế về phần xử lý kỹ thuật thanh nhạc như khẩu hình, hơi thở, vị trí và độ vang sáng của giọng hát. Đây là điểm hạn chế, không thuận lợi khi học hát thanh nhạc thính phòng, nhưng lại là điểm thuận lợi khi học hát dân ca. Bởi, hát dân ca không đòi hỏi về kỹ thuật hát theo lối cổ điển thính phòng, nên ở nhóm SV này, mặc dù giọng hát không đồng đều, có phần hơi yếu về độ vang, âm sắc giọng không sáng... so với nhóm SV đã được học thanh nhạc, nhưng khi xử lý kỹ thuật hát cơ bản về khẩu hình, vị trí, hơi thở và cả những cách hát như luyến láy, rền tiếng, ngân rung, nảy hạt, nền nã... thì lại thường hát tốt, mềm mại, do không quá bị ảnh hưởng của lối hát thanh nhạc cổ điển thính phòng.

### 3.3.2.3. Khả năng hát Chèo và hát Quan họ

Nhìn chung, với giọng hát và năng khiếu âm nhạc được tuyển đầu vào như đã nêu ở trên, SV ĐHSP Âm nhạc có khả năng hát dân ca cũng như hát được Chèo và Quan họ ở mức độ đáp ứng được yêu cầu của môn học. Còn để hát dân ca như một nghệ sĩ hát chuyên nghiệp hay như nghệ nhân thì còn nhiều vấn đề phải bàn,

bởi vì hát dân ca còn phụ thuộc vào đặc điểm giọng hát về luyến, láy, độ rung, nhấn, nảy hạt, độ mềm mại, màu giọng..., hay nói cách khác là hát dân ca cần một năng khiếu khác với hát thính phòng cổ điển, khác với hát nhạc nhẹ.

Với riêng từng thể loại, kinh nghiệm giảng dạy dân ca cho thấy, SV thuận lợi hơn khi hát một số làn điệu dân ca Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên và miền núi phía Bắc. Với dân ca vùng châu thổ sông Hồng, SV thường hát khó khăn hơn ở phần thể hiện kỹ thuật hát đặc trưng của một số thể loại dân ca như Chèo, Ca trù, Hát Vần, Xẩm, Quan họ... Có lẽ như vậy là bởi vì những làn điệu dân ca kể trên yêu cầu nhiều kỹ thuật hát khó, như kỹ thuật hát *đai từ, đổ hột, nhấn, luyến chữ* của Ca trù; *hát mộc, nhấn chữ* của Xẩm; hoặc với Hát Vần, là sự pha lẫn nhiều kỹ thuật hát của đa số thể loại thuộc các vùng miền khác nhau. Chẳng hạn, khi hát văn Cô Bé, Cô Đôi thượng ngàn, kỹ thuật hát mang âm hưởng miền núi phía Bắc. Lúc này, người hát cần thể hiện được cách phát âm - nhả chữ theo đặc trưng vùng miền. Hay, khi hát văn ông Hoàng Mười, người hát lại phải lòng kỹ thuật, cũng như ngôn ngữ địa phương vùng Nghệ An, Huế vào diễn xướng hầu đồng... Đối với kỹ thuật hát Chèo và hát Quan họ cũng vậy, SV có thể hát được làn điệu đơn giản của cả hai thể loại này, nhưng lại gặp khó khăn trong phần thể hiện kỹ thuật đặc trưng như hát *vang - rền - nền - nảy* của Quan họ; *luyến, láy chữ, ngân rung giọng, nảy hạt, liền hơi bất lảng, nhấn ngắt* của Chèo.

Về khả năng hát Chèo, hát Quan họ, chúng tôi tiến hành khảo sát với 225 SV ĐHSP Âm nhạc khóa 11 năm 2016-2017, kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 3.1:** Kết quả khảo sát về khả năng hát Chèo và hát Quan họ

TT	Loại	Số SV	Tỉ lệ%
1	Tốt	21	9,3
2	Khá	102	45,4
3	Trung bình	68	30,2
4	Yếu	34	15,1
<b>Tổng:</b>		<b>225</b>	<b>100%</b>

Trong 4 loại trên, loại tốt là giọng hát có nhạc cảm, có thể thể hiện tốt bài dân ca và thuận lợi khi tiếp thu kỹ thuật hát Chèo và hát Quan họ. Loại khá là có giọng, có nhạc cảm, nhưng hát bài dân ca chưa hấp dẫn, chưa ra được bản chất của làn điệu dân ca, có thể tiếp thu được các kỹ thuật hát Chèo và hát Quan họ. Loại

trung bình là hát được đúng giai điệu của bài, biết luyện lấy đôi chút, nhưng không thuận lợi lắm trong tiếp thu các kĩ thuật khó của hát Chèo và hát Quan họ. Loại yếu là giọng yếu, hát không có nhạc cảm, khó khăn trong tiếp thu các kĩ thuật hát.

Qua kết quả điều tra ở bảng 3.1. cho thấy: Đa số SV đều có thể hát đúng được bài Chèo và bài Quan họ là 84,9% (bao gồm loại trung bình + khá + tốt) thấp. Số SV có thuận lợi và có thể tiếp thu được kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ chiếm tỉ lệ 54,7% (bao gồm loại khá + tốt). Số SV không thuận lợi với kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ là loại trung bình chiếm tỉ lệ 30,2%. Còn số SV giọng hát yếu, không có nhạc cảm, khó khăn trong tiếp thu các kĩ thuật hát Chèo và hát Quan họ chiếm tỉ lệ tương đối thấp với 15,1 %. Với kết quả khảo sát trên cho thấy, khả năng của SV ĐHSP Âm nhạc có thể đáp ứng được cho mục tiêu dạy học hát Chèo và hát Quan họ của môn Dân ca.

### **3.4. Thực trạng dạy học hát Chèo và hát Quan họ**

#### **3.4.1. Chương trình môn Dân ca**

Dân ca là một môn học trong chương trình đào tạo ngành ĐHSP Âm nhạc. Mục đích và yêu cầu của môn Dân ca là sau khi tốt nghiệp ra trường, SV có kiến thức hiểu biết về kho tàng dân ca Việt Nam, có khả năng diễn xướng một số thể loại dân ca theo vùng miền, góp phần vào bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật cổ truyền của dân tộc, nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đào tạo ĐHSP Âm nhạc.

*\* Thông tin chung về môn học:*

SV hệ ĐHSP Âm nhạc được học môn Dân ca trong một học kì của năm thứ nhất. Trước đây, môn Dân ca đào tạo theo niên chế với 60 tiết. Từ năm học 2013-2014 đến nay, Trường thực hiện đào tạo theo hình thức tín chỉ. Môn Dân ca [PL 1 tr.187] có 02 tín chỉ, gồm 30 tiết, trong đó có 5 tiết nghe giảng lí thuyết, 23 tiết thực hành và 2 tiết tự học. Trong đó, 23 tiết thực hành bằng 46 tiết thực dạy trên lớp. Như vậy, 46 tiết thực hành + 5 tiết lí thuyết và 2 tiết tự học = 53 tiết thực học. Tuy vậy, hiện nay, môn Dân ca bị rút xuống chỉ còn 48 tiết. Trong đó, mỗi tín chỉ kiểm tra định kì một lần, kết thúc học phần thi theo hình thức thực hành biểu diễn.

*\* Mục tiêu môn học:*

*Kiến thức:* Trang bị cho SV những hiểu biết về kho tàng dân ca Việt Nam. SV hiểu biết đặc trưng kỹ thuật diễn xướng dân ca miền núi phía Bắc, đồng bằng, trung du Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ.

*Kỹ năng:* Kết thúc học phần, SV cần có kỹ năng: 1/ Nhận biết và phân biệt được đặc trưng diễn xướng dân ca các vùng, miền; 2/ Có kỹ năng hát và biểu diễn một số thể loại dân ca trong chương trình học; 3/ Tạo cơ sở để SV tự hoàn thiện và phát triển kỹ năng hát và biểu diễn dân ca; và 4/ Vận dụng kỹ năng hát và biểu diễn vào hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình biểu diễn dân ca.

*Thái độ:* Nhận thức được tầm quan trọng của môn *Dân ca* trong đào tạo hệ ĐHSP âm nhạc. Qua những làn điệu dân ca giúp SV bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có thái độ trân trọng âm nhạc truyền thống, có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam.

*\* Tóm tắt nội dung môn học:*

Nội dung môn học gồm 2 phần: 1/Kiến thức cơ bản về dân ca Việt Nam; 2/Kỹ năng hát dân ca các vùng miền. Môn học giới thiệu về kho tàng dân ca Việt Nam, cách phân loại dân ca, đặc trưng nghệ thuật của dân ca các vùng - miền, đồng thời, rèn luyện kỹ năng hát một số bài dân ca tiêu biểu của các vùng - miền: miền núi phía Bắc, đồng bằng và trung du Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên và Nam bộ. (Xem thêm PL 1 tr.187 để biết rõ hơn nội dung chương trình chi tiết).

Số lượng bài hát trong chương trình môn Dân ca có khoảng 15 - 18 làn điệu/bài dân ca ba miền, mỗi thể loại dân ca thường được bố trí từ 1-2 bài. Riêng hát Chèo và Quan họ, mỗi thể loại được bố trí từ 2 - 3 bài. Về tổ chức dạy học, môn Dân ca được dạy theo hình thức tập thể khoảng từ 25-30 SV trở lên trong 1 lớp (nhiều năm trước đây là từ 45-50SV, thậm chí có năm nhiều hơn 50).

*\* Nhận xét chung về nội dung, chương trình môn Dân ca:*

Nhìn vào chương trình môn Dân ca cho thấy, nội dung chương trình khá phong phú, cung cấp các kỹ năng, kiến thức cơ bản về hát dân ca các vùng miền của Việt Nam, đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Kho tàng dân ca Việt Nam rất đa dạng, phong phú, mỗi vùng miền có nhiều thể loại, nhiều làn điệu dân ca và có đặc trưng riêng trong cách hát. Với thời lượng chỉ có 1 học phần chia thành 02 tín chỉ = 53 tiết trong chính khóa, mà thực tế hiện nay chỉ còn 48 tiết thì không thể đáp ứng được việc học đầy đủ các thể loại dân ca và cũng không thể trang bị về kỹ thuật hát cho SV một cách sâu sắc, mà chỉ ở mức độ đạt yêu cầu của mục tiêu môn học. Muốn đạt được độ sâu sắc về kỹ thuật hát thì cần phải thực hiện thêm trong hoạt động ngoại khóa và thực tế chúng tôi cũng đã phải thực hiện như vậy.

Chèo và Quan họ là 02 thể loại có vị trí quan trọng trong môn Dân ca của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Nhìn chung, mỗi thể loại dân ca chỉ có 1 đến 2 bài nhưng riêng Quan họ, Chèo thì mỗi thể loại được đưa vào chương trình 2 đến 3 bài và thời lượng dành riêng cho 2 thể loại này khoảng 16 tiết.

Ngoài chương trình ngoại khóa, trong chương trình học môn Thanh nhạc, SV cũng được học một số bài dân ca trong cả 4 năm học. Yêu cầu khi tốt nghiệp môn Thanh nhạc, SV hát 1 bài dân ca Việt Nam. Bởi vậy, đây chính là cơ sở để lựa chọn, đưa một số làn điệu Chèo và Quan họ vào dạy hát trong các học phần môn Thanh nhạc, là điều kiện thuận lợi giúp SV củng cố kỹ thuật, hoàn thiện kỹ năng hát Chèo, Quan họ nằm ngoài chương trình môn Dân ca.

Tuy vậy, chương trình của môn Dân ca hiện nay của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW cũng cho thấy một điều bất cập. Đó là thời lượng chương trình tương đối ít. Trước đây, khi chưa đào tạo theo tín chỉ, môn Dân ca có thời lượng là 04 đơn vị học trình = 60 tiết, giờ đây chỉ còn 48 tiết thì giảm đi gần 1 đơn vị học trình. So với Trường ĐHSP Hà Nội, môn Hát dân ca có thời lượng là 02TC = 60 tiết thì số tiết của Trường ĐHSP Nghệ thuật cũng ít hơn. Đây là một khó khăn trong dạy học chính khóa khi thời lượng ít mà kiến thức và rèn luyện kỹ năng hát cần nhiều thời gian. Mặc dù dạy học hát Chèo và Quan họ có thể thực hiện thêm trong ngoại khóa, song chỉ có một số SV tham gia biểu diễn được học cách hát sâu hơn về kỹ thuật, còn các SV không tham gia ngoại khóa sẽ không có điều kiện để nâng cao năng lực hát dân ca nói chung và Chèo, Quan họ nói riêng.

Bên cạnh đó, dạy hát dân ca hiện nay đang được thực hiện dưới hình thức học cả lớp khoảng trên 40 SV, trước đây thậm chí có lớp đến 63 SV. Vấn đề này

cũng tạo nên những khó khăn nhất định trong việc nâng cao kỹ thuật hát dân ca. Thấy được những bất cập trên, năm học 2020 Trường đã tổ chức các lớp học dân ca với 25 SV trong một lớp. Đây là một trong những điểm thuận lợi để rèn luyện kỹ năng hát cho SV được tốt hơn.

### **3.4.2. Sử dụng tài liệu, giáo trình**

Khảo sát thực tiễn dạy học hát dân ca khu vực miền Bắc cho thấy, hiện nay, gần như ở tất cả các trường có đào tạo hệ ĐHSP Âm nhạc đều không có giáo trình môn Dân ca. Đa số các cơ sở đào tạo chỉ dựa vào một vài cuốn sách dân ca 3 miền (ghi lại bằng bản nhạc trên khuôn nhạc), dựa vào các băng đĩa của nghệ nhân, nghệ sĩ hát..., để trên cơ sở đó, người dạy lựa chọn những làn điệu phù hợp yêu cầu và đưa vào chương trình giảng dạy.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW cũng như các trường khác, hiện nay chưa có giáo trình chính thức dạy hát môn Dân ca. Tuy vậy, là người trực tiếp giảng dạy môn học này, chúng tôi đã biên soạn *Tài liệu giảng dạy môn Dân ca* (2015) cho hệ ĐHSP Âm nhạc. Với cuốn tài liệu này, SV học môn Dân ca được dễ dàng hơn, GV không phải mất thời gian để đọc cho SV chép như trước đây nữa, mà dành được nhiều thời gian hơn cho việc luyện tập thực hành hát, nghiên cứu tài liệu, trao đổi... Nội dung cuốn *Tài liệu giảng dạy môn Dân ca* gồm hai phần: Phần một giới thiệu tóm lược về dân ca Việt Nam, trong đó đề cập đến định nghĩa dân ca Việt Nam; Dân ca - những yếu tố cấu thành; Chức năng của dân ca; Một số điểm tương đồng khác biệt trong dân ca; Thể loại dân ca và những thể loại dân ca tiêu biểu vùng miền. Phần hai tìm hiểu về đặc điểm dân ca từng vùng miền và lựa chọn một số làn điệu tiêu biểu vào giảng dạy. Cuốn *Tài liệu giảng dạy môn Dân ca* phần nào đáp ứng được một số vấn đề lý luận chung về dân ca Việt Nam, ngoài ra, tài liệu còn giúp cho người học hiểu được đặc trưng dân ca vùng miền và những thể loại dân ca tiêu biểu. Phần hai là một số làn điệu dân ca tiêu biểu đã được ký âm thành bản nhạc và phân tích nội dung, tính chất của bài hát.

Bên cạnh tài liệu chính phục vụ giảng dạy dân ca, GV còn giới thiệu một số tài liệu tham khảo khác để SV có thể tự nghiên cứu, nâng cao và mở rộng thêm kiến thức lý luận về dân ca Việt Nam nói chung, hát Chèo và hát Quan họ nói riêng. Chẳng hạn như công trình: *Âm nhạc Quan họ* của Nguyễn Trọng Ánh (2000); *Tìm*



*hiếu dân ca Quan họ* (giáo trình giảng dạy viết năm 1997) của hai tác giả Trần Linh Quý – Hồng Thao, Hồng Thao (2000) và *300 bài hát Quan họ* của Hồng Thao viết năm 2000; *Giáo trình hát Chèo* của tác giả Nguyễn Thị Tuyết (2000); *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc* của hai tác giả Hoàng Kiều và Hà Hoa (2007); *Giới thiệu về dân ca Việt Nam* (2009) của Bộ giáo dục và đào tạo, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, do tác giả Phạm Lê Hòa làm chủ biên;... Với một số sách, tài liệu kể trên, phần nào giúp người học tự nghiên cứu để hoàn thiện và nâng cao cơ sở lý thuyết về dân ca. Ngoài sách tham khảo, SV còn được trang bị băng đĩa về dân ca, phục vụ cả trong chính khóa và ngoại khóa.

Có thể thấy, những công trình lý luận về dân ca Việt Nam khá nhiều và phong phú, mặc dù vậy, đến nay không có tài liệu nào bàn về kỹ thuật hát dân ca, PPDH dân ca nói chung, hát Chèo, hát Quan họ nói riêng, nên việc ứng dụng vào giảng dạy gặp khó khăn, trở ngại lớn, hiện nay mỗi GV phải tự tìm hiểu để đưa ra quan điểm cũng như luận giải về những đặc trưng, kỹ thuật hát để giảng dạy.

Như vậy, vấn đề về giáo trình, tài liệu chuyên khảo và tham khảo về dạy học hát dân ca cho SV ĐHSP Âm nhạc ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW hiện nay khá phong phú, song vẫn còn bất cập, chưa có giáo trình chính thức, thiếu tài liệu về kỹ thuật hát, phương pháp dạy dân ca. Điều này ít nhiều chưa tạo được sự thống nhất về nội dung và cách giảng dạy, nếu như môn Dân ca có nhiều GV cùng dạy như hiện nay.

### **3.4.3. Tình hình dạy của giảng viên**

Đội ngũ GV Khoa Thanh nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có trình độ chuyên môn tốt về giảng dạy Thanh nhạc cũng như môn Dân ca. GV dạy môn Dân ca luôn không ngừng tự rèn luyện để nâng cao và hoàn thiện về PPDH hát dân ca. Những năm gần đây, một số thầy cô đã áp dụng kết hợp PPDH âm nhạc, trong đó có cả PPDH tích cực với cách dạy truyền khẩu dân gian, đem lại hiệu quả cao. Kết quả học tập của SV sau khóa học môn Dân ca có nhiều em đạt thành tích giỏi là một trong những minh chứng cho hiệu quả dạy học của GV. Như vậy, GV không chỉ trang bị kiến thức về thể loại, hướng dẫn kỹ thuật hát, xử lý làn điệu, mà còn dạy cả về phong cách biểu diễn theo đặc trưng của thể loại cho SV. Bên cạnh đó, GV luôn động viên khích lệ tinh thần học tập, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của SV trong học tập, biểu diễn ở các cuộc thi hát dân ca trong và ngoài trường.

Quy trình dạy hát dân ca được các GV thực hiện đầy đủ các bước theo cách dạy truyền thống như: *Giới thiệu bài hát; GV hát mẫu; Thực hành luyện tập (tập hát từng câu; ghép lại cả bài)*, *Sử dụng phương tiện dạy học* và *Kiểm tra đánh giá*.

Về phần giới thiệu bài học, GV cung cấp khá đầy đủ về thể loại, nội dung, tính chất làn điệu. Về phương pháp trình bày diễn xướng làn điệu của GV linh hoạt, hấp dẫn, sử dụng cả PPDH tích cực như: khi thì GV thể hiện bài hát, khi thì mời SV cùng tham gia, cho nghe băng đĩa..., tạo cho giờ học thoải mái, sôi động. GV có khả năng hát tốt về dân ca, biết thể hiện đúng theo cách hát Chèo, hát Quan họ và cơ bản luyện láy được ra chất, tuy nhiên không thể hát tốt được tất cả các thể loại dân ca Việt Nam. Trong quá trình luyện tập bài, GV rất chú trọng việc chỉnh sửa kỹ thuật hát luyện, láy, ngân rung, nảy hạt, phát âm sao cho tròn vành - rõ tiếng theo thể loại... Thường thì, GV hát mẫu rồi đàn cho SV tập hát lại từng câu cho tới khi hát được giai điệu của bài. Trong quá trình luyện tập, GV sửa rất tỉ mỉ, chỉnh sửa ngay nếu SV hát chưa đúng, luyện bị cứng hoặc bị thô.

Một trong những phương pháp giúp kiểm chứng hiệu quả của quá trình dạy học là kiểm tra đánh giá. Phần kiểm tra đánh giá trong dạy học hát dân ca được các GV thường xuyên áp dụng trong từng giờ học để kiểm định mức độ thuộc bài và khả năng xử lý luyện, láy của SV, từng nhóm nhằm kịp thời luyện tập và chỉnh sửa. Ngoài ra, kiểm tra đánh giá còn được diễn ra ở giữa học kì theo hình thức biểu diễn cá nhân, mỗi SV được bốc thăm và chuẩn bị khoảng 20 phút sau đó lên hát. Thực tế quy trình kiểm tra, đánh giá cho thấy, việc thi theo hình thức cá nhân sẽ đánh giá được sát khả năng hát của từng SV, tuy vậy, hình thức kiểm tra đơn lẻ lại ít phát huy được tính sáng tạo trong biểu diễn, dàn dựng làn điệu dân ca theo hình thức nhóm. Bởi, nói đến hát dân ca không chỉ có hát được giai điệu của bài, mà còn cần phải biết diễn xướng làn điệu dân ca (hát và biểu diễn kết hợp trang phục, đạo cụ kèm theo). Thấy được những bất cập trên, vài năm trở lại đây, NCS đã cho SV thi hết môn bằng hình thức biểu diễn nhóm, phần nào cải thiện được khả năng diễn xướng cho SV.

Đối với dạy học hát dân ca, một trong những phương pháp khá hữu hiệu là việc sử dụng phương tiện dạy học. Việc sử dụng các đạo cụ như ô, nón, quạt...; các loại đàn dân tộc hay các nhạc cụ gõ như mõ, song loan, thanh phách... rất tốt cho rèn luyện kỹ năng hát dân ca. Trên thực tế, những năm trước đây, một số GV hay sử

dụng đàn piano và ghi ta điện để dạy hát dân ca, điều này phần nào giúp cho người dạy đỡ một khi phải hát mẫu nhiều lần, dùng nhạc cụ để đàn giai điệu, giúp nhanh thuộc bài, tạo cho giờ học vui vẻ, tạo hứng thú học tập với SV. Tuy nhiên, nếu lạm dụng quá vào các phương tiện điện tử trong truyền dạy dân ca sẽ làm cho âm thanh bị pha tạp, méo mó, không còn giữ được giá trị của dân ca theo lối cổ. Bởi vậy, tốt nhất không nên sử dụng các loại đàn như organ, piano, ghita điện... vào đệm cho dạy hát Chèo và hát Quan họ. Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin của GV trong dạy hát dân ca ở một số trường thuộc khu vực miền Bắc vẫn còn ít, có khi là không sử dụng đến. Điều này làm ảnh hưởng đến quá trình dạy học hát dân ca, gây nên sự nhàm chán, không tạo được hứng thú học tập cho SV, kết quả dạy học chưa đạt được như mong muốn. Ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, GV đã và đang sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học hát dân ca và đã phần nào đem lại hiệu quả, tuy vậy PPDH này vẫn chưa được sử dụng triệt để.

Trong một vài năm trở lại đây, bản thân NCS đã trực tiếp dạy hát dân ca và đã đưa ra các biện pháp đổi mới phương pháp hướng tới phát triển năng lực cho SV, đồng thời sử dụng các phương tiện giảng dạy như sách tham khảo, một số đạo cụ biểu diễn, bản nhạc, băng đĩa tiếng, hình ảnh và cả nhạc beat (nhạc không lời) để giúp SV tự học, tự vỡ bài, ghép nhạc trước khi lên lớp, tạo hứng thú học tập trong và ngoài giờ học. Do thời gian quá ít trong nội khóa, nên việc áp dụng các PPDH hiện đại như dạy theo nhóm, góc, phương tiện công nghệ thông tin... đã góp phần cải thiện chất lượng và phần nào đạt hiệu quả nhất định trong dạy học hát dân ca.

Về kỹ thuật hát Chèo và hát Quan họ, mặc dù SV đã được truyền dạy cách hát liền hơi, rung giọng, rèn tiếng, nhấn ngắt, nảy hạt, nhưng vẫn chưa mang tính hệ thống. SV khi học hát những kỹ thuật đặc trưng thường hát tốt độ vang, nhấn, ngắt, nhưng lại hay bị sai, chưa tốt ở một số kỹ thuật như liền hơi, rung giọng, rèn tiếng, nảy hạt, đặc biệt là hay sử dụng kỹ thuật hát cổ điển thính phòng trong xử lý hát dân ca, làm cho âm sắc của Chèo và Quan họ thay đổi, không đúng với lối hát cổ. Từ những thực tế đó, chúng tôi đã tiếp tục nghiên cứu để tìm ra các biện pháp khắc phục những lỗi sai thường mắc, đồng thời phát huy thế mạnh của SV trong rèn luyện kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ.

Một trong những vấn đề rất đáng được quan tâm là khả năng biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ của SV. Qua điều tra thực tiễn dạy hát dân ca ở một số cơ sở

đào tạo hệ ĐHSP Âm nhạc và Thanh nhạc chuyên ngành cho thấy, hầu hết các trường chỉ dạy hát mà không trang bị kiến thức cũng như cách biểu diễn dân ca cho SV. Trên thực tế, nói đến dân ca là nói tới nghệ thuật diễn xướng dân gian. Mỗi thể loại có phong cách biểu diễn khác nhau, nếu chỉ dạy hát, thì chưa phản ánh được hết đặc trưng diễn xướng của thể loại dân ca. Vì thế, chúng tôi bước đầu đã trang bị cho SV hiểu về phong cách diễn xướng, đưa ra một số động tác biểu diễn và hướng dẫn SV tự dàn dựng làn điệu Chèo và Quan họ. Tuy nhiên, với lượng thời gian không nhiều, SV trong 1 lớp học lại đông, bởi vậy mà việc luyện tập kỹ năng diễn xướng còn chưa được sâu, kết quả đạt được không như mong muốn. Khắc phục vấn đề này, chúng tôi đã tăng cường các hoạt động ngoại khóa để giúp SV vẫn được tiếp tục rèn luyện kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ đạt hiệu quả. Chẳng hạn, sau thi kết thúc môn học sẽ cho SV biểu diễn báo cáo, hoặc chọn một số tiết mục Chèo và Quan họ để công diễn tại Nhà trường; đưa một số làn điệu Chèo và Quan họ vào chương trình học hát Thanh nhạc; mở câu lạc bộ dạy hát dân ca... Hoạt động ngoại khóa tạo cho việc hoàn thiện kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ, đây là mảnh đất để chúng tôi có điều kiện áp dụng những đề xuất đổi mới PPDH được đề xuất trong luận án, vì khi đó mới có đủ thời gian cũng như các điều kiện liên quan khác. Còn trong chính khóa, với 53 tiết, nay còn 48 tiết và chỉ được học trong một học kì thì không thể áp dụng hiệu quả hết những đề xuất của luận án trong việc rèn luyện kỹ thuật đặc trưng đạt đến độ kỹ năng, kỹ xảo của phong cách diễn xướng Chèo và Quan họ cho SV. Những năm gần đây, chúng tôi đã thực hiện đưa một số làn điệu Chèo, Quan họ vào hoạt động ngoại khóa, được SV rất hưởng ứng, tham gia nhiệt tình và đã đạt được hiệu quả nhất định, giúp SV tiếp tục hoàn thiện, nâng cao kỹ năng diễn xướng Chèo, Quan họ.

Với kết quả học tập của SV trong một vài năm trở lại đây cho thấy, việc áp dụng các giải pháp, các PPDH truyền thống, PPDH hiện đại, kết hợp với dạy truyền khẩu dân gian, bước đầu đã đạt được hiệu quả, phần nào khắc phục được những vấn đề bất cập trong dạy học hát dân ca, hướng đến phát triển năng lực, độc lập sáng tạo về diễn xướng cho SV.

*Một số nhược điểm:* Bên cạnh những ưu điểm, thành tích đạt được thì giảng dạy môn Dân ca ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW vẫn có một số tồn đọng cần khắc phục như: chưa sử dụng tốt PPDH phát triển năng lực của SV, giúp người học phát

huy tối đa khả năng tư duy, sáng tạo độc lập trong rèn luyện kỹ năng diễn xướng; hiệu quả, kết quả học tập của SV vẫn chưa đạt được như mong muốn ở phần thể hiện ra chất, ra phong cách diễn xướng đặc trưng của hát Chèo và hát Quan họ. Kết quả rèn luyện kỹ thuật vẫn chưa đạt đến sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong hát, biểu diễn Chèo và Quan họ cho SV. Nguyên nhân dẫn đến kết quả dạy học hát chưa đạt hiệu quả tối ưu bởi một số vấn đề như sau:

- Từ xưa cho đến nay, những đặc trưng kỹ thuật về hát dân ca nói chung và hát Chèo và Quan họ nói riêng, ít có công trình nghiên cứu, định nghĩa thành hệ thống để GV và SV có thể dựa vào đó làm tài liệu lí luận về kỹ thuật hát dân ca, có thể ứng dụng vào dạy học. Đây là khó khăn cho cả GV và SV, đòi hỏi cả người dạy, người học phải tự phải tìm tòi, diễn giải theo ý hiểu của bản thân để đưa ra khái niệm về kỹ thuật hát đặc trưng của Chèo và Quan họ, giúp rèn luyện kỹ thuật hát.

- GV dạy hát dân ca mỗi người có những ưu điểm, nhược điểm riêng về hiểu biết những đặc điểm của thể loại, đặc trưng kỹ thuật hát, kỹ năng sư phạm, khả năng diễn xướng dân ca nói chung, hát Chèo và hát Quan họ nói riêng. Trong những GV giảng dạy có một, hai người chuyên sâu về dạy hát dân ca, còn một số GV lại chuyên về dạy hát Thanh nhạc là chính. Trong đó, mỗi lớp thường do một GV đảm nhận dạy môn Dân ca với nhiều thể loại khác nhau, không phải GV nào cũng có “sở trường” thực hành diễn xướng Chèo, Quan họ và hiểu biết sâu sắc về thể loại, vì vậy GV có thể gặp khó khăn nhất định trong dạy hát Chèo, hát Quan họ cho SV. Điều này dẫn đến chất lượng không đồng đều. Vì vậy, cần phải có PPDH hát dân ca phù hợp, linh hoạt, hướng tới phát triển năng lực tự học, sáng tạo cho SV.

- Một trong những nguyên nhân nữa thể hiện ở sự kết hợp các phương pháp còn chưa đồng bộ, linh hoạt ở một số GV thường chủ yếu dạy theo lối truyền khẩu đơn thuần, nên người học mất nhiều thời gian học thuộc giai điệu, nhịp điệu, tiết tấu theo đúng yêu cầu của làn điệu, không có nhiều thời gian để chỉnh sửa cho SV luyện tập tốt kỹ thuật đặc trưng của thể loại. Với lượng thời gian trên lớp hạn hẹp, mà thời giờ dạy truyền khẩu mất nhiều thời gian, nên chỉ còn rất ít thời gian để kiểm tra, chỉnh sửa từng kỹ thuật..., đặc biệt là ít phát huy được tính tự chủ, sáng tạo của người học.

Riêng về vấn đề sử dụng các PPDH trong dạy hát Quan họ, hát Chèo của GV, chúng tôi tiến hành khảo sát thông qua hình thức phiếu điều tra. Sau khi thu được

kết quả điều tra về tình hình giảng dạy của đội ngũ GV dạy dân ca tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến của các chuyên gia và GV có trình độ chuyên môn cao ở trong và ngoài trường thông qua phiếu hỏi, để điều tra về vai trò của việc sử dụng các PPDH hát dân ca.

Chúng tôi đã tiến hành phát phiếu tới 30 chuyên gia, các GV dạy hát tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW và một số cơ sở đào tạo về dạy hát Chèo như Khoa Kịch hát dân tộc, Trường ĐH Sân khấu Điện Ảnh; Khoa Quan họ, Trường CĐ Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Tỉnh Bắc Ninh; nghệ nhân dạy dân ca ở các Câu lạc bộ, để thấy được tầm quan trọng của việc sử dụng PPDH hát dân ca. Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.2.

**Bảng 3.2:** Kết quả xin ý kiến các chuyên gia về việc sử dụng PPDH hát dân ca ( $n=30$ )

Câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %
1/ Thầy/ cô thường sử dụng phương pháp nào trong dạy hát dân ca?	Phương pháp truyền khẩu dân gian	8	26,63
	Phương pháp dạy học trên bản nhạc	2	6,67
	Kết hợp cả hai phương pháp trên	20	66,7
2/ Theo thầy/cô, trong dạy hát dân ca có cần thiết sử dụng các phương tiện hiện đại hỗ trợ như băng/ đĩa tiếng, đĩa hình, công nghệ thông tin?	Không cần thiết	4	13,33
	Cần thiết	10	33,33
	Rất cần thiết	16	53,34
3/ Trong dạy hát dân ca có cần thiết sử dụng phương pháp dạy học tích cực?	Không cần thiết	10	33,33
	Cần thiết	12	40,00
	Rất cần thiết	8	26,67

Kết quả bảng 3.2 ở câu hỏi 1 cho thấy, chỉ có 6,67% người dạy dân ca bằng phương pháp nhìn trên bản nhạc, 26,65% số người chỉ dạy truyền khẩu.

Trong đó số người kết hợp cả 2 phương pháp là 66,7% chiếm tỉ lệ cao nhất. Qua đó cho thấy, việc kết hợp phương pháp truyền khẩu với nhìn trên bản nhạc và các phương pháp sư phạm khác để hỗ trợ quá trình rèn luyện kỹ năng thực hành sẽ đem lại hiệu quả cao.

Một số ý kiến cho rằng dạy học hát dân ca chỉ nên dạy theo lối truyền khẩu, dù là với bất cứ đối tượng nào. Trong dạy hát dân ca chúng tôi rất coi trọng phương pháp truyền khẩu. Đây là một phương pháp truyền thống được các nghệ nhân áp dụng từ bao đời nay, thực sự có hiệu quả bởi dân ca có nhiều đặc trưng rất riêng về luyện, láy, rung, nhấn..., mà nếu chỉ nhìn trên bản nhạc thì rất khó thể hiện được ra chất của bài bản. Phương pháp truyền khẩu trong hát, hay truyền ngón trong đàn, được coi là không thể thiếu, vì các nghệ nhân sẽ bằng giọng hát, ngón đàn của mình giúp người học thấy được cái “hồn”, cái riêng của làn điệu, từ những cách rung, nhấn, luyện, láy cho đến cách nhả âm, nhả chữ, cách hát giai điệu “non, già” của làn điệu dân ca. Tuy vậy, với đối tượng chuyên về học hát dân ca (Chèo, Quan họ, Ca Trù, Xẩm...) và sẽ trở thành người hát chuyên về các thể loại đó, thì phương pháp truyền khẩu được coi là tối ưu. Thực tế, những lớp dạy cho các đối tượng này được bố trí thời lượng nhiều (khoảng 3 năm với 02 buổi/tuần), hình thức học theo nhóm, chỉ khoảng 10 - 15 người, việc sử dụng phương pháp truyền khẩu sẽ không bị mâu thuẫn giữa nội dung với thời lượng. Chẳng hạn, tại Khoa Quan họ, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bắc Ninh, với mục đích đào tạo diễn viên, phương pháp chủ yếu dạy hát vẫn là lối dạy truyền khẩu, với thời lượng gần 1000 tiết trên lớp trong 3 năm học, mỗi bài hát được luyện tập trong 10-12 tiết học [117]. Các trung tâm, câu lạc bộ Quan họ ở Bắc Ninh cũng sử dụng chủ yếu lối dạy truyền khẩu. Tuy vậy, hiện nay chúng tôi thấy ở các Trường dạy chuyên về ca hát cổ truyền như Khoa Kịch hát dân tộc của Trường Đại học Sân khấu Điện Ảnh đã dụng thêm các phương pháp mới như cho SV học thuộc trước giai điệu của bài hát, nghe băng đĩa để luyện tập kỹ thuật hát... Như vậy có thể thấy, với đối tượng chuyên về học hát dân ca thì truyền khẩu là cần thiết, còn với đối tượng không chuyên về hát dân ca thì ngoài

phương pháp truyền khẩu nên kết hợp thêm phương pháp khác để giải quyết mâu thuẫn giữa thời lượng với nội dung.

Với câu hỏi 2 về sử dụng phương tiện hiện đại trong dạy hát dân ca được đánh giá rất cần thiết và hiệu quả thông qua kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 13,33% cho rằng không cần sử dụng phương tiện hiện đại hỗ trợ, còn 86,67% cho rằng cần thiết và rất cần thiết chiếm đa số.

Ngày nay, các thiết bị công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn đã và đang trở thành một trong những phương pháp hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, ngay cả với môn Dân ca cũng rất hữu hiệu. Sử dụng phương tiện dạy học đang là một trong những phương pháp chiếm ưu thế trong dạy học hát dân ca nói chung và hát Chèo, hát Quan họ nói riêng. Các băng đĩa chuẩn của nghệ nhân, nghệ sĩ chính là hình mẫu để người học luyện theo và đó cũng là một cách học truyền khẩu tiết kiệm sức lực, bởi đĩa hát sẽ thay cho người hát việc lặp đi lặp lại câu hát nào đó mà lần nào cũng giống nhau, không bị thay đổi, đồng thời giúp người học dễ dàng bắt chước.

Ở câu hỏi 3 cũng cho thấy, có tới 66,67% cho rằng cần thiết và rất cần thiết sử dụng PPDH tích cực. Trên thực tế, PPDH tích cực phát triển năng lực cho người học là một trong những PPDH đạt hiệu quả tối ưu trong dạy học nói chung và dạy học hát dân ca nói riêng. Tiếc rằng, vẫn còn không ít người cho rằng PPDH tích cực là không cần thiết phương pháp này nên vẫn chưa được sử dụng một cách triệt để trong dạy học hát dân ca ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, cũng như ở một số cơ sở đào tạo khác chuyên đào tạo diễn viên Chèo và Quan họ.

Thực tế dạy hát Chèo và hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, cũng như ở một số cơ sở đào tạo có dạy hệ ĐHSP Âm nhạc trong những năm qua đã bộc lộ một số hạn chế về mặt phương pháp dạy học hát dân ca như sau:

Một là, GV chủ yếu tập trung dạy bài để thuộc lời ca, giai điệu, tiết tấu và một số cách hát dân ca như hát liền giọng, luyện, lấy mà ít trang bị kỹ thuật hát cũng như rèn luyện kỹ năng hát đặc trưng của Chèo và Quan họ cho SV. Bởi vậy, SV



chưa hình thành kỹ năng hát, khó có thể phát huy được năng lực tự học, tự hoàn thiện kỹ thuật hát dân ca theo đúng đặc trưng thể loại, vùng miền.

Hai là, cách dạy hát hiện nay chưa phát huy được hết khả năng sáng tạo của người học trong thể hiện làn điệu dân ca, chưa tương xứng với trình độ âm nhạc của SV ĐHSP Âm nhạc (khác với trẻ nhỏ và những người không được học về âm nhạc). Đặc biệt, do thời lượng dạy ít nên lối dạy truyền khẩu đơn thuần khó mang lại hiệu quả tích cực trong một thời gian ngắn, nếu không sử dụng các phương pháp khác hỗ trợ.

Ba là, sự phối kết hợp giữa PPDH truyền khẩu dân gian với PPDH âm nhạc truyền thống và hiện đại trong dạy học hát dân ca chưa linh hoạt, triệt để. Kết quả dạy học cho thấy, SV thuộc lời, giai điệu bài hát, biết luyện, láy ở mức độ nhất định, chưa có kỹ năng hát và biểu diễn phù hợp với kỹ thuật đặc trưng của Chèo, Quan họ.

Bốn là, chưa quan tâm nhiều đến việc sử dụng PPDH tích cực, phát triển năng lực học và sáng tạo của SV. Chính vì vậy, cách dạy dân ca ở một số trường hiện nay chưa giúp SV mở rộng kiến thức, nâng cao năng lực tự luyện tập bài, hoàn thiện kỹ thuật hát, biểu diễn, để chuyển hóa thành kỹ năng diễn xướng Chèo và Quan họ.

#### **3.4.4. Tình hình học của sinh viên**

Đa phần SV đều hiểu rằng, giá trị của việc được học môn dân ca nói chung và hát Chèo, hát Quan họ nói riêng là cơ sở nền tảng vững vàng cho sự nghiệp giảng dạy, cũng như các hoạt động phong trào sau này. Bởi vậy, một số đông SV rất yêu thích học hát dân ca, có nhu cầu muốn được rèn luyện kỹ năng hát và biểu diễn như những diễn viên chuyên nghiệp. Với khả năng ca hát dân ca và sự yêu thích, đam mê học hỏi, phần lớn SV luyện tập rất hăng say, có tinh thần đóng góp, tích cực hoàn thiện bài cho bản thân, cũng như xây dựng bài theo nhóm. Bên cạnh đó, có một số ít SV không thích hoặc còn e ngại khi học hát dân ca. Bởi, một phần SV ngày nay hay thích hát nhạc trẻ, ít quan tâm đến dân ca ngay từ khi còn học phổ thông. Chính vì vậy, SV này học thường chậm, chỉ hát được đúng giai điệu, nhịp, phách, chứ không hát được rung giọng, nảy hạt, liền hơi... theo lối cổ, âm thanh khi vang lên thường hay cứng, thẳng đuối, luyện láy kém, không tốt. Tuy nhiên, khi được học hát Chèo và hát Quan họ, mặc dù hơi khó hát đối với SV không có khả

năng, nhưng sau khi được trang bị kiến thức lí luận về nghệ thuật diễn xướng Chèo, Quan họ, SV đã biết vận dụng một số kĩ thuật hát đặc trưng của thể loại và hứng thú hơn trong học hát dân ca.

Phần lớn SV có chất giọng hát dân ca và yêu thích được học hát Chèo, hát Quan họ, đồng thời luôn tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, có khả năng hát ở mức độ luyện, láy đơn giản, biết biểu diễn một số động tác minh họa cho bài hát. Bên cạnh đó, SV còn có nhu cầu được học nâng cao khả năng hát Quan họ và hát Chèo thông qua một số hình thức: tham gia câu lạc bộ học hát dân ca; học hát một số làn điệu Chèo và Quan họ trong chương trình môn Thanh nhạc ở hệ ĐHSP Âm nhạc.

Qua kinh nghiệm giảng dạy môn Dân ca, chúng tôi thấy, trong luyện tập hát Chèo, hát Quan họ, SV rất hào hứng khi được học tập và trình diễn theo hình thức nhóm. Về kĩ thuật hát, SV có khả năng hát vang sáng, ngắt giọng tốt nhưng lại thường hay gặp khó khăn trong xử lí kĩ thuật như luyện láy bị cứng, ít nảy hạt, rung giọng không đều, ít rền tiếng, liền hơi... SV còn ngượng ngùng, lúng túng khi biểu cảm theo nội dung, tính chất sắc thái của bài hát.

Thực tế trong quá trình luyện tập cho thấy, SV thường mắc một số lỗi khi hát *Quan họ*: Hát được vang, nhưng rung giọng kém; luyện cứng, nên không có độ rền trong câu hát. Hát được rền, nhưng nảy hạt nhỏ, không bật được hạt âm thanh ra ngoài hoặc giảm mất độ vang. Đôi khi SV hát âm nền quá to, át mất lời thơ, câu hát không nền nã, ý nhị. SV còn yếu, không đồng đều khi kết hợp các kĩ thuật trong cùng câu, đoạn, thường thì hát đúng được kĩ thuật này lại sai kĩ thuật khác. Trong đó, yêu cầu khi hát Quan họ cần thể hiện được tất cả yếu tố *vang - rền - nền - nảy* trong cùng một câu, trở một cách tinh tế thì bài hát mới đạt yêu cầu.

Trong quá trình luyện tập hát Chèo, SV thường hay mắc một số lỗi như sau: Trong Chèo thường sử dụng nhịp nội, nhịp ngoại, bởi vậy, khi hát vào bài, SV hay sai nhịp phách, đặc biệt ở những chỗ nghỉ xuyên tâm (nghỉ 2 nhịp trong trở hát) và lưu không, ngân đuôi (kết thúc 1 trở hát). Đối với câu hát ngân đuôi (hát trước khi kết thúc trở, làn điệu bài hát), SV thường hát sai, bởi cách luyện, láy, ngân rung của

câu hát ngân đuôi hơi khó, mà mỗi trở và kết bài lại có giai điệu khác nhau. Các em thường bị hát luyến láy, ngân rung kém, hát sai giai điệu và nhịp phách. SV thường mắc phải một số lỗi về kỹ thuật đặc trưng của Chèo như: Hát đúng đặc trưng này lại sai đặc trưng khác, chẳng hạn: Hát được liền hơi/giọng, nhưng không hát được rung giọng và nảy hạt. Hoặc, hát được luyến chữ, nhưng xử lý thanh điệu lại cứng, sai về kỹ thuật phát âm - nhả chữ. Hay, hát được cách nhấn, ngắt, nảy hạt, nhưng lại mất đi độ rung giọng, liền tiếng hát... Phần hoàn thiện sắc thái bài, SV thường lúng túng khi xử lý kỹ thuật hát, âm thanh còn thô, mộc, mới dừng lại ở việc thuộc giai điệu, chưa biết cách xử lý sắc thái to, nhỏ, kết hợp với các đặc trưng kỹ thuật hát trong cùng một câu, trở của bài hát.

Về biểu diễn Chèo và Quan họ, hầu hết SV đều có khả năng biểu diễn, tuy vậy, vẫn có khá nhiều lỗi ở một số SV như: Thể hiện nét mặt lúc tươi cười quá, lúc lại buồn, mặt quay quá nhanh, đảo mắt, liếc xiên ngang, chớp mắt nhiều, không xác định điểm nhìn, nhướn mắt, chau mày, nhăn mặt; chân đứng quá rộng hoặc quá sát vào nhau, vất chéo chân qua nhau, vừa hát, chân vừa đánh nhịp... Khi sử dụng ô và nón quai thao trong biểu diễn Quan họ, SV nữ thường hay đưa bàn tay ra ngoài để cầm vành nón; cầm nón cao che hết mặt, cầm nón quá thấp dưới bụng, chuyển động nón quá nhanh. SV nam cầm ô ngả quá nhiều về phía sau, ô để quá cao hoặc thấp, che mất mặt... Đối với làn điệu Chèo, SV còn lúng túng khi sử dụng chiếc quạt đặc trưng, thường cuộn quạt chưa khéo, cầm quạt không đúng, lúc để quạt quá cao, quá thấp, quay, rung quạt sai với tính chất, nội dung bài hát...

Để khảo sát về tình hình học hát dân ca nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng đối với SV ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến qua phiếu điều tra 225 SV khoá 11 năm học 2016-2017 với một số câu hỏi điều tra ở bảng 3.3.

**Bảng 3.3:** Kết quả điều tra năng lực hát Chèo và hát Quan họ của sinh viên  
(n=225)

Câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỉ lệ(%)
1/ Anh, chị tự đánh giá khả năng hát những kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo	Có thể hát được làn điệu Chèo ở mức độ thuộc giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu của bài.	155	69,00
	Hát đúng về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở khi hát Chèo.	40	17,77
	Thể hiện được kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo: Liền hơi, rung giọng, nảy, nhấn, ngắt.	30	13,33
2/ Anh, chị tự đánh giá khả năng hát những kĩ thuật hát đặc trưng của Quan họ	Có thể hát được làn điệu Quan họ ở mức độ thuộc giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu của bài.	168	74,67
	Hát đúng về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở khi hát Quan họ.	35	15,55
	Thể hiện được kĩ thuật hát đặc trưng của Quan họ: Vang, rền, nền, nảy.	22	9,78
3/ Anh chị tự đánh giá năng lực biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ	Biểu diễn ở mức độ đơn giản	195	86,67
	Biểu diễn được theo phong cách diễn xướng của thể loại.	20	8,89
	Có năng lực tự học, tự hoàn thiện kĩ thuật hát và khả năng sáng tạo trong biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ.	10	4,44

Nhìn vào kết quả bảng 3.3 cho thấy, với câu hỏi 1 và 2 có số đông SV có thể hát được làn điệu Chèo và Quan họ ở mức độ thuộc giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu của bài. Không có nhiều SV thể hiện được kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo và Quan họ. Đây cũng là những con số phản ánh đúng thực tế vì hát dân ca cũng là một loại năng khiếu mà không phải SV nào cũng hiểu và hát được tốt kĩ thuật hát của thể loại.

SV có khả năng biểu diễn ở mức độ đơn giản làn điệu Chèo và Quan họ chiếm số đông, với tỉ lệ 86,67%, nhưng SV có được năng lực tự học, tự hoàn thiện kĩ thuật hát, khả năng sáng tạo trong biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ lại chỉ chiếm có 13,33%.

Nhận thấy được những khó khăn của SV trong việc học hát, biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ. Vài năm gần đây, chúng tôi đã trang bị cho SV kiến thức về đặc trưng lời hát và biểu diễn của từng thể loại, đồng thời đưa ra một số tư thế biểu diễn phù hợp với làn điệu cụ thể, để SV tự luyện tập, phát huy tính sáng tạo trong biểu diễn và dàn dựng bài. Giờ đây, đa phần SV đã có khả năng hát, biểu diễn, chỉ có một số bạn còn chưa nắm được kĩ thuật đặc trưng và còn lúng túng khi thể hiện biểu cảm nét mặt. Một phần do thời gian ít, không đủ để SV luyện tập nhiều trên lớp, một phần bởi sự phối hợp các biện pháp dạy học còn chưa được triệt để, đồng bộ, vì vậy, một số ít SV vẫn còn chưa được tự tin trong diễn xướng, đặc biệt là chưa hiểu rõ đặc trưng lời hát và biểu diễn của Quan họ, Chèo, dẫn đến động tác còn ngượng ngùng, không ăn nhập với đặc điểm, nội dung làn điệu cụ thể.

Kết quả học tập của SV trong những năm gần đây cho thấy, việc áp dụng dạy theo hướng mới của đề tài đã phần nào đạt hiệu quả. SV yêu thích, hào hứng được hát và biểu diễn làn điệu dân ca. Nhìn chung, với sự hiểu biết âm nhạc, khả năng hát, biểu diễn dân ca của SV, GV cần tìm hiểu những ưu điểm và hạn chế về giọng hát cũng như cách biểu diễn, qua đó đưa ra giải pháp mang tính đồng bộ, triệt để, nhằm phát huy, khích lệ tinh thần, giúp SV chủ động hơn trong việc tự học ngoài giờ lên lớp, phát huy khả năng sáng tạo trong diễn xướng dân ca nói chung, hát Chèo, hát Quan họ nói riêng, dưới sự hướng dẫn chỉ dạy của GV.

*Tóm lại:* Đánh giá chung về thực trạng dạy học hát dân ca, trong đó có hát Chèo và hát Quan họ cho thấy, một vài năm trở lại đây, việc dạy học hát dân ca đã và đang đi vào ổn định, chất lượng phần nào đã đảm bảo yêu cầu đào tạo. Bên cạnh đó vẫn đang tồn tại một số vướng mắc, bất cập trong dạy học. Qua đánh giá, nhận định những thuận lợi, khó khăn, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm tháo gỡ những bất cập cho cả người dạy và người học hát dân ca, nhằm khắc phục được những nhược điểm, giúp quá trình dạy học đạt hiệu quả tối ưu. Một trong những biện pháp nâng cao chất lượng dạy học hát dân ca là cần phải có giáo trình cho môn học, xây dựng nội dung chương trình, thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn cho GV

trực tiếp dạy hát dân ca. Mặt khác cần đổi mới phương pháp dạy và học nhằm nâng cao khả năng tự học, sáng tạo của SV với sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV, đồng thời đổi mới hình thức học, chỉ nên có 20 SV trong 1 lớp học, tăng cường thời gian học hát dân ca cả trong chính khóa và ngoại khóa, tạo điều kiện cho SV rèn luyện kỹ năng thực hành biểu diễn và hướng tới PPDH phát triển năng lực tự học, phát huy tối đa sự chủ động, sáng tạo của người học. Việc làm này không nằm ngoài xu thế chung *“Đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy ở hệ Đại học”*. Có như vậy, môn Dân ca mới đem lại hiệu quả tối ưu, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo SV hệ ĐHSP Âm nhạc trong giai đoạn mới, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

### **Tiểu kết**

Thực tế dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW đã minh chứng rằng, Nhà trường là cơ sở đào tạo trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường Sư phạm Nghệ thuật của Việt Nam. Việc tìm hiểu khả năng hát dân ca của SV, làm rõ nội dung, chương trình môn Dân ca trong đào tạo bậc Đại học, nhận định một số vấn đề bất cập về nội dung và PPDH hát dân ca là cơ sở quan trọng, giúp chúng tôi đánh giá đúng thực trạng dạy học hát dân ca nói chung và hát Chèo, hát Quan họ nói riêng, nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục nhược điểm trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Căn cứ vào kết quả ở số liệu thống kê về khả năng hát, biểu diễn của SV cho thấy, SV hát được làn điệu Chèo và Quan họ, tuy vậy, vẫn chưa biết xử lý đúng kỹ thuật hát cơ bản và đặc trưng riêng của thể loại. SV chưa có khả năng biểu diễn và không có năng lực tự học, tự rèn luyện kỹ năng diễn xướng Chèo và Quan họ. Dựa trên kết quả thống kê của các chuyên gia dạy hát dân ca về việc sử dụng PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho thấy, sự kết hợp giữa các PPDH âm nhạc truyền thống với dạy truyền khẩu dân gian còn chưa linh hoạt, triệt để, đặc biệt PPDH theo phát triển năng lực còn chưa được chú trọng trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ.

Việc tìm hiểu thực trạng dạy học hát dân ca nói chung, hát Chèo và hát Quan họ nói riêng ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW giúp chúng ta làm sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận và thực tiễn dạy học, tạo cơ sở để chương 4 của luận án đưa ra các biện pháp cụ thể về nội dung, PPDH hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.

## Chương 4

### PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ HÁT QUAN HỌ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC

Chương 4 của luận án đề xuất các PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc. Các phương pháp được trình bày ở chương này đã được người viết nghiên cứu, tìm hiểu và áp dụng trong quá trình nhiều năm dạy học hát môn Dân ca.

#### **4.1. Định hướng và nguyên tắc đề xuất**

Nội dung các phương pháp được đề xuất dựa trên căn cứ, định hướng chỉ đạo của Nhà nước và cơ sở thực tiễn về vấn đề bảo tồn, phát huy, gìn giữ và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc.

##### **4.1.1. Định hướng đề xuất**

###### *4.1.1.1. Dựa vào văn bản của Nghị quyết Ban chấp hành TW Đảng*

Nội dung về dạy học hát dân ca được xây dựng căn cứ vào Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước có viết: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” [140]. Để đáp ứng được nhiệm vụ mà NQTW Đảng đề ra như trên thì một trong những nhiệm vụ của nền giáo dục Việt Nam, trong đó có các trường giáo dục nghệ thuật, là phải giáo dục, truyền bá nền văn hóa dân tộc, giáo dục nghệ thuật dân tộc như dân ca, dân vũ, dân nhạc... Trong đó, Chèo và Quan họ là những di sản quý báu của âm nhạc dân tộc Việt Nam. Việc giáo dục âm nhạc cổ truyền Việt Nam nói chung, Chèo và Quan họ nói riêng sẽ góp phần gìn giữ bản sắc âm nhạc dân tộc, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước con người Việt Nam và cần phải có những phương pháp giáo dục đúng đắn, thích hợp.

###### *4.1.1.2. Dựa theo xu thế đổi mới giáo dục phổ thông*

Nội dung dạy học được xây dựng căn cứ vào xu thế đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay, đặc biệt trong đổi mới PPDH theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. SV ĐHSP Âm nhạc ra trường đa số đáp ứng yêu cầu dạy học ở các trường phổ thông, vì vậy, các trường sư phạm đào tạo giáo viên phổ thông luôn bám sát yêu cầu, nhiệm vụ mà Bộ GDĐT đề ra đối với giáo dục phổ thông.

Theo yêu cầu của Đề án đổi mới giáo dục phổ thông, tháng 7/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, trong đó nêu mục tiêu và nhiệm vụ chính của giáo dục phổ thông theo hướng đổi mới là dạy học để hình thành phẩm chất và năng lực cho học sinh: “Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại” [12; 5].

Dạy học theo phát triển năng lực người học là một xu thế mà giáo dục thế giới đã áp dụng. Định hướng này đòi hỏi đổi mới toàn diện trên các mặt của giáo dục phổ thông, đó là nội dung dạy học, tổ chức dạy học, quy trình dạy học, PPDH (PPDH tích cực, PPDH tiếp cận năng lực để phát triển năng lực người học).

Nhiệm vụ của dạy học đại học là đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới, vì thế cần thiết có sự đổi mới dạy theo hướng tích cực, phát triển năng lực người học ở tất cả các môn học đại học, trong đó có dạy học hát Dân ca.

#### *4.1.1.3. Căn cứ vào cơ sở lí luận, thực tiễn của đề tài*

PPDH dạy học Hát dân ca cho SV Âm nhạc ở các trường sư phạm nghệ thuật được xây dựng dựa trên cơ sở lí luận về dạy hát dân ca, cụ thể là dạy hát hai thể loại Chèo và Quan họ, đặc biệt là dựa trên đặc điểm âm nhạc, kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo và Quan họ.

PPDH dạy học Hát dân ca cho SV Âm nhạc ở các trường sư phạm nghệ thuật được đề xuất căn cứ vào thực tiễn nhu cầu đòi hỏi đổi mới đào tạo sư phạm nghệ thuật, thông qua nghiên cứu thực trạng dạy học tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW, mà chúng tôi đã trình bày ở chương 3.

### **4.1.2. Nguyên tắc đề xuất**

#### *4.1.2.1. Bảo đảm tính mục tiêu*

Nguyên tắc này đòi hỏi các nội dung được đề xuất phải hướng vào mục tiêu trang bị cho SV ĐHSP Âm nhạc các kĩ năng hát Chèo và hát Quan họ, đáp ứng yêu cầu môn Dân ca trong chương trình ĐHSP Âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

#### *4.1.2.2. Bảo đảm tính phù hợp*

Nguyên tắc này đòi hỏi các PPDH được đề xuất phải phù hợp với đặc điểm khả năng của SV ngành ĐHSP Âm nhạc, với tính đặc thù của ngành nghệ thuật là:



SV được học môn thanh nhạc trong chương trình đào tạo chủ yếu theo lối hát cổ điển châu Âu, nên có những ảnh hưởng nhất định trong hát dân ca.

Việc đề xuất PPDH hát Chèo và hát Quan họ phải giải quyết được mối quan hệ giữa dạy học theo phương pháp cổ truyền kết hợp với PPDH mới, đáp ứng yêu cầu dạy học đại học, đồng thời gắn với đổi mới dạy học âm nhạc ở phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

#### *4.1.2.3. Bảo đảm tính khoa học*

Những nội dung về PPDH hát Chèo và hát Quan họ được xây dựng phải mang tính logic với chương trình môn Dân ca cho hệ ĐHSP Âm nhạc; được xây dựng trên cơ sở khoa học của PPDH ca hát cổ truyền của thể loại Chèo và Quan họ, đồng thời gắn với cơ sở khoa học của các PPDH hiện đại, dạy học tích cực khác.

### **4.2. Phương pháp rèn luyện kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ**

Để hình thành được năng lực hát Chèo và hát Quan họ cho SV, một trong những điều kiện quan trọng là hình thành được kỹ năng hát. Muốn vậy, GV phải xác định được cho SV hệ thống các kỹ năng hát 2 thể loại này, mà chúng tôi đã trình bày khá sâu ở chương 2. Giữa Chèo và Quan họ có những kỹ thuật hát mang tính tương đồng, song có nhiều điểm khác biệt, vì vậy trong rèn luyện kỹ năng hát, tìm ra được điểm tương đồng và khác biệt của hai thể loại là điều hết sức cần thiết.

#### **4.2.1. Khẩu hình, hơi thở và vị trí âm thanh**

Khẩu hình, vị trí âm thanh và hơi thở là những vấn đề cần được chú ý đầu tiên trong ca hát nói chung và trong hát Chèo, Quan họ nói riêng. Để SV hát được đúng chất của Chèo và Quan họ thì cần phải rèn luyện kỹ năng về khẩu hình, hát đúng vị trí âm thanh và phải biết vận dụng về hơi thở.

##### *4.2.1.1. Luyện tập khẩu hình*

Với hát Quan họ, yêu cầu khẩu hình phải mở nhỏ, ngang, kín miệng, tự nhiên như nói, không được mở rộng trong vòm miệng. Với hát Chèo, yêu cầu khẩu hình mở to hơn đôi chút so với Quan họ.

- Giai đoạn khởi chữ: GV luyện tập cho SV làm sao khẩu hình được mở vừa phải tự nhiên như nói, khi đã phát ra chữ thì không tiếp tục mở to dần một cách rõ nét như trong thanh nhạc cổ điển thính phòng, mà giữ gần như không thay đổi khẩu hình

để tiếp tục hát nối sang nguyên âm của chữ đó ở giai đoạn mở chữ. Chẳng hạn khi hát chữ *đào*, mở đầu bằng âm *đ*, khẩu hình mở nhỏ và giữ gần như không thay đổi.

- Giai đoạn mở chữ: Hướng dẫn SV, sau khi khởi chữ, khẩu hình không mở thêm hoặc chỉ mở thêm rất ít. Tùy thuộc vào nguyên âm của chữ (a, ê, o, ô, i...) để mở cho phù hợp và thường giữ nguyên miệng hát ở vị trí của cuối giai đoạn khởi chữ để tiếp tục ngân rung, luyện, láy.

- Giai đoạn đóng chữ: Khẩu hình đóng lại từ từ, sao cho từng chữ có cảm giác được luyện thành vòng tròn, kết hợp với thanh điệu để được tròn vành, rõ chữ, đảm bảo khẩu hình mở đúng với tiêu chí của Quan họ và Chèo. Tuyệt đối, không được đóng chữ quá nhanh như hát Xẩm, hay chậm như hát Ca trù, nếu không sẽ làm cho câu hát bị cứng, luyện cảm giác sẽ bị non và không rõ thanh điệu.

Lưu ý SV là khẩu hình của Quan họ và Chèo có những điểm tương đồng, song điểm khác biệt là: Trong Quan họ, miệng hát thường mở nhỏ hơn so với hát Chèo (mấp máy môi sao cho không hở nhiều răng). Trong hát Chèo, những vai Hề, vai nữ/ Đào Lạch, Đào Pha, Mụ ác, khẩu hình thường mở to, khác với Quan họ; những vai nữ/Đào Chín, vai nam Thư sinh khi hát miệng mở nhỏ gần giống với Quan họ.

SV ĐHSPT Âm nhạc, Trường ĐHSPT Nghệ thuật TW chủ yếu học một số làn điệu Chèo mang tính trữ tình cho các vai nữ chín, nam thư sinh chuyên đóng chính diện mà ít học làn điệu ở các vai Lão, Mụ, Hề hay nữ Lạch, nữ Pha, nên vấn đề khẩu hình cơ bản như đã nêu ở trên, không cần hướng dẫn quá sâu cho từng vai trong Chèo. Mặt khác, SV được học môn Thanh nhạc chủ yếu là dòng thánh phòng, nhạc nhẹ, cách mở khẩu hình to và rộng trong vòm miệng, điều này ăn sâu vào tiềm thức thành thói quen, đạt đến độ kỹ năng khi hát, cho nên, khi hát Quan họ, hát Chèo, các em hay áp dụng cách mở khẩu hình của lối hát thánh phòng để xử lý bài hát dân ca, làm méo mó, không đúng chất của cách hát dân ca cổ. Vì thế, hướng dẫn cho SV nắm vững về khẩu hình của Chèo và Quan họ sẽ giúp các em có thể so sánh khẩu hình của hát dân ca với cách hát thánh phòng cổ điển và nhạc nhẹ, để thấy được điểm khác biệt mang đặc nét trung của các dòng nhạc. Khi thực hành hát, GV cần chú ý uốn nắn nhiều về khẩu hình cho SV.

Cần chú ý phát huy tính tích cực của SV khi dạy về kỹ thuật khẩu hình bằng cách cho các em so sánh khẩu hình của hát Chèo với hát Quan họ, ngoài ra có thể so sánh với một số thể loại dân ca khác, kể cả so sánh với thanh nhạc cổ điển thính phòng, để làm rõ sự khác biệt về độ mở và đóng khẩu hình.

#### 4.2.1.2. *Luyện tập hơi thở*

Nhìn chung, cách vận dụng hơi thở trong hát Chèo và Quan họ là biết lấy một lượng hơi vừa đủ nén xuống phần bụng trên (khoảng ức ngực), giữ hơi dài và nhả hơi nhẹ nhàng, lấy hơi phải nhanh, linh hoạt, đồng thời phải điều tiết hơi thở tinh tế, không đẩy hơi ra nhiều làm cho câu hát cứng, hụt hơi ở cuối câu hát. Khi lấy hơi cần hít hơi sâu vừa đủ cho câu hát, không nên lấy quá nhiều hơi, để tránh căng cứng, lên gân. Khi lấy hơi, nên lấy hơi bằng mũi, kết hợp với miệng, rồi nén giữ hơi để đảm bảo cho giọng hát không bị yếu, có thể đẩy mạnh được độ vang, sáng, mà vẫn đạt được độ rền và nảy hạt, tròn vành - rõ chữ.

Riêng với hát Chèo, giai điệu bài hát thường có sử dụng các bước nhảy xa trên quãng 10, bởi vậy, cần nén hơi thở sâu xuống phần bụng trên để không hụt và đuối hơi ở những chữ cuối của mỗi một câu hát. Ngoài ra, Chèo có nhiều vai với những phong cách thể hiện khác nhau như đã trình bày ở chương 2, nên còn tùy vào từng vai diễn, từng tình huống kịch và đặc điểm làn điệu mà cách lấy hơi, nhả hơi có khác nhau.

*- Tập lấy hơi và giữ hơi thở đều, liên tục:*

Lấy hơi bằng mũi kết hợp với miệng, tránh lấy hơi nhiều lần. Khi lấy hơi phải thật nhanh, nhẹ nhàng, sao cho lượng hơi vừa đủ để hát được liên tục. Khi hơi được chứa đầy trong lồng ngực, một phần nhỏ ở bụng trên thì ghìm lại một chút, sau đó nén hơi, tạo sức bật của thanh đới, phát thanh ra ngoài miệng đều đặn, nhẹ nhàng, chú ý giữ hơi càng lâu càng tốt và tiếp đến thở ra từ từ qua khe răng hàm trên cho đến khi hết hơi, tránh tình trạng đẩy hơi ra ồ ạt, đột ngột, mà phải đẩy hơi đều liên tục, bám sát vào từng chữ để nhả âm, phát thanh ra ngoài được liền hơi (legato), như vậy âm thanh mới tròn trịa và mượt mà. Chú ý, lấy hơi không được nhô vai, phình bụng, làm như vậy luồng không khí vào sẽ rất nông.

- Vận dụng hơi thở trong thể hiện bài hát:

Trên thực tế, để vận dụng hơi thở tốt, phù hợp với câu hát, trước tiên cần hướng dẫn SV đánh dấu những chỗ lấy hơi và ngắt hơi trong bài. Tập lấy hơi, nén hơi, sao cho hơi thở dài, không bị yếu hơi ở những giai đoạn đóng chữ rung giọng. Trong suốt quá trình khởi chữ - mở chữ và đóng chữ cần giữ hơi thở đều, liên tục, không đẩy hơi ra nhiều quá ở giai đoạn khởi chữ và mở chữ, như vậy hơi thở mới không bị hụt hơi ở giai đoạn đóng chữ để tiếp tục ngân rung, luyện tròn chữ ở giai đoạn cuối của câu hát. Chú ý, trong quá trình hát, cần giữ hơi liên tục, không ngắt hơi nhiều lần, nếu không sẽ làm cho câu hát bị cứng, không liên tiếng, ngân rền và rung giọng bị hạn chế. Dưới đây là hướng dẫn luyện hơi thở cho làn điệu *Đào liễu* Chèo cổ.

Ví dụ số 20:

### ĐÀO LIỄU

(Trích) Người hát: NSND Đoàn Thanh Bình

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 21.9.2017

Vừa phải – Trữ tình

Đào liễu có một í í mình

Em đi đâu ới cô nàng ới đào liễu có một í í mình

Trong trích đoạn trên cần lấy hơi ở ô nhịp 5 và 11. Giữ cột hơi đều, liên tục ở hơi thở ngực và kết hợp hơi bụng. Chú ý, cần tăng cường hơi thở, nén cột hơi xuống phần bụng trên (ức ngực) ở những chỗ có sử dụng dấu luyến đi lên như chữ *đào*, *liễu*, *ới* giúp câu hát không bị yếu, hụt hơi khi luyến lên nốt cao. Với những chỗ sử dụng đảo phách ở ô nhịp 7, 8, sau các chữ *nàng ới*, *liễu* cần giữ hơi thở đều, liên tục, không được ngắt hơi làm cho câu hát bị vụn vặt, mất liên giọng/ tiếng, khó nhân vuốt và âm thanh sẽ bị cứng.

#### 4.2.1.3. Luyện tập vị trí âm thanh

Vị trí âm thanh của Chèo, Quan họ đều tập trung chủ yếu ở khoang miệng, mặc dù vậy, khoảng vang âm thanh của hai thể loại này cũng có những điểm khác

biệt, bởi vậy, ở mục này, chúng tôi tách riêng phương pháp hướng dẫn luyện tập vị trí âm thanh của Chèo và Quan họ.

*\* Với hát Chèo*

Đặt vị trí âm thanh ở khoang miệng, khoảng giữa lưỡi, tạo vang ở miệng, cổ và một phần ở ngực, mũi, không đặt vị trí âm thanh cao, nông, tạo vang ở trán và đầu như lối hát của thanh nhạc cổ điển thánh phòng. So với Quan họ, vị trí âm thanh của Chèo cổ được đặt cao và nông hơn ra phía ngoài gần đầu lưỡi.

Với âm khu thấp, hướng dẫn SV hát bằng giọng thật, vị trí âm thanh cần được đặt sâu ở cuống lưỡi tạo vang ở cổ, ngực. Với âm khu cao, vị trí âm thanh cần đặt ở khoảng giữa lưỡi, tạo vang ở khoang miệng, đến giai đoạn đóng tiếng, vị trí âm thanh treo cao, luyện lên hốc mũi để thuận lợi cho quá trình ngân nẩy hạt và rung gẩy khúc, cảm giác âm thanh nghe lạnh lạnh, gần giống cách hát giọng giả thanh (giọng mũi, giọng mé), theo đúng chất của lối hát cổ.

Để thực hiện được, GV cần cung cấp kiến thức lí luận về vị trí âm thanh, giúp cho SV nhận biết, đánh giá được vị trí âm thanh của Chèo so với Quan họ và với các thể loại dân ca khác. Chẳng hạn, luyện tập với làn điệu *Chức cảm hồi văn*, GV có thể hát câu “Chàng đi thú vâng lời ì Hoàng chiếu í ì” với 2 cách khác nhau về vị trí âm thanh: cách thứ nhất theo kiểu của Quan họ và Ca trù; cách thứ hai theo đúng vị trí âm thanh của Chèo (đã trình bày ở mục yêu cầu kĩ thuật). Từ đó, hướng dẫn gợi mở cho SV nhận xét, so sánh để thấy sự khác biệt và nhận định về âm thanh đúng của Chèo.

Ví dụ 21:

CHỨC CẢM HỒI VĂN

(Trích)

Người hát: Cụ Cả Tam

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Ở ví dụ trên, câu hát thứ nhất gồm 5 ô nhịp đầu, vị trí âm thanh được tạo vang ở ngực, cổ và khoang miệng, riêng chữ *chiếu* khi đóng chữ đưa âm thanh

rung ngân lên mũi. Câu thứ 2 từ ô nhịp 6 - 12, giai điệu phát triển cao hơn, vị trí âm thanh được hát nông ra ngoài, tạo vang ở khoang miệng và vòm mũi để ngân rung, cảm giác như pha giọng giả thanh. Cần chú ý những chỗ giai điệu có sử dụng luyến, lách đi lên, hoặc những chỗ có độ ngưng nghỉ dài về trường độ như chữ: *Hoàng, chiếu i, thiếp i, tiễn*, giai đoạn khởi chữ, âm thanh vang ở cổ, miệng. Giai đoạn mở chữ, âm thanh chủ yếu tạo vang ở khoang miệng. Giai đoạn đóng chữ, âm thanh được ngân vang lên ở khoang mũi, đóng khẩu hình và ngân rung giọng.

*\* Với hát Quan họ*

Đặt vị trí âm thanh ở khoang miệng, khoảng giữa lưỡi và gần cuống họng để thuận tiện cho quá trình nảy hạt, tạo vang. Khi nảy hạt, vị trí âm thanh được đưa sâu vào trong cổ họng, khoảng vang ở ngực, ở cổ họng, giúp âm thanh có độ vang sáng, tròn đầy, thuận lợi khi hát vang - rền - nền - nảy theo đúng chất của người Quan họ.

Vị trí âm thanh cần được đặt ở khoảng giữa lưỡi, tạo vang khoang miệng, không đẩy âm thanh lên vòm trên (hàm ếch), như trong hát cổ điển thính phòng, nhạc trẻ; không được mở to khẩu hình sẽ bị đẩy vị trí âm thanh nông về phía trước, như vậy sẽ không thể luyến, lách tạo độ rền, vang và nảy hạt.

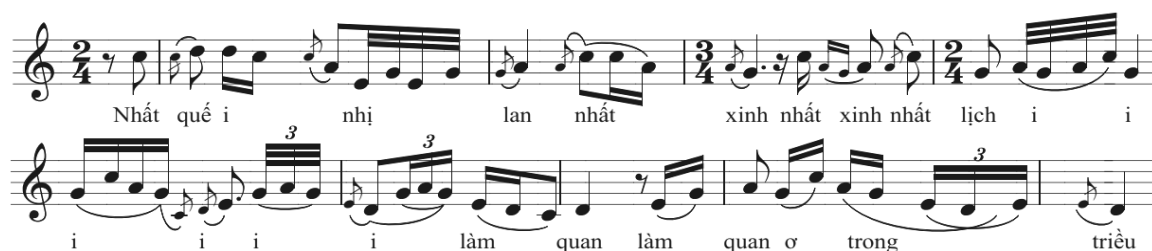
GV hỗ trợ để SV hình thành khả năng phân biệt, xác định được vị trí âm thanh của Quan họ, so sánh với Chèo và các thể loại khác để thấy sự khác biệt của các thể loại, qua đó sáng tỏ hơn cách hát đặc trưng của Quan họ. Tương tự như Chèo, cho SV nghe làn điệu dân ca mẫu để xác định vị trí âm thanh, chẳng hạn như bài *Nhất quế nhị lan*.

Ví dụ số 22:

**NHẤT QUẾ NHỊ LAN**

(Trích) Người hát: Cụ Hồng ở Ngang Nội

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 30.10.1974



GV có thể hát mẫu làm ví dụ để SV nhận biết và xác định được âm thanh đúng của Quan họ, có thể hát so sánh với vị trí âm thanh của lối hát cổ điển thính phòng thì sẽ dễ dàng nhận biết hơn.

Từ kiến thức hiểu biết, xác định được vị trí âm thanh, SV nhận biết đúng, sai và tự đánh giá, so sánh được âm thanh đúng chất, đạt tiêu chuẩn theo cách hát Quan họ. Qua đó, SV có thể tự luyện tập, đặt vị trí âm thanh chính xác theo cách hát đặc trưng của Quan họ. Chẳng hạn, với câu hát trên, GV cho SV luyện cách thống nhất vị trí âm thanh trên một âm khu và được tạo vang ở cổ và miệng.

#### 4.2.2. Phát âm - nhả chữ, luyện chữ và xử lý thanh điệu

##### 4.2.2.1. Luyện tập phát âm - nhả chữ

Để SV hiểu và nắm được cách phát âm - nhả chữ của Quan họ, Chèo cũng như những thể loại dân ca khác, việc trang bị kiến thức về kỹ thuật hát là rất quan trọng, giúp SV hiểu, nhận biết được những đặc trưng cơ bản của hát Quan họ, Chèo, từ đó vận dụng vào thực hành luyện tập. Sở dĩ, cần cung cấp kiến thức về cách phát âm - nhả chữ, bởi vì mỗi thể loại có những đặc trưng tạo nên lối hát riêng. Chính vì vậy, phát âm - nhả chữ có thể coi là chìa khóa để tìm ra cách xử lý kỹ thuật hát đặc trưng riêng của từng thể loại.

Cần sử dụng phương pháp truyền thụ kiến thức lý luận, giảng giải một cách khoa học những khái niệm, đặc trưng về cách phát âm - nhả chữ, nhận diện sự khác biệt giữa hai cách hát Quan họ và hát Chèo; so sánh hai thể loại với nhau và với các thể loại khác để SV thấy được điểm tương đồng, khác biệt trong cách phát âm - nhả chữ của mỗi thể loại dân ca. Với bài Quan họ dưới đây, GV hát câu Bì, phân tích cách phát âm - nhả chữ cho SV. Sau đó, hướng dẫn SV thực hành luyện tập:

Ví dụ số 23:

LÊN NÚI BA VÌ

(Trích) Người hát: Cụ Lượng, Cu Sĩ ở Xuân Ổ

Ghi âm: Hồng Thao ngày 28.4.1975.



Phát âm - nhả chữ của Quan họ được nhấn mạnh trong quá trình ngân rung, luyện, láy, nảy hạt, vang rền ở giai đoạn mở chữ. Với chữ *bâng*, *khuâng*, *nhớ*, *cảnh* sẽ được hát là: *bâ...â â â...âng*, *khuâ...â â â...âng*, *nhơ...ớ ớ ớ..*, *ca...ả ả ả...ảnh*.

Phát âm - nhả chữ của Chèo được nhấn mạnh trong quá trình ngân rung, luyện, láy, nảy hạt ở giai đoạn cuối đóng chữ. Chẳng hạn, chữ *bâng*, *khuâng*, *nhớ*,

cảnh sẽ được hát là: *bâ...â...âng âng âng...iiii, khuâ...â....âng âng âng...iiii, nơ...ớ...ớ ớ...iiii...., ca...ả...ảnh ảnh ảnh...iiii.*

#### 4.2.2.2. Luyện tập hát luyện chữ

Kỹ thuật hát *luyện chữ*, thực chất là làm cho câu hát được *tròn vành*, cùng với xử lý thanh điệu để đạt yêu cầu làm *rõ chữ* theo tiêu chí của hát Chèo và hát Quan họ. *Tròn vành - rõ chữ* hay còn gọi là *tròn tiếng - rõ lời*, là kết quả của kỹ thuật *luyện chữ* và *xử lý thanh điệu* trong hát Chèo và hát Quan họ.

Hát luyện chữ đòi hỏi phải gắn kết được giai điệu luyện vượt mềm mại giữa các bước đi liên bậc, nhảy quãng lên, xuống nối tiếp liên nhau trong một chữ và từ chữ này sang chữ kia, làm cho câu hát được quện rền tiếng. Kỹ thuật hát luyện chữ cần điều tiết hơi thở ổn định, khẩu hình và vị trí âm thanh trong khi luyện từng chữ phải phân tách đều thành ba giai đoạn: Khởi chữ, mở chữ và đóng chữ.

Về hơi thở, cần điều tiết cột hơi ổn định, tránh tổng hơi ra quá nhiều ở những nốt luyện đi lên. Giữ hơi thở đều đến cuối của quá trình luyện về đóng tiếng.

Về vị trí âm thanh chú trọng tới 3 giai đoạn luyện chữ. Giai đoạn đầu, luyện chữ được đặt vị trí âm thanh trong khoang miệng, khoảng giữa lưỡi. Giai đoạn 2, luyện lên, xuống, vị trí âm thanh có xu hướng đẩy dần ra phía ngoài gần đầu lưỡi. Kết thúc quá trình luyện âm, vị trí âm thanh lại lùi về vị trí ban đầu. Khi luyện giữa 2 chữ, âm thanh phải giữ ổn định, không được thay đổi giữa giọng thật với giọng giả thanh.

Để hát được kỹ thuật luyện chữ, SV cần xác định được những chỗ có sử dụng cách hát luyện chữ trong từng bài cụ thể. Chẳng hạn như làn điệu Chèo *Con nhện giăng mùng*:

Ví dụ số 24: CON NHỆN GIĂNG MÙNG

(Trích) Người hát: NSND Ngô Thị Thanh Hoài

Vừa phải – Tha thiết

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 23.9.2017

Ai đem con nhện nó mấy giăng i i mùng i đem

6 năm trống canh một mình thiếp tôi i chịu hời chàng i chàng ơi



Nhìn vào điệu *Con nhện giăng mùng*, chúng ta thấy kỹ thuật luyện, láy được thể hiện ở các chữ: *nhện, nó, i, trống, canh, thiếp, chịu, hơi, chàng, ơi, năm, trống, chịu*. Sau khi nhận định được kỹ thuật luyện, láy được thể hiện ở các chữ trong từng câu, bài hát, chúng ta xác định những chỗ có sử dụng luyện âm và các chữ mang thanh điệu gì để áp dụng cách hát cho phù hợp.

Khi xác định được những chỗ được hát luyện, láy chữ, GV giúp SV dựa vào thanh điệu để áp dụng kỹ thuật luyện cho phù hợp với từng chữ. Ở ví dụ trên, chữ: *nhện, nó, i, trống, canh, thiếp, chịu, hơi, chàng, ơi, năm*, các chữ có sử dụng dấu luyện mang thanh nặng và hỏi như chữ *nhện, chịu* (thanh nặng) sẽ được luyện xuống rồi mới láy âm luyện lên. Với những chữ có thanh sắc, không dấu, ngã, huyền như các chữ *trống, canh, thiếp, hơi, chàng, ơi, năm* thì lại được luyện lên rồi mới đổ xuống. Chẳng hạn, khi hát chữ *trống*, giai đoạn đầu sẽ được luyện từ thanh không -trô, tiếp tục giữ hơi, giữ vị trí âm thanh, đồng thời nhấc từ từ khẩu hình ở mở chữ để luyện âm đi lên -ố, rồi mới láy đổ xuống liền tiếng, tạo thành 1 vòng tròn, về đóng chữ -ống tạo thành chữ trống.

#### 4.2.2.3. Luyện tập xử lý thanh điệu

Hát Chèo và hát Quan họ có hai cách phát âm - nhả chữ, liên quan đến tính chất âm nhạc, chi phối cách xử lý thanh điệu như sau: Đối với những làn điệu hát nhanh, vui, rộn ràng, hài hước... thì khi hát, cả 3 giai đoạn được phát âm giống nói, đọc, vào thẳng thanh điệu ở khởi chữ. Với những làn điệu ngâm ngợi, vìa, bi, trữ tình, sâu lắng... có tốc độ chậm, ngân nga nhiều thì khi hát ở khởi chữ, thanh điệu thường được hát từ thanh không, hoặc đôi khi là thanh huyền; mở chữ, hát nguyên âm chính; đóng chữ tiếp tục luyện, láy đuôi nguyên âm, phụ âm cuối luyện về thanh điệu của chữ để rõ lời ca.

Để xử lý đúng thanh điệu trong hát Chèo và hát Quan họ, cần hướng dẫn SV phải đảm bảo 2 yêu cầu sau: Một là đảm bảo rõ chữ và hai là đảm bảo độ vang sáng cho câu hát.

- *Đảm bảo rõ chữ:*

Khi xử lý thanh điệu, để đạt được rõ chữ cần hướng dẫn SV hát luyện, láy sao cho thật tròn vành (luyện tròn chữ theo một vòng tròn). Như vậy, tiếng hát mới đạt tiêu chuẩn tròn tiếng – rõ lời theo lời hát Chèo, Quan họ, cũng như các thể loại dân

ca khác. Chẳng hạn, hát chữ *cho* phải là *cho*, chứ không được là *chó*, *chò*..., chữ *gọi*, phải là *gọi*, chứ không được là *gói*, *goi*... Để đáp ứng yêu cầu rõ chữ, cách phổ biến là ở giai đoạn đóng chữ, chẳng hạn chữ *cho* đóng bằng vần -o, chữ *gọi* bằng vần -oi... Đó là nguyên tắc chung, nhưng trong thực tế khi nhấn nhá, nảy hạt, xử lí có phần phức tạp hơn và cần chú ý đến mỗi trường hợp cụ thể để có cách xử lí thanh điệu cho phù hợp.

- *Đảm bảo độ vang:*

Cần hướng dẫn cho SV nắm được cách hát “rõ chữ”, mà vẫn bảo đảm độ vang, rền. Trong thanh điệu tiếng Việt, thanh sắc và thanh không có độ vang tốt hơn các thanh nặng, ngã, huyền, hỏi. Như vậy, cần phải biết đâu là những thanh điệu có độ vang kém, để hát cho rõ thanh điệu, cho tiếng hát vẫn có độ vang, trong khi khẩu hình không được mở quá to để luyến. Trong 6 thanh điệu, thanh hỏi và nặng có độ vang kém hơn cả. Với hai thanh hỏi và nặng, khi hát phải luyến đi xuống rồi mới lách đi lên theo một vòng tròn, giúp câu hát vừa có độ vang, không bị cứng, thô, lại rõ về thanh điệu. Đối với thanh sắc, bắt buộc khi luyến âm, thanh điệu phải luyến đi lên. Bởi vậy, khi xử lí thanh điệu cần dựa vào phát âm - nhả chữ với 3 giai đoạn khởi chữ - mở chữ - đóng chữ của Chèo, Quan họ mới đảm bảo câu hát được *tròn vành - rõ chữ*.

Để câu hát được rõ lời ca với độ vang sáng tốt ở tất cả thanh điệu, thì giai đoạn khởi chữ thường được hát với thanh ngang, tức là ở khu vực trung, rồi tiếp tục ngân rung và luyến lên cao hoặc xuống thấp ở giai đoạn mở chữ, chẳng hạn chữ *đào* được hát khởi chữ là *đà* (thanh không) rồi luyến xuống - à - ào thành *đào*; với chữ *có* thì khởi chữ thường là *co* với thanh không, rồi đi lên âm ó để thành *có*. Cách hát như vậy thì rõ về thanh điệu, độ vang, sáng tốt, mềm mại, không bị cứng, thô. Tuy nhiên, điều đó cũng còn tùy thuộc giai điệu cụ thể của bài hát.

#### **4.2.3. Rèn luyện kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo**

Ở chương 2 đã nêu, Hát Chèo có những đặc trưng trong kĩ thuật hát như: *hát liền hơi, nhấn, ngắt, rung giọng và nảy hạt*, đó chính là những yêu cầu cần phải đạt tới của kĩ thuật hát khi hướng dẫn luyện tập cho SV.

#### 4.2.3.1. Luyện tập hát liền hơi

Muốn hát được liền hơi thì trong câu hát cần ngân rung đều đều, liên tục, giai điệu nối tiếp nhau giữa các âm, kết hợp luyện, lách chữ tạo đường cong uốn lượn, nhấn vuốt bắt từ dưới lên, lảng từ từ trên xuống và ngược lại. Hát Chèo thường sử dụng tiết tấu đảo phách, nghịch phách nhiều và đây cũng là tiết tấu đặc trưng, đòi hỏi người hát phải nắm vững về tiết tấu, nhịp, đặc biệt là nhịp nội và nhịp ngoại.

Hướng dẫn SV thể hiện kỹ thuật hát liền hơi như sau:

Nén hơi thở tốt, với những đoạn luyện cần vuốt đưa hơi thở nhẹ, luyện từ thấp đến cao, hoặc quãng chuyển giọng, những đoạn nhảy xa, phải tăng cường hơi thở, nén hơi xuống bụng trên. Khẩu hình mở vừa phải, không mở rộng trong miệng, khi nhắc khẩu hình lên cần giữ vị trí âm thanh ổn định và có xu hướng đẩy ra ngoài để đưa lên mũi, tránh mở to, nhỏ đột ngột, làm cho câu hát bị đứt, cứng, mất đi sự mượt mà, đều giọng.

Ví dụ số 25: Hát liền tiếng/liền hơi với câu *Via con tò vò*

Mẫu 2:

CON TÒ VÒ

(Trích)

Người hát: Cụ Trùm Thịnh

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

Via - tự do

i i tôi buồn rầu buồn rĩ i i buồn ni i i tôi buồn i

i i non ới ai ới tôi buồn vì một nỗi i tôi thương con tò i i i vò

Hát liền tiếng, rung đều giọng, liên tục chuỗi âm thanh nối tiếp nhau ở tất cả các chữ trong một hơi. Đặt âm thanh ở khoang miệng, đồng thời điều tiết và khống chế hơi thở đến cuối câu hát. Luyện từ nốt thấp lên nốt cao, như hát chữ *ri, ni, ới, nỗi, hơi* phải giữ hơi thở đều, khẩu hình mở nhỏ, ngang, không được rộng trong cổ như ngáp. Khi nhắc khẩu hình để luyện âm, cần giữ vị trí âm thanh, mở khẩu hình từ từ để giữ nốt thấp làm điểm tựa luyện lên nốt cao, rồi từ nốt cao xuống thấp như chữ *tôi, rầu, tò* cần giữ vị trí nốt cao để luyện xuống âm thấp nhẹ nhàng, kết hợp rung giọng đưa âm thanh lên mũi.

Hát liền hơi, liền tiếng kể cả những chỗ có đảo phách/nhịp ngoại đề âm thanh đạt được độ liền giọng trong một hơi Chèo.

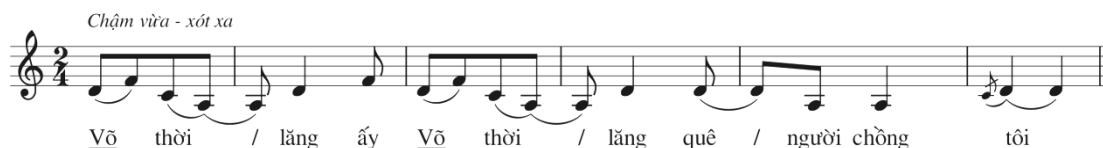
Ví dụ số 26:

TRẦN TÌNH

(Trích)

Người hát: Cụ Trùm Thịnh

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Với những chỗ đảo phách, nối âm từ chữ trước sang chữ sau hoặc câu hát sau, như các chữ *thời*, chữ *quê* ở ví dụ trên, không được hát ngắt ra, mà phải giữ liền hơi.

GV cần chú ý SV hát liền tiếng giữa từng chữ nối tiếp nhau, kết hợp với 3 giai đoạn khởi - mở - đóng chữ. Chú ý, khi đóng tiếng hát của chữ trước thì lại nối tiếp khởi tiếng của chữ sau, tập như vậy cho đến cuối câu, tạo nên sự hòa quyện, liền giọng, liền hơi, mềm mại cho câu hát.

#### 4.2.3.2. Luyện tập hát nhấn, ngắt

Hát nhấn đòi hỏi khi xử lý phải nhấn hơi thở để làm tăng cường độ và trường độ, nhắc lại chữ/ca từ có nghĩa trong câu nhằm sáng tỏ vai trò ngữ nghĩa của từng chữ. Khi hát cần nhấn vào từng âm, cũng có khi, nhấn vào chữ trước để kéo sang ngắt ở chữ sau, hoặc, hát nhấn để vượt luyến chữ. Hát ngắt đòi hỏi phải xử lý ngắt hơi thở, tạo cho âm thanh có độ dứt tiếng nhanh, đột ngột và thường diễn ra sau nhấn chữ.

Sự kết hợp kỹ thuật hát nhấn, ngắt thường được sử dụng ở những làn điệu vui, lạc quan, có nhiều âm hình tiết tấu đảo phách và được xen vào những dấu ngắt nghỉ đột ngột. Kỹ thuật nhấn âm thanh khi đứng độc lập thường được sử dụng với câu/ điệu hát ngâm ngợi, tự sự..., nhờ kỹ thuật nhấn nhá chữ, người hát có thể biểu đạt rõ hơn ý tứ của lời thơ, âm nhạc và tính cách nhân vật...

Trước khi vào hát làn điệu/bài cụ thể, có thể sử dụng mẫu sau để luyện kỹ thuật hát nhấn, ngắt hơi thở cho SV:

Ví dụ số 27:



Với mẫu này, cần luyện khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở theo cách phát âm - nhả chữ của Chèo (đã trình bày trong mục khẩu hình - vị trí - hơi thở ở chương 2). Hướng dẫn SV hát kết hợp giữa kỹ thuật nhấn và ngắt âm thanh, nhấn vào nốt đứng trước rồi ngắt vào nốt sau. Chẳng hạn, ô nhịp 1, nhấn vào c<sup>1</sup>, luyện vuốt âm thanh lên d<sup>1</sup> rồi ngắt tiếng hát đột ngột. Luyện như vậy cho đến khi kết thúc mẫu âm trên và luyện một vài lần trước khi vào bài hát.

Để hát được kĩ thuật nhấn, ngắt, cần luyện tập cho SV: lấy hơi nhanh, nén, giữ hơi thở xuống phần bụng trên; chú ý khẩu hình không mở rộng bên trong vòm miệng; vị trí âm thanh ở khoảng giữa lưỡi và có xu hướng đưa dần ra đầu lưỡi để đẩy âm thanh bật ra ngoài được nhẹ nhàng, linh hoạt. Đồng thời, buông lỏng hàm dưới, hát với tốc độ nhanh vui, nhấn, vuốt âm thanh, ngắt hơi sau khi đóng tiếng hát.

Chẳng hạn, với điệu *Đò đưa*, kĩ thuật ngắt hơi, ngắt âm thanh được biểu hiện ở dấu lặng đơn, lặng đen. Nhấn vào chữ *phách* rồi ngắt sau nguyên âm *i* (dấu lặng đơn) để nhấn, nhắc lại chữ *phách* lần 2 cho rõ nghĩa:

Ví dụ số 28:

ĐÒ ĐƯ'À

(Trích)

Người hát: Bà Minh Lí

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Kĩ thuật nhấn vuốt trong hát Chèo được thể hiện bằng cách hát nhấn chữ, có tác dụng làm cho cường độ âm thanh được to, mạnh lên. Đôi khi, nhấn, vuốt còn làm rõ ngữ nghĩa của chữ, nhấn vào chữ trước để vuốt âm thanh ở chữ sau... Thông thường, nhấn, vuốt được hát ở lời thơ chính, hoặc những từ có nghĩa (theo cảm nhận của người hát để biểu đạt cảm xúc cá nhân). Trong điệu *Đò đưa*, những chữ *Chèo, mở, lái, ra, phách, phách nhất* được nhấn, nhắc lại hai lần trong câu hát. Những chữ, âm như *i, này, ai, ơi* dùng để đệm nghĩa, đệm lót đưa hơi, làm nền cho lời thơ chính được sáng rõ hơn.

#### 4.2.3.3. Luyện tập hát rung giọng

Kĩ thuật hát rung giọng thường thấy xuất hiện nhiều ở những làn điệu không nhịp hoặc nhịp tự do như *vãi, ngâm, sử, kể hạnh, rĩ vong*. Ngoài ra, rung giọng còn được biểu hiện ở các điệu Chèo có tính chất trữ tình, nội tâm sâu lắng. Yêu cầu của rung giọng là thực hiện ở giai đoạn sau đóng chữ/đóng tiếng hát, theo kiểu láy đuôi chữ; rung uốn lượn như kiểu rung gẩy khúc.

Để thực hiện kĩ thuật rung giọng, cần cho SV luyện với 3 giai đoạn khi phát âm một chữ:

- Giai đoạn khởi chữ, hát bằng giọng thật, âm thanh được tạo vang ở miệng. Khẩu hình mở nhỏ, tự nhiên, đồng thời giữ hơi thở ổn định, không đẩy hơi ra nhiều ở giai đoạn đầu - khởi chữ.

- Giai đoạn mở chữ, hát giọng thật, âm thanh vang lên ở khoang miệng. Khẩu hình mở to hơn so với giai đoạn đầu, đồng thời điều tiết hơi thở để luồng hơi không bị đẩy ra mạnh, giữ hơi thở đến hết đóng chữ.

- Giai đoạn đóng chữ, hát giọng thật có pha giọng giả thanh khi rung giọng. Giai đoạn đóng tiếng hát, khẩu hình dần đóng lại ở cuối chữ, khi ngân rung, khẩu hình đóng lại hoàn toàn và âm thanh được đưa lên hốc mũi để ngân rung giọng. Kĩ thuật ngân rung giọng diễn ra ở cuối chữ hoặc câu hát, nên hơi thở hay bị đuối nếu không giữ hơi tốt. Bởi vậy, giai đoạn khởi, mở chữ, cần biết nén, giữ hơi thở ổn định để cột hơi không bị đẩy ra mạnh, tránh bị hết hơi ở cuối đóng chữ, làm cho khi ngân rung giọng bị yếu, luyến bị non và hụt hơi.

Trước khi vào hát làn điệu/bài cụ thể, có thể sử dụng mẫu sau để luyện kĩ thuật rung giọng:

Ví dụ số 29:



*i..... i ..... i ..... i ơ..... i ơ..... ơ ơ.....*

Hướng dẫn SV ngân và rung giọng liên tiếng với từng nguyên âm và đều giọng trong một hơi thở; lấy hơi một cách từ từ và nén xuống phần bụng trên (gần ức ngực) ở các ô nhịp 1, 3 và 5; đưa âm thanh lên mũi để tạo vang ở hốc mũi, tức là hát giọng mũi, giọng mé.

Trong câu Vía của điệu *Quân tử vu dịch* dưới đây, kỹ thuật rung giọng được diễn ra ở những chỗ có trường độ được kéo dài như nốt đen, có kí hiệu mắt ngỗng, những chỗ có dấu láy rung, ở nguyên âm *i* đứng đằng sau chữ *em oi ii, bền ii, Hoàng ii, thiên ii*:

Ví dụ số 30:

### QUÂN TỬ VU DỊCH

(Trích)

Người hát: Bà Minh Lý

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

Vía - Tự  
(Dương Lễ)

Em oi i i khuyên em chí vững gan i i bền i

(Châu Long)

Anh oi i i em bước chân đi nguyện có Hoàng i i i i thiên

Tập cho SV rung giọng theo từng chữ, từng câu hát, tập riêng từng nguyên âm *iiii* trên cùng cao độ ở các chữ *em, oi, bền Hoàng, thiên...* Chú ý, ở những chỗ có sử dụng hát rung giọng, cần ngân đều, liên tục, lăn tăn như làn sóng để tạo độ rung gãy khúc, không rung to, đưa âm thanh lên mũi và hát liền tiếng.

#### 4.2.3.4. Luyện tập hát nảy hạt

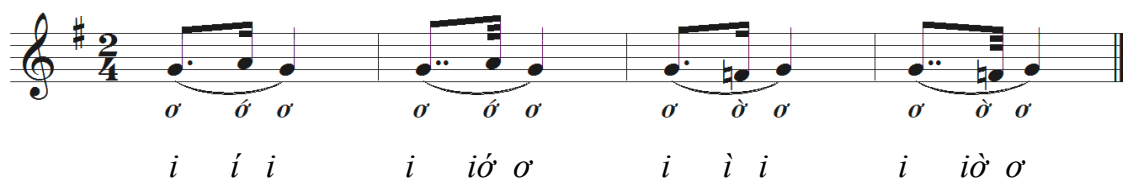
Do hát nảy hạt có đặc điểm âm thanh được phát ra sâu trong cổ họng, từng hạt được kế tiếp nhau, liên tục với hạt nảy to và sâu trong cổ, nên yêu cầu về vị trí nảy hạt bật ra ở giai đoạn sau của đóng chữ, được hát song song với quá trình rung giọng.

Để hát nảy hạt, khẩu hình cần mở vừa phải, hạ thấp hàm dưới sao cho phù hợp với từng âm nảy hạt (*hư, ơ, i, a...*), cuống lưỡi và cằm hạ thấp xuống, cảm giác như hơi bị nghẹn ở cổ, đầu lưỡi đặt ở chân răng hàm dưới, làm điểm tựa cho âm thanh bật tốt. Về vị trí âm thanh, cần đặt sâu trong cổ, tùy thuộc vào nguyên âm của từng chữ. Nếu là âm *hư ư*, âm nảy đặt sâu trong họng, tạo vang ở khoang miệng, còn nguyên âm *ơ, a ii, íơ...* được đặt vị trí nông hơn, hút ra bên ngoài, khoảng giữa lưỡi. Khi nảy hạt thì hát sâu trong cổ để hạt bật thanh rồi đưa lên vòm mũi tiếp tục ngân rung giọng. Về hơi thở, cần lấy hơi sâu, không chế ở phần ngực dưới (phần ức ngực), dùng lực hơi thở nén, ép mạnh luồng hơi xuống phần ngực, một phần ở bụng

trên, tạo sức bật của cột hơi tác động vào dây thanh đới và hạt được nảy ra cùng sức bật của cột hơi.

Có thể cho SV luyện nảy hạt với các nguyên âm ơ, i, í, ờ, kết hợp với những âm hình tiết tấu như sau:

Ví dụ số 31: Nảy hạt bật lên, đổ xuống



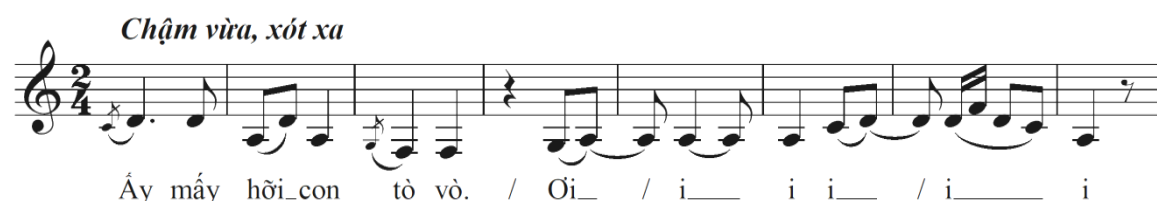
Với nguyên âm ơ, hát nảy lên thành âm ớ, rồi đổ xuống thành âm ờ. Với nguyên âm i, nảy lên thành âm í, đổ xuống thành âm ì. Khi hát hai nguyên âm iơ thì nảy lên thành iớ và đổ xuống thành iờ. Áp dụng vào làn điệu cụ thể như sau:

Ví dụ số 32: CON TÒ VÒ

(Trích)

Người hát: Cụ Trùm Thịnh

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh



Với câu hát trên của làn điệu *Con tò vò*, âm nảy hạt rơi vào những chỗ có trường độ được kéo dài như nốt đen và thường vào phách mạnh ở các chữ *ấy, tò, vò, oi, i*. GV hướng dẫn SV cần tìm hiểu thanh điệu ở các chữ nảy hạt để áp dụng cách xử lí trong quá trình ngân nảy hạt. Với những chữ mang thanh điệu *sắc, huyền, ngã, không*, âm nảy hạt được *nảy lên* như chữ *ấy, tò, vò, oi*. Những chữ mang thanh điệu *nặng và hỏi*, khi nảy hạt phải *đổ xuống*.

Với chữ *ấy*, giai đoạn khởi chữ là *â*, mở chữ *á*, đóng chữ *áy* và nảy hạt diễn ra sau quá trình đóng tiếng của chữ *ấy í i*. Với chữ *tò*, giai đoạn khởi chữ là *to*, mở chữ *ò*, đóng chữ *òòò* và nảy hạt diễn ra sau quá trình đóng tiếng của chữ *tò ó ò...*

Trên đây là những phương pháp rèn luyện kĩ thuật của hát Chèo cho SV. Tuy nhiên, khi vào từng làn điệu cụ thể, cần chú ý đặc điểm tính chất âm nhạc và đặc điểm của nhân vật mà áp dụng linh hoạt các kĩ thuật sao cho phù hợp.



#### **4.2.4. Rèn luyện kỹ thuật hát đặc trưng của Quan họ**

Hát Quan họ đặt ra tiêu chuẩn âm thanh gồm 4 đặc trưng là *vang - rền - nền - nảy*. Đây là những yêu cầu cần phải đạt tới của kỹ thuật hát như một tiêu chí hàng đầu để đánh giá về thẩm mỹ, kỹ năng của lối hát Quan họ. Để SV có thể hát tốt Quan họ, cần cung cấp kiến thức lý luận về kỹ thuật hát, trên cơ sở nắm được những yêu cầu về kỹ thuật, nhận diện, phân biệt được âm thanh đúng chất, qua đó giúp SV đề ra các bước rèn luyện kỹ thuật để hoàn thiện kỹ năng hát Quan họ.

##### **4.2.4.1. Luyện tập kỹ thuật hát vang**

Như ở chương 2 đã nêu, vang là kết quả cộng hưởng của miệng hát để khuếch đại âm thanh, tạo ra âm lượng lớn. Vang của Quan họ được tạo ra chủ yếu bởi hát giọng thật, kết hợp với kỹ thuật luyện, lấy, ngân rung ở giai đoạn mở chữ.

Để âm thanh có độ vang cần hát chậm, khẩu hình mở vừa phải phù hợp với các nguyên âm của từng chữ. Đồng thời, lấy hơi thở sâu xuống lồng ngực, một phần ở bụng trên, điều tiết hơi ổn định.

GV hướng dẫn SV tập nhiều lần về hơi thở, cách mở, đóng khẩu hình và đặt vị trí âm thanh, tránh lạm dụng cách hát thính phòng, nhạc nhẹ để tạo vang trong hát Quan họ, đặc biệt là kỹ thuật mở khẩu hình và đặt vị trí âm thanh. Mặt khác, cần tập luyện, ngân rung giọng ở các nguyên âm chính của chữ, để âm thanh vừa có độ vang, lại có cả độ rền trong tiếng hát.

Hướng dẫn SV mở khẩu hình vừa phải, sao cho phù hợp với các nguyên âm ở giai đoạn mở chữ, hàm dưới buông lỏng tự nhiên, môi trên hơi nhấc lên cao, cảm giác như đang cười, đồng thời hạ cuống lưỡi xuống thấp sâu vào cổ họng, cảm giác như bị nghẹn, đầu lưỡi để sát chân răng hàm dưới.

Đặt vị trí âm thanh sâu, hạ thấp vào khoảng giữa lưỡi và tiến về trong cổ để âm thanh đạt độ vang, sáng. Đồng thời, lấy hơi thở xuống lồng ngực, một phần ở bụng trên và khống chế cột hơi ở phần ngực dưới tiếp giáp với phần bụng trên (phần ức ngực), dùng lực hơi thở nén sâu, ép mạnh luồng hơi xuống phần ngực, tạo sức bật cho âm thanh.

Cách tạo âm thanh vang trong hát Quan họ có phần khác với thanh nhạc mới và các thể loại dân ca. Ở âm khu thấp, hát bằng giọng tự nhiên, khi lên cao có thể pha giọng giả thanh, nhưng âm thanh vang lên vẫn ở vòm miệng, chứ không đưa lên trán và đầu. Giọng thật được phát thanh ra bởi hai âm khu tạo vang - là ngực và họng, nên âm lượng to, tròn đầy. Mặt khác, *vang* trong Quan họ còn được tạo nên

bởi cách luyện, láy, tuyền giai điệu phát triển liên tục, nhờ vào nghệ thuật hát nhấn nhá, cùng với sự nối tiếp bởi các tiếng đệm - nguyên âm, đồng thời kết hợp với cách ngân rền của các nguyên âm. Với những chữ mang thanh điệu có độ vang kém, như nặng, huyền, hỏi, ngã, thì giai đoạn khởi chữ, mở chữ thường được hát ở khu vực trung và cao - là những khu vực có độ vang tốt và chỉ trở về khu vực trầm ở giai đoạn đóng chữ. Những chữ mang thanh điệu có độ vang kém còn được hỗ trợ bằng những tiếng đệm - nguyên âm *i, ơ, a, ô, ư...*, làm tăng độ vang của câu hát. Chẳng hạn, có thể luyện kỹ thuật hát luyện, láy tròn tiếng hát, ngân rung giọng để tạo cho âm thanh có độ vang như sau:

Ví dụ số 33: EM LÀ CON GÁI BẮC NINH

(Trích)

Người hát: Cụ Tầu ở Ngang Nội

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 8.2.1973



- Hát giọng thật, vị trí âm thanh có xu hướng lùi sâu vào trong cổ, tạo cho âm thanh có độ vang sáng, tròn tiếng, đầy đặn.

- Hát chữ *đôi, tay, láy, iiii, trầu*, tạo đà cho giai điệu phát triển nhờ vào cách mở chữ ở các nguyên âm *ô, a, o, i, â*, luyện lên, xuống, theo, lướt, làm cho âm thanh vừa có độ vang, mà lại không mất đi độ rền.

- Luyện tròn tiếng ở từng chữ *đôi, tay, láy, coi, trầu*. Chẳng hạn, chữ *đôi* sẽ hát thành *đô + ô ô ô + ôi*, giai đoạn mở chữ *ô ô ô* được luyện tròn tiếng hát, rồi đóng tiếng lại bằng *ôi*. Cách luyện tròn tiếng sẽ làm cho tiếng hát mềm mại, già tiếng hát, tạo độ vang, giai đoạn đóng chữ luyện về đúng thanh điệu để rõ lời ca. Thực hiện như vậy với tất cả các chữ có luyện láy còn lại trong bài hát.

#### 4.2.4.2. Luyện tập kỹ thuật hát rền

Hát *rền* đòi hỏi âm thanh phải rung đều đều, liên tục không dứt, tạo thành chuỗi ngân rung nguyên âm liên tục như những hạt lăn tăn. Để âm thanh có độ rền, ngoài yêu cầu xử lý tốt về hơi thở, tinh tế trong cách mở khẩu hình và linh hoạt trong áp dụng vị trí âm thanh, người hát còn phải kết hợp tốt với hát vang và nảy hạt, biết xử lý nhấn nhá, luyện, láy, làm cho giai điệu liên tục phát triển, như những đường cong mềm mại, liền giọng, liền hơi.

Hướng dẫn SV hát chậm, giữ tư thế và cổ họng mở tự nhiên, không khép họng (vì nếu khép họng, âm thanh sẽ khó có độ vang, ngân rền sẽ cứng, không được liền tiếng và mềm mại). Khẩu hình mở vừa phải, phù hợp với từng tiếng hát cụ thể theo nguyên âm.

Vị trí âm thanh đặt ở khoang miệng, khoảng giữa lưỡi, âm thanh được nhắc lên cao cùng với hàm ếch mềm tạo vang, giữ vị trí âm thanh ổn định, ngân rung các nguyên âm liền tiếng, không bị gãy, không bị buông rơi vị trí, nếu không tiếng hát sẽ bập bõm, lúc lên, lúc xuống, không đồng đều, mất độ rền.

Hơi thở nén xuống lồng ngực, một phần nhỏ ép sâu dưới bụng trên, đồng thời không chế cột hơi ở phần ức ngực, dùng lực hơi thở nén, ép, tạo sức bật cho âm thanh được dài, đủ để ngân rung các nguyên âm được tốt. Chú ý, khi hát rền, phải giữ hơi thở đều, điều tiết hợp lí, không đẩy hơi ra mạnh, làm cho câu hát bị cứng, thô, gãy, mất đi sự mềm mại, liền tiếng, liền hơi.

Kĩ thuật hát rền cần được luyện trên cơ sở ngân rung nguyên âm, cho SV luyện tập hát rền với ngân rung theo mẫu âm dưới đây:

Ví dụ số 34:



Hướng dẫn tập ngân rung các nguyên âm *i, e, ê, a, ơ, ô*. Ngân rung liền tiếng và đều giọng liên tục trong cùng một hơi.

Ngoài ra, luyện kĩ thuật ngân rung tạo rền với lời ca theo từng chữ, từng câu, kết hợp với 3 giai đoạn khởi - mở - đóng chữ:

Ví dụ số 35: NGÔI TỰA SONG ĐÀO

(Trích) Người hát: Cụ Nguyễn Thị Bàn ở Viêm Xá

Ghi âm: NCS Đặng Thị Lan, ngày 4.10.2017



Trong câu hát trên, các chữ *ngồi, rằng, tựa, song, đào* có ba giai đoạn khởi chữ + mở chữ + đóng chữ như sau: *ngô + ô ô ô + ời*; *rã + ă ă ă + ằng*; *tư + ư ư ư + ợa*; *so + o o o + ong*; *đa + ao ao ao + ào*. Thực hiện cách hát rền bằng cách kết hợp hát liền tiếng giữa 3 giai đoạn và ngân rung nguyên âm ở giai đoạn mở chữ (được nhấn mạnh bằng các chữ in nghiêng). Chú ý hát ngân rung liền tiếng giữa các chữ với nhau trong cùng một câu hát, tạo nên sự hòa quện, liền giọng, liền hơi, mềm mại cho câu hát. Luyện tập như vậy trong một chữ và tiếp tục được nối tiếp ở các chữ khác nhau trong cùng một câu, trở hát.

#### 4.2.4.3. Luyện tập kỹ thuật hát nền

Hát *nền* cần thể hiện sự mượt mà, nền nã, ý nhị, tinh tế. Cách hát *nền* đòi hỏi cần phải xử lý tinh tế tiếng đệm sao cho mượt mà, đầm thắm và nền nã, làm cho những âm đệm không át đi, mà còn tôn lên lời thơ, đồng thời vẫn bảo đảm âm thanh giữa tiếng đệm hòa quyện với lời thơ.

Xử lý âm nền cần chú ý một số lỗi thường gặp là hát quá to, làm át đi lời thơ. Ngoài ra, nếu xử lý không khéo tiếng đệm, có thể làm cho câu hát rời rạc, mất đi độ liền tiếng, mềm mại và nền nã.

Để hát nền, khẩu hình cần mở nhỏ, mở ngang như nói (kín miệng). Vị trí âm thanh giữ ổn định, hát được liền hơi, đều giọng, hoà quyện, nối tiếp nhau và không bị đứt quãng giữa lời thơ và tiếng đệm.

Về hơi thở, cần lấy hơi ngực, điều tiết hơi sao cho lượng hơi vừa đủ xử lý sắc thái tình cảm, nền nã của tiếng đệm, tương quan hợp lý với lời thơ. Hát âm nền cần khéo léo giữ hơi thở đều, nếu tống hơi ra nhiều, dễ làm cho tiếng đệm bị thô, to. Khi hát âm nền, cần hát nhỏ lại, trầm bổng như tiếng nhạc đệm, làm tôn lên lời thơ trên nền âm thanh đệm.

Luyện cách đọc lời ca của bài để nhận biết giữa tiếng đệm và lời thơ chính:

Ví dụ số 36:

#### ĐÊM QUA NHỚ BẠN

(Trích) Người hát: Cụ Nghiên, cụ Đồng, Đào Xá

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 28.4.1972

(hừ) Đêm ơ ơ hôm qua thì ơ tôi nhớ bạn ơ linh ơ

tình ơ hơ tình ơ tình a linh a tình ơ hơ tình a a tình

Trong bài *Đêm qua nhớ bạn*, lời thơ là các chữ *đêm hôm qua nhớ bạn*, còn những âm *ớ ơ, thì, tôi, linh tính, ơ hơ...* là tiếng đệm để làm nền cho lời thơ chính, gắn kết âm điệu lời thơ, phát triển tuyến giai điệu.

Tập hát tiếng đệm với lời thơ sao cho mượt mà, nền nã. Cần phân biệt lời thơ và tiếng đệm trong câu hát. Trong ví dụ dưới đây, lời thơ là: *Bao quản lắm mình thân lươn*; lời phụ, tiếng đệm là *í ơ, lại, ơ, là, thân là* làm nền cho lời thơ.

Ví dụ số 37: THÂN LƯƠN BAO QUẢN LẮM MÌNH

(Trích) Người hát: Cụ Phùng, Cụ Năm ở TX Bắc Ninh

Ghi âm: Hồng Thao, ngày 20.03.1972



Hướng dẫn SV hát liền tiếng, liền hơi, thống nhất vị trí âm thanh giữa lời thơ và tiếng đệm, kết hợp cách hát luyện, ngân rung. Tiếng đệm cần hát nhỏ, không làm mờ, át đi lời thơ, kết hợp với xử lý khéo léo sắc thái tình cảm sao cho mượt mà, đầm thắm và nền nã giữa lời thơ và tiếng đệm trong câu hát.

#### 4.2.4.4. Luyện tập kỹ thuật hát nảy

Trong chương 2, luận án đã nêu hát nảy hạt là tạo ra âm thanh tắc lại ở họng, sau đó được bật ra ngoài, tạo thành độ giật của âm thanh, hay nói cách khác, nảy hạt là kết quả của luyện giật. Âm nảy được hát sâu trong cổ họng, âm thanh phát ra cảm giác từng hạt được vo tròn, kế tiếp nhau, hát liền hơi.

Kỹ thuật hát nảy hạt có hai cách là nảy lên và nảy xuống:

- *Cách 1: Nảy lên* rơi vào những chữ có thanh điệu *sắc, ngã, huyền, không*. Khi nảy lên, âm nảy được luyện bật lên với độ giật nhất định khoảng quãng 2 (*rê- mí - rê*).

- *Cách 2: Nảy xuống* thường rơi vào thanh điệu *nặng* và *hỏi*. Âm nảy được luyện giật xuống khoảng quãng 2 (*rê - đồ-rê*), rồi nảy trở lại (đúng ra phải nói là âm thanh đổ xuống, rồi nảy bật trở lại).

Thực chất, nảy hạt gắn liền với kỹ thuật hát luyện, ngân rung. Cách nảy lên hoặc xuống phụ thuộc vào thanh điệu của từng chữ. Nảy hạt chủ yếu rơi vào phách mạnh, hiếm khi nảy ở phách nhẹ. Những chỗ nảy hạt thường phải có trường độ dài, như nốt đen, trắng, tròn. Cũng có khi nốt đen, trắng được chia nhỏ trường độ, lúc này vẫn có thể nảy hạt, nhưng sẽ phải thực hiện rất nhanh.

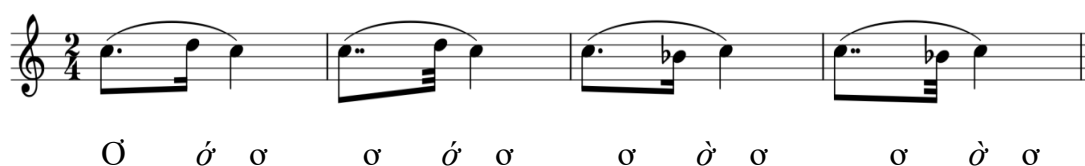
Khi hát nảy hạt, hơi bị gần lại, bị kìm lại ở cổ họng, rồi bật âm thanh lên cao hoặc để âm thanh rơi xuống thấp hơn và bật trở lại, người hát có cảm giác như âm thanh được vo thành những hạt tròn. Như vậy, nét đặc trưng chính của kỹ thuật hát *nảy hạt* là âm thanh bị tắc lại ở họng, sau đó được bật ra ngoài, tạo thành độ giật của âm thanh và như vậy *nảy hạt* là kết quả của luyện giật.

Kỹ thuật nảy hạt tương đối khó và cần nhiều thời gian tập luyện. SV thường hát không có nảy hạt, hoặc có nảy cũng chỉ lăn tăn như rung giọng, chứ không bật hạt âm thanh âm ra ngoài được. Bởi vậy, GV cần chú trọng cho SV luyện tập nảy hạt nhiều lần trong quá trình rèn luyện kỹ năng hát Quan họ.

GV hướng dẫn SV mở khẩu hình vừa phải, hàm dưới buông lỏng tự nhiên, phù hợp với từng âm nảy hạt (*hư, ơ, i, a..*), đầu lưỡi đặt ở chân răng hàm dưới, cuống lưỡi, cằm hạ thấp xuống, cảm giác như hơi bị nghẹn ở cổ, tạo đà cho âm thanh bật nhanh, rõ. Vị trí âm thanh đặt sâu trong cổ. Âm nảy bật âm thanh ở khoang miệng thoát ra ngoài, không đưa lên mũi. Không chế cột hơi ở phần ngực dưới (phần ức ngực), dùng lực hơi thở nén, ép mạnh luồng hơi xuống phần ngực và một phần ở bụng trên, tạo sức bật cột hơi tác động vào dây thanh đới, lúc này âm nảy hạt bật ra cùng sức bật của cột hơi tạo ra âm thanh.

Có thể tập nảy hạt bật lên và đổ xuống bằng nguyên âm ơ với mẫu âm sau:

Ví dụ số 38:

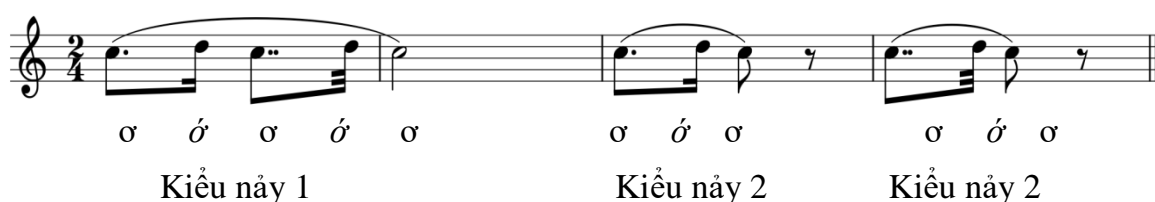


Nảy hạt bật lên: hát bằng nguyên âm ơ nảy lên thành âm ớ. Nảy hạt đổ xuống: hát bằng nguyên âm ơ đổ xuống thành âm ờ.

Như đã biết, hát nảy hạt trong Quan họ có 2 kiểu: Kiểu nảy 1 diễn ra ở giai đoạn mở chữ và được kết thúc ở đóng chữ, nghĩa là sau khi tắc lại ở họng, âm nảy được bật ra và tiếp tục kéo dài đến khi đóng chữ. Kiểu nảy 2 là sau khi tắc ở họng, âm thanh bật ra ngoài và ngắt, dứt tiếng đột ngột, còn gọi là *hát ngắt, hát dứt*.

Hướng dẫn SV luyện tập nảy hạt kiểu 1 và nảy hạt kiểu 2 với mẫu âm sau:

Ví dụ số 39:



Với kiểu nẩy 1: hát âm ớ nẩy lên, khi rơi xuống, âm ớ tiếp tục được luyện, ngân nẩy thêm một hai lần, đến hết trường độ mới đóng tiếng. Với kiểu nẩy 2: hát âm ớ nẩy lên và được ngắt, dứt tiếng đột ngột.

Tập nẩy hạt theo lời ca với từng chữ, từng câu. Tùy từng thanh điệu mà có cách nẩy lên hay nẩy xuống, phù hợp với từng chữ:

Ví dụ số 40 CÂY TRÚC XINH

(Trích)

Người hát: Cụ Tâm Ngang Nội

Ghi âm: Hồng Thao, năm 1964.



Trong câu hát trên, nẩy hạt được thực hiện ở các chữ *cây*, *xinh*, *mọc*. Với ba giai đoạn khởi chữ + mở chữ + đóng chữ thì nẩy hạt rơi vào giai đoạn cuối mở chữ và đóng chữ (được nhấn mạnh bằng các chữ in nghiêng): *Câ + â á + ây*; *xi + i i + inh*; *mo + o o o + ọc*. Trong đó, nẩy hạt ở chữ *cây*, *xinh* là kiểu nẩy 1, nẩy xuống ở chữ *mọc* là kiểu nẩy 2.

#### 4.3. Đổi mới phương pháp dạy học hát Chèo và hát Quan họ

Trong chương 1 đã nêu, PPDH có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học, góp phần quyết định chất lượng dạy học. Bất cứ người thầy nào cũng đều quan tâm đến PPDH, đầu tư duy, tìm tòi những PPDH mà họ cho là khoa học nhất, mang lại hiệu quả nhất cho môn học mà họ dạy. Khi điều tra thực trạng dạy học hát dân ca nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng cho SV ĐHSP Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi đã đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại của việc sử dụng PPDH. Do đó, để nâng cao chất lượng dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc, một biện pháp không thể không bàn tới đó là đổi mới PPDH. Dưới đây, xin được đưa ra một số vấn đề đổi mới PPDH hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.

#### ***4.3.1. Kết hợp dạy truyền khẩu với dạy trên bản nhạc kí âm***

Dạy hát dân ca có những phương pháp đặc thù như phương pháp làm mẫu, phương pháp truyền khẩu... mà luận án đã trình bày ở chương 1 và 3. Truyền khẩu, làm mẫu là phương pháp được tất cả những người dạy dân ca sử dụng, dù là nghệ nhân dân gian hay giáo viên/GV của các trường nghệ thuật. Có người còn quan niệm: phi truyền khẩu bất thành dân ca, nghĩa là không dạy truyền khẩu thì không thể ra được “hồn cốt” của dân ca. Không truyền khẩu, mà dạy hát qua nhìn trên bản phổ là cách dạy theo lối mới của âm nhạc phương Tây. Với dân ca, âm nhạc cổ truyền Việt Nam, những kí hiệu của âm nhạc 5 dòng kẻ trên bản nhạc không thể chuyển tải hết được những “hơi” nhạc mà âm thanh khi non, khi già, khác với hệ bình quân của âm nhạc phương Tây; không thể cho thấy cách hát đặc trưng rung ngân, nhấn nhá... một cách tinh tế. Vì vậy, cần phải có thầy, có người làm mẫu, truyền khẩu lại mới thể hiện được nét đặc trưng mang tính bản sắc của một thể loại ca hát cổ truyền nào đó. Cũng vì thế mà truyền khẩu trong dạy ca hát, truyền ngón trong dạy đàn cho đến nay vẫn luôn được đề cao trong phương pháp dạy truyền thống.

Tuy nhiên, cách dạy truyền khẩu như đã phân tích ở chương 3 là với lớp học ít người (khoảng 10 người trở xuống), có thời lượng học nhiều giờ, nhất là các đoàn nghệ thuật biểu diễn như Quan họ, các lớp diễn viên Chèo... thì dễ có điều kiện để thực hiện một cách hiệu quả. Còn với đối tượng SV ĐHSP Âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, do đặc điểm lớp học đông SV (thường là 30, có năm tới 50 hoặc trên 50 SV), thời lượng môn học ít, thì phương pháp dạy truyền khẩu có những bất cập nhất định. Chỉ riêng thời gian vỡ bài trên lớp để thuộc qua truyền khẩu đã chiếm gần hết thời lượng của môn Dân ca, thì không còn thời gian để học các kĩ năng hát và các kiến thức khác. Mặt khác, nếu chỉ chờ GV dạy truyền khẩu thì người học dễ mất sự chủ động trong chiếm lĩnh kiến thức. Do đó, cần dạy học kết hợp giữa phương pháp truyền khẩu với PPDH trên bài bản được kí âm.

Với phương pháp này, bài bản dân ca được kí âm trên 5 dòng kẻ sẽ là điểm tựa để SV có thể phát huy khả năng tự học, tự vỡ bài trước khi đến lớp và thuộc những đường nét cơ bản của giai điệu bài Chèo, Quan họ. Còn những nét nhấn nhá, ngân rung... phức tạp của làn điệu sẽ được GV truyền khẩu, làm mẫu hướng



dẫn, chỉnh sửa, SV sẽ thuộc nhanh hơn, chuẩn hơn. Mặt khác, học qua bài bản kí âm còn giúp SV về nhà có chỗ dựa để nhớ lại giai điệu, nếu như bị quên, không nhớ giai điệu sau khi mới học. Đây là một lỗi mà dạy thuần túy truyền khẩu rất hay mắc phải.

Bài bản dân ca thường được kí âm khá phức tạp với nhiều luyến, láy, nên đây là một cơ hội để SV được rèn luyện kĩ năng xướng âm, kĩ năng hát chính xác. Việc học thông qua bài bản còn giúp SV hoàn toàn có thể chủ động trong việc tiếp cận các làn điệu khác khi không có GV hướng dẫn.

Tuy nhiên, dạy thông qua bài bản cần được tiến hành song song với việc truyền khẩu, để SV thấy được bản chất của các kĩ thuật hát trong các làn điệu Chèo, Quan họ. Việc lạm dụng học trên bản kí âm không có sự trợ giúp của GV sẽ dẫn tới người học không thể hiện đúng bản chất của làn điệu.

#### ***4.3.2. Sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo hướng phát triển năng lực***

Trong dạy học hát dân ca nói chung, dạy hát Chèo và Quan họ nói riêng cho SV ĐHSP Âm nhạc, bên cạnh những PPDH truyền thống như dùng lời, hướng dẫn thực hành luyện tập, làm mẫu, truyền khẩu..., việc áp dụng các PPDH hiện đại, dạy học tích cực là hoàn toàn có thể khả thi.

Xu thế dạy học của thế kỷ XXI là dạy học theo định hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm, sử dụng các PPDH tích cực để người học phát huy sự chủ động, sáng tạo trong chiếm lĩnh kiến thức. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực đảm bảo cho người học đạt được mục tiêu cuối cùng là có được những *năng lực cần có* để áp dụng vào thực tiễn, chứ không phải là đảm bảo trang bị cho người học những *kiến thức cần thiết* như định hướng dạy học trang bị nội dung.

Có những quan niệm dạy học hát dân ca cốt làm sao giữ được nguyên gốc, không thay đổi cách hát dân ca, không làm mất đi bản sắc dân ca, do đó, dạy truyền khẩu là tốt nhất, không nên áp dụng các PPDH mới. Tuy nhiên, cách hiểu về áp dụng PPDH như vậy là chưa thấu đáo. Chúng tôi đồng ý dạy học hát Chèo, hát Quan họ phải giữ được bản sắc của các thể loại đó, song không phải chỉ áp dụng dạy lối cũ mới thực hiện được. Việc áp dụng các PPDH mới không mâu thuẫn với

việc giữ gìn bản sắc dân ca. Áp dụng PPDH mới chỉ phát huy tính tích cực trong học tập để người học tiếp thu nhanh hơn, chủ động hơn mà thôi. Vì thế, các PPDH phát triển năng lực người học, như dạy học thông qua hoạt động trải nghiệm, dạy học tự phát hiện, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học tương tác... đều có thể áp dụng trong dạy học hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc. Những phương pháp này được áp dụng trong dạy học ở Đại học còn có tác dụng tốt cho SV sau này ra trường vận dụng vào dạy học cho học sinh phổ thông trong những giờ dạy hát dân ca, thưởng thức âm nhạc dân gian, đáp ứng tốt nhiệm vụ đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực hiện nay của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau đây, xin dẫn chứng 2 PPDH phát triển năng lực là dạy học tự phát hiện và dạy học dự án trong dạy học hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc:

*- Phương pháp dạy học tự phát hiện:*

“Dạy học tự phát hiện là PPDH mà GV hướng cho người học có khả năng tự phát hiện ra vấn đề và có thể tự giải quyết vấn đề. Đây là PPDH của lí thuyết kiến tạo, phát huy tối đa khả năng tự giác, tích cực, chủ động sáng tạo của người học”. [65; 91]. Trong dạy học hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc, có thể sử dụng PPDH tự phát hiện ở nhiều tình huống. Chẳng hạn như khi dạy cách phát âm - nhả chữ của Quan họ thì nên đặt ra tình huống so sánh cách phát âm - nhả chữ của Quan họ với Chèo giống và khác nhau ở giai đoạn nào, GV nên gợi mở để SV tự phát hiện ra điểm tương đồng và điểm khác biệt, từ đó áp dụng vào phát âm - nhả chữ của hai thể loại này. Với các kĩ thuật khác cũng như vậy, ví dụ như kĩ thuật ngân rung, nảy hạt giữa Chèo và Quan họ có sự giống và khác không dễ nhận ra, song khi đã nhận ra được thì dễ dàng thực hiện hơn nhiều. Để SV tự phát hiện ra điểm tương đồng và điểm khác biệt thì áp dụng vào các kĩ thuật sẽ thuận lợi hơn, chủ động hơn so với cách GV luôn giảng giải trước, tạo ra cách học thụ động cho SV.

PPDH tự phát hiện phát huy cao độ sự sáng tạo của SV, đặc biệt trong những nội dung với các bài tập tự tìm hiểu các làn điệu, cách biểu diễn, sử dụng trang phục biểu diễn, môi trường diễn xướng, các nghệ thuật phụ trợ như múa, diễn xuất... của

Chèo và Quan họ. Thời gian trên lớp không đủ để GV truyền tải tất cả những điều này, mà chỉ có thể giao bài tập với các yêu cầu cụ thể, mang tính gợi mở để SV tự tìm hiểu, phát hiện ngoài giờ lên lớp.

*- Phương pháp dạy học dự án:*

“Dạy học theo dự án là PPDH trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức tạp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành nhằm tạo ra một sản phẩm cụ thể” [62; 94]. Dạy học theo dự án có nhiều ưu điểm, giúp người học gắn lí thuyết với thực tiễn; phát huy cao độ tính tự lực, năng lực tự học, tự phát hiện, phẩm chất tự chịu trách nhiệm; SV có cơ hội để đưa ra sáng kiến; phát triển các phẩm chất: nghiêm túc, bền bỉ, cộng tác, hỗ trợ, giao tiếp...

PPDH dự án rất cần thiết trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ. SV được giao nhiệm vụ như một dự án, có tính chất phức tạp và cuối cùng phải có một sản phẩm cụ thể. Thông thường nên giao nhiệm vụ theo nhóm, SV thực hiện một bài tập có tính chất dự án như nghiên cứu, tìm hiểu để dàn dựng một tiết mục/nhóm tiết mục Chèo, Quan họ.

Hướng dẫn SV học tập phương pháp dự án theo một số bước sau:

*Bước 1 - Đề xuất dự án:* Ở bước này hướng dẫn SV thực hiện 2 nội dung là lựa chọn chủ đề cho dự án và lập kế hoạch. Trước tiên, GV cần cho SV tạo ra các nhóm cùng làm dự án, đề xuất nhóm trưởng. Sau đó, các nhóm lựa chọn chủ đề cho dự án của mình. GV hướng dẫn SV dựa vào những kiến thức đã học về Chèo và Quan họ, dựa vào khả năng hát, nghiên cứu khả năng hát của cả nhóm để cùng lựa chọn thể loại nào, làn điệu nào... Việc lựa chọn chủ đề cho dự án cần có một thời gian nhất định, có thể giao cho SV về nhà suy nghĩ rồi đưa ra ý tưởng. Với trường hợp là những dự án mang tính bắt buộc, GV có thể lựa chọn sẵn chủ đề, giao nhiệm vụ dự án cho các nhóm SV.

Sau khi các nhóm SV đã lựa chọn được chủ đề cho dự án của mình thì hướng dẫn các nhóm SV lập kế hoạch thực hiện dự án, bao gồm:

- Phân công nhiệm vụ trong nhóm: ai đi tìm hiểu về làn điệu (đặc điểm, phong cách, hình thức diễn xướng...), ai hát câu/điệu nào, ai sửa kĩ năng hát, ai dàn dựng, ai viết lời dẫn...

- Thời gian thực hiện dự án tập luyện khi nào, các vấn đề cần thực hiện là gì...

*Bước 2 - Thực hiện dự án:* Hướng dẫn SV đưa ra biện pháp dàn dựng cho từng phần và tổng thể một tiết mục/một nhóm tiết mục biểu diễn Chèo hoặc Quan họ và tổ chức tập luyện theo kế hoạch.

*Bước 3 - Tổng hợp và báo cáo kết quả:*

Các nhóm SV trình bày kết quả của dự án, là những tiết mục trình diễn Chèo hoặc Quan họ, có thể được tổ chức vào buổi thi kết thúc học phần, lấy đó là kết quả của cả một quá trình hoặc tổ chức vào một buổi học khác với các giờ học thông thường.

Sau khi các nhóm SV trình bày sản phẩm của dự án, cho SV tự đánh giá kết quả sản phẩm của mình, đồng thời các nhóm SV khác tham gia đánh giá. Cuối cùng GV đánh giá, SV sẽ rút ra được nhiều kinh nghiệm cho kết quả học tập của mình theo phương pháp dự án.

#### **4.3.3. Kết hợp kiến thức lí thuyết trong thực hành rèn luyện kĩ năng**

Với các môn thực hành như hát dân ca, trong khi hướng dẫn SV thực hành rèn luyện kĩ năng, GV thường chú trọng rèn luyện kĩ năng một cách thuần túy, mà ít phổ biến các kiến thức lí thuyết về cách hát, kĩ thuật hát. Chẳng hạn như, khi dạy hát Quan họ, cần hát rền, GV ít giảng giải về đặc trưng của rền trong Quan họ là gì. Điều này dẫn tới SV không hiểu bản chất của kĩ thuật hát và chỉ bắt chước GV một cách thụ động.

Vì thế, chúng tôi cho rằng, việc trang bị kiến thức lí thuyết về cách hát, kĩ thuật hát trong khi hướng dẫn SV thực hành rèn luyện kĩ năng là rất cần thiết. Điều này giúp SV hiểu bản chất của kĩ thuật hát, từ đó sẽ chủ động chiếm lĩnh kiến thức lí thuyết trong thực hành. Việc truyền thụ kiến thức lí thuyết không nhất thiết phải có những giờ giảng riêng về lí thuyết, mà có thể thực hiện lồng ghép trong quá trình dạy kĩ năng hát, thông qua tài liệu và phương tiện dạy học hỗ trợ như: băng đĩa, video, sử dụng công nghệ trình chiếu, tài liệu, bản nhạc và một số đạo cụ của Chèo, Quan họ như nón, ô, quạt... để SV tự nghiên cứu, luyện tập. Qua đó, phát huy được năng lực tự học, sáng tạo của SV.

Muốn thực hiện được việc trang bị kiến thức, GV không chỉ có khả năng hát tốt bài Chèo và Quan họ, mà còn cần am hiểu một số đặc điểm về nguồn gốc, tên

gọi, hệ thống làn điệu, diễn xướng, âm nhạc và lời ca; phải có kiến thức sâu về những đặc trưng lối hát và kỹ thuật hát tốt trong thể hiện làn điệu Chèo và Quan họ.

Cần cung cấp cho SV các tài liệu về nguồn gốc, tên gọi, đặc điểm âm nhạc, lời ca, đặc trưng kỹ thuật hát, biểu diễn Chèo, Quan họ. Đây là việc mà GV phải bỏ nhiều công sức trong tìm kiếm tài liệu và soạn tài liệu, bởi vì những tài liệu này hầu như không có sẵn.

Trong dạy kiến thức lí thuyết, cũng giống như khi rèn luyện kỹ năng, GV cần thường xuyên cho SV so sánh hát Chèo với hát Quan họ và so sánh hai thể loại này với các thể loại dân ca khác như *Xẩm*, *Hát Vần*, *Ca trù*... để nhận diện những điểm tương đồng, khác biệt trong kỹ thuật hát, từ đó giúp SV rèn luyện kỹ năng nhanh và đạt hiệu quả.

#### **4.3.4. Luyện kỹ năng nghe bằng các hình thức đa dạng**

Thông thường, trong dạy hát dân ca, luyện nghe ít được chú trọng. Kinh nghiệm dạy hát dân ca của chúng tôi cho thấy, luyện nghe là một khâu cần thiết để tiến tới có được kỹ năng hát tốt. Trong hát Chèo và hát Quan họ, hiểu biết về các đặc trưng của hát Chèo như: *Luyến chữ và xử lí thanh điệu, ngân nảy hạt, rung giọng, hát liền hơi, nhấn, ngắt* hay kỹ thuật hát Quan họ như: *vang, rền, nền, nảy* không có nghĩa là đã có khả năng nhận biết rành rẽ về chúng khi nghe hát thực tế. Muốn có khả năng nghe và nhận diện cần phải luyện tập kỹ năng nghe, giúp xác định một cách tinh tường từng đặc trưng kỹ thuật hát. Quá trình luyện nghe còn giúp SV cảm nhận, phân biệt đặc điểm của kỹ thuật hát Chèo và hát Quan họ: đặc điểm khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở, cách xử lí thanh điệu, ngân rung, luyến láy... Thực tế dạy học cho thấy, một khi SV đã nhận thức và có kỹ năng phân biệt được các đặc trưng hát Chèo và hát Quan họ, thì việc luyện tập hát tiến bộ rất nhanh.

Luyện kỹ năng nghe có một số hình thức như: nghe qua băng đĩa, video của các nghệ nhân, nghệ sĩ, qua GV hát mẫu và có thể cho SV hát cho nhau nghe...

Ngày nay, việc sử dụng phương tiện trực quan trong quá trình dạy hát đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là truyền dạy dân ca. Bởi nếu chỉ dạy truyền khẩu thuần túy sẽ không đem lại hiệu quả cao, trong khi thời gian dạy lại ít. Việc sử dụng băng đĩa tiếng, video chính là đổi mới PPDH trực quan, giúp quá trình dạy và học được rút ngắn thời gian học trên lớp. Học theo băng đĩa để SV có điều kiện tự luyện nghe

ở nhà, một mặt giúp SV thuộc giai điệu nhanh, mặt khác, giúp SV có kỹ năng nghe, nhận biết nghệ nhân và nghệ sĩ hát theo lối cổ hay lối hát mới, qua đó củng cố lại quá trình rèn luyện kỹ năng hát. Để SV hát được giai điệu bài dân ca trước giờ lên lớp, GV có thể cung cấp băng đĩa hình, đĩa tiếng của các nghệ sĩ, nghệ nhân Chèo và Quan họ hoặc cung cấp thông tin để SV tự tìm. Giao bài tập để SV tự tìm cũng là một phương pháp hữu hiệu trong dạy học tích cực, kích thích hứng thú cũng như khả năng tự học của SV.

Như đã nêu ở trên, dạy học hát dân ca rất coi trọng phương pháp truyền khẩu, truyền dạy, người học hát theo mẫu của người dạy. Vì thế, việc hát mẫu của GV là rất quan trọng, là một hình thức để SV nghe và bắt chước làm theo không thể thiếu trong dạy hát dân ca. GV dạy hát dân ca phải hát được đúng đặc điểm của dân ca, có như vậy mới thuyết phục được SV và mới có thể hướng dẫn SV làm theo. Tuy nhiên, sau khi hát mẫu hay thị phạm, GV cần phân tích, dẫn giải để SV hiểu cách hát, cách thực hành, hiểu đặc trưng kỹ thuật hát, kỹ thuật trình diễn... Đồng thời, SV có thể phân biệt rõ ràng kỹ thuật hát của Chèo và Quan họ, so sánh hai thể loại này với các thể loại dân ca khác.

Nâng cao kỹ năng nghe, cảm thụ và phân biệt kỹ thuật hát, không chỉ là nhiệm vụ của GV, mà đòi hỏi SV cùng tham gia, nhằm tạo cho quá trình luyện kỹ năng nghe thành mối quan hệ tương tác, gắn bó mật thiết giữa người dạy và người học. Đây cũng là một trong những cách thực hiện của dạy học tương tác, của PPDH tích cực, dạy học phát triển năng lực.

Để luyện kỹ năng nghe cho SV, GV có thể yêu cầu lớp nghe trước ở nhà qua băng đĩa và bản nhạc để thuộc lòng bản. Hay, khi trên lớp có thể mời cá nhân, hoặc một hai nhóm tập thể lên hát, SV khác nhận xét bạn hát tốt hay không và chỉ ra những chỗ hát đúng, sai, cuối cùng GV phân tích những kỹ thuật hát tốt và chưa tốt, giải thích vì sao các nhóm hát chưa được, qua đó giúp SV cảm nhận, phân biệt các đặc trưng âm thanh của Chèo và Quan họ.

#### ***4.3.5. Thiết lập và sử dụng quy trình dạy học mới trong rèn luyện kỹ năng hát***

Việc rèn luyện kỹ năng hát cần có quá trình luyện tập thường xuyên ở trong và ngoài giờ học. Để giúp SV đạt hiệu quả tối ưu trong việc rèn luyện kỹ năng, cần

đổi mới các phương pháp một cách linh hoạt, giúp cho giờ học không đơn điệu, SV chủ động để không bị mất nhiều thời gian trên lớp cho việc thuộc lòng bản bài hát, có như vậy, quá trình dạy học hát dân ca mới phát huy được khả năng sáng tạo cho cả người dạy và người học. Xuất phát từ yêu cầu đó, chúng tôi phối hợp dạy truyền khẩu với các PPDH âm nhạc như: sử dụng phương tiện dạy học để hỗ trợ quá trình tự rèn luyện, tổ chức các hình thức học theo nhóm dựa trên phương pháp truyền thống kết hợp với hiện đại. Quy trình rèn luyện kỹ năng học hát Chèo và hát Quan họ thường diễn ra theo các bước: Chuẩn bị - Tập hát thuộc giai điệu của bài - Tập riêng từng kỹ thuật hát - Hoàn thiện kỹ năng hát và biểu diễn. Có một số bước trong quy trình này cần chú ý để sao cho có hiệu quả nhất mà luận án trình bày dưới đây:

#### *4.3.5.1. Chuẩn bị*

Bước chuẩn bị bài trước khi lên lớp đóng vai trò quan trọng, đây là nhiệm vụ tiên quyết đối với SV. GV cung cấp tài liệu học tập gồm lý thuyết về đặc điểm, nguồn gốc, tên gọi, hệ thống làn điệu, diễn xướng, âm nhạc, lời ca, đặc trưng kỹ thuật hát và bản nhạc làn điệu Chèo, Quan họ, kết hợp kèm theo băng đĩa tiếng, hình để SV nghe và thuộc giai điệu ở nhà trước khi lên lớp. Dựa vào bản nhạc kết hợp với nghe băng đĩa sẽ giúp SV thuộc giai điệu nhanh. Việc SV thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp là điều kiện tiên quyết. Sở dĩ cần cung cấp tài liệu học tập chuẩn bị bài bởi vì, nếu SV tìm hiểu bài, hát thuộc giai điệu trước sẽ tạo thuận lợi để GV tập trung thời gian vào hướng dẫn và chỉnh sửa về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở, cách phát âm của từng chữ, luyện hát kỹ thuật đặc trưng của Chèo và Quan họ.

#### *4.3.5.2. Tập hát giai điệu của bài*

Tập hát từng câu, từng trổ và hoàn thiện bài hát là khâu chiếm nhiều thời gian học trên lớp. Nếu dạy theo lối truyền khẩu thuần túy, GV hát từng câu, đoạn, trổ cho SV nghe và hát theo cho đến khi thuộc bài. Phương pháp này, nếu dạy với thời gian dài sẽ rất hiệu quả và tốt cho quá trình rèn luyện kỹ năng. Tuy nhiên, với thời lượng trên lớp hạn chế, cách dạy truyền khẩu đơn thuần không hiệu quả, mà có thể gây ra nhiều vấn đề bất cập trong quá trình dạy học. Bởi vậy, việc vỡ bài hát là nhiệm vụ bắt buộc SV phải tự luyện tập. Nhiệm vụ của GV là hỗ trợ, hướng dẫn và chỉnh sửa khi SV hát chưa đúng giai điệu, nhịp, phách của bài. Điều này cho thấy, khi dạy hát cho SV ĐHSP Âm nhạc, phương pháp dạy truyền khẩu là rất cần thiết,

song cần kết hợp với việc nhìn trên bản nhạc, mà không nên chỉ hoàn toàn dạy truyền khẩu.

#### 4.3.5.3. Hoàn thiện kỹ năng hát

Rèn luyện kỹ thuật hát, hình thành kỹ năng hát là một quá trình, có thể chia thành các bậc:

**Bảng 4.1:** Phân bậc kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ

Bậc	Kỹ năng	Đặc điểm
1	<i>Bắt chước có quan sát</i>	Thực hiện các thao tác, động tác riêng lẻ theo mẫu như tập hát từng câu theo sự hướng dẫn, chỉnh sửa của GV.
2	<i>Làm lại không cần sự quan sát</i>	Các kỹ năng riêng lẻ như: khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở, phát âm - nhả chữ. Hát <i>vang, rền, nền, nảy</i> của Quan họ. Hát <i>rung giọng, liền hơi, nhấn, ngắt, nảy hạt</i> của Chèo bước đầu được hình thành.
3	<i>Liên kết, phối hợp các hoạt động riêng lẻ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở của Chèo và Quan họ.</li> <li>- Phối hợp kỹ thuật hát của Quan họ: <i>vang, rền, nền, nảy</i> và xử lý thanh điệu.</li> <li>- Phối hợp kỹ thuật hát của Chèo: <i>rung giọng, ngân nảy hạt, liền hơi, nhấn, ngắt</i> và xử lý thanh điệu.</li> </ul>
4	<i>Hoàn thiện kỹ năng hát</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp nhuần nhuyễn các hoạt động riêng lẻ, kết hợp xử lý sắc thái trong câu hát.</li> <li>- Thể hiện kỹ năng hát và biểu diễn một cách thuần thục theo phong cách diễn xướng đặc trưng của thể loại.</li> </ul>

Kỹ năng bậc 1,2,3 SV có thể đạt được qua sự luyện tập với sự hướng dẫn của GV. Để có được kỹ năng bậc 4, SV phải tích cực tự luyện tập, trên cơ sở những kỹ năng và kinh nghiệm đã có được.

Cách dạy nêu trên mang nhiều nét đặc trưng của PPDH tích cực: dạy học thông qua hoạt động của người học, chú trọng năng lực tự rèn luyện, tăng cường học tập cá nhân, liên kết với tập thể và kết hợp sự hướng dẫn, đánh giá của người dạy với đánh giá của người học... Nếu như trong lối dạy truyền khẩu, người dạy



cùng luyện tập với người học, thì để thực hiện tốt các biện pháp nêu trên, GV cần hướng dẫn SV cách học, cách luyện tập và hoàn thiện kỹ năng hát, như vậy hiệu quả dạy học sẽ không cao. Bởi vậy, chúng tôi nhấn mạnh việc kết hợp giữa dạy truyền khẩu với các PPDH âm nhạc, chú trọng đến phương pháp sử dụng phương tiện dạy học và phát huy khả năng tự học, tự sáng tạo của SV dưới sự hướng dẫn của GV trong quá trình rèn luyện kỹ năng hát.

#### ***4.3.6. Phát huy năng lực tự học và sáng tạo của sinh viên thông qua biểu diễn Chèo, Quan họ trong hoạt động ngoại khóa***

Việc nâng cao khả năng hát Chèo và Quan họ trong môn Dân ca cho SV ĐHSP Âm nhạc ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW với thời lượng học ở trên lớp như đã trình bày ở chương 3 là 48 tiết, thì khó có thể đạt được những kỹ năng như chúng tôi đã trình bày ở trên. Vì vậy, để có thể nâng cao năng lực hát cho SV, ngoài thời gian học trên lớp, một hoạt động rất quan trọng có thể hỗ trợ thêm rất nhiều cho rèn luyện các kỹ năng hát là hướng dẫn SV tham gia biểu diễn Chèo và Quan họ trong hoạt động ngoại khóa.

Ở chương 3 đã nêu, hoạt động ngoại khóa luôn được tổ chức ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, diễn ra gần như thường xuyên trong những ngày lễ, ngày hội; trong Hội diễn, giao lưu, đối ngoại;... Hát dân ca luôn được ưu tiên trong hầu hết các chương trình biểu diễn. Chính vì vậy, đây là mảnh đất để SV có điều kiện để rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực hát và biểu diễn dân ca nói chung, Chèo và Quan họ nói riêng.

Riêng với môn Dân ca, biểu diễn là một yêu cầu trong nội dung thi, SV thi hát thông qua tiết mục biểu diễn, có dàn dựng hoàn chỉnh với trang phục, điệu bộ, phong cách diễn xướng. Để đáp ứng được yêu cầu này, SV phải tích cực không chỉ học trên lớp, mà cả trong hoạt động ngoại khóa, trong hoạt động tự học biểu diễn ngoài giờ lên lớp. Thông qua các chương trình và qua nội dung thi biểu diễn, GV hướng dẫn một cách sâu, kỹ hơn cho SV kỹ năng hát các làn điệu cụ thể. Tuy nhiên, nếu để SV được tham gia vào các chương trình biểu diễn của trường, của khoa thì với số lượng SV mỗi khóa trên 200 em là điều khó khả thi. Cho nên, SV cần được hướng dẫn tự tổ chức tham gia vào các chương trình biểu diễn trong thực tế, nhất là những SV có khả năng hát dân ca.

Mỗi một thể loại dân ca đều có phong cách hát và biểu diễn, trang phục mang nét đặc trưng, vì vậy, nếu SV chỉ hát, mà không biểu diễn, dàn dựng nhóm sẽ không thể phản ánh đúng đặc trưng của thể loại, vùng miền. Dựa vào làn điệu cụ thể cho từng vai/ nhân vật mà biểu diễn Chèo được thể hiện khác nhau. Với những làn điệu được hát ở các vai chính diện thì cách biểu diễn nhẹ nhàng, tình tứ, duyên dáng, không lẳng lơ, chua ngoa... Với những vai phản diện thì cả phần hát và biểu diễn đều thể hiện kịch tính, chua ngoa, đong đưa... Còn với dân ca Quan họ là *lối ứng diễn*, nghĩa là người hát dựa vào nội dung của làn điệu để tự sáng tạo ra các động tác, cử chỉ biểu cảm, phù hợp với hình thức hát đối đáp giao duyên. Như vậy, sự *ứng diễn* phụ thuộc nhiều vào cách nhìn, cách nghĩ, cách tưởng tượng và năng khiếu bẩm sinh của người hát. Trải qua nhiều thế hệ, cách ứng diễn Chèo, Quan họ của các nghệ nhân ngày càng được hoàn thiện về giá trị thẩm mỹ và hình thành phong cách biểu diễn đặc trưng, được noi gương, bắt chước, mà mang tính phổ biến. Nếu không có sự phối hợp giữa hát và biểu diễn theo những quy tắc của Chèo, Quan họ, thì khó có thể đạt được hiệu quả diễn xướng, mà đôi khi sự ứng diễn tùy tiện còn gây ra sự phản cảm. Việc chỉ ra những đặc trưng cơ bản của biểu diễn Chèo và Quan họ là cần thiết, để SV có được hiểu biết về các động tác cơ thể. Ở phương diện này, rất cần chọn lựa và học hỏi sự trau chuốt, tinh tế trong động tác của nhiều nghệ sĩ trên sân khấu, làm tăng hiệu quả biểu diễn, đáp ứng được nhu cầu thị hiếu thẩm mỹ về nghệ thuật hát, biểu diễn Chèo và Quan họ.

So sánh điểm khác biệt trong lối diễn của hai thể loại cho thấy: Lối biểu diễn Quan họ bị chi phối bởi nhiều yếu tố. Trước hết, văn hóa Quan họ chi phối nhiều đến lối diễn, tạo nên nét đặc trưng của phong cách biểu diễn Quan họ là duyên dáng, tình tứ, khiêm nhường, tôn trọng bạn hát... Quan họ tối kỵ sự xàm xỡ, lẳng lơ, cũng như sự cay nghiệt hay bi thảm. Người Quan họ mạnh bạo, mà không sỗ sàng, luôn ý nhị, tình tứ; khổ đau, giận hờn, mà không chát chua, cay nghiệt; khát khao, mời mọc, mà không xàm xỡ; lời kéo, quyến rũ, mà không lẳng lơ. Trong khi đó, lối biểu diễn trong hát Chèo có nhiều tính kịch thể hiện tâm trạng nhân vật. Mỗi hệ thống làn điệu lại có tính chất âm nhạc mang nét đặc trưng riêng, đôi khi trong một hệ thống, các làn điệu cũng ít nhiều khác nhau về tính chất, sắc thái.... Chẳng hạn,

Chèo có các vai Đào, Thụ sinh, Hề, Lão, Mụ ứng với tính cách nhân vật khác nhau như vai thiện, ác..., bởi vậy, lối diễn trong Chèo phong phú và độc đáo, đặc biệt là đôi mắt, tiếng cười, chiếc quạt và cách di chuyển người. Mỗi vai diễn có cách hát phù hợp với làn điệu, tương ứng với tính cách nhân vật. Khác với Quan họ, mắt Chèo có thể liếc ngang, đảo mắt liên tục, khi buồn có thể khóc, miệng đôi khi cười to, cười thành tiếng, quay, đảo người nhanh... Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên phong cách biểu diễn đặc trưng trong diễn xướng Chèo.

Thực tế dạy hát dân ca cho thấy, việc kết hợp linh hoạt giữa phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại nhằm khai thác tính chủ động, đặc biệt là khả năng sáng tạo nghệ thuật, đem lại hiệu quả cao. Với người học âm nhạc, khi tham gia biểu diễn họ là người sáng tạo thứ hai, do vậy cần phát huy năng lực tự học, tự hoàn thiện, giúp nâng cao tư duy, cảm xúc âm nhạc, từ đó người học xác định được cái “riêng”, cái “tôi”, đó cũng là điều kiện cần để âm nhạc phát triển, phù hợp với hơi thở thời đại ngày nay.

Để giúp phát huy năng lực tự học, khả năng sáng tạo trong biểu diễn và dàn dựng làn điệu dân ca, GV cần cung cấp tài liệu về một số tư thế biểu diễn, giao bài/ làn điệu Chèo và Quan họ cho các nhóm SV xây dựng ý tưởng dàn dựng, phối hợp các tư thế biểu diễn cho phù hợp với nội dung bài hát. GV hướng dẫn giúp SV tự lên ý tưởng dàn dựng bài/ làn điệu và cho từng nhóm biểu diễn, các nhóm còn lại nhận xét cách vận dụng các tư thế biểu diễn, cách di chuyển, sắp xếp đội hình, cách biểu cảm trên nét mặt... đã phù hợp với nội dung bài hát hay chưa. GV nhận xét, chỉ ra những chỗ dàn dựng phù hợp, chưa hợp lí, qua đó giúp SV khắc phục nhược điểm và phát huy mặt ưu điểm của các nhóm trong quá trình xây dựng và hoàn thiện bài/ làn điệu. Bên cạnh đó, GV gợi ý lựa chọn một số kĩ thuật cơ bản trong lối diễn, giúp SV tự hoàn thiện, phát triển kĩ năng diễn xướng làn điệu Chèo và Quan họ.

Trong quá trình luyện tập thực hành biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ, GV cần phát huy tính tích cực, khả năng sáng tạo của SV. GV nên cho từng nhóm lên biểu diễn trước lớp, qua mỗi lần biểu diễn và chỉnh sửa bài, SV sẽ hoàn thiện kĩ năng biểu diễn cá nhân cũng như tập thể nhóm. Mặt khác, các nhóm xem phần thể hiện cách biểu diễn và dàn dựng của nhóm bạn sẽ giúp nâng cao tư duy lí luận, biết

nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình rèn luyện kỹ năng diễn xướng; đồng thời, giúp SV nâng cao khả năng dàn dựng bài dân ca theo nhóm, tốp, phù hợp với phong cách diễn xướng của thể loại, biết vận dụng kỹ năng diễn xướng vào hoạt động ngoại khóa trong các chương trình biểu diễn về dân ca.

#### **4.3.7. *Đổi mới phương pháp đánh giá***

Hình thành năng lực hát và biểu diễn cho SV cần dựa vào nhiều yếu tố, trong đó, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra là khâu quan trọng trong quá trình dạy học hát dân ca nói chung và dạy học hát Chèo, Quan họ nói riêng. Thông qua việc kiểm tra, GV có cơ sở để đánh giá kỹ năng biểu diễn bài hát của từng cá nhân cũng như tập thể, trên cơ sở đó, kịp thời điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy cho phù hợp với khả năng của người học mà vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả, chất lượng đầu ra của môn học.

Thực tế giảng dạy dân ca cho thấy, việc kiểm tra đánh giá thường xuyên ở các tiết, mỗi buổi học, phải được tăng cường tiến hành đồng bộ với quá trình rèn luyện kỹ năng. Ưu điểm của kiểm tra thường xuyên là có thể kiểm chứng được ngay trình độ hát của SV, qua đó GV sẽ chỉnh sửa và hướng dẫn, làm mẫu, giúp cho người học kịp thời chỉnh sửa cách hát. Với thời lượng học trên lớp hạn chế, số SV lại đông, nên việc kiểm tra, đánh giá trong giờ học cần linh hoạt, không được mất quá nhiều thời gian, bởi vậy, cách kiểm tra nên tập trung vào từng nhóm, từng bàn, hoặc chia nhóm nam, nữ hát đối đáp, như vậy, vừa kiểm tra được trình độ hát của SV, lại giúp giờ học thêm sôi nổi. Trong quá trình đánh giá, GV định hướng và tổng kết, giúp SV có khả năng nhận định, đánh giá bản thân cũng như nhóm bạn hát. Nhờ vậy, việc luyện tập bài hát sẽ hiệu quả, giờ học thêm sinh động, không gây cảm giác căng thẳng hay áp đặt của GV trong việc kiểm tra, đánh giá SV hát.

Với kiểm tra định kì, cần tiến hành theo hình thức cá nhân để đánh giá được chi tiết về kỹ năng thể hiện bài hát của từng SV một cách chuẩn xác. Mặt khác, thông qua việc kiểm tra từng người sẽ giúp cho GV nắm được khả năng hát theo mặt bằng chung của cả lớp để có định hướng giao bài, chia nhóm SV, hướng dẫn dàn dựng và biểu diễn trong thể hiện bài hát ở khâu kiểm tra cuối học phần.

Hình thành năng lực hát và biểu diễn cho SV qua hình thức đánh giá kết thúc môn dân ca. Như chúng ta đã biết, nói đến hát dân ca không chỉ có hát được giai điệu của bài, mà còn cần phải biết diễn xướng làn điệu dân ca (hát và biểu diễn kết hợp trang phục, đạo cụ kèm theo). Bởi vậy, chúng tôi cho rằng cần đổi mới phương thức đánh giá kết thúc quá trình dạy học hát Chèo và hát Quan họ bằng hình thức như một buổi *biểu diễn chương trình nghệ thuật*, mỗi nhóm được diễn xướng hai bài có dàn dựng, biểu diễn, kết hợp đạo cụ và trang phục theo đặc trưng của từng thể loại. Phần kiến thức lí thuyết sẽ cho nhóm SV tự tìm hiểu, giới thiệu chung về một số đặc điểm và phong cách diễn xướng của thể loại trước khi vào biểu diễn, có như vậy mới hình thành năng lực diễn xướng Chèo và Quan họ cho SV một cách tối ưu nhất theo chuẩn đánh giá đầu ra của môn học yêu cầu.

Việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá như một buổi biểu diễn báo cáo kết thúc học phần sẽ giúp SV yêu thích học và biểu diễn dân ca hơn. Hình thức thi biểu diễn báo cáo, SV sẽ có cái nhìn toàn diện về nghệ thuật diễn xướng dân ca, cụ thể là Chèo và Quan họ. Qua đó, SV nắm được kĩ thuật diễn xướng dân ca, có kĩ năng hát và biểu diễn những làn điệu dân ca các vùng miền, giúp SV có khả năng tự hoàn thiện và phát triển kĩ năng diễn xướng dân ca một cách bền vững. Đồng thời, SV được nâng cao khả năng dàn dựng bài dân ca theo nhóm, tập, phù hợp với phong cách diễn xướng theo đặc trưng vùng miền. Mặt khác, SV có thể vận dụng kĩ năng diễn xướng vào hoạt động ngoại khóa, dàn dựng, biểu diễn chương trình về dân ca.

Tóm lại: Đề xuất những giải pháp luyện tập các kĩ thuật, hoàn thiện, đổi mới quy trình rèn luyện kĩ năng, chúng tôi xây dựng một số nguyên tắc trong dạy học hát Chèo và Quan họ, giúp cho quá trình dạy học thành một quy trình khép kín, đồng bộ, hỗ trợ nhau, góp phần đổi mới nội dung và phương pháp bao gồm *kết hợp kiến thức lí thuyết trong thực hành rèn luyện kĩ năng; luyện kĩ năng nghe bằng hình thức đa dạng; kết hợp dạy truyền khẩu với bản nhạc; phối kết hợp giữa các PPDH Âm nhạc truyền thống với hiện đại; sử dụng PPDH tích cực theo phát triển năng lực; thiết lập và sử dụng phương pháp dạy học mới trong rèn luyện kĩ năng; phát*

*huy năng lực tự học và sáng tạo của SV thông qua biểu diễn trong các hoạt động ngoại khoá, đồng thời kết hợp với quá trình kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học hát dân ca nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng cho SV ĐHSP Âm nhạc.*

**Bảng 4.2:** So sánh dạy học hát Chèo, Quan họ theo lối dạy cũ và phương pháp do luận án đề xuất

Nội dung	Phương pháp dạy cũ	Phương pháp mới do luận án đề xuất
Nội dung dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy 2 bài Chèo, Quan họ</li> <li>- Cách thuộc giai điệu: nghe người dạy hát và học hát theo</li> <li>- Các kỹ năng chủ yếu: Nghe; hát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy 2 bài Chèo, Quan họ</li> <li>- Cách thuộc giai điệu: giảng viên cung cấp bản nhạc và băng đĩa cho sinh viên tự học thuộc bài bản.</li> <li>- Các kỹ năng chủ yếu: Nghe; hát; biểu diễn.</li> <li>- Kiến thức về diễn xướng</li> </ul>
Phương pháp dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy truyền khẩu từng câu, đoạn cho đến hết bài.</li> <li>- Dùng lời để thuyết trình, hát mẫu, dạy hát.</li> <li>- Thuộc bài bản ở trên lớp.</li> <li>- Thực hành luyện tập trên lớp và ở nhà.</li> <li>- Sử dụng phương tiện dạy học: đàn piano, ghita điện, thanh phách.</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá riêng lẻ từng sinh viên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy truyền khẩu một số chữ, câu, đoạn để luyện kỹ thuật hát Chèo và Quan họ.</li> <li>- Dùng lời để giảng giải, thuyết trình, nêu vấn đề, luyện kỹ năng và chỉnh sửa cho sinh viên.</li> <li>- Sử dụng băng đĩa tiếng, hình ảnh, tài liệu.</li> <li>- Thuộc bài bản ở nhà.</li> <li>- Thực hành luyện tập trên lớp và tự luyện tập ở nhà.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên luyện tập kỹ thuật hát và biểu diễn.</li> <li>- Sử dụng phương tiện dạy học: thanh phách, song loan, băng đĩa tiếng, hình, tranh ảnh, bản nhạc, máy chiếu và các đạo cụ ô, nón, quạt, lụa, trang phục Chèo, Quan họ...</li> <li>- Kiểm tra theo cá nhân (giữa kì)</li> <li>- Kiểm tra theo biểu diễn nhóm (kết thúc học phần)</li> <li>- Sinh viên tự nhận xét, đánh giá, giảng viên đúc kết.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên chủ động, sinh viên thụ động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên chủ đạo, sinh viên chủ động.</li> </ul>

Tính chất dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên dạy, sinh viên bắt chước.</li> <li>- Thực hành luyện tập theo kiểu bắt chước.</li> <li>- Ít tự luyện tập.</li> <li>- Luyện tập cá nhân.</li> <li>- Giờ học đơn điệu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn, gợi ý, sinh viên chủ động, sáng tạo luyện tập.</li> <li>- Nhận thức lí luận.</li> <li>- Thực hành luyện tập.</li> <li>- Tăng cường tự luyện tập.</li> <li>- Luyện tập cá nhân kết hợp nhóm.</li> <li>- Tạo hứng thú học tập, phát huy năng lực độc lập sáng tạo cho sinh viên.</li> </ul>
Điều kiện, hình thức dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên lớp (Không giao cho sinh viên học thuộc lòng bản trước khi lên lớp).</li> <li>- Luyện tập thực hành.</li> <li>- Học tập trung cả lớp.</li> <li>- Học trên lớp theo hướng dẫn của GV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên lớp và ở nhà (điều kiện tiên quyết: thuộc bài bản trước khi lên lớp).</li> <li>- Tìm hiểu về nội dung, luyện kĩ thuật và xử lí sắc thái của bài.</li> <li>- Học theo hình thức tổ, nhóm.</li> <li>- Học trên lớp theo hướng dẫn của GV. GV cung cấp tài liệu, bản nhạc, băng đĩa cho sinh viên tự học thêm ở nhà.</li> </ul>
Kết quả dạy và học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên biết hát.</li> <li>- Ít nâng cao hiểu biết về Chèo và Quan họ.</li> <li>- Không xử lí được kĩ thuật hát và biểu diễn của Chèo và Quan họ.</li> <li>- Không có kĩ năng biểu diễn.</li> <li>- Không biết dàn dựng tiết mục.</li> <li>- Không nâng cao năng lực tự hoàn thiện kĩ năng hát và biểu diễn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên biết hát.</li> <li>- Xử lí được kĩ thuật hát và biểu diễn của Chèo và Quan họ.</li> <li>- Thể hiện được tính chất sắc thái của bài/ làn điệu.</li> <li>- Nâng cao hiểu biết về Chèo và Quan họ.</li> <li>- Có năng lực biểu diễn.</li> <li>- Biết dàn dựng tiết mục.</li> <li>- Nâng cao năng lực tự hoàn thiện kĩ năng hát và biểu diễn Chèo và Quan họ.</li> </ul>

Nhìn vào bảng 4.2 so sánh về PPDH hát Chèo, hát Quan họ theo lối dạy cũ và phương pháp mới của luận án cho thấy, các PPDH hát mà chúng tôi đề xuất theo hướng dạy học phát triển năng lực với nhiều biện pháp đi kèm, giúp cho SV nâng cao năng lực tự học, tự hoàn thiện kĩ năng hát, biểu diễn Chèo và Quan họ.

#### **4.4. Thực nghiệm sư phạm**

##### **4.4.1. Mục đích, đối tượng thực nghiệm**

###### **4.4.1.1. Mục đích thực nghiệm**

Trên cơ sở các biện pháp dạy học đã trình bày ở trên, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm (TNSP), nhằm mục đích kiểm nghiệm tính đúng đắn, tính khả

thi và đánh giá hiệu quả của giả thuyết khoa học. Thông qua thực nghiệm, xác nhận giá trị khoa học và thực tiễn của những đề xuất về các PPDH hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc.

Nhận thức và khắc phục những bất cập của quá trình dạy học, đồng thời điều chỉnh, bổ sung, tiến tới hoàn thiện các giải pháp sư phạm, nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả dạy học khi ứng dụng lí thuyết vào thực tiễn.

Rút ra những bài học bổ ích cho việc triển khai những đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, trong đó có đề cập đến PPDH hát Chèo và hát Quan họ cũng như các loại hình dân ca khác.

#### *4.4.1.2. Đối tượng thực nghiệm*

Đối tượng tham gia thực nghiệm và đối chứng phải đồng nhất về trình độ, học lực và khả năng nhận thức. (Các đối tượng tham gia TN phải cùng một niên khóa)

Chúng tôi lựa chọn để tiến hành thực nghiệm sư phạm tại hai lớp. Nhóm TN là lớp học phần 1100087.16.01 với 37 SV và nhóm đối chứng là lớp học phần 1100087.16.03 với 37 SV.

\*Giảng viên dạy thực nghiệm: GV tham gia giảng dạy TN phải có trình độ chuyên môn tốt và kinh nghiệm giảng dạy từ 5 năm trở lên, đặc biệt phải có ý thức đổi mới PPDH. Tác giả luận án là người trực tiếp tham gia giảng dạy ở cả nhóm TN và nhóm ĐC để có những kiểm chứng cụ thể và chuẩn xác hơn và cũng để đảm bảo tính đồng nhất về chuyên môn.

#### **4.4.2. Nội dung, thời gian và chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm**

##### *4.4.2.1. Lựa chọn nội dung dạy và xây dựng kế hoạch thực nghiệm*

*Một là, lựa chọn nội dung dạy thực nghiệm*

Dựa vào chương trình giảng dạy, đối tượng và tiêu chí dạy thực nghiệm, chúng tôi lựa chọn dạy hát hai điệu: Một là bài/điệu *Còn duyên*, dân ca Quan họ Bắc Ninh và hai là bài/điệu *Đường trường duyên phận*, Chèo cổ.

*Hai là, xây dựng kế hoạch thực nghiệm*

Ở bước này, chúng tôi tiến hành việc chọn đối tượng tham gia TN: nhóm TN và nhóm ĐC). Tác giả luận án sẽ trực tiếp giảng dạy ở cả nhóm thực nghiệm và đối chứng.

Tổ chức dạy thực nghiệm trên đối tượng TN chúng tôi sử dụng PPDH hát mới mà luận án xây dựng. Còn đối với nhóm ĐC học hát theo PPDH hát cũ.



#### 4.4.2.2. Thời gian và địa bàn thực nghiệm

- Thời gian thực nghiệm: Thời gian thực dạy học hát Chèo và hát Quan họ trên lớp là 16 tiết (không kể thời gian kiểm tra) từ 29/3 đến 16/4/2017, năm học 2016 - 2017. Tuy nhiên, thời gian TN được đánh giá là cả quá trình dạy học môn Dân ca (từ ngày 29 tháng 3 đến ngày 11 tháng 6 năm 2017). Bởi vì, ngoài các tiết học hát Chèo và hát Quan họ trên lớp, SV còn tự luyện tập ở nhà, đồng thời kiến thức và kỹ thuật hát Chèo và Quan họ còn tiếp tục được củng cố trong suốt quá trình dạy học các thể loại dân ca khác. Kết thúc môn học sẽ thi biểu diễn theo hình thức nhóm, đây cũng là thời gian giúp củng cố, hoàn thiện kỹ năng diễn xướng Chèo và Quan họ cho SV.

- Địa bàn thực nghiệm: Quá trình TN được tiến hành tại Khoa Thanh nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

#### 4.4.2.3. Xây dựng chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm

*\* Cơ sở để lựa chọn các tiêu chí đánh giá:*

Căn cứ vào mục tiêu chương trình đào tạo của Nhà trường. Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng hát Chèo và hát Quan họ của SV. Dựa vào kết quả thu thập thông tin, kết hợp với đọc và phân tích tài liệu có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

Căn cứ vào hệ thống thang năng lực của Giáo sư Benjamin Bloom, một nhà khoa học giáo dục người Mỹ phát triển và công bố năm 1956, đã và đang được nhiều quốc gia sử dụng bởi tính khoa học cũng như độ tin cậy của nó. Từ các tiêu chí về nhận thức của hệ thống này, các nhà sư phạm có thể tự xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực của người học qua môn học.

Từ những căn cứ trên, việc lựa chọn các tiêu chí kiểm tra đánh giá phải có sự chọn lựa và đồng thuận của chuyên gia, cũng như tuân thủ các nguyên tắc khi tiến hành lựa chọn tiêu chí đánh giá dưới đây.

*\* Các nguyên tắc lựa chọn các tiêu chí đánh giá:*

- Thứ nhất, các tiêu chí đánh giá phải đánh giá được các mặt của nội dung và phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

- Thứ hai, việc lựa chọn tiêu chí đánh giá phải đảm bảo độ tin cậy và mang tính thông tin cần thiết của đối tượng nghiên cứu.

- Thứ ba, các tiêu chí đánh giá phải có đơn vị định lượng và chỉ tiêu đánh giá cụ thể, hình thức thực hiện đơn giản, phù hợp với điều kiện thực tiễn của công tác giảng dạy hiện nay.

Cơ sở của các tiêu chí đánh giá là những căn cứ khoa học cơ bản về mặt lý luận của quá trình nghiên cứu, qua đó để xác định được trình tự hệ thống tiêu chí đánh giá cho đối tượng nghiên cứu.

*\* Xây dựng trình tự các bước tiến hành sau:*

Trước khi tiến hành lựa chọn hệ thống tiêu chí đánh giá cho đối tượng nghiên cứu, chúng tôi đã xây dựng trình tự các bước tiến hành sau:

*Bước 1:* Tổng hợp các tư liệu tham khảo, đối chiếu với mục đích yêu cầu đánh sinh viên.

*Bước 2:* Tiến hành sàng lọc các tiêu chí kiểm tra đánh giá.

*Bước 3:* Kiểm định tính thông báo và độ tin cậy của các tiêu chí kiểm tra đánh giá đã lựa chọn.

Các bước nêu trên nhằm đảm bảo tính khoa học để tiến hành lựa chọn tiêu chí đánh giá cho đối tượng nghiên cứu của đề tài.

Kết quả đã xây dựng được bảng tiêu chí đánh giá thực nghiệm với những thông số có tính chất định lượng và một số nhận xét chung về mặt định tính để đánh giá kết quả TN mang tính khoa học được trình bày ở bảng 4.3.

***Bảng 4.3: Tiêu chí đánh giá kỹ năng hát***

<b>Thang bậc</b>	<b>Kỹ năng cần đạt</b>	<b>Điểm</b>
1	- Biết được giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu. - Biết xử lý kỹ thuật hát của Chèo và Quan họ - Biết thể hiện tính chất sắc thái của bài/ làn điệu.	2-4
2	- Hát đúng giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu. - Hiểu cách xử lý kỹ thuật hát và biểu diễn của Chèo và Quan họ. - Hiểu cách thể hiện tính chất sắc thái của bài/ làn điệu.	5-6
3	- Hát chính xác giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu. - Xử lý được kỹ thuật hát và biểu diễn của Chèo và Quan họ. - Thể hiện được tính chất sắc thái của bài/ làn điệu.	7-8
4	- Hát thuần thục giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu. - Sáng tạo trong xử lý kỹ thuật hát và biểu diễn Chèo và Quan họ. - Sáng tạo trong thể hiện tính chất sắc thái, tình cảm của bài/ làn điệu Chèo và Quan họ.	9-10

#### ***4.4.3. Tiến hành thực nghiệm sư phạm***

##### ***4.4.3.1. Kiểm tra, đánh giá tính đồng bộ của đối tượng nghiên cứu***

Sau khi đã lựa chọn được đối tượng TN và đối tượng ĐC, chúng tôi tiến hành kiểm tra tính đồng bộ của hai đối tượng TN và ĐC thông qua bảng tiêu chuẩn

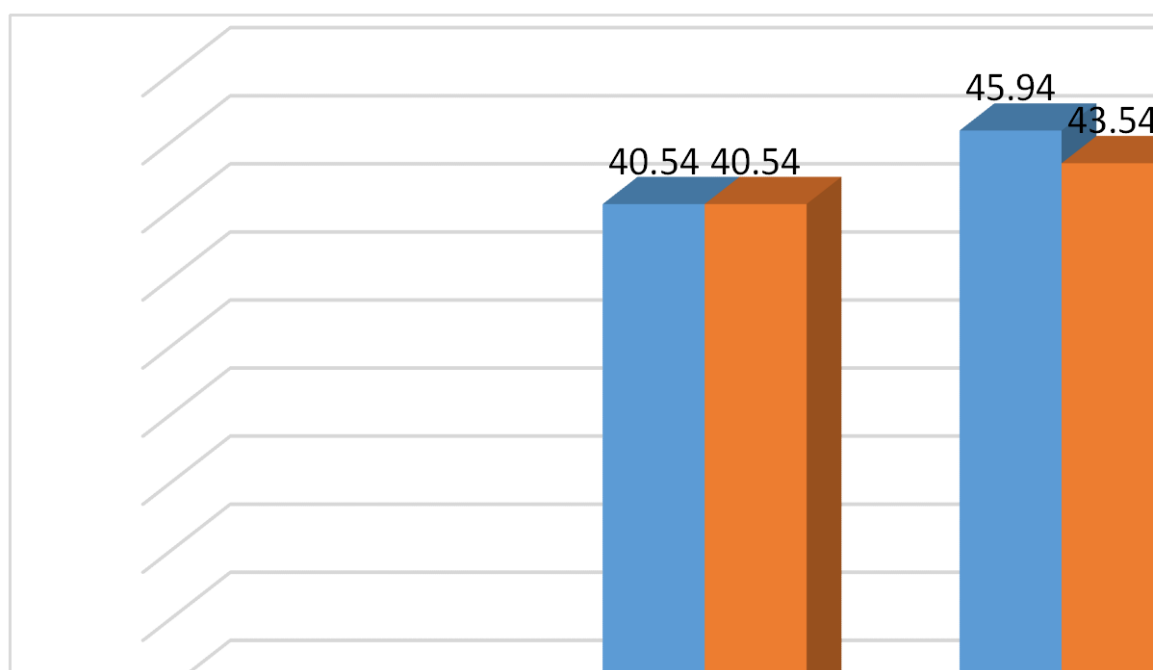
kiểm tra, đánh giá kĩ năng hát mà đề tài đã xây dựng. Nội dung kiểm tra là hát hai điệu: Một là bài/điệu *Còn duyên*, dân ca Quan họ Bắc Ninh và hai là bài/điệu *Đường trường duyên phận*, Chèo cổ. SV được tự tìm hiểu, nghiên cứu trước ở nhà qua bản nhạc cùng với đĩa CD để SV nghe và học thuộc giai điệu bài hát trước khi kiểm tra.

Việc kiểm tra nhằm so sánh trình độ ban đầu của nhóm TN và nhóm ĐC. Nếu kết quả kiểm tra của hai nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê chứng tỏ sự phân nhóm là khách quan. Nếu kết quả kiểm tra có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm cần tiến hành phân nhóm lại để đảm bảo tính khách quan. Kết quả kiểm tra được trình bày ở bảng 4.4.

**Bảng 4.4:** Kết quả kiểm tra, đánh giá trước thực nghiệm của hai đối tượng TN và ĐC ( $n=37$ )

Nhóm đối tượng	Kết quả đạt							
	Yếu		Trung bình		Khá		Giỏi	
	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
<b>Thực nghiệm</b>	5	13,51	17	45,94	15	40,54	0	0
<b>Đối chứng</b>	6	16,21	16	43,24	15	40,54	0	0

Qua bảng 4.4 cho thấy kết quả kiểm tra ban đầu của cả hai đối tượng thực nghiệm thông qua bảng tiêu chuẩn là tương đối đồng đều nhau về mức độ đạt được ở 3 mức yếu, trung bình và khá, riêng ở mức giỏi không có SV nào đạt. Sự chênh lệch giữa các mức độ là không đáng kể. Qua đó cho thấy hai đối tượng TN và đối tượng ĐC là đồng nhất, sự chênh lệch trong ngưỡng xác xuất thống kê cho phép. Chúng tôi bắt đầu tiến hành thực nghiệm.



**Biểu đồ 4.1:** Kết quả kiểm tra, đánh giá trước thực nghiệm của hai nhóm

#### 4.4.3.2. Tổ chức dạy thực nghiệm sư phạm

##### *Bước 1: Chuẩn bị bài*

Trước khi tiến hành việc dạy TN, GV phát tài liệu về kĩ thuật hát, biểu diễn Chèo và Quan họ để SV tự tìm hiểu, nghiên cứu trước ở nhà. Đồng thời, cung cấp bản nhạc bài/điệu *Còn duyên* và *Đường trường duyên phận* cùng với đĩa CD để SV nghe các nghệ nhân hát, học thuộc lời và giai điệu trước khi lên lớp.

##### *Bước 2: Học hát*

Sau khi SV đã tự học thuộc giai điệu của bài, GV cho lớp hát lại toàn bài với phần nhạc đệm bằng các nhạc cụ dân tộc để kiểm tra mức độ hát đúng giai điệu rồi mới rèn luyện kĩ thuật hát đặc trưng của thể loại. GV hướng dẫn SV luyện riêng từng kĩ thuật, sau đó ghép lại các kĩ thuật với nhau, thực hiện từng câu một cho đến hết bài. Phần trang bị kiến thức và luyện kĩ năng nghe sẽ được thực hiện song song với luyện kĩ thuật hát để bổ trợ cơ sở lí thuyết trong quá trình rèn luyện kĩ năng thực hành.

##### *Bước 3: Hoàn thiện kĩ năng diễn xướng*

GV cho SV chia thành các tổ, nhóm nhỏ để tiếp tục rèn luyện, hoàn thiện kĩ năng hát. Đồng thời, GV trang bị một số tư thế biểu diễn Chèo và Quan họ để các nhóm luyện tập, dàn dựng bài. Với bước này, GV chú trọng việc phát huy năng lực, tính chủ động của SV trong biểu diễn, dàn dựng bài học dưới sự hướng dẫn và chỉnh sửa của GV.

##### *Bước 4: Củng cố bài học*

GV cho lớp, nhóm hát và biểu diễn lại một hai lần, qua đó đánh giá mức độ hiểu, thuộc, xử lí được hay chưa được về kĩ thuật hát đặc trưng của Chèo và Quan họ, từ đó, giúp SV nhận diện những ưu điểm và hạn chế cần chỉnh sửa khắc phục cho giờ học sau.

#### 4.4.4. Đánh giá kết quả và kết luận sư phạm sau thực nghiệm

##### 4.4.4.1. Đánh giá kết quả thực nghiệm

###### *\* Về mặt định lượng*

Kết thúc thời gian thực nghiệm sư phạm, chúng tôi đã tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học hát Chèo và hát Quan họ của SV 2 lớp TN và ĐC.

- Nội dung, hình thức kiểm tra: Mỗi nhóm trình bày 1 làn điệu Chèo và 1 làn điệu Quan họ trong chương trình học đã lựa chọn. Kiểm tra theo từng nhóm biểu diễn và tách riêng kiểm tra cá nhân hát làn điệu mà nhóm mình trình diễn.

- Thang đánh giá xếp theo 4 mức: yếu, trung bình, khá và giỏi.

**Bảng 4.5:** Kết quả kiểm tra, đánh giá sau thực nghiệm của nhóm TN và ĐC (n=37)

Nhóm đối tượng	Kết quả đạt							
	Yếu		Trung bình		Khá		Giỏi	
	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
<b>Thực nghiệm</b>	0	0	6	16,22	19	51,35	12	32,43
<b>Đối chứng</b>	0	0	15	40,54	16	43,24	6	16,22

Kết quả ở bảng 4.5 cho thấy, nhóm TN có 31 SV đạt loại khá và giỏi chiếm tỉ lệ là 83,78%. Loại trung bình, nhóm TN chỉ có 06 SV chiếm tỉ lệ là 16,22%. Ở nhóm ĐC tỉ lệ khá và giỏi chỉ đạt 22 SV chiếm tỉ lệ 59,46%. Ở loại trung bình thì nhóm ĐC có tới 15 SV chiếm tỉ lệ là 40,54% nhiều gần gấp hơn 2 lần so với nhóm TN. Riêng ở mức yếu thì cả hai nhóm đều không có sinh viên nào. Qua đó cho thấy sau thời gian thực nghiệm sư phạm kết quả của nhóm TN tăng gấp hai lần so với nhóm ĐC về cả 3 mức thang bậc đánh giá. Điều đó chứng minh rằng, với PPDH theo kết quả nghiên cứu của luận án thì chất lượng dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW đã đem lại hiệu quả cao hơn so với PPDH hát cũ.

*\* Về mặt định tính:*

- *Kiến thức:* Trước khi học, phần lớn SV ở cả nhóm đối chứng và thực nghiệm ít hiểu biết về Chèo, Quan họ và mức độ hát tương đương nhau. Sau khi học, SV nhóm TN đã nắm được kiến thức về thể loại, đặc điểm âm nhạc, hiểu, nhận diện được kĩ thuật hát Chèo, hát Quan họ, đồng thời biết vận dụng kiến thức vào quá trình rèn luyện kĩ năng thực hành diễn xướng.

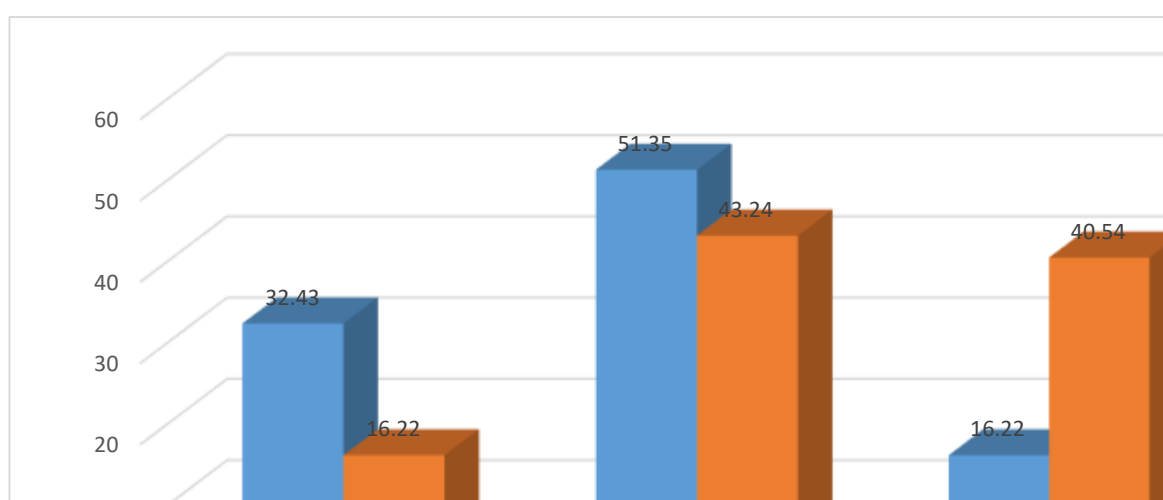
- *Kĩ năng:* Sau khóa học, SV của nhóm TN có kĩ năng hát Chèo và hát Quan họ cao hơn gấp 2 lần nhóm ĐC. Đồng thời, SV có thể biểu diễn, dàn dựng làn điệu Chèo, Quan họ trong nội và ngoại khóa. Thông qua khóa học hát dân ca, SV hình thành được những kĩ năng hát, biểu diễn cơ bản, tạo cơ sở cho giúp SV tiếp tục tự luyện tập, phát triển kĩ năng, kĩ xảo về diễn xướng Chèo và Quan họ một cách bền vững. Qua đó, giúp SV tự rèn luyện kĩ năng diễn xướng độc lập, dàn dựng được làn điệu dân ca theo nhóm, theo lớp.

- *Thái độ:* Với nội dung và PPDH hát Chèo và hát Quan họ đề cao PPDH tích cực theo phát triển năng lực, giúp SV rất hào hứng trong các giờ luyện tập. SV ý thức được giá trị của việc học hát Chèo, hát Quan họ nói riêng và môn *Dân ca* nói

chung, có thái độ trân trọng âm nhạc truyền thống, biết giữ gìn và phát huy lối hát cổ truyền của dân ca Việt Nam.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sau khi học hát theo PPDH do luận án đề xuất, SV có năng lực tự rèn luyện kỹ năng hát độc lập bài/làn điệu Chèo và Quan họ. Tự nâng cao nhận thức lí luận về kỹ thuật hát, hoàn thiện và hình thành kỹ năng diễn xướng, dàn dựng làn điệu/bài hát cụ thể trong các hoạt động nội và ngoại khóa.

Như vậy, từ kết quả TN sư phạm cho thấy, PPDH hát Chèo và hát Quan họ mà luận án đề xuất có tính khả thi, mang lại hiệu quả tích cực, cải thiện chất lượng dạy học trong điều kiện thực tế giảng dạy ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.



**Biểu đồ 4.2:** Kết quả kiểm tra, đánh giá sau thực nghiệm của hai nhóm

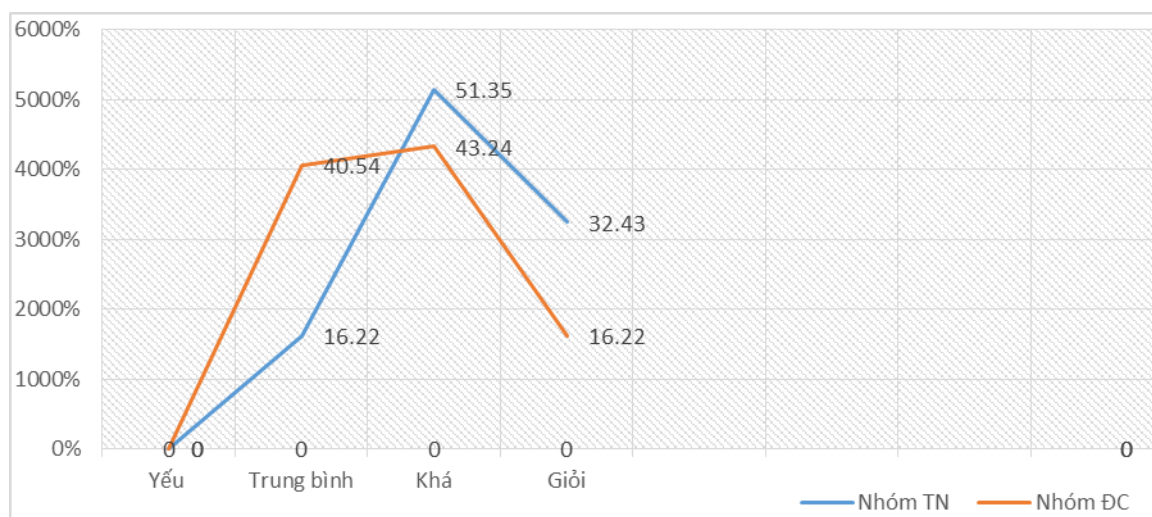
#### 4.4.4.2. So sánh kết quả của hai nhóm trước và sau thực nghiệm sư phạm

Để thấy rõ hơn về sự khác biệt giữa hai nhóm, chúng tôi đem so sánh kết quả học hát của hai nhóm TN và ĐC. Đồng thời đối chiếu về sự khác biệt trước và sau thực nghiệm của mỗi nhóm. Kết quả trình bày tại bảng 4.6.

**Bảng 4.6:** So sánh kết quả học hát của hai nhóm trước và sau thực nghiệm

Thời điểm	Nhóm thực nghiệm				P	Nhóm đối chứng				P
	(n= 37)					(n= 37)				
	Yếu	TB	Khá	Giỏi		Yếu	TB	Khá	Giỏi	
TTN	5 13,51	17 45,94	15 40,54	0 0	< 0.05	6 16,21	16 43,24	15 40,54	0 0	> 0.05
STN	0 0	6 16,22	19 51,35	12 32,43		0 0	15 40,54	16 43,24	6 16,22	
So sánh	t <sub>tính</sub> > t <sub>bảng</sub> với P < 0.05					t <sub>tính</sub> < t <sub>bảng</sub> với P > 0.05				

Kết quả học hát của nhóm TN đạt cao hơn so với nhóm ĐC, cụ thể là: Nhóm TN tỉ lệ ở hai mức khá và giỏi giữa trước và sau thực nghiệm là 43.24%; còn ở nhóm ĐC là 18.91%. Điều đó cho thấy PPDH mới đã phát huy được hiệu quả trong thực nghiệm trên cùng đối tượng. Giả thiết khoa học của luận án đã được làm sáng tỏ bằng kết quả tăng trưởng sau thực nghiệm sư phạm. Để thấy rõ hơn chúng tôi lập biểu đồ biểu thị hiệu quả tăng trưởng của hai nhóm trước và sau thực nghiệm. Biểu đồ 4.3.



**Biểu đồ 4.3:** So sánh kết quả học hát của hai nhóm thực nghiệm sư phạm

#### 4.4.4.3. Một số kết luận sư phạm rút ra từ thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm cho thấy tính khả thi của các giải pháp dạy học hát Chèo và hát Quan họ được đề xuất trong luận án. Đồng thời, sau quá trình học hát, SV không những nâng cao kiến thức về diễn xướng trên phương diện lí thuyết, mà còn biết thể hiện tốt làn điệu Chèo, Quan họ cả về hát và biểu diễn. Một số ý kiến phản hồi của các giảng viên hiện đang trực tiếp giảng dạy môn Dân ca của Khoa Thanh nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW và một số cơ sở đào tạo khác đã đánh giá những đề xuất về phương pháp dạy hát trong luận án có tính khả thi và cho rằng, các biện pháp trong rèn luyện kĩ năng hát phù hợp với khả năng ca hát của SV, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đào tạo, khắc phục được khó khăn, đặc biệt là về thời lượng dạy hát dân ca ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Nhìn lại từ quá trình tổ chức dạy học thực nghiệm, qua trao đổi, rút kinh nghiệm giảng dạy, chúng tôi có một số nhận định đánh giá sau: Một là, PPDH hát Chèo và hát Quan họ do luận án đề xuất và việc tổ chức thực nghiệm sư phạm có tính khả thi đối với đối tượng SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật

TW. Hai là, hoàn thiện nội dung, đổi mới PPDH học hát Chèo và hát Quan họ, qua kết quả thực nghiệm, chúng tôi có thể khẳng định: *Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc* là một hướng đi đúng và có thể triển khai rộng khắp, đạt hiệu quả không chỉ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, mà còn ở các Trường Đại học thuộc khu vực miền Bắc có đào tạo ĐHSP Âm nhạc, diễn viên Chèo và Quan họ.

### **Tiểu kết**

Chương 4 đã phân tích, chỉ ra những yêu cầu kỹ thuật về khẩu hình, vị trí, hơi thở, phát âm – nhả chữ, luyện chữ và xử lý thanh điệu của Chèo và Quan họ, cách thực hiện kỹ thuật hát *vang, rền, nền, nảy* của Quan họ và *ngân nảy hạt, rung giọng, liền hơi, nhấn, ngắt* của Chèo. Qua đó, đề xuất phương pháp luyện tập hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc. Những kiến thức này không những cần thiết để GV nâng cao năng lực dạy hát Chèo và hát Quan họ, mà còn thật sự thiết thực, bổ ích để SV có thể tự luyện tập, với sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn. Đây là điểm khác biệt quan trọng của PPDH mà chúng tôi đề xuất so với phương pháp truyền khẩu thuần túy.

Để nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy hát Chèo và hát Quan họ, chúng tôi đã đưa ra các biện pháp mang tính tổng thể, hỗ trợ lẫn nhau, triệt để tận dụng những thế mạnh trong dạy học ở bậc Đại học, đặc biệt chú trọng phát huy khả năng tư duy lí luận, chủ động tự học của SV. Quan điểm của chúng tôi trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở bậc ĐHSP Âm nhạc: Một là, không chỉ dạy hát, mà còn giúp SV nâng cao khả năng biểu diễn Chèo và Quan họ. Hai là, không chỉ dạy kỹ năng thực hành, mà còn chú trọng đến nâng cao nhận thức lí luận về diễn xướng Chèo và Quan họ. Ba là, không chỉ rèn luyện kỹ năng hát mà cần song song với luyện nghe bằng các hình thức đa dạng cho SV. Bốn là, chú trọng phát triển và nâng cao năng lực tự học, phát huy tính sáng tạo trong rèn luyện kỹ năng diễn xướng của SV. Năm là, kết hợp dạy truyền khẩu với các PPDH âm nhạc truyền thống và hiện đại. Và, sáu là, tăng cường sử dụng PPDH tích cực theo phát triển năng lực trong rèn luyện kỹ năng hát Chèo và hát Quan họ. Quan điểm này đã được kiểm nghiệm và đánh giá tích cực, đem lại hiệu quả, chất lượng qua kết quả dạy thực nghiệm tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.



## KẾT LUẬN

Chèo và Quan họ là hai thể loại đặc sắc của âm nhạc dân gian cổ truyền Việt Nam, có thể được xem là đại diện tiêu biểu cho vùng châu thổ sông Hồng. Cả Chèo và Quan họ đều có lịch sử hình thành, phát triển lâu đời và cho tới nay cả hai đều vẫn giữ được chỗ đứng trong lòng khán giả, in đậm trong tâm trí của người dân vùng châu thổ sông Hồng, làm say mê không chỉ khán giả trong nước, mà cả khách quốc tế, khẳng định sức sống trường tồn của giá trị văn hóa dân tộc.

Tuy hai thể loại này khác nhau về hình thức diễn xướng, Quan họ thuộc thể loại hát giao duyên, Chèo thuộc loại hình sân khấu và có nhiều điểm khác biệt, song về kỹ thuật hát lại có một số điểm tương đồng.

Nghệ thuật Chèo mang tính nguyên hợp, là sự tổng hòa của nhiều yếu tố kết hợp như thơ ca, hát, âm nhạc, kịch... Chèo có một tiến trình lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Là loại hình kịch hát có hệ thống nhân vật đa dạng, biểu hiện các trạng thái, cung bậc cảm xúc khác nhau của con người, nên giai điệu trong Chèo vô cùng phong phú, với rất nhiều làn điệu và có thể lập thành 8 hệ thống mang những đặc trưng các dạng tính chất khác nhau: vui, buồn, xót xa, ai oán, dí dỏm, hài hước, châm biếm... Giai điệu trong Chèo mang những nét đặc trưng của văn hóa vùng châu thổ sông Hồng, thể hiện tâm lý, tình cảm, tính cách, thẩm mỹ của người dân Bắc Bộ. Tính nhiều vẻ trong giai điệu của Chèo đã dẫn đến sự phong phú trong kỹ thuật hát với những đặc trưng như: *liền hơi, nảy hạt, rung ngân, nhấn, ngắt*...

Là thể loại hát giao duyên, được sinh ra, phát triển ở vùng đất Kinh Bắc trù phú và giàu truyền thống văn hóa, Quan họ mang nét đẹp kín đáo, sâu sắc, đặc trưng về tính cách và thẩm mỹ của người dân nơi đây; giai điệu có đặc điểm nổi bật là *tính trữ tình* và vẻ đẹp sang trọng, lối chơi tao nhã của người Kinh Bắc thể hiện qua phong cách hát tinh tế với kỹ thuật hát *vang - rền - nền - nảy*.

Xuất phát từ những giá trị của nghệ thuật Chèo và Quan họ, do yêu cầu cần thiết bảo tồn và gìn giữ văn hóa truyền thống, Luận án đã nghiên cứu đề xuất những PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc. Luận án đã đóng góp được một Tổng quan có giá trị về tình hình nghiên cứu của các công trình đi trước, xây dựng cơ sở khoa học cho sự kế thừa, khẳng định những khoảng trống mà luận án cần nghiên cứu, để tìm ra những vấn đề mới; những vấn đề lý luận về dạy học môn hát dân ca; những nét khái quát về Chèo và Quan họ để làm cơ sở cho việc phân tích các kỹ thuật hát, đồng thời cũng là cơ sở để tìm ra các PPDH hát cho hai thể loại này.

Mặc dù cả Chèo và Quan họ đều rất phong phú, đa dạng về làn điệu, song vẫn có thể chia ra, xác lập thành các hệ thống làn điệu (Chèo có 8 hệ thống làn điệu, Quan họ có 3 hệ thống làn điệu) với nhiều đặc điểm khác biệt, song cả hai đều có những đặc điểm tương đồng trong kỹ thuật hát. Những điểm tương đồng được thể hiện trên nhiều phương diện như: khẩu hình, hơi thở, một số vấn đề trong phát âm nhả chữ, luyện chữ và xử lý thanh điệu... Điểm khác biệt cũng được thể hiện rõ trên nhiều mặt như: vị trí âm thanh, các giai đoạn phát âm nhả chữ (khởi chữ, mở chữ, đóng chữ); các kỹ thuật hát đặc trưng, chẳng hạn của Quan họ ở cách hát *vang - rền - nền - nảy*, của Chèo là ở cách hát *ngân nảy hạt, rung giọng, liền hơi, nhấn ngắt*... Chính những điểm tương đồng đã làm nên văn hóa âm nhạc vùng châu thổ sông Hồng, những điểm khác biệt đã làm nên vẻ đẹp đặc trưng độc đáo của Chèo và của Quan họ.

Dạy học hát Chèo, hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW đã minh chứng rằng, nhà trường là cơ sở đào tạo trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm nghệ thuật của Việt Nam. Qua việc tìm hiểu thực trạng dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi nhận diện và phát hiện thêm một số vấn đề liên quan đến lý luận và thực trạng dạy học môn hát dân ca, giúp phát huy những ưu điểm, khắc phục được những nhược điểm trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

Trong dạy học hát dân ca Việt Nam nói chung, hát Chèo và Quan họ nói riêng, phương pháp truyền dạy được đánh giá là một trong những biện pháp hiệu quả để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Song thực tế hiện nay cho thấy, việc dạy hát Chèo, hát Quan họ ở bậc Đại học đòi hỏi GV không chỉ có kỹ năng hát tốt, mà còn cần am hiểu sâu về những đặc trưng trong lối hát Quan họ, hát Chèo. Có như vậy, GV mới có thể không chỉ dạy kỹ năng, mà còn có thể giảng giải tri thức, nhận diện được sự khác biệt trong lối hát Quan họ, hát Chèo với những cách hát của các thể loại dân ca khác. Với quan điểm như vậy, Luận án của chúng tôi đã đề cao vai trò của *giảng* (giảng giải những kiến thức về khái niệm, kỹ thuật hát, biểu diễn) và đặt ngang tầm với *dạy* (kỹ năng thực hành), khi truyền dạy hát Chèo, hát Quan họ cho SV. Điều đó hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu thực tiễn và lý luận giảng dạy ở bậc Đại học theo xu thế phát triển ngày nay.

Mặc dù cách dạy truyền khẩu được đánh giá cao, song đối với hệ ĐHSP Âm nhạc, việc chỉ dùng cách dạy truyền khẩu đơn thuần sẽ có nhiều hạn chế, khó đưa lại chất lượng và hiệu quả tối ưu. Vì vậy, cần phải kết hợp cách dạy truyền khẩu với các PPDH âm nhạc khác. Tựu trung lại, đâu là khó khăn, ngại ngần do đã quá quen

với lời dạy truyền khẩu, thì việc nắm vững những kiến thức cơ bản về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở, xử lý thanh điệu, phát âm- nhả chữ sao cho tròn vành - rõ chữ khi hát là không thể bỏ qua và thậm chí còn là sự cần thiết bắt buộc đối với dạy và học hát Chèo, hát Quan họ ở bậc Đại học. Như vậy, quan điểm của chúng tôi là đề cao vai trò của nhận thức lí luận về kĩ thuật hát, coi đây là biện pháp hỗ trợ tích cực trong việc rèn luyện kĩ năng thực hành dạy học hát Chèo và hát Quan họ ở bậc ĐHSP Âm nhạc.

Sự phân tích, miêu tả kĩ thuật hát, đề ra phương pháp rèn luyện kĩ năng hát Chèo, hát Quan họ, đặc biệt là những kiến giải mang tính lí luận về Chèo, Quan họ của luận án, là một cơ sở vững chắc để soạn thảo tài liệu cung cấp kiến thức và phương pháp luyện tập không chỉ riêng cho SV, mà còn cần thiết cho cả GV. Chúng tôi xem trọng việc kết hợp các biện pháp trong rèn luyện kĩ năng hát: *trang bị kiến thức - luyện nghe - luyện hát - biểu diễn* cùng với những kiến giải kèm theo trong vấn đề đổi mới PPDH hát dân ca: *vận dụng kiến thức lí thuyết trong thực hành rèn luyện kĩ năng; phối kết hợp giữa lời dạy truyền khẩu với các PPDH Âm nhạc truyền thống và hiện đại; tăng cường sử dụng PPDH tích cực theo hướng phát triển năng lực; phát huy năng lực tự học và sáng tạo của SV thông qua biểu diễn trong các hoạt động ngoại khoá; đồng thời, thiết lập và sử dụng quy trình dạy học mới trong rèn luyện kĩ năng hát*. Như vậy, PPDH hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc có nhiều đổi mới so với lời dạy truyền khẩu thuần túy phổ biến từ xưa cho tới nay trong dạy học môn dân ca nói chung, dạy học hát Chèo, hát Quan họ nói riêng.

Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học hát Chèo, hát Quan họ, mà còn có thể vận dụng vào dạy học hát ở các thể loại dân ca khác. Chính vì vậy, nói đến dạy học *hát Quan họ, hát Chèo*, thực chất là đã đề cập đến PPDH môn *Dân ca* ở hệ ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

NCS cho rằng, kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy học hát Chèo và hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, mà còn có thể được ứng dụng cho các Trường có đào tạo chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc; Khoa Quan họ, Trường Cao Đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Bắc Ninh, các câu lạc bộ dạy hát Quan họ; Khoa Kịch hát dân tộc đào tạo chuyên sâu về diễn viên Chèo tại Trường Đại học Sân khấu - Điện Ảnh Hà Nội; Các Trường Văn hoá Nghệ thuật ở các tỉnh đào tạo về diễn viên Chèo đều có thể vận dụng kĩ thuật hát, PPDH hát, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo về diễn viên, giáo viên phổ thông, giảng viên trong dạy học hát Chèo và hát Quan họ.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Đặng Phương Lan (2010), *Thử tìm cách giải nghĩa rền và nền trong dân ca Quan họ*, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống* (Số 11), tr. 46-47.
2. Đặng Thị Lan (2017), *Một cách lí giải về tên gọi Quan họ*, Tạp chí *Khoa học giáo dục Nghệ thuật* (Số 21), tr. 67 - 68.
3. Đặng Thị Lan (2018), *Phát âm - nhả chữ trong trong hát Quan họ*, Tạp chí *Khoa học giáo dục Nghệ thuật* (Số 26), tr. 52-54
4. Đặng Thị Lan (2018), *Một cách lí giải về tên gọi Chèo*, Tạp chí *Khoa học giáo dục Nghệ thuật* (Số 27), tr. 33 - 35.
5. Đặng Thị Lan (2018), *Đổi mới phương pháp dạy học hát Chèo và Quan họ ở hệ DHSP Âm nhạc*, Tạp chí *Khoa học giáo dục* (Số đặc biệt tháng 09), tr. 177 - 181.
6. Đặng Thị Lan (2019), *Phương pháp dạy học hát dân ca cho giáo viên âm nhạc ở các trường phổ thông*, Kĩ yếu khoa học *Bồi dưỡng giáo viên nghệ thuật đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới* của Bộ GD và ĐT, Trường DHSP Nghệ thuật TW, tr. 116 - 123.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aliénor Anisensel (2008), “Hát Ca trù - một hiện tượng độc đáo trên thế giới”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Hát Ca trù người Việt*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
2. Nguyễn Trọng Ánh (2000), *Âm nhạc Quan họ*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
3. Nguyễn Trọng Ánh (2005), *Những giá trị của Nghệ thuật Âm nhạc trong hát Quan họ*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội.
4. Đặng Tự Ân (2017), *Mô hình trường học mới Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Trần Bảng (1992), *Kỹ thuật biểu diễn Chèo*, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
6. Trần Bảng (1999) *Khái luận về Chèo*, Viện Sân khấu - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Bách - Tiến Lộc - Hạnh Thi (2000), *Thuật ngữ âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
8. Nguyễn Khắc Bảo (2004), “*Nguyễn Du hiểu về từ Quan họ*”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (số 5), Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (1999), *Hoạt động dạy học*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Chí Bền (2011), *Dân ca Quan họ Bắc Ninh, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), *Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội “Về việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông”*.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
13. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT “Về chương trình giáo dục phổ thông”.
14. Lê Ngọc Canh (2003), *Nghệ thuật múa Chèo*, Nxb Sân khấu viện Sân khấu - Hà Nội.
15. Hà Văn Cầu (2005), *Lịch sử nghệ thuật Chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
16. Lê Văn Chường (2004), *Dân ca Việt Nam những thành tố và chỉnh thể nguyên hợp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Nguyễn Xuân Diện (2007), *Lịch sử và Nghệ thuật Ca trù*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Nguyễn Hiền Đức (2012), *Nghệ thuật hát nói trong Ca trù*, Luận án Thạc sĩ Nghệ thuật Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
19. Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề (1962), *Việt Nam Ca trù biên khảo*, Nxb Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
20. Đoàn dân ca Quan họ Bắc Ninh (1998), *Sum họp trúc mai*, Nxb Ty Văn hóa Hà Bắc.
21. Nguyễn Bình Định (2010), *Một giải pháp kí âm cho nhạc truyền thống Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
22. Nguyễn Bình Định (2011), “Đào tạo ngành Âm nhạc dân tộc học tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong thế kỷ XXI và một số vấn đề về âm nhạc dân tộc học*, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, tr. 11-17.
23. Thanh Hà (1995), *Âm nhạc hát Vãn*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
24. Trần Quang Hải (2008), “Ca trù nhìn từ quan điểm âm thanh học”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Hát Ca trù người Việt*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
25. Bùi Đức Hạnh (1964), *Ca hát trong Chèo*, Ban Nghiên cứu Nghệ thuật Chèo, Hà Nội.
26. Bùi Đức Hạnh (2004), *Tìm hiểu âm nhạc sân khấu Chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
27. Bùi Đức Hạnh (2006), *150 làn điệu Chèo cổ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
28. Hà Thị Hoa (2008), *Nghệ thuật Chèo trong đời sống văn hóa*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện văn hóa - thông tin, Hà Nội.
29. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2018, tái bản), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, Nxb ĐHSP Hà Nội, Hà Nội.
30. Phạm Lê Hòa (2009), *Giới thiệu về dân ca Việt Nam* (Đề án: hỗ trợ đưa dân ca vào trường Trung học cơ sở).
31. Phạm Lê Hòa (2011), “Đào tạo ngành sư phạm âm nhạc thế kỷ XXI” đăng trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong thế kỷ XXI và một số vấn đề về âm nhạc dân tộc học*, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, tr. 26-28.

32. Phạm Lê Hòa (2013), *Giáo trình Phân tích tác phẩm Âm nhạc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội
33. Trương Quang Học chủ biên (2017), *Giáo trình tâm lý học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
34. Trần Bá Hoàn (2003), *Lý luận cơ bản về dạy và học tích cực, tài liệu bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
35. Nguyễn Đức Hoàng (2015), *Truyền dạy Trống Quân tại Trường Trung học cơ sở Đức Bắc*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương.
36. Nguyễn Đức Hoàng (2019), *Hát Trống Quân ở Trung du Bắc Bộ và châu thổ sông Hồng*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
37. Lê Thanh Hiền (1996), *Tổng luận nghệ thuật Chèo nửa sau thế kỷ XX*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
38. Hoắc Công Huỳnh (2006), “Nhìn nhận sự phát triển của Dân ca Quan họ thông qua việc tìm hiểu “Quan họ cổ” và “Quan họ mới”, *Quan họ Bắc Ninh - thực trạng và giải pháp bảo tồn*, Sở văn hóa thông tin Bắc Ninh.
39. Đào Việt Hưng (1999), *Tìm hiểu điệu thức dân ca người Việt Bắc Trung bộ*, Viện Âm nhạc, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
40. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - lý luận - biện pháp - kỹ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
41. Lục Vĩnh Hưng (2014), *Đưa hát Chèo vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm âm nhạc - công tác đội*, Trường Cao đẳng Hải Dương, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Thanh Hương (2013), *Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Hát dân ca tại khoa sư phạm âm nhạc Học Viện Âm nhạc Huế*, Luận án Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
43. Phạm Tú Hương (2004), *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
44. Đinh Thị Thanh Huyền (2005), *Tục chơi Quan họ xưa và nay*, Luận án Tiến sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia, Hà Nội.

45. Vũ Ngọc Khánh chủ biên (2003), *Từ điển văn hóa giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
46. Trần Văn Khê (2000), *Trần Văn Khê và Âm nhạc dân tộc*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
47. Nguyễn Trung Kiên (2001), *Phương pháp sư phạm Thanh nhạc*, Nhạc viện Hà Nội - Viện Âm nhạc, Hà Nội.
48. Lê Danh Khiêm (2000), “Những đặc trưng ngôn ngữ lời ca Quan họ”, *Một số vấn đề văn hóa Quan họ*, Trung tâm Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh.
49. Lê Danh Khiêm (2006), “Nguồn gốc sinh hoạt văn hóa Quan họ, các mặt hoạt động của sinh hoạt Văn hóa Quan họ”, *Không gian văn hóa Quan họ*, Trung tâm Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh.
50. Hoàng Kiều (1974), *Sử dụng làn điệu Chèo*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
51. Hoàng Kiều (2001), *Thanh điệu tiếng Việt và Âm nhạc cổ truyền*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
52. Hoàng Kiều (2003), *Tìm hiểu các làn điệu Chèo cổ*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
53. Hoàng Kiều, Hà Hoa (2007), *Những làn điệu Chèo cổ chọn lọc*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
54. Hồ Mộ La (2008), *Phương pháp dạy Thanh nhạc*, Nxb Từ điển bách khoa thư, Hà Nội.
55. Đặng Thị Lan (2014), *Dạy hát Quan họ ở Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
56. Trần Ngọc Lan (2011), *Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
57. Nguyễn Thị Mỹ Liêm (2014), *Âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nhạc viện TPHCM.
58. Nguyễn Thụy Loan (2006), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, N phương pháp dạy học xb ĐHSP, Hà Nội.
59. Hoàng Long - Hoàng Lâm (2005), *Phương pháp dạy học Âm nhạc (giáo trình dùng cho các trường Cao đẳng Sư phạm đào tạo giáo viên Trung học cơ sở)*.
60. Hoàng Long - Việt Hồng - Hoàng Lâm - Lê Anh Tuấn (2008), *Tư liệu dạy học Âm nhạc Trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.



61. Vĩnh Long (1976), *Sự tròn vành rõ chữ của tiếng hát dân tộc*, Nxb Viện Nghệ thuật, Hà Nội.
62. Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) - Đỗ Hương Trà (2018), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, in lần thứ ba, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
63. Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý (1978), *Quan họ- Nguồn gốc và quá trình phát triển*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
64. Võ Văn Lý (2000), *Tròn vành rõ chữ trong nghệ thuật hát dân tộc*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
65. Nguyễn Tố Mai (2020), *Nghiên cứu nội dung và PPDH mới cho SV sư phạm âm nhạc đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông ở Việt Nam*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ giáo dục và đào tạo-Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.
66. Nguyễn Đức Mậu (1999), *Thể loại Hát nói trong sự vận động của lịch sử Văn học*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
67. Nguyễn Đức Mậu (biên soạn - 2003), *Ca trù nhìn từ nhiều phía*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
68. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học Đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
69. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2011), *Lý luận dạy học hiện đại, một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học*, Đại học Postdam, CHLB Đức. Postdam - Hà Nội.
70. Phạm Phúc Minh (1993), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
71. Ngô Thị Nam (1993), *Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc (tập 2)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
72. Ngô Thị Nam (2001), *phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
73. Bùi Huyền Nga (2001), *Giáo trình môn “Âm nhạc dân tộc cổ truyền Việt Nam”*, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội.
74. Bùi Huyền Nga (2004), *Một số dạng cấu trúc trong dân ca người Việt*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội.
75. Trần Thị Kim Nga (2013), *Nâng cao chất lượng giảng dạy môn dân ca cho hệ Cao đẳng tại trường Đại học Đồng Nai*, Luận án Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
76. Nhiều tác giả (1972), *Một số vấn đề về dân ca quan họ*, Ty Văn hóa Hà Bắc.

77. Nhiều tác giả (1990), *Mấy vấn đề về nghệ thuật Chèo, Kỹ yếu hội thảo khoa học*, Viện Sân khấu và Sở Văn hóa thông tin Hà Nội, Hà Nội.
78. Nhiều tác giả (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
79. Nhiều tác giả (2003), *Hợp tuyển tài liệu nghiên cứu - lý luận - phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX* (tập I-VII), Nxb Viện Âm nhạc, Hà Nội.
80. Nhiều tác giả (2006), *Đặc khảo ca trù*, Viện Âm nhạc, Hà Nội
81. Nhiều tác giả (2006), *Không gian văn hóa Quan họ Bắc Ninh: bảo tồn và phát huy*, Viện văn hóa thông tin - Sở văn hóa thông tin Bắc Ninh.
82. Nhiều tác giả (2006), *Vùng văn hóa Quan họ Bắc Ninh*, Viện văn hóa thông tin - Sở văn hóa thông tin Bắc Ninh.
83. Nhiều tác giả (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
84. Nhiều tác giả (2008), *Kỹ yếu hội thảo khoa học quốc tế Hát Ca trù người Việt*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
85. Nguyễn Đăng Nghị (2011), *Bay lên từ truyền thống*, Nxb Văn hoá thông tin Hà Nội, Hà Nội.
86. Trần Đình Ngôn (1993) *Đường trường phải chiều*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
87. Trần Việt Ngữ và Hoàng Kiều (1964), *Tìm hiểu sân khấu chèo*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
88. Trần Việt Ngữ (1969), *Vấn đề nhạc Chèo*, Viện Sân khấu, Hà Nội.
89. Trần Việt Ngữ (1996), *Về nghệ thuật Chèo*, Nxb Viện Âm nhạc, Hà Nội.
90. Trần Việt Ngữ (2000), *Hát Xẩm*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
91. Trần Thị Ngọc, *Giáo trình múa Chèo*, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội.
92. Tú Ngọc (1994), *Dân ca người Việt*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
93. Nguyễn Thị Nhung (2005), *Phân tích tác phẩm âm nhạc*, Nxb Bách Khoa, Hà Nội.
94. Nguyễn Thị Thanh Phương (2011), *Âm nhạc sân khấu Chèo nửa cuối thế kỷ XX*, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, Hà Nội.
95. Nguyễn Thị Thanh Phương (2015), *Diễn xướng âm nhạc trong Chèo giai đoạn 1951 đến 2013 - truyền thống và biến đổi*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học.
96. Nguyễn Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc (1962), *Dân ca quan họ Bắc Ninh*, Nxb Văn hóa, Viện Văn học, Hà Nội.

97. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
98. Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Văn hóa thể thao - Du lịch Tỉnh Bắc Ninh (2011), *Tài liệu giảng dạy dân ca Quan họ Bắc Ninh* (Dùng cho học sinh Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông - Lưu hành nội bộ).
99. Tô Ngọc Thanh - Hồng Thao (1986), *Tìm hiểu Âm nhạc dân tộc cổ truyền*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
100. Hồng Thao (1997), *Dân ca quan họ*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
101. Hồng Thao (2000), *300 bài hát Quan họ*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
102. Bùi Đình Thảo - Nguyễn Quang Hải (1996), *Hát Châu Văn*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
103. Bùi Đình Thọ (2013), *Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Hát dân ca tại khoa nghệ thuật, trường ĐHSP Hà Nội*, Luận án Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
104. Nguyễn Cảnh Toàn (1997), *Quá trình dạy và tự học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
105. Phạm Trọng Toàn (2005), *Tương đồng, khác biệt giữa hát Xoan, hát Ghẹo Phú Thọ và Quan Họ Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
106. Lê Văn Toàn (2011), “Đề dẫn hội thảo: Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp thế kỷ XXI và một số vấn đề về Âm nhạc dân tộc học”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong thế kỷ XXI và một số vấn đề về âm nhạc dân tộc học*, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, tr. 1-3.
107. Nguyễn Thị Tứ (Chủ biên), Lý Minh Tiên (2012), *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh
108. Trần Trung Thành (2017), *Truyền dạy hát Chèo tại câu lạc bộ thiếu nhi làng khuốc*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
109. Vũ Nhật Thăng (1998), *Thang âm nhạc Tài tử Cải lương*, Viện Âm nhạc, Nxb Âm nhạc, Hà Nội
110. Nguyễn Thị Thúy (2013), *Đưa một số làn điệu Chèo cổ vào chương trình giảng dạy tại Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.

111. Phạm Thu Thủy (2014), *Hát Chèo ở xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
112. Phạm Văn Thiên (2014), *Nghệ nhân Hà Thị Cầu và việc truyền dạy hát Xẩm ở câu lạc bộ hát Xẩm Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
113. Lê Đình Trung – Phan Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
114. Trung tâm văn hóa Quan họ Bắc Ninh (2001), *Dân ca Quan họ: lời ca và bình giải*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Bắc Ninh.
115. Trung tâm UNESCO Văn hóa Quan họ (2006), *Lối chơi Quan họ*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
116. Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2009), Kỷ yếu Hội thảo KH “*Bảo tồn và phát huy dân ca trong giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông*”, Hà Nội.
117. Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Bắc Ninh (2011), *Giáo trình Hát dân ca Quan họ Bắc Ninh* (Lưu hành nội bộ - 8 tập).
118. Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo Bồi dưỡng giáo viên, *Âm nhạc dùng cho giáo sinh Trung học Sư phạm* (tập 1,2,3).
119. Thái Duy Tuyên (1990), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
120. Thái Duy Tuyên (2008), *phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
121. Nguyễn Thị Tuyết (2000), *Giáo trình hát Chèo*, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội.
122. Lê Thị Nhâm Tuyết (1972), “*Mấy ý kiến về vấn đề tìm hiểu nguồn gốc dân ca Quan họ*”, *Một số vấn đề về dân ca quan họ*, Ty văn hóa Hà Bắc.
123. Đôn Truyền (2006), *Đến với nhạc Chèo*, Viện Sân khấu Điện ảnh, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
124. Trần Linh Quý - Hồng Thao (1997), *Tìm hiểu dân ca Quan họ* (giáo trình giảng dạy), Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

125. Trần Linh Quý - Hồng Thao (2011), *Tìm hiểu dân ca Quan họ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
126. Phạm Viết Vượng (2004), *Lí luận dạy học Đại học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
127. Phạm Viết Vượng (2014), *Giáo dục học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
128. Nguyễn Viêm (1995), *Truyền thống âm nhạc Việt Nam*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
129. Trần Hùng Viện (2014), *Đưa dân ca Quan họ vào hoạt động ngoại khóa ngành Sư phạm Mầm non Trường Cao Đẳng Sư phạm Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
130. Trần Vinh (2011), *Nhạc Chèo*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
131. Nguyễn Viêm (1996), *Lịch sử âm nhạc dân gian cổ truyền*, Viện nghiên cứu Âm nhạc, Hà Nội.
132. Yves Defrance (Pháp) (2003), “Hát Ca trù - một hiện tượng âm nhạc độc đáo trên thế giới”, *Ca trù nhìn từ nhiều phía* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
133. Yves Defance (Pháp) (2008), “Những chuyến khảo sát về Ca trù ở Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Hát Ca trù người Việt*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
134. <https://www.youtube.com/watch?v=rqFyFBp3B1c>, truy cập vào ngày 20 tháng 6 năm 2017.
135. <https://www.vanhoahoc.vn/> Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học khoa học xã hội và Nhân văn, truy cập ngày 18 tháng 7 năm 2017.
136. [https://www/ mia.com.vn](https://www/mia.com.vn), truy cập ngày 30 tháng 12 năm 2017.
137. <https://quanhobacninh.vn>, Bài viết của Hữu Trịnh, người đăng Trịnh văn Tĩnh ngày 7.4.2018 trên trang Dân ca Quan họ Bắc Ninh, truy cập ngày 8 tháng 10 năm 2018.
138. <https://nhacdanca.net/tin-tuc/khai-quat-chung-ve-dan-ca-viet-nam>, truy cập ngày 06 tháng 1 năm 2018.
139. <https://www.academia.edu>, truy cập ngày 15 tháng 2 năm 2018.
140. <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, truy cập ngày 28 tháng 7 năm 2018.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**ĐẶNG THỊ LAN**

**DẠY HỌC HÁT CHÈO VÀ QUAN HỌ CHO SINH VIÊN  
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**PHỤ LỤC  
LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc**

**Mã số: 9140111**

**Hà Nội, 2020**

## MỤC LỤC

Phụ lục 1: Đề cương chi tiết môn Dân ca của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW ....	187
Phụ lục 2: Điều thức .....	213
Phụ lục 3: Một số làn điệu chèo, quan họ .....	214
3.1. Một số làn điệu / bài hát Chèo .....	214
3.1.1. Lận đận .....	214
3.1.2. Bà chúa con cua .....	216
3.1.3. Đường trường tiếng đàn .....	218
3.1.4. Đường trường duyên phận .....	226
3.1.5. Dương Xuân .....	229
3.1.6. Quân tử vu địch .....	231
3.1.7. Đường trường thu không .....	237
3.1.8. Sắp qua cầu .....	243
3.1.9. Sắp cỗ phong .....	249
3.1.10. Con tò vò .....	251
3.1.11. Lão say .....	254
3.1.12. Hát cách .....	255
3.1.13. Con nhện giăng mùng .....	257
3.1.14. Luyện năm cung .....	260
3.1.15. Đào liễu .....	265
3.1.16. Chúc cảm hồi văn .....	267
3.1.17. Lối lơ .....	268
3.1.18. Gà rừng .....	270
3.1.19. Xẩm xoan .....	273
3.1.20. Hề mời bằng vàng .....	274
3.1.21. Rỉ vong .....	275
3.1.22. Ngâm sông .....	276
3.1.23. Làn thăm .....	277
3.1.24. Cách cú .....	279
3.2. Một số làn điệu / bài hát Quan họ .....	281
3.2.1. Gọi đò .....	281

3.2.2. Em là con gái Bắc Ninh .....	283
3.2.3. Khách đến chơi nhà.....	287
3.2.4. Lên núi Ba Vì .....	290
3.2.5. Nam nhi .....	292
3.2.6. Ăn ở trong rừng.....	294
3.2.7. Ngồi tựa song đào .....	296
3.2.8. Cái ả .....	298
3.2.9. Tương phùng tương ngộ.....	299
3.2.10. Lúng liếng .....	301
3.2.11. Còn duyên .....	303
3.2.12. Cây trúc xinh .....	305
3.2.13. Chuông vàng gác cửa tam quan .....	306
3.2.14. Đêm hôm rằm.....	308
3.2.15. Nhất quẻ nhị lan .....	310
3.2.16. Tay nâng cơ giàu .....	311
3.2.17. Đêm qua nhớ bạn .....	312
3.2.18. Chia rẽ đôi nơi.....	316
3.2.19. Con nhện giăng mùng .....	319
3.2.20. Năm liêu bảy lo.....	320
Phụ lục 4: Phiếu khảo sát (đối với giảng viên) .....	322
Phụ lục 5: Phiếu khảo sát (đối với sinh viên) .....	323
Phụ lục 6: Phỏng vấn .....	325
Phụ lục 7: Một số hình ảnh biểu diễn của sinh viên sư phạm âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW.....	326
Phụ lục 8: Một số hình ảnh của NCS đi điền dã gặp gỡ các nghệ nhân, nghệ sĩ hát Chèo và Quan họ .....	331



**PHỤ LỤC 1**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW**  
**KHOA THANH NHẠC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC DÂN CA**

**Hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc**

Đề cương môn học “Dân ca” thuộc chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Âm nhạc được phê duyệt theo Quyết định số ...../QĐ-ĐT ngày ..... tháng ..... năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TW**  
**KHOA THANH NHẠC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC DÂN CA**

**1. Thông tin về giảng viên**

**2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: Dân ca
- Mã môn học: VMU 2001
- Số tín chỉ: 02
- Loại môn học: Bắt buộc
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học kế tiếp: Các môn học trong chương trình đào tạo hệ Đại

học sư phạm âm nhạc.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 5 tiết
- + Thực hành: 23 tiết
- + Tự học: 2 tiết

**3. Mục tiêu môn học**

**3.1. Mục tiêu chung**

**3.1.1. Kiến thức**

1. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về kho tàng dân ca Việt Nam.

2. Sinh viên hiểu biết đặc trưng kỹ thuật diễn xướng dân ca miền núi phía Bắc, đồng bằng, trung du Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

**3.1.2. Kỹ năng**

1 Nhận biết và phân biệt được đặc trưng diễn xướng dân ca các vùng, miền.

2. Có kỹ năng diễn xướng một số thể loại dân ca trong chương trình học.

3. Tạo cơ sở để sinh viên tự hoàn thiện và phát triển kỹ năng diễn xướng dân ca một cách bền vững.

4. Vận dụng kỹ năng diễn xướng vào công tác hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình dân ca.

### **3.1.3. Thái độ**

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn *Dân ca* trong đào tạo hệ Đại học Sư phạm âm nhạc.

- Qua những làn điệu dân ca giúp sinh viên bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có thái độ trân trọng âm nhạc truyền thống, có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam.

### **\* Mục tiêu khác**

- Tự rèn luyện kỹ năng diễn xướng độc lập, dàn dựng chương trình dân ca theo nhóm, theo lớp.

## **3.2. Mục tiêu chi tiết môn học**

### **3.2.1. Mục tiêu chi tiết**

<b>Mục tiêu</b> <b>Nội dung</b>	<b>Bậc 1</b>	<b>Bậc 2</b>	<b>Bậc 3</b>
<b>NỘI DUNG 1</b>  KHO TÀNG DÂN CA VIỆT NAM	<u>I.A.1</u> Biết về khái niệm về dân ca Việt Nam.  <u>I.A.2.</u> Biết các chức năng của dân ca.	<u>I.B.1.</u> Hiểu được khái niệm về dân ca Việt Nam.  <u>I.B.2.</u> Hiểu được các chức năng của dân ca.	<u>I.C.1.</u> Đánh giá được vị trí của dân ca trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam. <u>I.C.2.</u> Đánh giá được giá trị, vai trò của dân ca trong đời sống tinh thần

	<p><u>I.A.3.</u> Nhớ đặc điểm nghệ thuật của dân ca:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm ca từ.</li> <li>- Đặc điểm âm nhạc.</li> <li>- Đặc điểm diễn xướng.</li> </ul> <p><u>I.A.4.</u> Biết cách phân loại dân ca:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại dựa vào vùng - miền (dựa vào nơi phát sinh dân ca).</li> <li>- Phân loại dựa vào cách thức tồn tại, khung cảnh ca hát, phương thức diễn xướng...</li> </ul> <p><u>I.A.5.</u> Biết bảo tồn và phát triển giá trị nghệ thuật, trong đó có lời hát cổ truyền.</p>	<p><u>I.B.3.</u> Hiểu được các đặc điểm lời ca, âm nhạc và phong cách diễn xướng dân ca.</p> <p><u>I.B.4.</u> Hiểu được cách phân loại theo vùng miền và theo loại hình.</p> <p><u>I.B.5.</u> Hiểu được mục đích, nhiệm vụ và giải pháp bảo tồn, phát triển lời hát cổ truyền của dân ca Việt Nam.</p>	<p>của người Việt Nam.</p> <p><u>I.C.3.</u> Nhận thức được tầm quan trọng của bảo tồn và phát triển dân ca trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam.</p>
<p><b>NỘI DUNG 2</b></p> <p><b>DÂN CA ĐỒNG BẰNG, TRUNG DU BẮC BỘ</b></p>	<p><u>II.A.1.</u> Biết các thể loại tiêu biểu của DCĐBTDBB.</p>	<p><u>II.B.1.</u> Hiểu và phân biệt được các thể loại của DCĐBTDBB.</p>	<p><u>II.C.1.</u> Phân biệt được thể loại của dân ca ĐBTDBB với dân ca các vùng miền</p>

(DCĐBTDBB)	<p><u>II.A.2.</u> Nhớ đặc điểm nghệ thuật của DCĐBTDBB:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Đặc điểm ca từ.</li> <li>-Đặc điểm âm nhạc.</li> <li>-Đặc điểm diễn xướng.</li> </ul> <p><u>II.A.3.</u> Biết hát một số làn điệu thuộc thể loại như Quan họ, Vần, Chèo...</p>	<p><u>II.B.2.</u> Hiểu được đặc điểm lời ca và âm nhạc, phong cách diễn xướng các thể loại tiêu biểu của DCĐBTDBB.</p> <p><u>II.B.3.</u> Nghe và nhận diện được đặc trưng âm thanh của hát Quan họ, Vần, Chèo...</p> <p><u>II.B.4.</u> Hiểu nội dung và thể hiện được sắc thái tình cảm của làn điệu được học.</p> <p><u>II.B.5</u> Hiểu và vận dụng được kĩ thuật phát âm nhả chữ, ngân rung, luyến láy, hát tròn tiếng - rõ lời từng chữ, câu, đoạn và toàn bài theo đặc trưng vùng miền.</p>	<p>khác.</p> <p><u>II.C.2.</u> Phân biệt được đặc điểm nghệ thuật DCĐBTDBB với vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.3.</u> Phân biệt được đặc trưng âm thanh và kĩ thuật phát âm nhả chữ của Quan họ, Vần, Chèo... với các thể loại dân ca khác.</p> <p><u>II.C.4.</u> Vận dụng kĩ năng diễn xướng vào công tác hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình dân ca.</p>
	<p><u>III.A.1.</u> Biết các thể loại tiêu biểu của DCMNPB.</p>	<p><u>II.B.1.</u> Hiểu và phân biệt được các thể loại của DCMNPB.</p>	<p><u>II.C.1.</u> Phân biệt được thể loại của DCMNPB với dân ca các</p>

<p><b>NỘI DUNG 3</b></p> <p><b>DÂN CA MIỀN NÚI PHÍA BẮC (DCMNPB)</b></p>	<p><u>III.A.2.</u> Nhớ đặc điểm nghệ thuật DCMNPB :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm ca từ.</li> <li>- Đặc điểm âm nhạc.</li> <li>- Đặc điểm diễn xướng.</li> </ul> <p><u>III.A.3.</u> Biết hát một số làn điệu/ bài hát của dân ca miền núi phía Bắc như Hát Then, Hát Lượn...</p>	<p><u>II.B.2.</u> Hiểu được đặc điểm lời ca và âm nhạc, phong cách diễn xướng các thể loại tiêu biểu của DCMNPB.</p> <p><u>II.B.3.</u> Nghe và nhận diện được đặc trưng âm thanh của dân ca miền núi phía Bắc.</p> <p><u>II.B.4.</u> Hiểu nội dung và thể hiện được sắc thái tình cảm của làn điệu/bài hát được học.</p> <p><u>II.B.5.</u> Hiểu và vận dụng được kĩ thuật phát âm nhả chữ, hát được tròn tiếng - rõ lời từng chữ, câu, đoạn và toàn bài theo đặc trưng vùng miền.</p>	<p>vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.2.</u> Phân biệt được đặc điểm nghệ thuật DCMNPB với các vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.3</u> Phân biệt được đặc trưng âm thanh và kĩ thuật phát âm nhả chữ của dân ca miền núi phía Bắc với các thể loại dân ca khác.</p> <p><u>II.C.4.</u> Vận dụng kĩ năng diễn xướng vào công tác hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình dân ca.</p>
<p><b>NỘI DUNG 4</b></p> <p><b>DÂN CA TRUNG BỘ VÀ</b></p>	<p><u>IV.A.1.</u> Biết các thể loại tiêu biểu của DCTB&amp;TN.</p>	<p><u>II.B.1.</u> Hiểu và phân biệt được các thể loại của DCTB&amp;TN.</p>	<p><u>II.C.1.</u> Phân biệt được thể loại của DCTB&amp;TN</p>

<p>TÂY NGUYÊN (DCTB&amp;TN)</p>	<p><u>IV.A.2.</u> Nhớ đặc điểm nghệ thuật dân ca Trung Bộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm ca từ.</li> <li>- Đặc điểm âm nhạc.</li> <li>- Đặc điểm diễn xướng.</li> </ul> <p><u>IV.A.3.</u> Biết hát một số làn điệu/ bài hát thuộc thể loại Ví, Lý, Ca Huế và dân ca của các dân tộc Xê đăng, Ê đê...</p>	<p><u>II.B.2.</u> Hiểu được đặc điểm lời ca và âm nhạc, phong cách diễn xướng các thể loại tiêu biểu của DCTB&amp;TN.</p> <p><u>II.B.3.</u> Nghe và nhận diện được đặc trưng âm thanh của DCTB&amp;TN.</p> <p><u>II.B.4.</u> Hiểu nội dung và thể hiện được sắc thái tình cảm của bài hát được học.</p> <p><u>II.B.5.</u> Hiểu và vận dụng được kĩ thuật phát âm nhả chữ, hát được tròn tiếng - rõ lời từng chữ, câu, đoạn và toàn bài theo đặc trưng vùng miền.</p>	<p>với dân ca các vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.2.</u> Phân biệt được đặc điểm nghệ thuật của DCTB&amp;TN với vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.3.</u> Phân biệt được đặc trưng âm thanh và kĩ thuật phát âm nhả chữ của dân ca các dân tộc Xê đăng, Ê đê... với các thể loại dân ca khác.</p> <p><u>II.C.4.</u> Vận dụng kĩ năng diễn xướng vào công tác hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình dân ca.</p>
-------------------------------------	--	--	---

<p><b>NỘI DUNG 5</b></p> <p><b>DÂN CA NAM BỘ</b> (DCNB)</p>	<p><u>V.A.1.</u> Biết các thể loại tiêu biểu của DCNB.</p> <p><u>V.A.2.</u> Nhớ đặc điểm nghệ thuật của DCNB:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm ca từ.</li> <li>- Đặc điểm âm nhạc.</li> <li>- Đặc điểm diễn xướng.</li> </ul> <p><u>V.A.3.</u> Biết hát một số bài/ làn điệu Lý, Cải lương...</p>	<p><u>II.B.1.</u> Hiểu và phân biệt được các thể loại của DCNB.</p> <p><u>I.B.2.</u> Hiểu được đặc điểm lời ca, âm nhạc và phong cách diễn xướng các thể loại tiêu biểu của DCNB.</p> <p><u>II.B.3.</u> Nghe và nhận diện được đặc trưng âm thanh của DCNB.</p> <p><u>II.B.4.</u> Hiểu nội dung và thể hiện được sắc thái tình cảm của bài hát được học.</p> <p><u>II.B.5.</u> Hiểu và vận dụng được kỹ thuật phát âm nhả chữ, hát được tròn tiếng - rõ lời từng chữ, câu, đoạn và toàn bài theo đặc trưng vùng miền.</p>	<p><u>II.C.1.</u> Phân biệt được thể loại của DCNB với dân ca các vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.2.</u> Phân biệt được đặc điểm nghệ thuật DCNB với dân ca vùng miền khác.</p> <p><u>II.C.3.</u> Phân biệt được đặc trưng âm thanh và kỹ thuật phát âm nhả chữ của hát Lý, Cải Lương với các thể loại dân ca khác.</p> <p><u>II.C.4.</u> Vận dụng kỹ năng diễn xướng vào công tác hoạt động ngoại khóa, dàn dựng chương trình dân ca.</p>
---	--	---	---



**Chú giải:**

- Bậc 1: Nhớ, biết (A)
- Bậc 2: Hiểu, áp dụng (B)
- Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá (C)
- Số La mã: Chương
- Số Ả rập: thứ tự mục tiêu.

**3.2.2. Bảng tổng hợp mục tiêu chi tiết**

<b>Mục tiêu</b>				
<b>Nội dung</b>	<b>Bậc 1</b>	<b>Bậc 2</b>	<b>Bậc 3</b>	<b>Tổng</b>
<b>Nội dung 1</b>	5	5	3	13
<b>Nội dung 2</b>	3	5	4	12
<b>Nội dung 3</b>	3	5	4	12
<b>Nội dung 4</b>	3	5	4	12
<b>Nội dung 5</b>	3	5	4	12
<b>Tổng</b>	17	25	19	61

**4. Tóm tắt nội dung môn học**

Kho tàng dân ca Việt Nam đa dạng và phong phú về thể loại. Dân ca ở mỗi vùng, miền có những nét đặc trưng riêng. Nội dung môn học gồm 2 phần: Một là kiến thức cơ bản về dân ca Việt Nam và hai là kỹ năng hát và biểu diễn dân ca.

Để sinh viên có cái nhìn khái quát về dân ca Việt Nam, cần giới thiệu về kho tàng dân ca Việt Nam, cách phân loại, chức năng và đặc trưng nghệ thuật của dân ca các vùng – miền. Để rèn luyện kỹ năng hát dân ca cho sinh viên, trong chương trình môn học phần lớn thời lượng dành cho dạy diễn xướng một số làn điệu/bài dân ca tiêu biểu của các vùng - miền: Đồng bằng Trung du Bắc Bộ, miền núi phía Bắc, Trung Bộ & Tây Nguyên, Nam Bộ.

## **5. Nội dung chi tiết môn học**

### **Nội dung 1: Kho tàng dân ca Việt Nam**

- 1.1. Khái niệm về dân ca
- 1.2. Chức năng của dân ca
- 1.3. Phân loại dân ca
- 1.4. Đặc điểm kỹ thuật hát của dân ca
- 1.5. Bảo tồn và phát triển dân ca

### **Nội dung 2: Dân ca đồng bằng, trung du Bắc Bộ**

- 2.1. Một số thể loại dân ca tiêu biểu
- 2.2. Đặc điểm nghệ thuật
- 2.3. Học hát một số làn điệu/bài dân ca vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ như: *Quan họ, Chèo, Vãn...*

### **Nội dung 3: Dân ca miền núi phía Bắc**

- 3.1. Một số thể loại dân ca tiêu biểu
- 3.2. Đặc điểm nghệ thuật
- 3.3. Học hát một số làn điệu/bài dân ca miền núi phía Bắc như: *Hát Then, Hát Lượn...*

### **Nội dung 4: Dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên**

- 4.1. Dân ca Trung Bộ
  - 4.1.1. Một số thể loại dân ca tiêu biểu
  - 4.1.2. Đặc điểm nghệ thuật
  - 4.1.3. Học hát một số làn điệu/bài dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên như: *Ví, Lý, Ca Huế...*
- 4.2. Dân ca Tây Nguyên
  - 4.2.1. Các thể loại dân ca tiêu biểu
  - 4.2.2. Đặc điểm nghệ thuật
  - 4.2.3. Học hát một số bài/ làn điệu dân ca của các dân tộc Xê đăng, Ê đê...

### **Nội dung 5: Dân ca Nam Bộ**

- 5.1. Một số thể loại dân ca tiêu biểu

## 5.2. Đặc điểm nghệ thuật

## 5.3. Học hát một số làn điệu/ bài Lý, Cải Lương...

### 6.1. Tài liệu chính

1. Bộ giáo dục và đào tạo, trường ĐHSP Nghệ thuật TW, *Giới thiệu về dân ca Việt Nam* (tài liệu dùng cho các trường Trung học cơ sở - Đề án: *Hỗ trợ đưa dân ca vào trường Trung học cơ sở* - 2009).

2. *Dân ca Việt Nam - những làn điệu dân ca phổ biến* (2006), NXB Âm nhạc, Hà Nội.

3. Lê Văn Chương (2004), *Dân ca Việt Nam - những thành tố và chỉnh thể nguyên hợp*. NXB Khoa học xã hội.

4. Đặng Thị Lan (2013), *Tài liệu giảng dạy môn hát dân ca* (dùng cho hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW).

5. Nguyễn Thụy Loan (2001), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, NXB Giáo dục.

6. Phạm Phúc Minh (1993), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc.

7. Tú Ngọc (1994), *Dân ca người Việt*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Linh Quý – Hồng Thao (1997), *Tìm hiểu dân ca Quan họ (giáo trình giảng dạy)*, NXB Văn hóa dân tộc.

2. Trần Việt Ngữ (2000), *Hát Xẩm*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

3. Bùi Đình Thảo - Nguyễn Quang Hải (1996), *Hát Châu Văn*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Tuyết (2000), *Giáo trình hát Chèo*, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội.

5. Lưu Nhất Vũ - Lê Giang (1983), *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*, NXB Thành phố HCM.

6. Đĩa VCD, DVD, CD

## 7. Hình thức tổ chức dạy học

### 7.1. Lịch trình chung

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tổng (Giờ TC)
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học/tự nghiên cứu	
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>	1		1	2
	<b>Nội dung 2</b>	1	2		3
<b>2</b>			2.5		2.5
<b>3</b>			2.5		2.5
<b>4</b>	<b>Nội dung 3</b>	1	2		3
<b>5</b>			2.5		2.5
<b>6</b>	<b>Nội dung 4</b>	1	2		3
<b>7</b>			2.5		2.5
<b>8</b>	<b>Nội dung 5</b>	1	2		3
<b>9</b>			2.5		2.5
<b>10</b>			2.5	1	3.5
	<b>Tổng cộng</b>	5	23	2	30

## 7.2. Lịch trình cụ thể cho từng nội dung

### Tuần 1: Giới thiệu kho tàng dân ca Việt Nam

#### Dân ca đồng bằng, trung du Bắc bộ

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	2	<b>I. Kho tàng dân ca Việt Nam</b> 1.1. Nguồn gốc dân ca. 1.2. Chức năng của dân ca. 1.3. Đặc điểm nghệ thuật của dân ca. 1.4. Phân loại dân ca. 1.5. Bảo tồn và phát triển dân ca. <b>II. Dân ca Đồng bằng, trung du Bắc Bộ</b> 2.1. Các thể loại dân ca tiêu biểu. 2.2. Đặc điểm nghệ thuật.	- SV đọc [ TL 7, tr. 153-160].  - SV đọc [ TL 8, tr. 11-30].  - SV đọc [ TL 7, tr. 64-67].	
<b>Thực hành</b>	1	2.3. Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu. Bài 1: “ <i>Ngồi tựa mạn thuyền</i> ” - DC Quan họ. - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát.	- SV đọc [ TL 10, tr. 212 - 222].	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập hát từng câu, xử lý cách hát luyện, ngân rung, thanh điệu.</li> <li>- Chỉnh sửa phát âm nhả chữ của bài phù hợp với đặc trưng hát Quan họ.</li> <li>- Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài hát.</li> </ul>		
<b>Tự học/Tự NC</b>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp tài liệu, băng đĩa tiếng, hình vẽ dân ca cho sinh viên chuẩn bị bài.</li> </ul>	- SV học thuộc giai điệu bài hát trước khi lên lớp.	
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 2: Học hát một số thể loại dân ca đồng bằng, trung du Bắc bộ**

<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Số giờ TC</b>	<b>Nội dung chính</b>	<b>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 2: “ <i>Còn duyên</i> ” - DC Quan Họ. Bài 3: “ <i>Mời trầu</i> ” - DC đồng bằng Bắc Bộ. - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản (lời và giai điệu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu nội dung bài hát.</li> <li>- Thuộc lòng bản (lời và giai điệu) bài hát trước khi lên lớp.</li> </ul>	

		bài hát. - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, ngân rung, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhà chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại. - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài hát. - Hoàn thiện bài.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 3: Học hát một số thể loại dân ca đồng bằng, trung du Bắc bộ**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 4: “ <i>Luyện năm cung</i> ” - Chèo cổ Bài 5: “ <i>Cô Đôi thượng ngàn</i> ” - Hát Văn - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc	- SV đọc <i>Giáo trình hát Chèo</i> [TL 3, tr. 28 - 45]. - SV đọc sách <i>Hát Châu Văn</i> , [TL 12, tr. 28 - 45]. - Tìm hiểu nội dung bài hát.	

		lòng bản bài hát. - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, ngân rung, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhả chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hoàn thiện bài.	-Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 4: Học hát một số thể loại dân ca đồng bằng, trung du Bắc bộ**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 6: “ <i>Cô Đôi thượng ngàn</i> ” (học tiếp) Bài 7: “ <i>Xẩm thập ân</i> ” - Hát Xẩm - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm và hoàn thiện bài <i>Cô Đôi thượng ngàn</i> . - Giới thiệu bài <i>Xẩm thập ân</i> .	- SV đọc [TL 8, tr. 28 - 45]. - Tìm hiểu nội dung bài hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nội dung bài hát.</li> <li>- Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát.</li> <li>- Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyến, xử lý thanh điệu.</li> <li>- Chỉnh sửa phát âm nhà chữ bài <i>Xẩm thập ân</i>.</li> <li>- Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài <i>Xẩm thập ân</i>.</li> <li>- Hoàn thiện bài.</li> </ul>		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 5: Giới thiệu dân ca miền núi phía Bắc**

**Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu.**

<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Số giờ TC</b>	<b>Nội dung chính</b>	<b>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Lí thuyết</b>	1	<b>III. Dân ca miền núi phía Bắc</b> 3.1. Các thể loại dân ca tiêu biểu. 3.2. Đặc điểm nghệ thuật. 3.3. Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu.	- SV đọc sách tham khảo GV đã cung cấp	
<b>Thực hành</b>	2	Bài 8: “ <i>Tiếng lượn cọi quê em</i> ” - Hát Lượn Bài 9: “ <i>Lời cây đàn tính</i> ” - Hát then - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát.	- Tìm hiểu nội dung bài hát.  - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	

		-Chỉnh sửa chi tiết phân giai điệu, tiết tấu, cách luyến láy, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhà chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại. -Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hoàn thiện bài.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 6: Giới thiệu dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên**  
**Học hát một số thể loại dân ca Trung Bộ**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	1	<b>IV. Dân ca Trung Bộ và Tây Nguyên</b> 4.1 Các thể loại dân ca tiêu biểu. 4.2. Đặc điểm nghệ thuật.	- SV đọc sách tham khảo GV đã cung cấp	
<b>Thực hành</b>	2	4.3. Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu. Bài 10: “ <i>Giận mà thương</i> ” -Ví dặm Bài 11: “ <i>Lý ngựa ô</i> ” - DC Trung Bộ - Giới thiệu bài hát. -Phân tích nội dung	- Tìm hiểu nội dung bài	

		bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát. - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa cách phát âm nhả chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại. - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát. - Hoàn thiện bài.	hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 7: Học hát một số thể loại dân ca Trung Bộ**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 12: “ <i>Lý ngựa ô</i> ” (học tiếp). Bài 13: “ <i>Vọng Kim Lang</i> ” - DC Liên Khu Năm - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài <i>Lý ngựa ô</i> . - Giới thiệu bài <i>Vọng Kim Lang</i> . - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài <i>Vọng</i>	- Tìm hiểu nội dung bài hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	

		<i>Kim Lang.</i> - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhà chữ bài <i>Vọng Kim Lang.</i> - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm của bài <i>Vọng Kim Lang.</i> - Hoàn thiện bài hát.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>		<b>Kiểm tra tín chỉ 1</b>		
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 8: Học hát một số thể loại dân ca Trung bộ và Tây Nguyên**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 14: “ <i>Lý mười thương</i> ” - Dân ca Trung Bộ Bài 15: “ <i>Ru em</i> ”. - Dân ca Xê Đăng - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát. - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết	- Tìm hiểu nội dung bài hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	

		tấu, cách luyện, xử lý thanh điệu. - Chính sửa phát âm nhà chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại. - Chính sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài hát. - Hoàn thiện bài.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

### **Tuần 9: Giới thiệu dân ca Nam bộ**

#### **Học hát một số thể loại dân ca Nam bộ**

<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Số giờ TC</b>	<b>Nội dung chính</b>	<b>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Lí thuyết</b>	1	<b>V. Dân ca Nam bộ</b> 5.1. Các thể loại dân ca tiêu biểu. 5.2. Đặc điểm nghệ thuật.	- SV đọc sách tham khảo GV đã cung cấp	
<b>Thực hành</b>	2	5.3. Học hát một số thể loại dân ca tiêu biểu. Bài 16: “ <i>Lý kéo chài</i> ” - DC Nam bộ Bài 17: “ <i>Lý qua cầu</i> ” - DC Nam bộ - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát.	- Tìm hiểu nội dung bài hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, xử lý thanh điệu.</li> <li>- Chỉnh sửa phát âm nhà chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại.</li> <li>- Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài hát.</li> <li>- Hoàn thiện bài.</li> </ul>		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 10: Học hát một số thể loại dân ca Nam bộ**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	<p>Bài 18: “<i>Lý qua cầu</i>” (học tiếp).</p> <p>Bài 19: “<i>Lý cái mơn</i>” - DC Nam bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài <i>Lý qua cầu</i>.</li> <li>- Giới thiệu bài hát <i>Lý cái mơn</i>.</li> <li>- Phân tích nội dung bài hát.</li> <li>- Kiểm tra thuộc lòng bản bài <i>Lý cái mơn</i>.</li> <li>- Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu nội dung bài hát.</li> <li>- Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.</li> </ul>	

		tấu, cách luyện, ngân rung, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhả chữ. - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài <i>Lý cái          mon</i> . - Hoàn thiện bài hát.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT – ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

**Tuần 11: Học hát bài “*Dạ cổ hoài lang*”**

Hình thức tổ chức dạy học	Số giờ TC	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Ghi chú
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	Bài 20: “ <i>Dạ cổ hoài lang</i> ” (Tiền thân của lời ca Vọng cổ), ST: <i>Cao          Văn Lầu</i> - Giới thiệu bài hát. - Phân tích nội dung bài hát. - Kiểm tra thuộc lòng bản bài hát. - Chỉnh sửa chi tiết phần giai điệu, tiết tấu, cách luyện, ngân rung, xử lý thanh điệu. - Chỉnh sửa phát âm nhả chữ của bài phù hợp với đặc trưng thể loại. - Chỉnh sửa thể hiện sắc thái tình cảm bài	- Tìm hiểu nội dung bài hát. - Thuộc lòng bản bài hát trước khi lên lớp.	

		hát. - Hoàn thiện bài.		
<b>Tự học/Tự NC</b>	0			
<b>KT - ĐG</b>	0			
<b>Tư vấn</b>	0			

### **Tuần 12: Học Biểu diễn**

<b>Hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Số giờ TC</b>	<b>Nội dung chính</b>	<b>Yêu cầu sinh viên chuẩn bị</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Lí thuyết</b>	0			
<b>Thực hành</b>	2	<p>* Cung cấp một số thể diễn cơ bản của thể loại Chèo, Văn, Quan họ....</p> <p>- Luyện tập thể diễn.</p> <p>- Vận dụng một số thể diễn vào thể hiện bài hát, phù hợp với từng nội dung và thể loại dân ca.</p>	<p>- Tìm hiểu đặc trưng nghệ thuật biểu diễn dân ca.</p> <p>- Sinh viên luyện tập nhóm theo sự hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>- Hoàn thiện phần dàn dựng bài hát theo hình thức nhóm.</p>	
<b>Tự học/Tự NC</b>	1	<b>Ôn tập</b>		
<b>KT - ĐG</b>		<b>Kiểm tra tín chỉ 2</b>		
<b>Tư vấn</b>	0			
		<b>Thi hết môn</b>	- Hát đúng giai điệu, tính chất,	



<p><b>Sau tuần 12</b></p> <p><i>Thi thực hành biểu diễn</i></p>		<p><i>Sinh viên thi theo hình thức nhóm. Mỗi nhóm trình bày một bài trong chương trình học</i></p>	<p>xử lý sắc thái, luyện láy, hát tròn vành rõ chữ theo đúng cách hát đặc trưng của thể loại.</p> <p>- Dàn dựng và biểu diễn theo phong cách diễn xướng đặc trưng của thể loại dân ca.</p>	
---	--	--	--	--

## **8. Chính sách đối với môn học**

- Thiếu một điểm thành phần, không có điểm hết môn.
- Đi học đầy đủ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ).
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

### **8.1. Với sinh viên**

- Nghiên cứu các tài liệu về dân ca.
- Luyện tập kỹ năng những bài dân ca đã học.
- Thuộc lòng bản bài dân ca mới trước khi lên lớp.
- Luyện tập hát theo nhóm ở trên lớp và trước, sau giờ lên lớp.

### **8.2. Với lớp học**

- Học hát dân ca tổ chức theo qui mô lớp (đề xuất học dân ca chia đôi lớp học nhóm từ 20 đến 26 sinh viên). Các giờ lên lớp phải có đài đĩa CD, DVD, các phương tiện nghe nhìn, các đạo cụ: thanh phách, ô, nón quai thao, quạt Chèo, dải lụa...Tùy từng nội dung bài học mà có đạo cụ phù hợp.
- Hình thức kiểm tra: Thực hành biểu diễn.
- Hình thức thi hết môn: Thực hành biểu diễn (Có thể thi cá nhân hoặc thi theo hình thức nhóm).

### 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học.

+ Mục đích và trọng số kiểm tra

Hình thức	Mục đích, hình thức KT – ĐG	Trọng số
Đánh giá thường xuyên		10%
Bài tập tuần (cá nhân)		30%
Bài tập nhóm		
Bài tập lớn (học kỳ)		
Bài kiểm tra giữa kỳ		
Bài thi hết môn		60%

+ Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, KT - ĐG.

- Số giờ học trên lớp và thái độ học tập.
- Kết quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi hết môn.
- Chấm theo thang điểm 10, cho điểm lẻ đến 0,5.

**Phụ lục 2**  
**ĐIỆU THỨC**

1. Điệu Bắc (giống với điệu Chũy trong âm nhạc Trung Hoa)



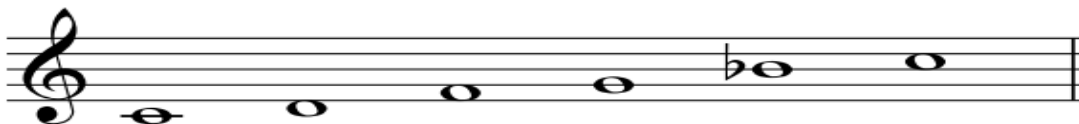
2. Điệu Nam (giống với điệu Vũ trong âm nhạc Trung Hoa)



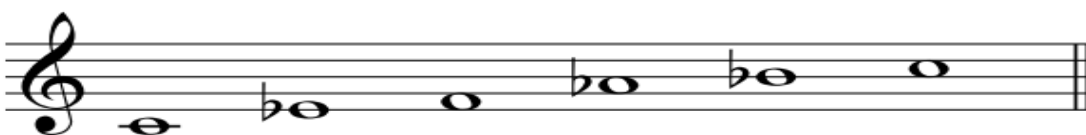
3. Điệu Huỳnh (giống với điệu Cung trong âm nhạc Trung Hoa)



4. Điệu Nao (giống với điệu Thương trong âm nhạc Trung Hoa)



5. Điệu Pha (giống với điệu Giốc trong âm nhạc Trung Hoa)



## PHỤ LỤC 3

## MỘT SỐ LÀN CHÈO, QUAN HỌ

## 3.1. Một số làn điệu Chèo


Luận án sử dụng một số làn điệu Chèo của các tác giả Hoàng Kiều - Hà Hoa; Bùi Đức Hạnh và tác giả luận án cũng tham gia ghi âm nghệ nhân, nghệ sĩ hát Chèo.

## 3.1.1.

## LẶN ĐẠN

Người hát: Ông Hà Quang Ngạn

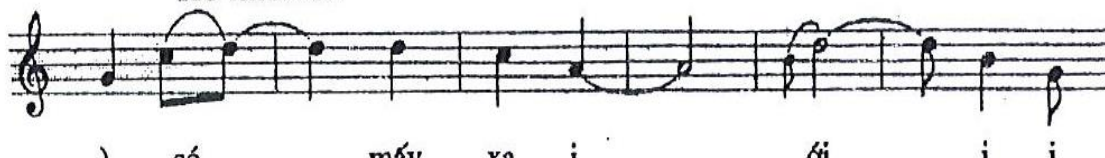
Vừa phải      Trở mở đầu




Lặn    đạn    í    í    í    a    (LK6.....)

.....

Trở thân bài



...)    có            mấy    xa    í            ới            í    í



í            í    í            í    í            í    xa    khơi    í

i ới i i i i (LK4 ...  
 .....)) nước là non í  
 i ì a (LK6.....  
 .....)) a ới a ì ới  
 i ới i i i i i i i i  
 ới i i i i i này nước  
 non i lặn dân i i i a  
 (LK6.....  
 ...) ới mà để chứ sông dài i  
 i biết bao i i i ới i i  
 i i i i i i bao xa.

## 3.1.2.

## BÀ CHÚA CON CUA

Ghi theo băng: Cụ Năm Ngũ hát

Nhanh vừa

phải

Trở thân bài

Bà chúa con cua con tấu lạy bà nưng nững hự nưng nững hự (XT2.....) bà rằng bà chúa ở con

là con cua i i (XT2.....) tám chân kia

hai con mắt kia là một mai i i i i ba hai

Trở nhắc lại

i cái còng i i i (LK6.....)

.....) bà ở ngoài đồng kìa bà vốn khi



xưa nung nung hự nung nung hự (XT2.....) khi xưa bà  
 ở ở ngoài a ngoài đồng i i (XT2.....  
 ...) phải con kia là con mưa gió bà lọt vào vòng (XT2..  
 ..... đám cỏ ơ ơ may hi hờ hờ  
 (LK6.....) thành  
 bé xinh thay con tấu lay bà nung nung hự nung nung hự  
 (XT2.....) bà rằng thành bé ơ i xinh là xinh thay  
 (XT2.....) nó bắt mấy bỏ bà vào giỏ kia là nó mang  
 ngay i i i ngay bà i về i i i i  
 i (LK6.....) nó

Trở nhắc lại 3

xé bà ra con mấy tầu lay bà nung nung hự nung nung hự

(XT2.....) bà rằng nó xé ơ ơ i xé bà i

ra i i (XT2.....) nó bỏ thời bà vào

cối nó đâm bí ba thời ba bí bóp bì bà bì

bộp kìa xác bà ra i i i ra i ngoài i

đồng i i i i (LK6.....)

Trở nhắc lại 4

.....) rau rút rau đay với cục mừng

tơi nung nung hự nung hự (XT2.....) mông tôi rau

rút ơ đay là rau đay i i (XT2.....)

... thêm vào là vào quả mướp kìa là nổi canh ngon i



i i nay ngọt i lừ i i i i i.....  
 Trỏ kết  
 (LK6.....) tấu  
 lạy bà cua (XT2.....) tấu lạy bà rạm  
 (XT2.....) bà rằng bà chẳng có i nghe là nghe vãn i  
 i (XT2.....) đầu đuôi kia là đuôi có thể rằng  
 bất thiên xuân i i i xuân i thọ i trường

## 3.1.3.

## ĐƯỜNG TRƯỜNG TIẾNG ĐÀN

Người hát: Cụ Hà Quang Bồng

Vừa phải      Trở thân bài

Khéo   nẩy   i   nẩy   tình   tình   i   i   i   i

cung   nay   cái   cung   đàn   ai   (XT2   .....

)   ai   khéo   i   i   i   nẩy   nẩy   tình   i   tình   chứ

một   vài   đàn   cái   con   cá   lớn   nó   mấy

tựa   i   i   i   ghềnh   mà   nó   i   nghe   chứ

xong   bên   lưng   i   i   i   lờ   i   i   i

i   (XT2   ..... )   tình   con   cá   nó   i

i   mấy   lội   chốn   so   le   i   ới   i   i

Trở nhắc lại 1

lững thời song bên lững lơ i (XT2 .....

... ) tình con cá nó mấy lội chốn so i i

le i i i i i i i i i (LK4

Trở nhắc lại 2

..... ) tình con cá nó

í lội chốn so le ơi i lững thời xong



bên lũng lờ (XT2 ..... ) tình con cá i nó

i lội chốn so le chữ kinh ngư cái

con cá lớn nó mấy lại i i đề

mà cá con chữ xong bên thị i i i i

(kỳ) i i i i (XT2 ..... ) tình con

cá i nó i vượt chốn vũ môn. ơi i

thị thời xong bên thị kỳ (XT2 ..... ) tình con

cá nó i vượt chốn vũ i i môn i

i i i i i i (LK4 ....

Trở nhắc lại 3

..... ) tình con cá nó mấy vượt

chốn vũ môn ơi i thị thời xong bên thị

kỳ (XT2 ..... ) tình con cá nó

vượt chốn vũ môn cái con chim tha mỗi

về tổ nó móm con ở trên cành chứ

xong bên nào i i i nùng i

i i i (XT2.....) tình này tin ơi

i tức hỏi thăm oanh i i nào thời xong

bên nào nùng (XT2.....) tình này tin i ơi

i tức hỏi thăm i i oanh i i

i i i i i (LK4 ..... )



Trở nhắc lại 4

.....) tình này tin i i tức hỏi thăm

oanh i ơi i não thời ai ơi não nùng

(XT2 ..... ) tình này tin ơi tức hỏi thăm

oanh chữ chim i i oanh học nói

ở trên cành véo von chim phụng i i

hoàng i i i i (XT2 ..... ) tình này

năn ơi nỉ trên i non ơi i phụng ai

ơi phụng hoàng (XT2 ..... ) tình này năn ơi

nỉ ở trên i i non i i

i i i i i i (LK4 ..... )

Trở nhắc lại 5

.....) tình này năn ơi i ní trên i

non ơi i phụng này ai ơi phụng hoàng

(XT2.....) tình này năn ơi ní trên

non í trăm i i bể này đèn sách chú

khuyến i i con phải học hành học hành

í i i từ i như tiếng điệu thanh

(XT2.....) tận từ như tiếng điệu thanh

ơi i tận này ai ơi tận từ (XT2.....)

...) tận từ như tiếng lúc i điệu i i

thanh i i i i i i i i.



**Người hát: Ông Năm Ngũ**  
**Ghi âm: Bùi Đức Hạnh**

Duyên phận i / ta phải chiêu i / i ai  
ơ i đôi thời / đôi / lứa ta  
b b thời i này i duyên i / ơ i phận đôi  
ta thời duyên / i phận / ta phải i i i chiêu i  
/ i i i i b z x 7 x b  
Dây / tơ i hồng thời / khéo i xe~





/ mà vắn vít i / i 1 i / i i



1 p z x 7 x p r r x ấy / mấy i



sợ i / i i i chỉ điều i khéo i / khéo xe i



sấn i ơi / chứ ai ơi i cầm thời / cầm / lấy i



tay 1 p r p r thời / này. giao i



/ ơi i mặt cầm tay thời giao / i mặt / ta dặn i i



rằng i / i i i i i 1 p z x

7 ♯ ♭ | | | ♯ ơi / chỉ thể thời  
/ có | bên / mà nước biết | |  
| | / | | ♯ 7 ♯ ♭ 7 ♯ ♭  
| | ♯ ấy / mấy | đạo | | | đạo |  
hằng xin | / ai chớ quên ơi / chứ ai ơi |  
ta thời / ta / rủ nghau || ♯ ♭ | ♯ | thời / này  
lên | / ơi / miếu rủ nghau thời lên / | miếu / ta xuống  
| | đến | / | | | | | |

NCS ghi âm ngày 21/9/2017

5  
Bông hoa thơm cho con bướm i nó i dạo i con  
6  
bướm i nó mấy liệng i dạo liệng thời xong  
11  
bên chập chờn chập chờn kìa con bướm nó  
16  
i i bay i i i i i i  
i i  
26  
mà tình ta có mấy yêu cây ơi i  
31  
ta i ta vun xới kìa qua i lời i nợ  
36  
mà cho cây i là i i i xanh i  
41  
i tang tình đậu mà tình xanh i lá

2

46  
 xanh rồi ra lá tốt i ơi tốt cũng i

51  
 càng ngày i ai ơi càng i ngày nó càng

56  
 i i xanh i i i i i i

61  
 i dậu

mà tình ta có mấy yêu hoa i ơi i ta i

phải biết này qua i lời i nọ biết màu hoa i

sói i i i lan i ơi i tang tình dậu

mà tình lan i sói lan là lan thơm ngát i

ơi i cũng i hoa trà cái bóng hoa trà nó

thơm i i lâu i i i i i i i i i

## 3.1.6.

## QUÂN TỬ VU DỊCH

Người hát: Bà Minh Lý

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

*Vỉa - Tự do*

(Dương Lễ)



Em ơi i i khuyên em chí vững gan i i bên i.

(Châu Long)



Anh ơi i i i em bước chân đi nguyện có Hoàng i

*Vừa phải - Tha thiết*i i i thiên quyết em chẳng dám / i thay i lòng/ đổi i da i tưởng những lúc / mặi nồng / hương lửa i / má i ké/ gởi i tựa i / nay phút bỗng phải biệt i



i / i / i / i i ly  
 (Dương Lễ)  
 Anh / nay thương bạn i  
 i sẽ / chia / no đôi em / bước chân  
đi i / chớ / ngại / cát i, lằm đừng  
 / i than khóc / ruột tằm i anh / thêm  
rồi i i sầu / tình / ngán i nổi chia  
 / i đôi i lời anh đành lòng sao i i chẳng

đoái đến ban i i i / i / i

hiển i / i i i

(Châu Long)

Em chẳng dám quên i

i những i phiền / đôi lứa i tưởng những

lúc / chiều / đông / tựa cửa ngao

i ngàn thay i / cảnh i vợ / xa i

chồng i / hết i hạ / sang i đông i



/ lẻ i loi / cô i phòng i / tuổi



i xanh / mòn mỏi / rày / ngóng



/ mai i trông trăm / i năm / chút nghĩa đèo bồng i



/ xa i xôi / ai i có i / thấu i lòng



/ chăng i i / i / i / i i



ai ˊ ˊ ˊ ˊ ˊ ˊ ˊ ˊ

(Dương Lễ)



ˊ Chia tay đôi ngã i i xa / nhau / đôi i



606

607

## 3.1.7.

## ĐƯỜNG TRƯỜNG THU KHÔNG

Vừa phải

Người hát; Ông Hà Quang Ngạn

Trở mở đầu

Bóng ơi bóng ơi ngà i (XT2 ... ) tiếng

trống đã thu i a a a không i

ông nguyệt i lặn ông nguyệt i

lặn này tiếng trống đã thu i a a

a a không i i i i i i

Trở thân bài

i (LK4 ..... ) nay

hiu i hiu có i i i i i một

i i cơn gió i i i mát í



gió thổi i non i bông i non  
bông i làng i i i i i i i  
i i i i cúc  
a cúc i hoàng i i hoàng  
huê i i i i i nay còn  
nay chứ còn đang giải i (XT2 ... ) a  
a à tỏ này dưới bóng ông i  
i i i i i i giảng (LK4 .....  
Trở nhắc lại và phát triển  
.....) a nay phong lưu i  
đáng i i người i hào a a

kiệt a ơi i i a (XT3.....)

.....) a a ơi a (XT2.....)

.....) a ơi ới í i

chí ơi i i (XT2.....) a

a a nhường quyết chí nhường cho i

i i i i ai i a i

à a nhất a nhất bức thi

a a à để i í i

i nhất nguyệt i i i / lai a

a chiều này chiều nhất phong i



kiệt a ơi i i a (XT3.....)

.....) a a ơi a (XT2.....)

.....) a ơi ới í i

chí ơi i i (XT2.....) a

a a nhường quyết chí nhường cho i

i i i i ai i a i

à a nhất a nhất bức thi

a a à để i í i

i nhất nguyệt i i i , lai a

a chiều này chiều nhất phong i

kiệt a ơi i i a (XT3.....)

.....) a a ơi a (XT2.....)

.....) a ơi ới í i

chí ơi i i (XT2.....) a

a a nhường quyết chí nhường cho i

i i i i ai i a i

à a nhất a nhất bức thi

a a à để i í i

i nhất nguyệt i i i , lai a

a chiều này chiều nhất phong i





## 3.1.8.

## SẮP QUA CẦU

Ghi theo băng: Cụ Minh Lý hát

Trở mở đầu

Em ơi em để cho anh là anh

đây vẫn vút (XT2) a

cái i ruột tâm i loan i

i i i i i (LK4)

Trở thân bài

oi à chớ i i

khoe ơi i kia là là khoe (XT2)

này chớ có i khoe tơ

liều i đây anh i hương a

là i hường(XT2 ..... ) ở đây anh

hường mà thú i i quê i i i (LK4

Trö nhắc lặi

..... ) ấy mấy

cây nó i cao kia là quả nó chín (XT2 .....

) nó chín i mông mông i

mong i i i i i i (LK4 ...

..... ) ơi này chớ i

i i trông ơi kia là trông (XT2

..... ) này chớ có i i trông mỗi

mắt em i ơi xin em chớ có chời

i a là chòi (XT2 ..... ) em  
 chớ có chòi thêm mỗi i i i tay i  
 i (LK4 ..... ) ấy  
 mấy năm ngón í tay kìa có bốn ngón  
 ngắn (XT2 ..... ) này có i một  
 ngón i dài i í i Trỏ nhắc  
 lại 2  
 i (LK4 ..... ) ơi  
 này khôn ơi i ngoan ơi i kìa  
 là i ngoan (XT2 ..... ) này khôn ơi  
 ngoan dăng ấy lại đây cho



anh bắc cầu i i (XT2 .....)

...) ấy mấy i đi i i qua cầu này xin em

chớ (XT2 ..... ) này xin em chớ cắt

mất nhịp i cầu i i i Trở nhắc lại 3

i (LK4 ..... ) ơi a

cầu i i bao ơi i kia là

bao (XT2 ..... ) này cầu bao nhiều

nhịp thương hại anh thương i xót anh

thâm anh thiết anh sâu i a là

sâu (XT2 ..... ) anh thương cô nàng là

bấy nhiêu i i i (LK4 ...

.....) ấy mấy i duyên

em sao là duyên em khéo (XT2 .....)

.....) ấy duyên em khéo này bẽ i i

bàng i i i i (LK4 ....

.....) a này soi

oi i nhang oi kia là i nhang (XT2

.....) này soi ơi i nhang nhang

tối em i ơi em đeo xuyên vàng

a là vàng (XT2.....) em

đeo xuyên vàng là vàng i phai i i

i (LK4 .....)

ấy

mấy em i làm chi mà cho nó

cực (XT2 .....)

mà cho nó cực mấy

Châm dãn ...

cả i hai i i.

## 3.1.9.

## SẮP "CỎ PHONG"

Người hát: Ông Năm Ngũ

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

*Nhanh vui*

Khách ơi khách tình dậu mà sao / chả này

a! / a xuống / chơi / tình / tình / tình với tình a / chiếc / thuyền

nan / thời dậu a / bến / Giang

Định a / chiếc / thuyền nan / thời

dậu a / bến / Giang / Định / Ta / chứ ta không dậu mà ta / chỉ / này

a / a lấy / mình / tình / tình / tình mà thôi a / cây /

khô / thời há / i / dễ / i / mọc / chồi / i / cây / i / khô / thời / há / i / dễ / i / mọc / i / chồi / i / i / Bàng / / chứ bàng / khuâng / dậu / mà / như / / mắt / / này / a / Bàng / / chứ bàng / khuâng / dậu / mà / như / / mắt / / này / a / mắt / lạng / i / a / a / vàng / i / i / này / / i / này / a / mắt / / lạng / vàng / ở / trên / / tróc / tay!



Người hát: **Cụ Trùm Thịnh**

Ghi âm: **Bùi Đức Hạnh**

*Via (tự do)*

tôi buồn i i i non ơ ai ơ tôi buồn vì một nỗi i

### Châm vừa - Xốt xa

tô vò / ơi / i i / i i / i i

[illegible]


  
 / mà con nhên i cái i i con / con tò vò i

màv thòi / màv nuôi / nuôi con nhên i đến i i đến

/ đến ngày sau i / con nhện thời / nó i  
nhón i / i nó bổng i / bỗng thời nó bẻ i  
/ bỗng bẻ thời quặn quặn nhau / i / đi / i  
i i / i i ♯ z ♯ y ♯ β  
| | | i xong ngồi i / i khóc / khóc ti i  
ti i cái i i con / con tò / vô mây  
ngồi mây / i khóc / mà tí i ti i / nhện  
hời là cái / con nhện hời cũng / chứ mây / đi cái  
/ phương lai / lai nào i / i i β | mắ

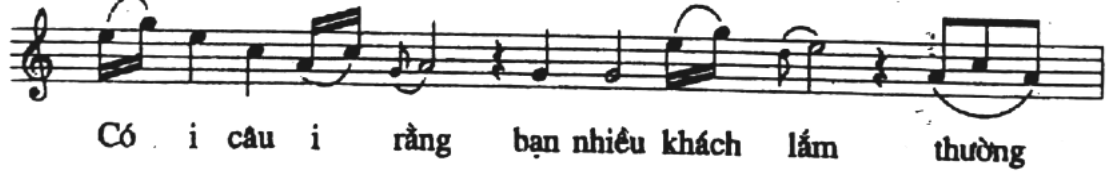
con i / i i vò i / vò than rằng này  
 vò i / i chả / có con i / vo  
tròn là / tròn đắp đất ơi / chứ mày / nuôi cái con nhện  
 / nhện cùng i đến i đến / ngày sau i  
 / i i con nhện thời / nó i nhớn i / nó  
 bỏ nó mấy / đi giăng mùng này vò i / già / thời vò  
thác xác / vò / mắc phải mối tơ i / vương  
 / i i i / i i mày bội bạc lắm là cái / con nhện  
*Rall.*  
ơi / hết hết cả con tò vò / rồi / i.

3.1.11.

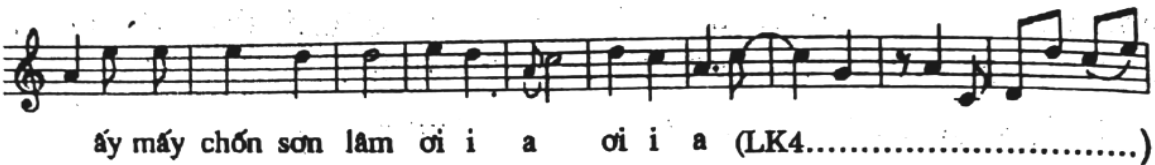
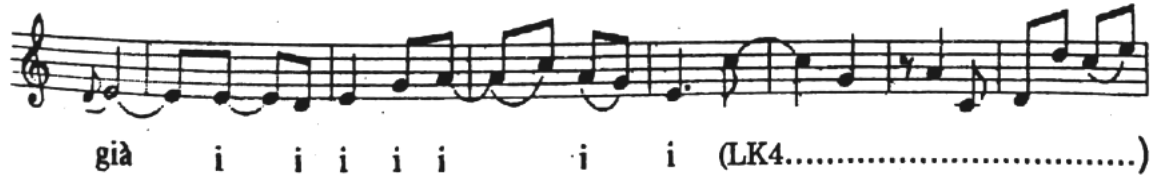
## LÃO SAY

Người hát: Cụ Cao Kim Trạch

Via - Nhịp tự do



Vào nhịp - nhanh vừa Trở thân bài



3.1.12.

# HÁT CÁCH

Người hát: NSND Bùi Trọng Đàng

Vừa phải      Trở thân bài

Mượn mụ i i mà tùy cơ i ai i

đem chiếc thuyền tam bản chứ đã tới

i bờ sông đào nguyên i i nhớ i

nhớ khi xưa có chàng Từ i Thức

gặp được i i tiên i i i i



i i i (LK4.....)  
 Trở nhắc lại  
 ..... Chàng Từ ơi i Thức  
 gặp được tiên i chứ người tiên là  
 tiên vẫn vít chữ đã kết duyên i  
 khách cõi trần kia là ngắm i ngắm xuân  
 xanh bây giờ có i được được mấy i i  
 lần i i i i i i i i.

## 3.1.13.

## CON NHỆN GIĂNG MỪNG

Người hát: NSND Ngô Thị Thanh Hoài

NCS Đặng Thị Lan ghi âm ngày

25/09/2017

Vừa Phải - Thiết Tha

Ai đem con nhện — nó mấy giăng i í mừng i đêm

6 năm trống canh một mình thiếp tôi i chịu hơi chàng i chàng

11 ơi XT. ————— đêm năm trống canh một

16 mình thiếp tôi chịu — mà để lạnh lùng lạnh lùng cả

21 năm anh ơi anh chàng hồ ra về

26 xong thiếp i vẫn thăm hỏi i — thăm anh

31 ơi anh chàng/ hồ ra về xong

36 thiếp i i vẫn thăm hỏi i i thăm

41 *i ì i i i i ì Lưư không*

46 *Ai đem cái í con người*

51 *ngọc hồi chàng chàng ơi XT ai*

56 *đem cái con người ngọc mà để thung thăng ấy thung*

61 *thăng chôn này anh ơi anh chàng hồ ra về XT*

66 *xong cời tám ì áo để lại*

71 *đây anh ơi anh chàng hồ ra về XT*

76 *xong cời tám ì áo để lại ì i*

81 *đây i ì i i i i ì Lưư*



86 không \_\_\_\_\_ cái tấm áo

91 này thiếp tôi quyết mặc hơi chàng chàng ơi XT—

96 \_\_\_\_\_ cái tấm áo này thiếp tôi quyết

101 mặc— mà để gói mây ấy gói mây đợi chờ anh

106 ơi anh chàng hồ ra về XT— xong

111 vách i ì phán thơ đề thơ anh ơi anh chàng

116 hồ ra về XT— xong vách i

121 rit.  
i phán thơ đề i i thơ i ì i i í

127 i i ì Lưu không \_\_\_\_\_

Người hát: **Cụ Cả Tam**  
Ghi âm: **Bùi Đức Hạnh**

Vũ điệu - Nhạc

Đào lý i i một i i i cảnh / này tơ

trúc i phím i / i loan i cứ / cứ đêm

đêm i i i nguyệt / này nguyệt

lặn bóng ông sao i i tàn / sao tàn i

/ i i i Nàng

/ này nàng ơi i / ơi / i i hồi i i nàng

/ cứ / cứ đêm đêm i i i /  
 nguyệt / này nguyệt lẫn bóng ông sao i i tàn  
 / này canh khuya sức i / i nhớ khách hồng  
 nhan ở bên i i mình / cái / chốn cây  
 xanh i i này / thời i lá i  
 / xanh / xanh thời nó cũng / này cũng xanh i  
 / i i i Nàng

/ này nàng ơi i / ơi / i hỡi i i nàng  
 / cái / chốn cây xanh i i i  
 này thời i / i lá / lá cũng xanh tay  
đã ơi i vin / vin được cảnh này thời i  
 / hái / hái lấy i hoa cung / đàn ti i bà i  
 i ai / khéo nẩy i / xang  
 / xế i hỏ i / i xử xang i / i i i  
 Nàng / này nàng

ơ / ơ / i i hời i i nàng

i cung / đàn tì i bà i i

ai khéo i i này / hỏ xang i

long long âm nay ngũ i / i đối / hỏ

/ xử xang i / cồng xang / hỏ anh thương các cô

nàng i i i thời / như

lá i / bi / lá bi dài i / dài

bi i / i i i



Nàng / rằng nàng ơ / ơ  
/ i i hỏi i i nàng / anh thương / các cô  
nàng i i i 7 thời như cái  
i i lá i dài bị ngày i i thời  
/ mà dãi nắng i i đêm i thì / thì dầm  
/ sương cái / mối tơ vương i i  
7 Ruột / con i tắm  
*Rall*  
vân i / vân vít i...

## 3.1.15.

## ĐÀO LIỄU

Người hát: NSND Đoàn Thanh Bình

[NCS ghi âm ngày 21/9/2017](#)

Đào liễu có một í i mình Em đi

đâu ời có nàmg ời đào liễu có một í i mình ấy kia hai

vai đang còn gánh nặng mà để nhật trình nhật i trình đ-ờng

xa đậu í mà Tám áo tám áo sông i i em

i i i i í i i [ L K.....

Xếp nếp thời em để í i trong nhà tám

áo tám áo sông em thế mà xếp nếp thời em để í i trong

nhà ấy còn ba vuông kia kia nhiều tím mà i để phát

phơ để phát i phơ đôi đầu lại í còn cái yếm cái yếm điều

i i em i i i i i í i i LK

61  Yếm hỡi thời nay hỡi í í còn

67  màu cái yếm cái yếm điều í em thế mà yếm

73  hỡi thời nay hỡi í còn màu ấy kìa răng đen cô nàng da í

79  trắng cái mái tóc í đầu cô hỡi còn xanh dịu í dàng ấy

85  thế ấy thế mà í í em í í í í

91  í í í í LK ở

97  vậy thời làm sao cho nó đành ấy thế ấy thế mà

103  em quyết rằng ở vậy thời làm sao cho nó í đành sao chẳng tìm

109  nơi cô nàng yếm thắm mà để thế tình thế tình mĩa

115  mai chữ rằng sách có chữ rằng ới cô nàng ơi xuân bất mà tái í í lại



## 3.1.16.

## CHỨC CẨM HỒI VĂN

Người hát: **Cụ Cả Tam**Ghi âm: **Bùi Đức Hạnh**

*Vừa phải*

Chàng đi thú vâng lời i / Hoàng i chiều i

/ Thiếp i / thiếp tiền i chàng này ra i

i nẻo / hạ i kiều i / i i hê i

/ lang i quân i / ơi hỡi i / lang quân

ơi i / thiếp tiền i / i i chàng i

/ bước i đường i / chia i đôi i /

ơi / i i i /

3.1.17.

# LỜI LƠ

Người hát: **Bà Diệu Hương**Ghi âm: **Bùi Đức Hạnh***Nhịp vừa - Thẳng thót*

Ta đi i i / đi chợ dốc tể tể

ngồi i / i gốc / gốc cây đa tể tể ngồi i

/ i gốc / gốc cây đa i / Thấy i

/ i i cô i / đi i i cô này thấy i

i cô / cô yếm thắm i / mặc cái áo i

/ áo nâu / già cô thắt cái i dây / dây lưng

i i i xanh i / i i i / i i i

[illegible]

3.1.18.

## GÀ RỪNG

Người hát: Cụ Đào Thị Na

Rất nhanh Trổ thân bài.

Con gà í rừng (XT2.....) con  
 gà í rừng ăn lẫn qua lối nọ mấy công qua lối  
 nọ mấy công kia kia kia. (XT3.....)  
 ... đáng cay chẳng có chịu được ức (XT2.....)  
 ... đáng cay chẳng có chịu được ức mà để  
 í lằng í giềng (XT2.....) mà để lằng  
 giềng ai í hay bông bông bông dất í  
 bông bông bông dфу xa xa xa xa lác í xa xa xa  
 lú lằng giềng ai hay ức



bởi i thung i i i huyền i

i i i i i (LK5

Trở'nhắc lại

) Chờ cho cây lúa chín qua lối

nọ vang vang qua lối nọ vang vang kia kia kia

(XT2 ... ..) để anh anh đi gặt lúa

(XT2 ... ..) để anh anh đi gặt lúa

mà để i cho i nàng (XT2 ... ..

....) mà để cho nàng mang i cơm bông bông

dắt i bông bông dúi i xa xa lác i



## 3.1.19.

## XẨM XOAN

Người hát: Cụ Hà Quang Bồng

Nhanh vui Trổ mở đầu

Gió mát trăng thanh cái đêm hôm rằm cô nàng ơi gió mát cùng  
 là trăng thanh bầu tiên chúc rượu cửu  
 thân ngâm thơ cái lúc vui chơi bày ra chén i rượu  
 Trổ thân bài  
 cuộc cờ (LK4.....) chén rượu cuộc  
 cờ trong lúc vui chơi bày ra chén rượu cuộc cờ sớm  
 trông hoa nở tới chờ trăng lên cái  
 đêm hôm rằm cô nàng ơi gió mát cùng là trăng thanh  
 bồng đầu có khách bên i đình sang  
 chơi gặp nhau đây ta xin hỏi i một đôi lời.

## 3.1.20.

## HỀ MÔI "BẰNG VÀNG"

Người hát: Ông Năm Ngũ

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

*Nhịp tự do* *Nhanh vui*

Anh em ta ra đây coi nhau bằng vàng A a

thắt ơi a lưng / xanh cô đeo chia khóa có bằng i

vàng i A a thắt ơi a lưng / xanh cô đeo chia

khóa cô bằng i vàng i / i i i i i i i i

i b z ı ı ı b ı ı ı A dây xuân / i thu / cô bằng

bạc i a ơi ơi i a a dễ / i trên / đầu cô

vấn i tóc mai i i kia là vấn i a tóc / mai cô đi chải

/ lược có đôi i môi kia là vấn i a tóc / mai cô đi chải

/ lược có đôi i môi i / i i i i i i i i



3.1.21.

# RỈ VONG

Nhịp tự do - Chậm buồn

Người hát: Cụ Hà Quang Bổng

Ô ơ ơ i i từ kết tóc sớm xe dây tú mạc ba thu  
 vừa đắm đuối chân loan vì cái râu nên nổi sóng ngân i hà một phút  
 nào ngờ tan nhịp thước i i i thưở làm vợ chồng ngờ  
 thất tiết lúc già i trai gái đỏ i i oan tình  
 đoái nghĩa thường chín chữ cù lao xa xôi chốc đã mấy thu khắc khoải  
 để bận lòng khi đoái mộ i i ơ  
 ơ ơ nghĩ đến nỗi đôi đường ly biệt công nuôi nấng i  
 i là chút viếng thăm thay mặt buổi i thân hôn muôn phần bội i  
 bạc đã i cam i lòng i trăm lạy nghiêm từ xin ở i lại i i.

## 3.1.22.

## NGÂM SỐNG

Người hát: Bà Minh Lý

Ghi âm: Bùi Đức Hạnh

*Nhịp tự do*

Trông lên bức gấm nhớ tới tay i i ngà Cây kia i ai xới  
 cho thăm giò hoa thấp thoáng rèm châu in vóc liễu i i i  
 Tiếng đàn ai lắng thắm i i dây tơ i i i Nàng bỏ đi đâu?  
 Lạnh ngắt phòng loan để ta i thui thui cảnh cũng sứt sùi thương cảm  
 vật không i i i i i hồn như đá i i i trơ trơ i i  
 Những mong trả nợ sách i i i đèn đến ơn i tri ngộ cơn khổ nhục có  
 nhau i sớm tối lúc hiển vinh i nàng bỏ i i đi  
 đâu i i i Phút bỗng xa i i hình cách bóng  
 công danh phú quý i i i cũng bằng i i i thừa i

## 3.1.23.

## LÀN THẨM

Người hát: Bà Hải Hậu

Chậm rãi Trổ thân bài

Bọt nước ơi cánh i bèo đã  
 từng là từng lưu lạc i i i i  
 i i i chứ lại i i nhiều mà gian  
 ơi i truân i i i i i i  
 i trời cao thời có i thấu thấu tình i i i  
 chẳng i i i i i i i



Trở nhắc lại

(LK4.....) xong có i

i thầu thầu tình chàng i đời người là

người mấy lúc i i i i i i

i i gian ơi i truan mà

ơi i già i i i i i i

i chứ thôi thời liệu i bảy lo i i

ba i i i i i i i

3.1.24.

## CÁCH CÚ

Người hát: Cụ Hà Quang Bổng

Trở thân bài

Tay cầm con dao i i i i tay

cầm con dao làm sao cho chắc để mà dễ

cắt để mà dễ chặt chặt cây chặt củi chặt

lấy củi cànhtính tính i cànht i củi

cànht chặt lấy cànht i i cây i i i i i i

Trở nhắc lại

i (LK4.....) Trèo lên trên

non i i i i trèo lên trên non bắn

con chim nhận con đang ăn trái tên ta khéo

lái con đang bay liệng con lại tha mỗi tình tính

tình tình mỗi, tha mỗi thời làm tổ nuôi i i

con i i i i i i i (LK4.....)

.....) Một đàn con hươu í i i i một

đàn con hươu ba bốn con hươu con đang ăn trái con

đang ăn lộc lộc sung lộc vả tìm chỗ ta

ngồi tình tính tình tính ngồi i ta ngồi thời bóng mát

ngồi i ngồi i i i i i i i i i.



### 3.2. Một số làn điệu/ bài hát Quan họ

Luận án sử dụng một số điệu/bài Quan họ của các tác giả Hồng Thao; Lâm Minh Đức; Xuân Mãi và tác giả luận án cũng ghi âm các nghệ nhân hát Quan họ ở Bắc Ninh.

#### 3.2.1.

##### GỌI ĐÒ

Dân ca Quan Họ Bắc Ninh  
Ký âm: Lâm Minh Đức

Gọi i ơ ơ ơ hự a dò  
không thấy i i dò i thưa này  
càng i chờ ôi hự ư  
càng đợi mấy càng trư trư em chuyển  
ư hự dò. Thuyền là thuyền ai i.  
Thuyền là thuyền ai i ơi i i thuyền  
Còn là còn không i ơi i i còn  
Nhìn là nhìn ra i ơi i i nhìn  
ai là đỗ bến i i rằng a a ru  
không mà đợi khách i i rằng a a ru  
ra ngoài bãi biển i i rằng a a ru  
hời rằng a a ru hời một con thuyền đỗ  
hời rằng a a ru hời thời đợi khách lái con  
hời rằng a a ru hời thời bãi biển một con



bến mà bên kia sông ơ tang ô là tính tang ơ  
 thuyền mà sang qua sông o tang ô là tính tang ơ  
 thuyền là mộng có mênh ơ tang ơ là tính tang ơ



tang ô là tính ơi nên em phải thời em phải nhất i  
 tang ô là tính ơi nên em phải thời em phải nhất i  
 tang ô là tính ơi nên em phải thời em phải nhất i



tâm nay a em chờ la ôi a là thì chờ  
 tâm nay a em chờ la ôi a là thì chờ  
 tâm nay a em chờ là ôi a là thì



chờ Gọi dò không i thấy i ơi



i i dò là dò thưa i i.



## 3.2.2. Em là con gái Bắc Ninh

## EM LÀ CON GÁI BẮC NINH

Người hát: Bà TẤU  
 Ngang Nội  
 Thu thanh ngày 8-2-1973

*Ngâm*

Đôi tay nâng lấy coi i trầu  
 (này) Trước i ơ mời ôi hừ quý i khách ơ mấy  
 sau ơ mời thì đôi 5 bên Em là con gái thì Bắc Ninh

*Hát*

Phong thư ơ là thư nhần ơ 3 nhận i ơ này gửi i  
 ơ ơ người này tình i ơ ơ nhân a tiếng a  
 đồn à xa Vui nay i kẻ Tấn kẻ Tấn có a người  
 Tấn a tiếng a đồn à xa vui nay i kẻ Tấn kẻ  
 Tấn có a người Tấn Gửi lên ơ là lên tỉnh i

Bắc i ơ ơ này cho i ơ ở gần

này yến i ơ ơ oanh tiếng a đồn a xa Vui

nay i ngoài phố ngoài phố có a trong a

thành a tiếng a đồn a xa vui nay i ngoài phố

ngoài phố có a trong a thành Chợ Niềm là

Niềm chợ Nhón i ơ ơ này đập i ơ ơ

điều này dong i ơ ơ chơi ở là Trai thanh

tân thì sánh mấy gái sánh i i mấy

gái có a mỹ miều ở là trai thanh tân thì sánh mấy

Bắc i ơ ơ này cho i ơ ở gần

này yến i ơ ơ oanh tiếng a đồn a xa Vui

nay i ngoài phố ngoài phố có a trong a

thành a tiếng a đồn a xa vui nay i ngoài phố

ngoài phố có a trong a thành Chợ Niềm là

Niềm chợ Nhón i ơ ơ này đập i ơ ơ

diều này dong i ơ ơ chơi ô là Trai thanh

tân thì sánh mấy gái sánh i i mấy

gái có a mỹ miều ô là trai thanh tân thì sánh mấy

gái sánh mấy gái có a mỹ

miêu Rủ nhau ơ là nhau đi chơi

hội i ơ này chùa i ơ ơ

Tiêu một ơ ơ ngày ô

là Mông ba tháng ba thì em đi chơi hội i

đi chơi hội có a Phủ Giầy ô

là mông ba tháng ba thì em đi chơi hội i

đi chơi hội có a Phủ Giầy Vui

thời là thời vui ơ vậy i ơ ơ này không i





ơ ơ tày bằng ở i ơ ơ đây ô mấy

tình . bằng thâm nay Ân tôi mong trả i ơ

nghĩa chúng tôi mong đến ấy a ấy a là mai có sau.

## 3.2.3.

## KHÁCH ĐẾN CHƠI NHÀ

Người hát: Cụ CẠNH và Cụ THUẬN  
 Lũng Sơn - Lũng Giang  
 Thu thanh ngày 11-1-1972

Mấy khi khi khách đến a đến chơi nhà là  
 rằng có mấy a khi khách đến a đến chơi  
 nhà Đốt than than quạt nước đốt than than quạt  
 nước a nước chuyên trà trà khách xơi là  
 chén ôi a Trà này ngon a lắm a đòi người  
 ơi Mỗi người là xơi mỗi chén a bổ công  
 tôi a tôi chuyên trà là tôi ôi a Mong  
 cho sông a cạn có mấy đường a

liền là tôi ơi a mong cho sông a

cạn có mấy đường a liền Kéo em là em đi

lại i a kéo tón tiên là tiên dò giang a chứ em Vào

chùa thấy a chữ vương công a vương Mùi

dầu là dầu chưa bén a để mùi hương a hương chút

nào là Sáng ơi a giảng xuống sáng a

cả có mấy vườn a đào là

sáng ơi a giảng xuống sáng a

cả có mấy vườn a đào Ba bốn người ngồi cả



## 3.2.4.

## LÊN NÚI BA VÌ

Người hát: Cụ LƯỢNG và Cụ SĨ  
Xuân Ổ  
Thu thanh ngày 28-4 -1975

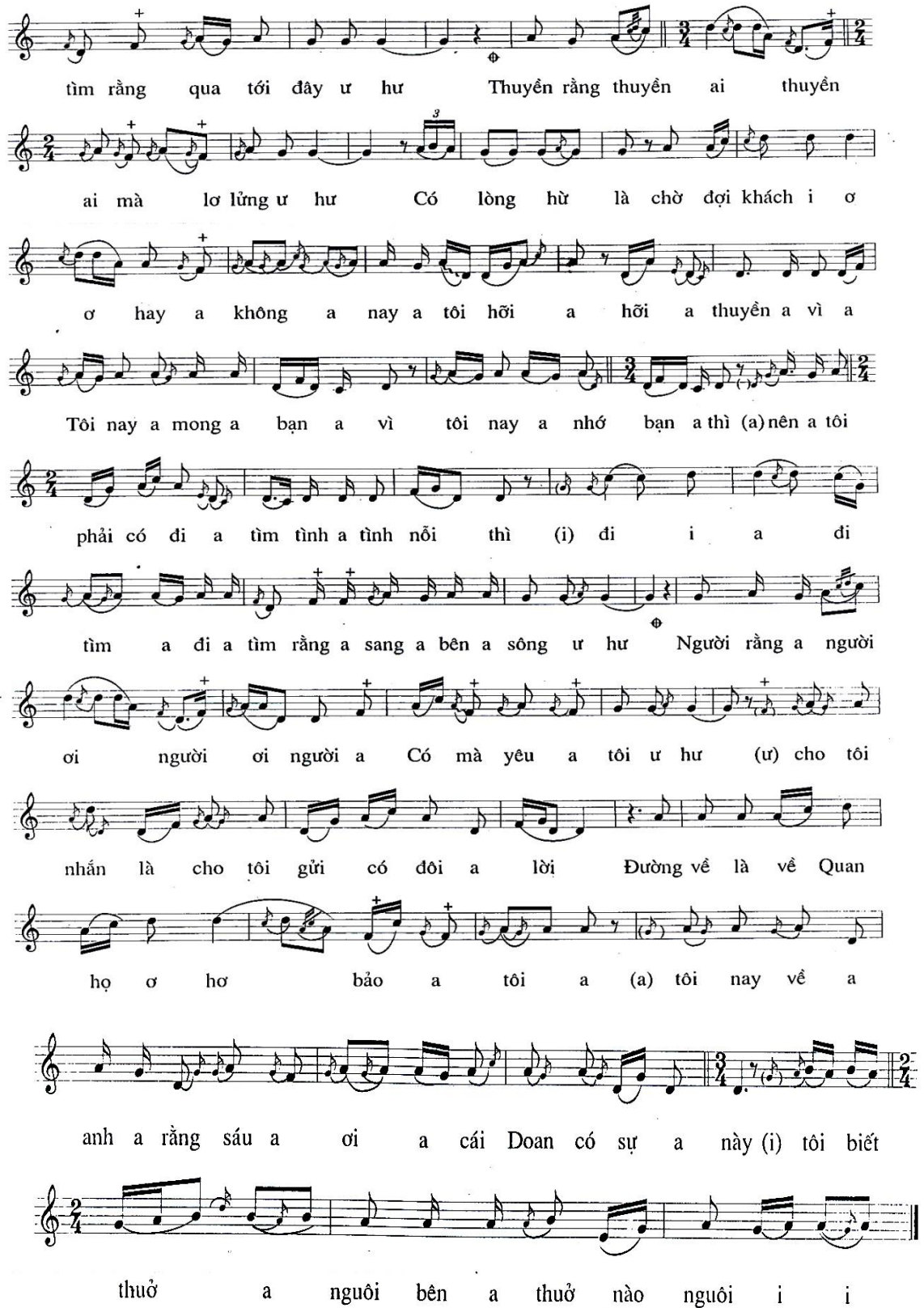
*Ngâm*

(i) Bâng khuâng ơ nhớ cảnh nhớ hừ ơ ơ  
hừ a người này Nhớ nơi ôi hừ hừ kỳ  
ơ ngộ ấy mấy vội a đời à thì (a) chân ơ ơ đi Một a mình

*Hát*

(a) lên núi Ba ơ hơ ơ hơ ơ hơ a Vì (i) Chim  
kêu hừ là vượn a hót i ơ ơ quán a chi bên a đường  
rừng ơ vì (a) Tôi nay a mong a bạn a vì tôi nay a nhớ  
bạn a thì (i) nên a tôi phải có đi a tìm a tình a tình  
nỗi a thì (i) đi i a đi tìm a đi a





tìm rằng qua tới đây ư hư Thuyền rằng thuyền ai thuyền

ai mà lơ lửng ư hư Có lòng hờ là chờ đợi khách i ơ

ơ hay a không a nay a tới hời a hời a thuyền a vì a

Tôi nay a mong a bạn a vì tôi nay a nhớ bạn a thì (a) nên a tôi

phải có đi a tìm tình a tình nổi thì (i) đi i a đi

tìm a đi a tìm rằng a sang a bên a sông ư hư Người rằng a người

oi người oi người a Có mà yêu a tôi ư hư (ư) cho tôi

nhân là cho tôi gửi có đôi a lời Đường về là về Quan

họ ơ hơ bảo a tôi a (a) tôi nay về a

anh a rằng sáu a oi a cái Doan có sự a này (i) tôi biết

thuở a người bên a thuở nào người i i

## 3.2.5.

## NAM NHI

Người hát: Cụ BẾ và Cụ TIÊU  
Đào Xá  
Thu thanh ngày 29-4-1972

*Ngâm*



(u) Nam nhi ơ đứng ơ trên hừ ơ a đời  
này Chơi hờ cho ơi hừ lờ a đất  
ơ ấy mấy long i a giới thì mới gọi là

*Hát*



trai nay ơ ai ơi a ông giới Đã sinh (i) nam ơ nữ a đời ơ  
đời này ơ ai ơi a ông giới Đã sinh (i) nam ơ nữ  
a đời ở đời Giai tài là ơ ai ơi tài gái sắc i  
a để vui chơi a chơi chốn này này ơ ai  
ơ a Rõng được gặp mây (a) lan a huệ a ngày a một

ngày này ơ ai ơi a rông được a gặp a mây

(ư) lan a huệ a ngày a một ngày

Để tôi là tôi thương nhớ a để biết

ngày a là ngày nào quên này ơ ai ơi a con đường dẫu

xa (ư) xin a chớ a ngừng a ngại

ngừng này ơ ai ơi a con đường dẫu xa xin a chớ

a ngừng à ngại ngừng Vì ai là ai lỗi suốt

a để qua rừng a la rừng a tới đây này ơ ai

ơ a Rông được gặp mây (ư) lan a huệ

a bày a sánh a bày này ơ ai ơi a rông được a gặp

mây (i) lan mới huệ a bày a sánh bày

## 3.2.6.

## ĂN Ở TRONG RỪNG

Người hát: CỤ BẾ

Yên Mẫn

Thu thanh ngày 23-9-1974

*Chậm*

Ăn ở ở trong a rừng i Ba ư bốn năm

ăn ở ở ở trong a a rừng

Chim kêu ở la có bên vượn hót lá hơi ở

hót để nửa mừng nửa lo chót sa chân hư hơi

hư Ai ơi nhờ bước ở có mấy

xuống a hư dò sông sâu ở có

bên sào ngăn ở hơi ở hư để khôn

dò khôn dò biển Đông gió đông sương hư ày hư Ai



ơ hây hâ - ầy là lúc ơ có mấy

mạn a ha thuyền là gió hiu hiu hừ ầy

hừ Ai ơi hây hây là

lúc a có mấy mạn a hừ thuyền Một

đàn nói có bên con bướm a hời ha a dập

điu dập điu vào ra chứ gió đông sương hư ời

hư Ai rằng a ai ơi a

tôi rằng a tôi a nghe i con vượn a a kia

còn là con vượn a a kia còn mà ru a

con chứ mấy Đêm đông sương a tai rằng a tôi a nghe a a con

vượn a a kia còn là con vượn a ru a a thì con ư hư.

## 3.2.7

## NGÔI TỰA SONG ĐÀO

Chậm vừa - Tình cảm - Thư thái

Ghi âm: Đặng Thị Lan

Người hát: Cù Nguyễn Thị Bàn

Ngôi rằng là ngôi tựa i i i i, có mấy song ơ

ơ i song đào là ngôi tựa i i song đào, ấy mấy đêm là ư

đêm i hôm qua. Ngôi rằng là ngôi tựa ơ

có ơ ơ mấy song ư ư ơ ơ ơ song đào, là ngôi tựa ơ ơ song

đào. Hỏi người i là người tri kỷ i i Cũng có ơ ra

vào là ra vào có thấy vấn vương hừ ư ư ơ ư.

Gió rằng là gió lạnh i i i i có mấy đêm ơ

i i đêm trường là gió lạnh suốt đêm đông trường ấy mấy

đêm là ư đêm i hôm qua. Gió rằng là gió

lạnh ơ có ơ ơ mấy đêm ư ư ơ ơ ơ đêm trường là gió



lạnh i đêm đông trường. Nửa chần ơ ơ là chần. Nửa ơ

chiều i ơ ấy có a nửa giường là nửa giường để có đợi ai

hừ ư la ơi ư. Ngắt rằng là ngắt nhụy ư i i có

ơ ơ lấy bông ơ ơ i i hoa nhài là ngắt

nhụy cánh bông hoa nhài ấy mấy đôi là đôi i tay em.

Ngắt rằng la ngắt nhụy ơ ơ ơ mấy bông ư ư

ơi ơi huê nhài là ngắt nhụy cánh bông hoa nhài. Tay i i i

giơ giơ là giơ đón gió ơ cùng có i tay người là tay

người đón gió ghẹo trăng ngày i i i i bởi tại i i ơ

Chậm lại v

Hằng hơi a à chị Hằng.

## 3.2.8.

## CÁI Ạ

Dân ca Quan Họ E

Ký âm: Xuân Mãi

Nhanh vừa

Nhất ngon la bên 3 rằng 3 là tình rằng là  
 ngoan la bên rằng là tình rằng ngồi  
 tay la bên rằng là tình rằng nâng  
 ba la bên rằng là tình rằng bé

mía i ơ qua hời là hời cái ả cái ả 3 hời a cái  
 đấy i ơ qua hời là hời cái ả cái ả hời a cái  
 lấy i ơ qua hời là hời cái ả cái ả hời a cái  
 bốn i ơ qua hời là hời cái ả cái ả hời a cái

ả có a Lan Điền nhất ngon tôi mà là mía cái  
 ả có a Rẻ hiền Dâu ngoan tôi mà ngồi đấy cái  
 ả có a đồng tiên đôi tay tôi mà nâng lấy cái  
 ả có a thể nguyên bé ba tôi mà bé bốn cái

ả có a Lan Điền ấy hừ ấy hừ thì Dâu i  
 ả có a Rẻ hiền ấy hừ ấy hừ thì ngồi i  
 ả có a đồng tiên ấy hừ ấy hừ thì bé i  
 ả có a thể nguyên ấy hừ ấy hừ thì lấy i

ngoan ấy hừ thì Dâu í ngoan. Dâu...  
 đây Rẻ hiền thì ngồi í  
 ba ấy hừ thì bé í  
 nhau thể nguyên thì lấy i

đây.

Đôi

ba.

Bé..

nhau.



## 3.2.9.

## KHI TƯƠNG PHÙNG, KHI TƯƠNG NGỘ

Người hát: Cụ TÝ

Thị Cầu

Thu thanh ngày 25-1-1972

Khi tương a phùng là khi nay a tương  
 ngộ Xuôi i lên bộ a vắng  
 vắng a tình tơ tình i Chim a a vào  
 nhà a lẫn thẩn a la canh năm canh  
 chim a vào nhà a lẫn a thẩn a la canh i năm  
 canh (i) Bên i a màn oanh i a bên i a màn  
 oanh i ngồi tựa ư giảng a thanh i a thương  
 nhớ sầu oanh thương nhớ sầu



oanh i ơ còn đương chim nhận ơ ơ

Bạn ơ ơ tình ơ ơ tôi biết đến i a bao

giờ họp mặt a la đôi sánh đôi tôi biết

đến i a bao giờ họp mặt a la đôi sánh đôi

Đôi a tình ta i a đôi a tình ta tình

đẹp ư tình i ta a a nghĩa nặng ư vào

ra Suốt a năm họa là cơn i a bển

lãi a bển lãi có Tình phụ tình i

Trước i a không phải i sau đèn nghĩa a la sinh ba

## 3.2.10.

## LÚNG LIẾNG

Ký âm: NGỌC SƠN

Vừa phải

Lúng liếng là lúng ời a liếng ời ơ  
lánh là lóng ời a lánh ời ơ

miệng i ơ người cười là cười lúng i liếng i ơ ơ  
mắt i ơ người cười là cười lóng i lánh i ơ ơ

cũng rằng có đôi i ơ là đôi i ơ đồng tiền la chứ em có a nhớ  
cũng rằng như ư sao ơ là sao ơ trên trời la chứ em có a nhớ

người là lắm i i lắm i phú lý tình là đôi người  
người là lắm i i lắm i...

ời! La chứ em có a say người là lắm i

lắm i phú lý tình là đôi người ời! Lóng

ời! Phú đi i i là đi tìm i quý i ơ

cũng rằng là bạn tiên i ơ là tiên i ơ chơi bởi là chứ em có a với

người muốn i kết i phú lý tình là kết nhân

duyên la chữ em có a với người muốn i

kết i phú lý tình là kết nhân duyên



## 3.2.11.

## CÒN DUYÊN KẺ ĐÓN NGƯỜI ĐƯA

Người hát: CỤ VỄ, CỤ TỤY  
Bồ Sơn

Thu thanh ngày 20-4-1973

Còn duyên kẻ đón a đón người đưa Hết  
 duyên là duyên đi sớm để về trưa là trưa mặc a  
 lòng a Chị hai ơi a đây còn không đây tôi  
 vẫn ư a mà còn không a chị ba ơi Đây chưa có  
 chồng tôi chưa có ai tính a tính a tính tình a tình  
 tình ư hồi hư hư hồi hư là hư hồi  
 hư. Còn duyên ngồi gốc cây thông Hết duyên là duyên ngồi  
 gốc a để cây a hồng là hồng hái hoa a Chị ba

ơi a có yêu nhau ư hừ sang chơi  
 cửa a a chơi a nhà chị tư ơi a có yêu  
 nhau ư hừ sang chơi cửa a a chơi a  
 nhà tính a tình a tính tình a tình tình ư hồi  
 hừ hừ hồi hừ là hừ hồi hừ. Còn a  
 duyên buồn nụ buồn hoa Hết duyên là duyên i ngói  
 để cây đa a đa đợi chờ Chị năm  
 ơi đừng thấy a chúng tôi lắm a bạn a mà  
 ngờ chị sáu ơi đừng thấy a chúng  
 tôi lắm a bạn a mà  
 ngờ tính a tình a tính tình a tính tình ư hồi  
 hừ hừ hồi hừ là hừ hồi hừ.

## 3.2.12. Cây trúc xinh

## CÂY TRÚC XINH

Người hát: Cụ TÂM

Ngang Nội

Thu thanh cuối năm 1964

*Tiết tấu tự do*

(ư) Đố ai quét sạch lá ừ ừ a rừng này Để ơ tôi  
oi ừ ừ khuyên ư gió ư mấy gió a a đừng rung ơ cây ừ Cây trúc

*Vào nhịp*

xinh ừ Cây trúc xinh tang tình lại cùng trúc mọc ư qua lối  
nọ như bờ ao ừ Chị hai xinh tang tình là chị hai đứng đứng nơi nào ừ qua  
lối như cũng xinh ư đứng đứng nơi nào ừ qua lối như cũng xinh.

## 3.2.13.

**Chuông vàng gác cửa tam quan**

Người hát: cụ Trần Thị Phụng ở Viêm Xá, Hoà Long

Ghi âm: Đặng Thị Lan, ngày 4-10-2017

*Trữ tình - Duyên dáng*

Chuông vàng gác i cửa i i i, này có mấy  
tam nay ơ ơ tam quan là. Đêm i ơ nằm là  
nằm song tôi tưởng đến, mà này cũng rằng\_ người ngoan. Người  
ngoan i i tôi phiền, người ơi người ở đừng về. Em về em  
vẫn i i i này có mấy khóc\_ nay ơ ơ khóc  
thầm là. Đôi i ơ bên là đôi bên vật áo. Mà này cũng có a ướt  
đầm, ướt đầm như mưa. Người ơi người ở em về. Người  
về tôi dặn i i i, này có mấy nhời này ơ ơ nhời  
này là. Sông i ơ sâu là sâu song bên chớ lội, mà này



cũng có a đồ đầy, đồ đầy người chớ qua. Người  
 ơi người ở đừng về. Em về em có i i i i, này  
 có mấy trông theo ơ ơ trông theo là. Trông i ơ  
 nước i bây giờ như nước chảy. Mà này cũng có a trông bèo, trông  
 bèo là bèo trôi. Người ơi người ở em về. Người  
 về tôi dặn i i i i, rằng có mấy người nay,  
 ơ ơ người rằng là. Đâu i ơ hơn là  
 hơn song đôi người kết. Mà này cũng có a đâu bằng, đâu  
 bằng người đợi chúng tôi. Người ơi người ở đừng về.

3.2.14.

## Đêm hôm rằm

Người hát: cụ Nguyễn Thị Bàng ở Viêm Xá, Hoà Long

Ghi âm: Đặng Thị Lan, ngày 4-10-2017

### Thong thả - Nhớ thương



Giữa tối cái đêm hôm rằm, là cái sáng i giăng ư sông.

Sáng cả cái đêm hôm rằm. Nửa đêm i tang tình về

sáng, nửa đêm lý tình về sáng, để giăng bằng là cái ngọn cây

tre là anh có yêu em. Cho chọn có mấy một a

bề a la hừ ời hừ a la hừ hời hừ. Để em tang tình chờ

đợi, để em lý tình chờ đợi, để bóng giăng là em chịu

sầu là cái bối tương tư. Một nhịp có mấy đôi ba

cầu a la hừ ời hừ a la hừ hời hừ. Bắc Nam tang tình đôi

ngả, Bắc Nam lý tình đôi ba ngả. Để chịu

sầu là cái đôi ba nơi là cái con chim khôn. Chết i

mệt có mấy về a mỗi, a la hừ ời hừ a la hừ hời

hừ. Người khôn tang tình chết mệt, người

khôn lý tình chết mệt, để mấy nhời nhời nhỏ

to là cái bến sông kia. Có lúc có mấy nhò a

đò, a la hừ ời hừ a la hừ hời hừ.

## 3.2.15.

## NHẤT QUẾ NHỊ LAN

Người hát: Cụ HỒNG  
 Ngang Nội  
 Thu thanh ngày 30-8-1974

Nhất quế i nhị lan Nhất xinh nhất xinh nhất  
 lịch i i i i i làm quan làm quan ở trong  
 triều ai chả ư a nưng i niu i i Người khôn ai chả nưng  
 niu hoa thơm Hoa thơm ai chả i i i i i chắt ừ  
 chiu chắt chiu ở trên cành là thú hữu i tình i  
 i Cho hay là thú hữu tình vì hoa Vì hoa nên phải i  
 i i i lảnh i mình lảnh mình à chứ tìm hoa rõ  
 mặt a đôi ta i i (ư) Bây giờ rõ mặt i đôi ta biết  
 đâu Biết đâu rồi nữa i i i i i chẳng ư là chẳng  
 là chiêm bao nào thấy a đâu a nào i i

## 3.2.16.

## TAY NÂNG CÔI GIÀU

Người hát: Cụ KHUÊ, Cụ LỰU

Đào Xá

Thu thanh ngày 3-3-1972

(ư) Tay a em nâng i a cái côi có đặng i ha giàu

Mắt i a em nhìn là nhìn a em a liếc a liếc a em

trông a cái côi đặng ư ha giàu Giàu a tằm ha hỏi

ha hừ là cánh i phượng a cũng a rằng a em a dâng

lên (ư) dâng ơ lên a lên em mời a ha

*Rãi nhịp*

giàu ư hừ ư hừ người ơi Ai ơi có

nhớ Người ơi nay có nhớ chẳng a chẳng a

là nhớ a chúng ơ em ơ chẳng ư hừ hừ hời hừ Ai

ơi có thầu (ơ) Người ơi nay có thầu (ơ ơ ơ)

chẳng a chẳng a là có thầu ơ tình i chẳng ư hừ hừ hời hừ

## 3.2.17.

## ĐÊM QUA NHỚ BẠN

Người hát: Cụ NGHIÊN, Cụ ĐỒNG  
Đào Xá

Thu thanh ngày 28-4-1972

(hừ) Đêm ơ ơ hôm qua thì ơ tôi nhớ bạn ơ linh ơ  
tình ơ hơ tình ơ tình a linh a tình ơ hơ tình a a tình  
a có nên a tôi phiền là phiền rằng a về ai la chứ a  
tai rằng tôi nghe i hi Tai i tôi nghe con ơ  
chim ơ hơ vàng oanh i a nó kêu a xao xác a a là  
xa xao ơ xác ơ hơ xào xạc là xào xạc a phiền  
lại a Tôi vào phòng i vãn i a tay viết có a thư  
phiền còn đương ơ hơ là đương Lấy a bút ơ hơ bút ơ



*Hát không đều nhau*

lại mà sua a nghiền a nước a mắt a la cháy đây

nghiên a a Trong có vãn a phòng i anh hai

tỏ ơ a chưa mà lòng a cho chưa ơ ơ a

anh a rằng ba ơi a trong có vãn a phòng

i anh ba tỏ ơ a chưa mà lòng ho

chưa ơ hơ (ư) Bữa com

ăn ơ hơ tôi còn i a là còn đặt ơ để ơ linh a

tính ơ hơ tình a tình a linh a tính ơ hơ tình

a a tình a có nên a tôi phiền là phiền rằng a về

ai a chứ tại rằng tôi nghe

Tai a tôi nghe cái giọt i a đồng

hồ (ư) a nó kêu a là kêu lạnh canh

cách i hơ nó giòn i à là đòn lạnh danh a dách ơ hơ phiền

lại Tôi a đánh a đàn chơi a phiếm nọ nó long mất

*Hát không đều*

rồi là phiền (ư) lại a nên có tôi a thêm

phiền là Vì ai a là ai bối a rồi a bối

rồi vì cái nổi anh năm a cái nông có nổi a

này (i) tôi biết thuở a người bên a thuở nào người i a a





cùng à vì Tôi nay a mong bạn a vì (a) tôi nay a nhớ

bạn thì nên tôi phải có đi a tìm a tình tình nỗi a thì đi i

a' đi tìm a đi tìm Công a tôi lặn a suối trèo non ư hư

## 3.2.18.

## CHIA RẼ ĐÔI NƠI

Người hát: Cù TÝ  
Thị Cầu  
Thu thanh ngày 25-1-1972

Bây giờ chia rẽ đôi nơi i.....

để Kể về a tình i chung ơ tình tình

1. chung rằng là nay người ở ...ở như khơi a khơi a mạch a

2. sầu ơ tình ơ tang tính a tính ơ tang ơ tình là chị rằng ơ hai

oi a đương vui như a thế này chúng tôi giờ ra

về liệu có nhớ đến a chúng ơ tôi chẳng có nhớ đến ơ chúng ơ tôi

không? Ruột tâm chín khúc a quặn ư đau i.....

để Lòng này a tình i chung ơ tình tình

chung rằng là ai có tỏ ...tỏ cho nhau a nhau a hỡi  
 lòng a tình a tang tính ơ tính ơ tang tình là chị rằng ơ ba  
 . ời a đương vui như a thế này chúng tôi giờ ra  
 về liệu có nhớ đến a chúng ơ tôi chẳng có nhớ đến a chúng a tôi  
 không? Bước đi một ơ bước ơ một ngừng i.....  
 để Đường về a tình i chung ơ tình tình  
 chung rằng là nay đường ấy ...ấy xem chừng là chừng xa  
 xa tình a tang tính a tính a tang tình là chị rằng ơ tư  
 ời a đương vui như a thế này chúng tôi giờ ra

về liệu có nhớ đến a chúng a tôi chẳng có nhớ đến a chúng a tôi  
 không? Vừng ô bóng đã xế tà i....  
 để Bối chung ơ hơ tình a chung ơ hơ tình tình chung ơ rằng là ông trời  
 1. tối .....tối 2. hóa ra cái nông a nổi này ừ tình a tang  
 tính a tính a tang tình là chị rằng ơ năm ơ ơi a đương  
 vui như a thế này chúng tôi giờ ra về liệu có  
 nhớ đến a chúng a tôi chẳng có nhớ đến a chúng a tôi không? Người  
 về thừa với mẹ thấy i.....  
 để Ngày ơ mai ơ hơ tình i chung ơ hơ tình tình  
 1. chung rằng là tôi mở 2. lịch ...lịch xem ngày là ngày kết  
 duyên a tình a tang tính a tính a tang tình là chị rằng ơ sáu a  
 ơi a đương vui như a thế này chúng tôi giờ ra về liệu có  
 nhớ đến a chúng a tôi chẳng có nhớ đến a chúng a tôi không?



## 3.2.19.

## CON NHỆN GIĂNG MỪNG

Người hát: Cụ HỒNG  
 Ngang Nội  
 Thu thanh ngày 30-8-1974

Người về để con ơ nó giăng i hừ mừng là giăng ư hừ  
 mừng. Đêm năm canh ba tính tình tang là tôi lướng chịu ơ  
 đôi i ba người ơi hừ la hơi hừ Đêm năm canh la tính tình  
 tang là tôi lướng chịu a lạnh lùng cả năm a chị hai giờ ra  
 về có nhớ chẳng a là đến chúng tôi chẳng? Ai đem la tính tình  
 tang là con người ngọc ơi đôi i ba người ơi hừ la hơi  
 hừ Ai đem la tính tình tang là con người ngọc thung a thăng a chốn  
 này a chị ba giờ ra về khăn i áo đây a mà chị để lại  
 đây i i Chữ nhớ thương la tính tình tang là tôi xếp để ơi  
 đôi i ba người ơi hừ la hơi hừ Chữ Nhớ  
 thương la tính tình tang là tôi xếp để a dạ này bao  
 quên a chị tư giờ ra về đến hẹn lên a thì các chị lại lên

## 3.2.20. Năm liệu bảy lo

## NĂM LIỆU BẢY LO

Người hát: Cự TỶ

Thị CẦU

Thu thanh ngày 25-1-1972

Những là năm ơ liệu i rằng i a  
 bảy i a bảy i a bảy a bảy lo a những là năm liệu bảy  
 lo i Lòng tôi a là tôi yêu a mến i  
 rằng i a đành i a đành i a đành a đành  
 lòng a đành lòng sang chơi i (i) Chị  
 hai buồn cái áo i rằng i a tôi a  
 tôi a tôi a tôi ra chị hai buồn áo tôi ra i  
 (hừ) Để tôi a là tôi đi a học ư i rằng i

a kéo a kéo a kéo a kéo đà kéo

đà học trưạ i Bao giờ chiếm a bảng i

rằg i a khôì a khôì a khôì a khôì

khoa bao giờ chiếm bảng khôì khoa i Yêu tôi a là tôi xin hãỵ

cứ i rằg i a đợì à đợì a

đợì a đợì chờ a đợì chờ vộì chi i



**PHỤ LỤC 4**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐHSP NT TW**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU KHẢO SÁT**  
**(đối với giảng viên)**

*Kính gửi: .....*

Nhằm thu thập các thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu trong luận án “*Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên ĐHSP âm nhạc*”, mong Thầy/Cô nghiên cứu những câu hỏi dưới đây của chúng tôi và trả lời bằng cách đánh dấu (X) vào ô cần thiết. Ý kiến đóng góp của Thầy/Cô sẽ giúp chúng tôi có được những thông tin bổ ích trong việc ứng dụng các phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả học hát cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

**1. Thầy/ cô thường sử dụng phương pháp nào trong dạy hát dân ca?**

- ☐ Phương pháp truyền khẩu dân gian
- ☐ Kết hợp cả hai phương pháp trên
- ☐ Phương pháp dạy học trên bản nhạc

**2. Theo thầy/cô, trong dạy hát dân ca có cần thiết sử dụng các phương tiện hiện đại hỗ trợ như băng/ đĩa tiếng, đĩa hình, công nghệ thông tin?**

- ☐ Không cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Rất cần thiết

**3. Trong dạy hát dân ca có cần thiết sử dụng phương pháp dạy học tích cực?**

- ☐ Không cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Rất cần thiết

***Xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của Thầy/Cô!***



## PHỤ LỤC 5

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐHSP NT TW

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### PHIẾU KHẢO SÁT (đối với sinh viên)

Nhằm thu thập các thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu trong luận án “*Day học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên ĐHSP âm nhạc*”, mong các bạn nghiên cứu kỹ những câu hỏi dưới đây và trả lời bằng cách đánh dấu (X) vào ô thiết thực.

Ý kiến đóng góp của các bạn sẽ giúp chúng tôi có được những thông tin để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

#### 1. Anh, chị tự đánh giá khả năng hát những kỹ thuật đặc trưng của hát Chèo?

- ☐ Có thể hát được làn điệu Chèo ở mức độ thuộc giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu của bài.
- ☐ Hát đúng về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở khi hát Chèo.
- ☐ Thể hiện được kỹ thuật hát đặc trưng của Chèo: Liền hơi, rung giọng, nảy, nhún, ngắt.

#### 2. Anh, chị tự đánh giá khả năng hát những kỹ thuật đặc trưng của hát Quan họ?

- ☐ Có thể hát được làn điệu Quan họ ở mức độ thuộc giai điệu, tiết tấu, nhịp điệu của bài.
- ☐ Hát đúng về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở khi hát Quan họ.
- ☐ Thể hiện được kỹ thuật hát đặc trưng của Quan họ: Vang, rền, nền, nảy.

#### 3. Anh chị tự đánh giá năng lực biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ?

- ☐ Biểu diễn ở mức độ đơn giản.
- ☐ Biểu diễn được theo phong cách diễn xướng của thể loại.
- ☐ Có năng lực tự học, tự hoàn thiện kỹ thuật hát và khả năng sáng tạo trong biểu diễn làn điệu Chèo và Quan họ.

**Xin cảm ơn sự cộng tác của các bạn!**

**PHỤ LỤC 6****BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TRƯỜNG ĐHSP NT TW****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****PHIẾU PHỎNG VẤN****(đối với các nghệ nhân)**


---

Nhằm thu thập các thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu trong luận án “*dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên ĐHSP âm nhạc*”, kính mong Nghệ nhân trả lời những câu hỏi dưới đây của chúng tôi. Ý kiến đóng góp của Nghệ nhân sẽ giúp chúng tôi có được những thông tin bổ ích trong việc ứng dụng các phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả học hát cho sinh viên trường ĐHSP NT TW.

1. Xin nghệ nhân cho biết những đặc trưng trong kỹ thuật hát Chèo?
2. Xin nghệ nhân cho biết những đặc trưng trong kỹ thuật hát Quan họ?
3. Xin nghệ nhân cho biết cách phát âm nhả chữ của Chèo?
4. Xin nghệ nhân cho biết cách phát âm nhả chữ của Quan họ?
5. Xin nghệ nhân cho biết về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở của Chèo?
6. Xin nghệ nhân cho biết về khẩu hình, vị trí âm thanh, hơi thở của Quan họ?

**Xin trân trọng cảm ơn sự công tác của các nghệ nhân!**

## PHỤ LỤC 7

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH BIỂU DIỄN CỦA SINH VIÊN ĐHSP ÂM NHẠC,  
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW**

[Nguồn: Tác giả chụp năm 2017 tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW]



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Còn duyên” dân ca Quan họ BN*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Còn duyên” dân ca Quan họ BN*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Ngồi tựa mạn thuyền” dân ca Quan họ BN*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Ngồi tựa mạn thuyền” dân ca Quan họ BN*





*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Mời trâu” dân ca đồng bằng Bắc bộ*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Cô Đôi thượng ngàn” Làn điệu Châu Văn*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Luyện 5 cung” Làn điệu Chèo cổ*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài hát Then - dân ca miền núi phía Bắc*





*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Vọng kim lang” dân ca Trung bộ*



*Ảnh: Sinh viên đang biểu diễn bài “Lí qua cầu” dân ca Nam bộ*

**Phụ lục 8****MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NCS ĐI ĐIỀN DÃ GẶP GỠ CÁC NGHỆ NHÂN,  
NGHỆ SĨ HÁT CHÈO VÀ QUAN HỌ**

[Nguồn: Tác giả chụp năm 2017 tại Bắc Ninh và Hà Nội]



Nghệ nhân Quan họ, Cụ Trần Thị Phụng 97 tuổi, làng Diềm, nay là làng Viêm Xá.



Nghệ nhân Quan họ, Cụ Trần Thị Phụng 97 tuổi, làng Diềm, nay là làng Viêm Xá





Cù Nguyễn Thị Bàn 92 tuổi, làng Diêm, nay là làng Viêm Xá



Nghệ nhân Quan họ, Cù Trần Thị Phụng 97 tuổi, làng Diêm, nay là làng Viêm Xá



Nghệ sĩ nhân dân Đoàn Thanh Bình 67 tuổi, nguyên giảng viên dạy hát Chèo của Khoa kịch hát dân tộc, trường ĐH Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội.





Nghệ sĩ nhân dân Ngô Thị Thanh Hoài 71 tuổi, nguyên diễn viên Đoàn Nghệ thuật Chèo TW và tham gia giảng dạy hát Chèo tại Khoa kịch hát dân tộc, trường ĐH Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội.



Nghệ nhân Đặng Thạch Lệ 70 tuổi, bố đẻ của NCS đang hát Chèo cùng gia đình.